VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học hải ngoại
tác giả & tác phẩm
lệ hằng • nguyễn văn sâm • triều hoa đại
tạ quốc tuấn
thơ mông lung hiện đại trung quốc
trần văn tích
hồn thơ
phạm thị hoài
đổi mới. những hội nghị

truyện
hoàng chính • trần doãn nho • võ đình
điệp mỹ linh • ngô nguyên dũng

thơ
phan minh khánh • nguyễn thanh châu
hồ minh dũng • nguyễn đức thanh
lâm chương • nguyễn việt thường

SỐ 119 THÁNG 3 NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 119 Tháng 3 năm 1996

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
TẠ QUỐC TUẤN	3	thơ mông lung
PHAN MINH KHÁNH	23	*nói với thời gian*
NGUYỄN THANH CHÂU	24	*chùm oán thi tứ tuyệt mới*
PHẠM THỊ HOÀI	27	đổi mới. những hội nghị
TRẦN VĂN TÍCH	39	hồn thơ
HỒ MINH DŨNG	51	*mộng*
VĂN HỌC	52	phỏng vấn lệ hằng
LỆ HẰNG	61	mượn hồn
VĂN HỌC	70	phỏng vấn nguyễn văn sâm
NGUYỄN VĂN SÂM	73	lời trù ẻo của thằng cùi
VĂN HỌC	90	phỏng vấn triều hoa đại
TRIỀU HOA ĐẠI	92	*lời từ tâm*
VÕ ĐÌNH	93	chuyện vợ chồng người đào vàng
TRẦN DOÃN NHO	102	một ngày hơi khác mọi ngày
NGUYỄN ĐỨC THANH	112	*gọi em*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	113	có chở trăng về kịp
HOÀNG CHÍNH	120	chứng tích tình yêu
LÂM CHƯƠNG	128	*uẩn khúc*
ĐIỆP MỸ LINH	129	bên giòng skagit
TRẦN VĂN NAM	143	văn học hải ngoại
TRẦN VĂN TÍCH	149	qua hay quá?
NGUYỄN HUY THẠCH	151	ghi chép
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	158	*thức suốt cùng đêm*
VĂN HỌC	159	toà soạn với bạn đọc
VĂN HỌC	160	giới thiệu sách mới

©Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996.
©Copyrighted by authors and VănHọc, 1996.

Thư Tòa Soạn

Văn Học số Xuân Bính Tý đã tạo ra nhiều dư vang tốt đẹp trong bạn đọc, đó là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Chủ biên trong những ngày xuân. Nhiều bạn đọc đã điện thoại hoặc viết thư về khen ngợi số báo, nhất là công lao biên tập của anh Thạch Hãn trong loạt bài giới thiệu sáng tác của thế hệ trẻ.

Điều đó cho chúng tôi thấy Văn Học đã kịp thời nhận thức được vai trò của giới trẻ trong sinh hoạt văn học hải ngoại những năm sắp tới, cũng như nhu cầu tạo một sự cảm thông giữa thế hệ đi trước và thế hệ đi sau. Nhiều bạn đọc thuộc phái già thú nhận rằng lâu nay mình có những thành kiến sai lầm về thế hệ con cháu mình. Ngược lại, các bạn trẻ cũng thấy dù sao, cuối cùng tâm tình của thế hệ mình cũng được thế hệ cha anh ghi nhận, thông cảm, từ đó họ hăng hái hơn trong việc tham dự vào các sinh hoạt chung của cộng đồng.

Dư âm mùa Xuân chắc chắn sẽ bàng bạc suốt năm 1996 trên Văn Học, chúng tôi vững tin như thế.

Trên Văn Học số này, Văn Học đăng tải một số bài đáng lẽ xuất hiện trên số Xuân nhưng vì số trang hạn chế đành phải gác lại. Trong những bài đó, có hai tiểu luận đặc sắc về thơ của Tạ Quốc Tuấn và Trần văn Tích. Tạ Quốc Tuấn chuyên khảo về văn học hiện đại Trung quốc, và bài biên khảo về thơ mông lung của ông sẽ soi sáng phần nào những diễn biến trong thi ca quốc nội. Trần văn Tích thì vẫn với kiến thức uyên bác bạn đọc đã thấy trên nhiều bài đã đăng trên Văn Học, lần này bàn về thơ Kiều.

Trong phần sáng tác, ngoài văn thơ của những văn hữu quen thuộc cộng tác thường xuyên với Văn Học, chúng tôi xin giới thiệu một chương trong cuốn truyện dài "Marie Sến" nhà văn Phạm thị Hoài vừa viết xong và gửi cho Văn Học (nhà xuất bản Thanh Văn sẽ xuất bản và phát hành vào giữa tháng Tư 1996). Cuốn truyện dữ dội, sâu sắc, độc đáo này sẽ gây một chấn động lớn trong giới trí thức văn nghệ trong nước, vì trình bày một cách văn chương thực trạng tha hóa của giới trí thức quốc nội, trong giai đoạn đổi đời hiện nay.

Văn Học

Thơ Mông Lung: Thi Ca Phản Kháng Hiện Đại Trung Hoa

Tạ quốc Tuấn

Từ khi Đảng Cộng sản Trung quốc nắm chính quyền ở Hoa lục (1.10.1949) thi ca Trung hoa chung số phận với các ngành hoạt động văn nghệ, xã hội, kinh tế, chính trị, v.v..., đã chịu sự kiểm soát chặt chẽ của đảng. Các thi nhân không còn được tự do diễn tả cảm xúc, ý nghĩ, tư tưởng của mình như trước. Sự kiểm soát của đảng rất khắc nghiệt và còn bóp nghẹt hơn cả thời kỳ quân chủ chuyên chế hay ngoại tộc cai trị. Các thi nhân chỉ được phép nói theo đúng kế hoạch, đường lối, chính sách do đảng đề ra. Hễ ai không tuân theo đều bị trừng phạt, nhẹ thì bị cảnh cáo, vừa vừa thì tác phẩm bị cấm đăng hay xuất bản một thời gian, còn nặng thì bị cấm vĩnh viễn, còn bản thân thì bị tù đầy, bị đuổi đi lao động nơi xa hay lam sơn chướng khí (hạ phóng), không có việc làm, v.v... Trong khi đó, chính sách văn nghệ của đảng luôn luôn thay đổi, thi nhân khó thích ứng kịp, chứ đừng nói là theo nổi. Thành ra một thi sĩ hôm nay có thể là thi sĩ của chế độ, được ca tụng hết mình, mà ngày mai lại biến thành kẻ phản cách mạng, kẻ hữu khuynh, bị nguyền rủa thậm tệ.

Các thi nhân không còn là những nhà sáng tác mà chỉ là những văn-nghệ-công-tác-giả. Thơ của họ phải theo đúng khuôn mẫu do đảng đề xướng, phải ca tụng, cổ xúy những gì hay những người đảng muốn ca tụng, cổ xúy, và phải chỉ trích, phê bình hay kết tội những người, những việc đảng muốn chỉ trích, phê bình, kết tội. Những con người được đảng ca tụng đều là những con người "siêu siêu" (siêu đẳng, siêu phàm, siêu quần, siêu nhân) hay, nói cho đúng hơn, những phi nhân, những con người được thổi phồng, được đẽo nặn, do những bàn tay tuân hành lệnh đảng tạo nên, rồi được đảng cho khua chuông gõ mõ rao giảng khắp nước. Đó là những con người từ lời nói, suy tưởng đến hành động đều dập đúng khuôn

mẫu của đảng, suy tôn đảng, chịu sự chỉ huy của đảng và chỉ biết có đảng không thôi, không đếm xỉa gì đến bản thân, gia đình, quốc gia, dân tộc. Nói tóm lại, đó là những con người không có thực. Vì thế đại đa số các thi phẩm chính thức[1] được sản xuất[2] ở Hoa lục dưới chế độ Cộng sản đều khô khan, máy móc, đầy qui thức, đọc lên không chút rung cảm, thoạt nghe đã có thể biết toàn bài nói những gì rồi. Chúng còn tệ hơn những bài vè tồi nhất.

I. Sự xuất hiện của mông lung thi

Năm 1966 một biến cố rất quan trọng đã xảy ra ở Hoa lục có ảnh hưởng sâu rộng và tai hại. Đó là cuộc Vô sản Giai cấp Văn hóa Đại Cách mạng (1966 1976), thường gọi tắt là Văn cách, do Mao Trạch đông phát động với sự hiệp lực của các thủ hạ, nhất là Lâm Bưu, và đám Hồng Vệ binh, nhằm thanh trừng những kẻ dám chống đối đảng, và nhất là những ai bị họ Mao nghi ngờ đe dọa ngôi vị độc tôn của ông. Nạn nhân của Văn cách gồm đủ mọi tầng lớp nhân dân Trung hoa. Ngay cả các đảng viên kỳ cựu, trung kiên, cũng như các lãnh tụ cao cấp của đảng cũng không được tha. Hàng triệu người bị giết hay đày ải, hàng ngàn di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo bị đập tan. Tình trạng này kéo dài cho tới năm 1976.

Năm đó Thủ tướng Trung cộng Châu Ân lai qua đời. Nhân dịp này, một cuộc biểu tình vĩ đại của quần chúng đã được tổ chức ở Thiên an Môn (Bắc kinh) ngày 5.4.1976 để phản đối chế độ độc tài của Mao Trạch đông và Tứ nhân Bang. Tuy cuộc biểu tình đã bị dẹp tan ngay nhưng nó cũng được coi là mầm mống của phong trào đòi dân chủ hiện tại ở Hoa lục và mở đường cho biến cố đẫm máu Thiên an Môn 1989. Đồng thời, thanh niên, trí thức, kể cả thi sĩ, cũng nổi lên đòi thực hiện dân chủ.

Tuy nhiên phải đợi sau khi Mao Trạch đông chết và nhóm Tứ nhân Bang bị lật đổ mũi dùi chỉ trích mới tăng độ mạnh. Mới đầu chính quyền đương thời nới tay trong việc kiểm soát nhân dân, khiến người ta hy vọng có một sự cởi mở lớn. Đó là thời kỳ có thể gọi là "trăm hoa đua nở" thứ hai(3), kéo dài từ 1976 đến 1980, với cao điểm là ngày 5.3.1978 khi chính sách được chính thức hóa trong Hiến pháp. Mặt khác, đại hội lần 3 của Trung ương Đảng bộ thứ 11 cũng công bố một bản tuyên cáo hô hào "giải phóng tư tưởng" và đi tìm chân lý bằng các sự thật. Sau đó các nhà trí thức bị đày ải trong thời Văn cách được nghênh đón trở lại hàng ngũ giai cấp công nhân.

Chính sách cởi mở này mới đầu được áp dụng trong việc đả kích Lâm Bưu và Tứ nhân Bang. Một số văn phẩm được ra mắt nhằm phơi bày tội lỗi của Lân Bưu và Tứ nhân Bang. Tuy trong bài giảng ở tọa đàm hội

văn nghệ tại Diên an tháng 5 năm 1942 mệnh danh là Tại Diên an Văn nghệ Tọa đàm Hội Thượng Đích Giảng thoại (gọi tắt là Bài Giảng ở Tọa đàm Diên an) Mao Trạch đông đã cấm không cho phơi bày mặt trái đen tối, xấu xa của xã hội trong xã hội chủ nghĩa, nhưng việc chỉ trích Lâm Bưu và Tứ nhân Bang lại được làm ngơ, nếu không phải là được khuyến khích, vì nó phù hợp với chính sách của Đảng Cộng sản Trung quốc. Thời kỳ đó là thời kỳ diệt trừ bọn tả phái quá khích của nhóm Tứ nhân Bang.

Kết quả của chính sách nới tay này là sự xuất hiện một phong trào văn học chuyên phê bình, chỉ trích các vấn đề xã hội, mở đầu cho một giai đoạn mới của văn học hiện đại Trung hoa ở Hoa lục. Mũi dùi của phong trào này chĩa vào hai đối tượng. Đối tượng thứ nhất là chế độ chính trị độc tài cùng là ý thức hệ chuyên chế, và đối tượng thứ hai là sự sa đọa về đạo đức, sự thoái hóa về văn hóa và sự suy đồi về tinh thần của quốc gia dân tộc. Sau cơn đại ác mộng Văn cách, các nhà văn học của phong trào mới này cố vạch ra sự liên hệ giữa tai họa Văn cách và cá tính quốc gia. Do đó nền văn học phản kháng mới này có thể nói là đã chia làm hai nhóm, căn cứ vào các mục tiêu của các tác phẩm thuộc phong trào.

Văn học thuộc nhóm thứ nhất nhấn mạnh vào phản ứng của đại chúng đối với một hoàn cảnh chính trị đặc biệt. Tác phẩm đầu tiên là tiểu thuyết mang nhan đề Ban Chủ Nhiệm (Thầy Giáo Trưởng Lớp) của Lưu Tâm vũ (ra mắt tháng 11/1977) nói về một thiếu niên phạm tội xuất hiện để làm việc cho một đoàn viên Liên đoàn Thanh niên Cộng sản cố chấp, hủ bại. Tuy nhiên, truyện nổi bật nhất là truyện Thương Ngân (Vết Thương) của Lô Tân hoa (ra mắt tháng 8/1978) nói về một thiếu nữ đã hối hận là quá tin tưởng vào Tứ nhân Bang trong lúc bọn này lại chụp mũ mẹ cô là tên phản quốc. Chính tên truyện này về sau đã được dùng để gọi loại văn học nhóm thứ nhất là "thương ngân văn học" vì các tác phẩm thuộc nhóm này đứng trên bình diện chính trị miêu tả những "vết thương" của một con người bình thường do những đau khổ về thể chất cũng như tinh thần mà người đó đã phải chịu đựng trong thời gian hỗn loạn của cuộc Văn cách. Các tác giả thuộc loại văn học mày toàn là những người trẻ tuổi, tiêu biểu cho một thế hệ đã thối chí và tuyệt vọng khi thấy Trung quốc đã mất định hướng xã hội và tinh thần do cuộc Văn cách gây ra.

Điều đáng nói là tuy truyện Ban Chủ Nhiệm xuất hiện trước truyện Thương Ngân nhưng vì tác giả vốn từ lâu đã là văn sĩ nổi tiếng phục vụ đắc lực chính sách của Đảng Cộng sản Trung quốc nên mặc dù truyện đã vạch ra cái xấu xa của đảng nhưng không được tán thành để gây nên phong trào văn học thương ngân như truyện Thương Ngân.

Văn học thuộc nhóm thứ hai đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu tường tận cá tính của dân tộc bắt nguồn từ lịch sử và văn hóa Trung hoa. Các tác phẩm của nhóm hướng về mặt lịch sử và văn hóa cho rằng con người bình thường Trung hoa có thể là không được lành mạnh và sự đau khổ mà người đó chịu đựng là kết quả tất nhiên, không sao tránh được, của một cái gì sâu kín hơn trong con người, một bất toàn hay một sai lầm tiên thiên.

Điểm đáng chú ý là các tác phẩm văn học thuộc nhóm thứ nhất được đăng tải trong các báo chí và tập san chính thức. Trái lại, các tác phẩm của nhóm thứ hai chỉ xuất hiện trong các báo không thính thức thôi. Một trong những tờ báo không chính thức đó là tờ Kim thiên (Ngày Nay). Tờ báo này chủ trương văn học phải được độc lập, không thể bị bất cứ lực lượng chính trị nào kiểm soát, khống chế.

Mặt khác, các văn thi sĩ trẻ đã được sự tiếp tay mạnh mẽ hơn khi hàng vạn nhà trí thức bị đầy đi các trại lao động cải tạo vì bị gán ghép tội là những kẻ hữu khuynh trong vụ Phản Hữu khuynh Vận động năm 1957 đã được phục hồi và được phép trở về thành phố. Họ và con cháu họ đã hăng hái tham gia các hoạt động văn học thương ngân. Hơn nữa, do ảnh hưởng của các hoạt động này, từ năm 1979 báo chí bắt đầu bàn đến các vấn đề xã hội, kinh tế, như nghèo đói, hành khất, ý thức hệ đọa lạc, kể cả việc báo chí chuyên nói dối.

Song song với các hoạt động này là việc chính quyền cho mở ngỏ cửa để người ở thế giới bên ngoài có thể vào Hoa lục. Các cuộc tiếp xúc giữa người Trung hoa và người ngoại quốc do đó gia tăng nhanh chóng. Cùng với sự tiếp xúc này là sự làm quen với văn học Tây phương qua các dịch phẩm bằng Hoa ngữ và nhất là việc truyền hình cuộc sống ở các nước Tây phương đã mở mắt cho người Trung hoa thấy rõ Tây phương đã tiến bộ như thế nào. Kết quả là người Trung hoa, đặc biệt là giới trẻ, đã thấy Trung quốc quá lạc hậu, chẳng những là về kinh tế, về kỹ thuật mà còn cả ngay về văn học mà xưa nay họ vẫn hãnh diện.

Chính sách trăm hoa đua nở lên đến cực điểm trong đại hội toàn quốc các văn nghệ sĩ Trung hoa lần thứ tư họp vào tháng 10 và 11 năm 1979. Tại đây một đợt sóng văn học mới được tung ra nhằm phơi bày những thối nát hủ bại, những hành vi tàn ác và phi pháp của các lãnh tụ cũng như cán bộ Đảng Cộng sản Trung quốc.

Vì thế, ngay từ đầu năm 1979 nhà nước Cộng sản đã bắt đầu ra tay đàn áp. Bức Tường Dân chủ ở Bắc kinh bị đập tan, các người phản đối nhà cầm quyền bị bắt, đáng kể nhất là Ngụy Cảnh sinh. Đầu năm 1980 Đặng Tiểu bình kêu gọi củng cố ban lãnh đạo đảng và tuyên bố xóa bỏ bốn tự

do tư tưởng nêu trong hiến pháp. Từ mùa thu 1980 nhiều báo không chính thức bị đóng cửa và đến mùa xuân 1981 thì không còn tờ nào ra được nữa. Ngoài ra, các văn thi sĩ trong các nhóm phản kháng bắt đầu là mục tiêu chỉ trích. Mặt khác, đảng cũng phát động chiến dịch bảo trợ và giúp đỡ các văn thi sĩ cung đình[4], cho xuất bản các tác phẩm nào ca tụng các anh hùng có khả năng thực hiện các chính sách, nhất là chính sách Tứ Hiện đại hóa của Đặng Tiểu bình, tổ chức các giải thưởng văn học, đề cao các "truyện một phút", v.v... Đến đây chính sách trăm hoa đua nở thứ hai bị chấm dứt hẳn.

Đứng về phương diện thi ca, tuy đa số các thi sĩ ở Hoa lục vẫn chịu khuất phục sự chỉ huy của đảng, nhưng cũng có một số thi sĩ trẻ tuổi, tuy ít, đã giữ được những đặc tính, những chức năng của thi nhân thuần túy. Thơ của họ đã biểu lộ nhiều cải cách, đã dám đi ngược lại đường lối và chính sách của Đảng Cộng sản Trung quốc, dám chỉ trích phê bình đảng, dù chỉ là ngấm ngầm và gián tiếp. Một số không nhỏ những thi nhân này đã thành công. Lời thơ của họ đã được nhiều người nghe theo, các thi phẩm của họ đã được lén lút truyền tay nhau đọc. Một số vì sự thành công quá lớn đã khiến Hiệp hội Các Nhà Văn Trung quốc (Trung quốc Tác gia Hiệp hội) do đảng chỉ huy phải chấp nhận cho làm hội viên.

Nhiều bài thơ của họ đã gây ra những cuộc tranh luận rất kịch liệt, nhất là trong bốn năm 1980 1984. Các phê bình gia nhà nước và nhiều thi sĩ cung đình đã gọi thơ của họ là mông lung thi (thơ tối tăm), hay đôi khi còn gọi là cổ quái thi (thơ quái gở). Có nhiều người cho rằng những bài thơ này đã thể hiện được các nguyên tắc mỹ học mới, nhưng cũng có không ít người coi chúng chỉ là những bài thơ phản xã hội chủ nghĩa, đã đi sai đường lạc lối, không theo đúng chương trình Tứ Hiện đại hóa, v.v... Tất cả các tạp chí thi ca lớn ở Hoa lục như *Thi san, Tình tình, Thi Thám tác*, cũng như một số báo quốc gia có ảnh hưởng lớn như *Văn hối Báo, Văn nghệ Báo*, và một vài tạp chí địa phương quan trọng khác như *Thượng hải Văn học, An huy Văn học, Áp lục Giang*, v.v..., đều tham dự vào các cuộc tranh luận này.

Mở đầu cho dòng thơ mông lung là bài thơ nhan đề "Cảm Giác" của Cỏ Thành (1956-1993) do tờ *Thi san* đăng năm 1980.

Thiên thị hôi sắc đích,
Lô thị hôi sắc đích,
Lâu thị hôi sắc đích,
Vũ thị hôi sắc đích.
Tại nhất phiến tử hôi chi trung
Tẩu quá lưỡng cá hài tử.

Nhất cá tiên hồng,
Nhất cá đạm lục.

(Trời xám xịt,
Đường xám xịt,
Nhà xám xịt,
Mưa xám xịt.
Từ trong bức màn xám xịt
Hai đứa trẻ bước ra:
Một đứa đỏ tươi,
Một đứa xanh nhạt.)

Nhiều người đã phê bình bài thơ này là "mông lung", nghĩa là tối tăm, mù mịt, khó hiểu. Chính thân phụ của Cố Thành là Cố Công, một thi sĩ cung đình, cũng phải kêu là ông không sao hiểu nổi nó.

Từ đó bắt đầu xuất hiện đám mây "mông lung thi" trên thi đàn Hoa lục. Mông lung thi là loại thơ chứa đựng những lời nói bóng gió, úp úp mở mở, kỳ quái, khiến người đọc thấy bối rối, lúng túng, băn khoăn. Có người cho rằng loại thơ mông lung khởi nguyên từ *Thiên An Môn Tuyển Tập*, phát hành dịp có cuộc biểu tình vĩ đại của quần chúng ở Thiên an Môn ngày 5.4.1976 nói trên. Tuy cuộc biểu tình đã bị dẹp tan ngay nhưng tuyển tập này vẫn được lén lút cất dấu và truyền tay nhau đọc.

Nếu nhìn từ khía cạnh hiện thực xã hội chủ nghĩa và tu từ học của Đảng Cộng sản Trung quốc thì mông lung thi là loại thơ nhằm chỉ trích chế độ độc tài của đảng, dù là chỉ trích một cách tránh né. Nhận xét này càng rõ hơn nếu chúng ta đọc đoạn sau trích trong một bản tuyên ngôn đăng trong tờ *Kim thiên* phát hành năm 1979. Bản tuyên ngôn này vạch rõ những nét chính của thi phái mông lung:

> "Người ta thưởng thức những vẻ đẹp muôn màu, những hình nét phong phú bất tận của thiên nhiên. Người ta không đòi là hoa hồng phải có mùi như hoa tím, nhưng liệu cái phong phú nhất trong vạn vật, nghĩa là tinh khí, chỉ có một hình thức chăng? Tính tôi hoạt kê nhưng luật buộc tôi phải viết một cách nghiêm trang. Tôi thích liều lĩnh táo bạo nhưng luật ra lệnh cho tôi phải viết với một văn thể khiêm nhượng. Chỉ có màu xám, mọi màu xám, là cái màu độc nhất và hợp lý của tự do. Mỗi giọt sương mà mặt trời chiếu xuống long lanh tiết ra màu sắc bất tận. Tuy nhiên mặt trời tinh thần vẫn chỉ sản xuất ra được độc một màu sắc chính thức! Hình thức cần yếu nhất của tinh thần là sự vui vẻ, nhẹ nhàng, nhưng người ta lại coi bóng tối là biểu hiệu duy nhất

của tinh thần. Người ta chỉ có thể dùng màu đen bạo lực tinh thần, nhưng trong đám những bông hoa không có bông nào màu đen cả."

Đem áp dụng vào bài thơ của Cố Thành chúng ta sẽ thấy ngay là, qua những hình ảnh và màu sắc phô diễn trong bài thơ, Cố Thành quả thực đã nhằm phê bình chế độ Cộng sản đang cai trị Hoa lục từ năm 1949 đến nay.

Toàn bài thơ mang một màu sắc u ám, ảm đạm và buồn thảm nhất là màu xám xịt: trời xám, đường xám, nhà xám và mưa xám. Tuy thi sĩ đã thêm một chút màu tươi mát, xanh và đỏ, nhưng vẫn không đủ để làm giảm bớt cái u buồn của màu sắc chính. Màu xám ở đây ngụ ý chỉ tương lai ảm đạm, đen tối, mù mịt của người Trung hoa sau cuộc Văn cách. Trong mười năm trời hoành hoành khắp Hoa lục không gì kìm chế, cuộc cách mệnh này là biến cố đẫm máu nhất trong lịch sử hiện đại Trung quốc. Nó tàn bạo và quá khích. Người dân Trung hoa sống trong lo sợ đến cùng cực, sống ngày nào chỉ biết đến ngày đó thôi, không ai biết chắc mình ngày mai sẽ ra sao, nay anh hùng dân tộc nhưng mai trở thành tên phản quốc, tùy theo hứng của đảng, hay nói cho đúng hơn là hứng của họ Mao và thủ hạ. Quả thực một bức màn xám xịt (người bên ngoài Hoa lục đã gọi là Bức Màn Tre) đã quấn chặt lấy họ. Nhìn trước nhìn sau, ngó phải ngó trái, ngửng lên cúi xuống, đâu đâu cũng chỉ thấy một màu tang tóc, một cảnh ảm đạm thê lương, nghèo khổ, đau buồn: trời xám, đất xám, vạn vật xám, vũ trụ xám, thiên nhiên xám.

Đây đúng là lời chỉ trích chế độ Cộng sản Trung hoa đã gieo biết bao nhiêu tai họa, tang thương lên đầu dân lành. Tuy nhiên, qua bài thơ này Cố Thành cũng chỉ dám phê bình nhè nhẹ thôi, không dám nói gì quá đáng. Thi sĩ cũng hiểu rằng dưới sự kìm kẹp của chế độ Cộng sản ngay cả một bài tình thi giản dị vẫn có thể bị các cán bộ phê bình của nhà nước coi là một hình thức biểu lộ chủ nghĩa cá nhân và phản xã hội chủ nghĩa như thường mà kết quả sẽ là những đại bất hạnh cho tác giả.

Cũng vì vậy, sau khi chỉ trích chế độ xong, Cố Thành lại phải tìm cách xoa dịu bằng cách cho rằng người ta không đến nỗi hoàn toàn tuyệt vọng hẳn. Từ trong bức màn xám xịt vây quanh vũ trụ và con người đó đã bắt đầu ló ra tia hy vọng qua hình ảnh hai đứa trẻ (tượng trưng tương lai, thế hệ sắp tới) ăn mặc màu tươi mát: đứa xanh tươi (ngụ ý chỉ hy vọng) và đứa đỏ tươi (tiêu biểu cho sinh khí hay sức sống mãnh liệt). Nói cách khác, Cố Thành cho rằng tương lai của Trung quốc sẽ tốt đẹp hơn nhiều khi thế hệ trẻ phá tan được màng lưới độc tài tàn bạo do các bạo chúa như Mao Trạch đông và đồng bọn bao vây họ, như hai đứa trẻ xanh đỏ phá

được bức màn xám xịt bước ra.

II. Tạp chí *Kim thiên*[5]

Cơ quan truyền bá thơ mông lung là tờ báo văn nghệ *Kim thiên*. Như đã nói bên trên, đây là tờ báo văn nghệ không chính thức đầu tiên đã được phổ biến ở Hoa lục kể từ sau vụ Trăm Hoa Đua Nở năm 1956 1957. Tuy báo ra đời năm 1978 nhưng chủ trương của báo đã được thành hình từ năm 1969. Thực vậy, cuối năm 1968, trong khi phong trào Văn cách đang sôi động, chính quyền Trung cộng bắt đầu đuổi hầu hết sinh viên tỉnh thành về miền quê trong chiến dịch hạ phóng, vừa vì mục đích chính trị vừa để làm giảm bớt áp lực dân số ở các vùng tỉnh thành. Vì thế năm 1969 một số học sinh trung học ở Bắc kinh bị chuyển tới Bạch dương điến Hồ, một nông thôn tỉnh Hà bắc, để lao động trong một đội sản xuất. Phần lớn cha mẹ họ đều thuộc thành phần trí thức, nhất là giáo sư, văn sĩ, thi sĩ, v.v... Chỉ có vài người thuộc giai cấp công nhân thôi.

Họ chẳng biết tí gì về công việc đồng áng mà lại hầu như chưa bao giờ tiếp xúc với các nông dân. Lần đầu tiên trong đời, các học sinh này được chứng kiến tận mắt sự lạc hậu của thôn quê Trung hoa và người dân quê thì vẫn còn ngu muội như trước, dù họ đã sống trong xã hội Cộng sản tới 30 năm rồi. Dưới chế độ vô sản chuyên chính, nông dân bị tước đoạt hết mọi quyền căn bản mà trước đây nhóm học sinh này chưa hề nghĩ tới, chẳng những là quyền nói lên những ý nghĩ của mình về các chính sách của nhà nước và các lãnh tụ trong đảng cũng như trong chính phủ mà còn ngay cả quyền lựa chọn hạt giống trồng trọt cũng bị mất luôn nữa.

Cũng như biết bao nhiêu sinh viên học sinh khác trong toàn quốc, nhóm Bạch dương điến Hồ này phải sống tự túc trong một khu đặc biệt của đội sản xuất. Có điều khác những đội viên khác, sau ngày làm công việc đồng áng, trong lúc rảnh rỗi, họ có thể theo đuổi các hoạt động văn nghệ được.

Phần lớn các tác phẩm của họ là thơ. Vì ở đây họ không có cơ hội in các thi phẩm của mình nên chỉ có cách chép tay truyền nhau đọc. Nhóm của họ sau này được gọi là Bạch dương điến Thi xã và gồm một vài cây bút chính cùng một số độc giả thường xuyên (gọi là ngoại vi) vốn là bạn bè thân hữu và những người có cảm tình với họ. Mấy năm sau các thi sĩ này được phép trở về Bắc kinh làm việc trong các công xưởng. Tuy nhiên họ không hề ngừng sáng tác.

Lợi dụng việc nới lỏng chế độ kiểm soát, khoảng tháng 10/1976, Triệu Chấn khai [6], Mang Khắc và một số người nữa hội họp nhau tại nhà của Hoàng Duệ (sau này giữ chức biên tập viên nghệ thuật của báo Kim

thiên) để ra một tờ báo không chính thức mang tên là *Kim thiên*[4]. Số đầu tiên phát hành ngày 23.12.1978 dưới hình thức đại tự báo dán trên tường trụ sở Bộ Văn hóa ở Bắc kinh, trên cổng tòa sạn *Thi san*, một tạp chí chính thức, và trên Bức Tường Dân chủ. Số báo này đã gây ra chấn động lớn trong toàn thành phố. Tuy nhiên, báo không sống được lâu. Số 2 và 3 ra năm 1979, số 4 ra tháng 6/1979, số 5 tháng 8/1979, số 6 tháng 11/1979, số 7 tháng 1/1980, số 8 và 9 ra năm 1980. Mỗi lần chỉ in hơn 1000 bản. Sau đó báo đổi hình thức và mang tên là *Kim thiên Văn học Nghiên cứu hội Nội bộ Tham khảo Tư liệu* (Tài liệu Tham khảo Nội bộ của Hội Nghiên cứu Văn học Ngày Nay), ra được ba số: số 1 tháng 10/1980, số 2 năm 1980 và số 3 năm 1981[7]. Trong 9 số phát hành báo *Kim thiên* đã đăng tất cả là 87 bài thơ, 28 đoản thiên tiểu thuyết và 1 trung thiên tiểu thuyết. Ngoài ra, báo còn đăng vài bài phê bình văn học, giới thiệu văn học ngoại quốc, v.v... Chính các bài thơ đăng trong báo đã bị chỉ trích gay gắt là mông lung, còn tiểu thuyết không bị phê bình.

Một số thi sĩ trong nhóm Bạch dương điến Thi xã như Triệu Chấn khai, Mang khắc đã gia nhập nhóm làm báo *Kim thiên*, còn một số khác không gia nhập vì bất đồng ý kiến về các vấn đề như tương quan giữa chính trị và văn học, v.v... Ngoài ra, còn có một số người ngoài, khoảng 30 người, cũng tham dự những hoạt động hàng ngày của *Kim thiên*. Nhóm ngoại vi của báo gồm một số thanh niên nam nữ, hầu hết là sinh viên đại học, thích thú với chủ trương văn nghệ của tờ báo. Họ đôi khi cũng tham gia các hoạt động của *Kim thiên*.

Bộ biên tập thường xuyên làm việc tại nhà một công nhân trẻ tuổi ở Bắc kinh. Mỗi tuần họ tổ chức một buổi hội thảo. Các bài văn chương gửi tới được đọc to lên và sau đó mọi người thảo luận để lựa chọn những bài nào đăng được. Nếu tác giả có mặt thì chính tác giả đọc bài của mình rồi xin mọi người phê bình. Nếu có ý kiến khác nhau về một bài nên hay không nên đăng thì mọi người bỏ phiếu. Ưu tiên dành cho các bài có giá trị nghệ thuật và áp dụng kỹ thuật văn học Tây phương hơn là chính kiến.

Sau khi bài được chọn đăng, các biên tập viên đánh bài vào giấy stencils quay ronéo. Họ dùng lậu máy đánh chữ (bằng Hoa ngữ) và máy quay ronéo của một đơn vị quốc doanh. Việc dùng lậu này có thể thực hiện được là vì các tài sản quốc gia được kiểm soát rất lỏng lẻo. Báo in xong được mọi người trong bộ biên tập và một số người ủng hộ đóng thành tập rồi mang đi bán. Giá bán khá cao, mỗi cuốn từ 50 đến 80 xu, gần gấp rưỡi giá bán của báo chính thức. Sở dĩ báo đắt như vậy là vì các sở phí quá lớn. Đó cũng là lý do báo không chính thức ít khi bán được nhiều.

Ngoài việc ra báo, bộ biên tập còn cho xuất bản một số thi tập và tuyển tập truyện ngắn của họ. Hơn nữa, họ đã hai lần tổ chức bình thơ công cộng ở công viên thành phố, một việc chưa từng thấy từ khi Đảng Cộng sản Trung quốc nắm chính quyền ở Hoa lục.

Mặc dù nhóm Kim thiên đã tuyên bố nhóm chỉ là một tổ chức theo đuổi nghệ thuật thuần túy nhưng nhóm cũng không sao thoát được những bách hại chính trị. Mùa Xuân 1980, nhà cầm quyền Cộng sản, nại cớ phải dẹp bỏ các chướng ngại cho việc ổn định và đoàn kết quốc gia, đã cấm một vài tổ chức chính trị, như bộ biên tập của báo *Bắc kinh Chi Xuân* và *Tứ Ngũ Diễn đàn*. Tuy vậy nhóm *Kim Thiên* không hề nghĩ rằng chính phủ lại bận tâm tới một tổ chức nhỏ nhoi của thanh niên nên không đề phòng gì cả. Tháng 8/1980, sở công an ra lệnh cho báo *Kim thiên* phải ngưng xuất bản vì cớ báo không hề đăng ký. Điều khôi hài là ở Hoa lục lại không có cơ quan nào để cho các báo không chính thức đăng ký. Do đó bộ biên tập đã đi vận động trong mọi giới. Trong "Thư Ngỏ Gửi Nhân dân Bắc kinh Thuộc Mọi Tầng Lớp," in dưới hình thức truyền đơn, họ bác lý do báo bị đóng cửa vì không chịu đăng ký. Họ nói là "Chúng tôi không cố ý chống đối pháp luật, mà chỉ vì không có một đạo luật nào cho việc đăng ký báo không chính thức để chúng tôi tuân theo." Tuy nhiên, vì áp lực chính trị rất nặng và vì bầu không khí chung lúc bấy giờ, lời kêu gọi của họ không được ai đáp ứng hay ủng hộ.

Bộ biên tập bèn quyết định tiếp tục hoạt động dưới hình thức khác. Ngày 2.11.1980 họ thành lập một tổ chức khác mang tên là Kim thiên Văn học Nghiên cứu hội do Trần Mai bình, lúc đó là sinh viên Đại học Sư phạm Bắc kinh, làm chủ tịch. Hội có 33 hội viên. Hội ấn hành bản *Kim thiên Văn học Nghiên cứu hội Nội bộ Tham khảo Tư liệu*. Tuy nhiên mới ra được 3 số thì *Kim thiên* lại bị áp lực chính trị nặng nề, cộng với những khó khăn về tài chính và sự bất đồng ý kiến giữa một số hội viên, nên cuối cùng hội cũng ngưng hoạt động luôn.

Mặc dù có nhiều thi sĩ đã góp bài trong báo *Kim thiên*, nhưng chỉ có sáu thi sĩ đã đóng góp nhiều nhất, hoạt động hăng hái nhất và có ảnh hưởng nhiều nhất là Bắc Đảo, Mang Khắc, nữ thi sĩ Thư Đình (s. 1953), Giang Hà (s. 1949), Cố Thành và Dương Luyện (s. 1955). Còn các người kia như Cao Phát lâm, Kỷ Hiểu vũ, Lương Tiểu bân, Lý Cương, Ngô Lục quân, Tạ Di thành, Trần Sở cự, Từ Kính á và Vương Tiểu ni (nữ) dù thơ của họ cũng bị các phê bình gia nhà nước và thi sĩ cung đình xếp loại thơ mông lung nhưng vai trò của họ và ảnh hưởng thơ của họ không lớn bằng sáu người kia. Trong tất cả những thi sĩ này, người được bàn cãi, và chỉ trích, nhiều nhất là Cố Thành.

Các tác giả của các bài báo đăng trong *Kim thiên* tiêu biểu cho thế hệ văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ trẻ đã sớm giác ngộ sau khi đã chứng kiến hay có kinh nghiệm bản thân về những sự tàn phá, áp bức, bách hại, khống chế quá khích trong cuộc Văn cách. Họ tự tách rời khỏi ý thức hệ nhà nước để có thể suy nghiệm và phê bình về cái ý thức hệ đó. Vì thế, ngay từ số đầu họ đã hô hào cho các văn nghệ sĩ được tự do sáng tác và đòi nghệ thuật phải được tự trị không chịu sự chỉ huy hay quản chế của Đảng Cộng sản Trung quốc. Trong bài thơ "Qui Mộng," nữ thi sĩ Thư Đình đã thay lời các thi sĩ đồng thế hệ nói lên quan niệm là thi ca chính là con đường duy nhất để gây dựng lại ý tưởng trong một thế giới mà ý tưởng đã trở nên bất minh và hư ảo, cũng như là để tạo dựng những chân lý tư (nghĩa là chân lý cá nhân) vào lúc chân lý công (tức là của nhà nước, nói cho đúng hơn, của Đảng Cộng sản Trung quốc) đã trở nên suy yếu, bác nhược, không thể duy trì, bảo vệ được nữa.

III. Đặc điểm về hình thức của thơ mông lung

A. Thơ mông lung thường ngắn

Một trong những đặc điểm của thơ mông lung là phần nhiều ngắn. Trái lại, thơ của các thi sĩ cung đình thường dài lê thê vì phải chở nhiều lời lẽ tuyên truyền hay giáo huấn; do đó những bài thơ của họ chẳng những là tẻ nhạt mà còn thiếu cả nghệ thuật nữa. Xin lấy thí dụ thơ của hai thi sĩ cung đình là Ngải Thanh trong *Ngải Thanh Thi Tuyển* và Tiêu Tam trong *Tiêu Tam Thi Tuyển*.

Trong số 57 bài thơ của Ngải Thanh in trong *Ngải Thanh Thi Tuyển*, chỉ có 3 bài ngắn nhất, mỗi bài gồm 8 câu chia ra làm 2 đoạn, mỗi đoạn 4 câu. Mặt khác, có 5 bài dài nhất: 1 bài gồm 405 câu, 1 bài 342 câu, 1 bài 275 câu, 1 bài 248 câu, và 1 bài 206 câu. Ngoài ra còn có 8 bài dài từ 104 đến 186 câu, 11 bài dài từ 57 đến 98 câu, và 30 bài dài từ 10 đến 47 câu.

Đối với Tiêu Tam, trong số 137 bài in trong *Tiêu Tam Thi Tuyển*, chỉ có 26 bài dưới 10 câu (9 bài 4 câu, 1 bài 5 câu, 1 bài 6 câu, 14 bài 8 câu và 1 bài 9 câu). Điểm đáng chú ý là trong 14 bài 8 câu có 7 bài mỗi bài gồm 2 đoạn 4 câu. Hơn nữa, trong số 26 bài dưới 10 câu này có tới 16 bài làm theo thể Đường luật: 1 bài ngũ ngôn tứ tuyệt, 12 bài thất ngôn tứ tuyệt, 2 bài thất ngôn bát cú, và 1 bài chia làm 2 đoạn với đoạn 1 theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt còn đoạn 2 theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Ngoài ra, có 30 bài từ 10 đến 19 câu, trong đó có 4 bài mỗi bài chia làm 3 đoạn 4 câu làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt, 1 bài chia làm 4 đoạn mỗi đoạn 4 câu theo thể thất ngôn tứ tuyệt, và 1 bài chia làm 2 đoạn mỗi đoạn có 2 phân đoạn 4 câu, cũng làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Ngược lại, có 2 bài dài nhất: 1 bài

263 câu và 1 bài 238 câu. Số 79 bài còn lại, có 9 bài gồm từ 100 đến 126 câu, 24 bài từ 50 đến 99 câu và 46 bài từ 21 đến 49 câu.

Trái lại, như đã nói bên trên, hầu hết các bài thơ mông lung đều ngắn. Thí dụ bài "Nhất Đại Nhân" (Người Một Thế Hệ) của Cố Thành chỉ gồm có 2 câu 18 chữ:

Hắc dạ cấp liễu ngã hắc sắc đích nhãn tinh,
Ngã tức dụng tha tầm trảo quang minh.
(Đêm đen tối đã cho tôi mắt màu đen,
Tôi vẫn dùng nó để đi tìm ánh sáng.)

Ngắn nhất là bài "Sinh Hoạt" (Sống) của Bắc Đảo, chỉ gồm có đúng một chữ:

Võng
(Cái Lưới).

Căn cứ vào số các bài thơ của 6 thi sĩ mông lung mà chúng tôi sưu tầm được, chúng tôi thấy người có khuynh hướng làm thơ dài là Giang Hà. Có nhiều bài của ông lên quá 100 câu. Người làm thơ ngắn nhiều nhất là Bắc Đảo và Cố Thành. Ba thi sĩ Dương Luyện, Mang Khắc và Thư Đình đứng ở giữa.

Các bài thơ của Bắc Đảo nhiều nhất thuộc loại từ 10 đến 19 câu (khoảng 57%), sau tới loại 1 đến 9 câu (khoảng 22%), rồi tới loại 20 đến 29 câu (khoảng 17%). Còn các loại dài hơn nữa chỉ lác đác một vài bài và không có bài nào trên 50 câu.

Về phần Cố Thành, loại 10 đến 19 câu cũng nhiều nhất (khoảng 67%), rồi đến loại 1 đến 9 câu (khoảng 20%). Cố Thành có rất ít bài trên 20 câu và, cũng như Bắc Đảo, không có bài nào trên 50 câu.

Dương Luyện thường làm thơ dài từ 40 đến 49 câu (khoảng 50%), thứ đến loại từ 20 đến 29 câu (khoảng 25%), loại từ 30 đến 39 câu (khoảng 12%) và từ 50 đến 59 câu (cũng khoảng 12%). Dương Luyện dường như không làm bài thơ nào dưới 20 câu hay trên 60 câu.

Mang Khắc chuộng làm thơ thuộc loại từ 1 đến 29 câu (khoảng 90%). Chúng tôi không kiếm được bài nào trên 30 câu.

Sau hết, nữ thi sĩ Thư Đình phần nhiều làm thơ dài từ 20 đến 29 câu (khoảng 53%), rồi tới loại từ 10 đến 19 câu và từ 30 đến 39 câu (mỗi loại khoảng 20%). Nữ thi sĩ có rất ít bài từ 40 đến 49 câu (khoảng 6%) và không có bài nào dưới 10 câu hay trên 50 câu.

B. Thơ mông lung không có vận

Phần lớn các nhà phê bình và thi sĩ cung đình chỉ trích thơ mông lung là không có vận. Họ chủ trương thi ca phải theo dân tộc hình thức, tức là thơ phải làm theo thể cổ điển trong đó vận được coi là một trong những yếu tố chủ yếu. Trong khi đó các bài thơ mông lung lại theo thể tự do.

Điều chỉ trích này không đúng hẳn. Nếu chẳng may vận được dùng cho những tuyên truyền hay giáo huấn trống rỗng để cho chúng có vẻ thơ thì thơ lúc đó không phải là thơ mà chỉ là những bài văn có vần mà thôi.

Chúng ta hãy thử đọc hai đoạn sau trích trong bài "Tương Giang Dạ" (Đêm Trên Sông Tương), một bài thơ dài 200 câu để ca tụng Nguyên soái Bành Đức hoài, một trong những lãnh tụ cao cấp của Đảng Cộng sản Trung quốc, đã từng bị bách hại trong vụ Văn cách và chỉ được hồi phục sau khi Mao Trạch đông từ trần. Bài thơ này là 1 trong số 35 bài đã đoạt giải thưởng thi ca năm 1980.

Tam niên thời quang bất toán trường,
Kim phi tích tỉ cảm thương tảo.
Cộng sản đảng nhân chân lý tại,
Khải hiệu Khuất tử đầu đại giang![58]
Lộ mạn mạn, ngộ cầu tác,
Truy cầu chân lý vị ngộ đảng.
Hoạch tội miễn chức chung bất hối,
Hạ tình thượng đạt đảng trung ương.

(Ba năm trời đâu có dài,
Nay nào phải xưa, bao thay đổi.
Chân lý ở tại người Cộng sản,
Há theo Khuất nguyên gieo mình xuống đại giang!
Đường dài dài nhưng ta còn tìm kiếm,
Tìm chân lý cho đảng ta.
Hoạch tội, bãi chức ta đâu hối,
Chỉ đem chân lý dâng trung ương đảng.)

Đây là thơ làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt của thơ Đường, nhưng có vài điểm không theo đúng luật.

Thứ nhất, đôi khi một câu không có đủ 7 chữ (thí dụ: câu 1 đoạn 2 dẫn trên).

Thứ hai, chữ cuối các câu 1, 2 và 4 đoạn 1 dẫn trên đáng lẽ phải là vần bằng thì ở bài thơ này chỉ có chữ cuối của các câu 1 (trường) và 4

(giang) thuộc vần bằng thôi; còn chữ cuối câu 2 (táo) lại thuộc vần trắc. Đấy là chúng ta xét theo âm Hán Việt. Trái lại, xét theo âm Hoa ngữ Quan thoại thì chữ cuối câu 1 (ch'áng) là vần trắc, còn chữ cuối câu 2 (sào) và câu 4 (chiang) là vần bằng.

Thứ ba, chữ cuối các câu 1, 2 và 4 đoạn 2 đáng lẽ phải là vần trắc thì ở đây đọc, dù theo âm Hán Việt hay âm Hoa ngữ Quan thoại, chữ cuối các câu 1 ("tác" hay "so") và câu 2 ("đảng" hay "tăng") thuộc vần trắc, còn chữ cuối câu 4 ("giang" hay "chiang") lại thuộc vần bằng.

Ngoài ra, hai đoạn này đọc lên thì thấy tuy có vận, dù là lạc vận, và kêu oang oang thật đấy nhưng chúng ta không thể nào coi là thơ được vì thơ gì mà không có sinh khí, giọng điệu nhạt nhẽo, đầy sáo ngữ tầm thường, không cảm hóa ai cả.

Mặt khác, thơ tự do là loại thơ không chú trọng đến hình thức, nhất là vận điệu, mà chỉ đặt nặng vấn đề nội dung thôi. Thể thơ này đã được nhiều người trước các thi sĩ mông lung sử dụng. Đó là thể thịnh hành nhất của thi ca hiện đại Trung hoa kể từ sau cuộc Ngũ Tứ Vận động 1919. Chính nhiều thi sĩ cung đình cũng dùng thể này. Chẳng hạn Ngải Thanh đã tuyên bố là vì thơ tự do "ít bị vận điệu gò bó nên dễ dùng để diễn tả ý nghĩ và tình cảm hơn. Vì nó có một khả năng lớn hơn nên nó thích ứng với những đổi thay nhanh chóng của thời đại nhiều hơn. Hình thức phải tuân theo những đòi hỏi của nội dung. Là một sản phẩm của thế giới mới, thơ tự do được tự do hơn vận điệu, dễ chấp nhận hơn và phù hợp với các nhu cầu cách mạng hơn." Ông cũng nói thêm là chúng ta cần phải để cho các hình thức thi ca khác nhau sống chung, không nên lấy một loại hình thức nào làm nền tảng phát triển độc nhất cả.

Tới đây chúng ta cũng nên biết thêm là năm 1980 tờ *Áp lực Giang* đã gửi 6 bộ câu hỏi tới 300 thi sĩ, phê bình gia thi ca và các biên tập viên thi ca để trưng cầu ý kiến. Trong số 199 người trả lời, 129 người (64.82%) cho rằng thơ tự do là hình thức thơ trội hơn cả, còn 12 người (6.03%) chủ trương thơ mới phải có vận điệu, và chỉ có 1 người (0.5%) tán thành thể dân dao và cổ điển.

C. Thơ mông lung bị coi là tối tăm khó hiểu

Đứng về phương diện hình thức, điểm thơ mông lung bị chỉ trích nhiều là vấn đề văn thể.

Theo quan điểm của các nhà phê bình văn học nhà nước và các thi sĩ cung đình, văn thể của một tác phẩm rất quan trọng. Nó là cái khung cần thiết để tác giả dùng nó trình bầy tư tưởng, quan niệm hay nhận xét của mình về một hay một vài vấn đề nào. Sự thành công hay thất bại của tác phẩm một phần không nhỏ là do sự sử dụng văn thể của tác giả có được

giản dị và hợp lý không. Như vậy, văn thể rất có liên quan đến nội dung của tác phẩm. Hơn nữa, văn thể lại còn cho thấy thái độ của tác giả đối với độc giả. Tác giả phải biết kính trọng độc giả. Sự kính trọng này được thể hiện bằng cách diễn tả nội dung của tác phẩm một cách đơn giản, khiến cho độc giả, phần lớn là quần chúng ít học, có thể hiểu được tác phẩm một cách dễ dàng.

Trong khi đó, theo các nhà phê bình này, thơ mông lung lại tối tăm, khó hiểu, nên chỉ có một tối thiểu số người trí thức mới hiểu nổi được thơ mông lung, còn quần chúng hầu như không ai hiểu được. Từ nhận xét này, các nhà phê bình đã lên án là các thi sĩ mông lung đã phản bội quần chúng. Hơn nữa, vì phản bội quần chúng, các thi sĩ mông lung đã trắng trợn chối bỏ ý thức hệ chính thức của Đảng Cộng sản Trung quốc, vốn coi sự hiểu biết của độc giả đối với một thi phẩm nào là giá trị nghệ thuật của tác phẩm ấy .

Chính nhiều người có cảm tình với thơ mông lung cũng phải than phiền về sự khó hiểu của thơ mông lung. Thí dụ người phụ trách trang văn nghệ của tờ *Hải vận* nói là ông ta không hiểu được ý nghĩa hai bài thơ sau của Cố Thành:

Bài thứ nhất là bài "Hồng San Hô" (San hô Đỏ):

Hồng san hô,
Nễ thị xích thành đích ái diễm,
Nễ yếu bả đại hải điểm nhiên.

(San hô đỏ,
Ngươi là đuốc tình ái chân thành,
Ngươi muốn đem biển cả đốt cháy.)

Còn bài thứ hai mang nhan đề là "Chu Bối" (Sò Ngọc):

Nễ hữu tự kỷ đích thiên không,
Nễ ủng bão trước trân chu,
Tượng vân đóa ủng bão trước thái dương.

(Anh có thiên không của riêng anh,
Anh ôm lấy trân chu,
Tựa đám mây ôm ấp thái dương.)

Thực ra hai bài thơ này không mang một thông điệp nào cả, mà chỉ là

hai bài vịnh vật thi (thơ vịnh đồ vật), miêu tả hai vật thông thường thôi. Có lẽ vì nhà báo cố đi tìm thông điệp gửi gấm trong hai bài thơ này mà tìm không ra nên mới cho là chúng mơ hồ, khó hiểu. Vịnh vật thi là loại thơ có nhan nhản trong thi ca cổ điển Trung hoa, chứ không phải bây giờ mới thấy xuất hiện.

Hoặc như Châu Lương phái và Tiễu Thạch đã nói là hai ông không hiểu rõ ý nghĩa sâu kín của bài thơ "Hồ Tuyến" (Nét Cong) của Cố Thành:

Điểu nhi tại tật phong trung
Tấn tốc chuyển hướng.

Thiếu niên khứ kiểm thập
Nhất mai phân tệ.

Bồ đào đẳng nhân huyễn tưởng
Nhi diên thân đích xúc tỉ.
Hải lãng nhân thoái súc
Nhi tủng khởi đích hối tích.

(Chim trong gió mạnh
Mau chóng chuyển hướng.

Em bé đi nhặt
Một đồng xu.

Giàn nho trong huyễn tưởng
Vươn dài những sợi vòi.

Sóng biển lúc thoái lui
Uốn uốn cong xương sống.)

Bài thơ này sở dĩ khó hiểu là vì trong bài thơ này có mang nhiều nét đặc trưng của Hình tượng chủ nghĩa.

Từ thập niên 1980 trở đi đã có lác đác một số thi phẩm thuộc nhóm *hình tượng chủ nghĩa* Âu Mỹ dịch sang Hoa ngữ. Tuy nhiên chúng ta không rõ Cố Thành có chịu ảnh hưởng của các thi sĩ hình tượng Âu Mỹ không. Trong bài "Lưỡng Đại Nhân" (Người Hai Thế hệ), thân phụ của Cố Thành là Cố Công đã cho hay là tuy thơ của Cố Thành đã chịu ảnh hưởng của thi ca Âu Mỹ nhưng Cố Thành chưa bao giờ tiếp xúc với phái

hiện đại Âu Mỹ và cũng như hầu hết các thanh niên thiếu nữ cùng thế hệ, Cố Thành đã sinh trưởng trong một "sa mạc văn hóa."

Dù sao thì trong bài thơ "Hồ Tuyến" Cố Thành đã thực sự dùng kỹ thuật căn bản của hình tượng chủ nghĩa. Ông đã dùng bốn hình ảnh tương đồng nhưng lại không liên kết chúng lại với nhau mà chỉ để chúng kế cận nhau thôi. Căn bản của sự kế cận đó chính là nét cong (hồ tuyến), một hình dạng cả bốn hình ảnh cùng có chung: chim chuyển hướng bay trong cuồng phong, đứa bé cúi lượm đồng xu, dàn nho vươn dài những cái vòi và sóng biển uốn cong lúc thoái lui.

Tuy nhiên không phải là bài thơ nào của Cố Thành cũng dùng phương thức xếp các hình ảnh chung một yếu tố để kế cận nhau. Có khi ông lại dùng một phương thức khác, cũng thấy trong các thi phẩm của các thi sĩ Hình tượng Âu Mỹ. Đó là phép tỉ giảo hay ví. Chúng ta hãy lấy đoạn đầu của bài thơ "Vũ Hành" (Đi Trong Mưa) của ông làm thí dụ:

Vân hôi hôi đích,
Tái dã tẩy bất can tĩnh.
Ngã môn đả khai bố tản,
Tác tính đồ hắc liễu thiên không.

(Mây xám xám xịt,
Không còn giặt sạch được.
Chúng tôi giương ô vải,
Quyết trí trát thiên không một màu đen.)

Câu 2 đã biến mây xám thành quần áo như bẩn không thể nào giặt sạch được và câu 4 biến những chiếc ô đen thành những chiếc chổi sơn. Còn câu 1 và câu 3 chỉ mang những hình ảnh thông thường, mây xám và ô đen, không gợi nên một phản ứng nào nơi người đọc và cũng không tạo nên một sự bất ngờ và thích thú nào cả. Tuy nhiên với kỹ thuật chuyển biến cách bất ngờ hai hình ảnh thông thường thành hai hình ảnh tỉ giảo đã khiến cho một việc đáng lẽ rất tầm thường là đi dưới mưa trở nên linh động và thi vị hơn.

Mặt khác, sự tối tăm khó hiểu của những bài thơ mông lung là do ở việc các bài thơ mông lung đã dùng những hình tượng dày đặc, nghĩa là dùng với nghĩa bóng nhiều hơn là nghĩa đen với mục đích chỉ trích, phê bình chế độ Cộng sản đang ngự trị Hoa lục. Việc này chỉ có thể thực hiện được bằng cách dùng những hình tượng gián tiếp, những lời nói bóng nói gió, vì các thi sĩ phải biết tránh sao cho khéo để khỏi gặp rắc rối với chính

quyền. Lẽ dĩ nhiên, vì phải nói bóng nói gió, phải diễn tả ý nghĩ hay nhận xét hoặc cảm xúc bằng những hình tượng gián tiếp hay tỉ giảo, thơ mông lung quả thực khó hiểu. Tuy nhiên, thơ mông lung chỉ thực sự khó hiểu nếu người ta đọc thơ một cách thoáng qua. Trái lại, nếu suy nghĩ kỹ đôi chút, người ta vẫn có thể hiểu nó một cách dễ dàng.

Hơn nữa, theo Hoàng Thường, "Người ta đã quá quen đọc các luận văn chính trị đến nỗi khi gặp một vài loại tác phẩm văn học nào đó đã không sao tránh khỏi có cảm nghĩ là những tác phẩm đó mông lung."

Để trả lời những phê bình là thơ mộng lung tối tăm, khó hiểu, Cố Thành trong bài "Mông lung Thi Vấn đáp"(9) đã giải thích như sau:

> "... hiểu biết có nghĩa là lĩnh hội. Tôi không nghĩ việc lĩnh hội thi ca hay con người là một điều dễ bao giờ. Sự lĩnh hội này tùy thuộc vào hai loại người tham dự, tác giả và độc giả. Nhiều yếu tố có liên hệ với cả hai bên, nhất là trình độ thưởng thức nghệ thuật khác nhau, dạng thức nghệ thuật khác nhau, khác nhau về kinh nghiệm khách quan, về khí chất chủ quan, và sự thành công hay thất bại của tác giả vào lúc tự diễn tả cảm nghĩ của mình."

Bàn về các trình độ thưởng thức nghệ thuật, Cố Thành cho rằng:

> "...nghệ thuật không có một cán cân đo lường cứng nhắc nào; nó là một tri giác đang phát triển, đi kèm theo sự tiến triển của nhân loại cùng là sự tăng trưởng của cá nhân. Đối với nhân loại, đó là một con sông bao giờ cũng đạt tới bờ tận xa thẳm; còn đối với cá nhân bình thường, nó là một cái cây luôn luôn mọc lên cao."

Đoạn Cố Thành nêu ra một thí dụ như sau:

> "Khi xưa tôi thường đọc truyện khôi hài. Có một lần tôi hết sức sửng sốt khi đọc một đoạn của Walt Whitman. Ông ta điên thực hay sao? Lời văn của ông ta chẳng có ngữ pháp chút nào và cũng thậm phi lý. Rồi tôi tự hỏi tại sao những truyện đó lại được in nhỉ? Chẳng lẽ nhà xuất bản cũng điên sao? "Lẽ dĩ nhiên, sau này tôi dần dần đi đến chỗ lĩnh hội được; từ bài Tiểu Khê Lưu đích Ca đến Trường giang đích Lưu thủy, từ O. Henry tới Jack London, tới Victor Hugo, tới Romain Rolland, tới Tagore... Khi tôi đọc lại The Songs of the South và Leaves of Grass, tôi cảm động hết sức mình, thật khác với cái sửng sốt thời thơ ấu. "Tôi đã hỏi các thi sĩ bạn và thấy họ cũng có những kinh nghiệm như vậy. Mỗi người có một vài tác phẩm ưa thích nhất, trong các giai đoạn khác nhau, trong các trình độ thưởng thức nghệ thuật khác nhau. Cái ưa thích nhất luôn luôn thay đổi. Tựu trung cái mà người ta thích thường thường được cả nhân loại chấp nhận. Và những tác phẩm này (ngoại trừ văn chương nhi đồng) không thể

hiểu ở cấp bậc tiểu học được. "Đó là một hiện tượng tự nhiên."

Ngoài các trình độ thưởng thức nghệ thuật khác nhau, mà Cố Thành cho là "có thể gây ra một cái hố sâu về lĩnh hội" ra, các dạng thức lĩnh hội khác nhau và các quan niệm nghệ thuật khác nhau cũng có thể gây ra sự khó hiểu văn thơ được. Theo Cố Thành,

> "Trong những dạng thức và những quan niệm này, có những cái có thể và nên cộng đồng sinh tồn, nhưng cũng có những cái là phần của tri giác chức năng do 'thời đại hủy hoại' của chúng ta để lại, một tri giác mà ngay dù có theo những quan niệm nghệ thuật truyền thống của chúng ta đi nữa cũng phải coi là dị thường."

Để dẫn chứng, Cố Thành đã nói là:

> "Trong thời Tứ nhân Bang người ta trở nên quen với ý nghĩ cho rằng văn học chỉ nhằm giải thích chính sách giữa những trang bìa đẹp, và là một trong những cách diệt trừ nạn mù chữ. Và việc làm thơ trở thành việc tranh đua thi hóa những bài xã luận. Về sau tình hình đã cải thiện chút ít. Từ thời Tứ Ngũ Vận động(10) thi ca bắt đầu nói sự thật. Thi ca đã có cơ hội phục hồi và phát triển. Chẳng bao lâu nó đã khắc phục các trở ngại trong việc phản ảnh các vấn đề xã hội và đã đạt được giá trị xã hội độc lập của nó."

Tuy nhiên, Cố Thành cho như vậy là chưa đủ. Theo ông,

> "Con người còn bao hàm nhiều địa hạt khác nữa. Trong những địa hạt này cha ông chúng ta đã có lần trồng trọt, cày cấy. Kết quả các ngài thu hoạch được đã trở thành muôn vàn tinh tú trường tồn trong vũ trụ nhân loại. Thế nhưng cách đây mấy năm những địa hạt này hầu như đã bị cỏ dại phủ kín. Những địa hạt này chính là thế giới tâm lý con người, là vũ trụ thiên nhiên bao la, là thế giới của tương lai, mà con người không thể nào hiểu thấu rõ ràng được. "Các địa hạt này cần phải được khai triển; hoạt lực của người Trung hoa cần phải được tìm cách diễn tả. Chính vì những lý do này mới có các nhà thám sát. Họ kính trọng các bậc thầy cổ đại của nghệ thuật thi ca, nhưng họ không cần phải nhắc đi nhắc lại những phương pháp canh tác cổ xưa, bởi vì nhắc đi nhắc lại không phải là công tác có nghệ thuật. Sự hăng hái trong những ước vọng sáng tạo của họ buộc họ phải diễn tả những nhu cầu và lý tưởng của thế hệ mới. "Thơ mông lung chỉ là một trong những phương tiện diễn tả của họ thôi."

D. Thơ mông lung mang nhiều ẩn dụ.

Như trên đã nói, nhiều người phê bình là thơ mông lung mờ mịt tối tăm, vì, thứ nhất, nó dùng những ngôn từ tối nghĩa tuy những chữ dùng lại

là những chữ phổ thông nhất và bình dân nhất, và, thứ hai, nó dùng những hình tượng khó hiểu mặc dù đó là những hình tượng tự nhiên và hiện thực. Thực ra, có thể nói là nguyên nhân của sự mờ mịt tối tăm của thơ mông lung do ở việc các thi sĩ mông lung thường dùng nhiều ẩn dụ trong thơ.

Hầu hết các bài thơ chúng tôi đã và sẽ dẫn trong tài liệu này đều mang ít nhiều ẩn dụ. Chúng ta hãy lấy bài thơ Nhất Đại Nhân của Cố Thành (đã dẫn ở một đoạn bên trên) làm thí dụ. Hai chữ đầu tiên trong bài thơ, "hắc dạ", không nên hiểu là thực sự nói tới đêm đen tối mà phải hiểu đó là một ẩn dụ, ám chỉ cuộc Văn cách. Vì thế, bài thơ này thực ra có nghĩa là tuy Văn cách đã đem lại cho tác giả (và nói chung ra là toàn thể nhân dân Trung hoa) những năm tháng đen tối đau thương nhất, chẳng khác gì "Hắc dạ cấp liễu ngã hắc sắc đích nhãn tinh", nhưng tác giả vẫn không vì thế mà nản lòng. Ngược lại, ông đã dùng những kinh nghiệm đau thương đen tối đó như là những phương tiện để đi tìm một ngày mai tươi sáng huy hoàng hơn, "Ngã tức dụng tha tầm trảo quang minh".

Ẩn dụ chính trị còn được Cố Thành dùng trong một bài thơ khác, "Nhiếp" (Ảnh Chụp), như sau:

Dương quang
Tại thiên thượng nhất thiểm,
Hựu bị ô vân mai yểm.
Bạo vũ xung tẩy trước
Ngã linh hồn đích để phiến.

(Ánh mặt trời
Chớp nhoáng một cái trên trời,
Rồi bị mây đen chôn dấu.
Mưa dữ đang ào ào rửa
Tấm hình linh hồn tôi.)

Lẽ dĩ nhiên, mỗi người đọc thơ đều có cách giải thích những ẩn dụ trong thơ một cách khác với những gì tác giả muốn diễn tả. Tuy nhiên, ngẫm nghĩ kỹ về bài thơ trên, chúng ta phải nhìn nhận là đoạn 1 của bài thơ ám chỉ giai đoạn cởi mở (khai phóng) ngắn ngủi, chóng vánh, mà người Trung hoa được hưởng khi Mao Trạch đông mới chết và bọn Tứ nhân Bang bị hạ, hệt như "Dương quang/Tại thiên thượng nhất thiểm", để rồi sau lại bị Đảng Cộng sản Trung quốc trói buộc kìm hãm lại, y như mây đen đã che dấu, chôn vùi ánh mặt trời, "Hựu bị ô vân mai yểm." Còn đoạn 2 nói về cuộc tranh đấu nội tâm của chính thi sĩ Cố Thành.

Nói với thời gian

PHAN MINH KHÁNH

ta gửi cho heo may - đã bay theo tình cũ
bóng thênh thang mùa đông giá
tuổi trời
Cỏ hanh vàng phai một nhánh sông trôi

ta gửi cho xa xăm - màu nắng mông lung
tháng Chạp
những cành khô tưởng chết cuộc thăng trầm
ngày bay đi trên mái tóc
bụi lầm
rừng già chim lạc bóng tăm
tiếng hát nào thắp xanh - phiến trời mưa cũ
người ngủ quên trong tháng tận năm cùng
mây có bao giờ thôi viễn xứ
tay chiều khép lại trăm năm

còn một chút quên
chuyến tàu mù sương thở khói
ta nhắm mắt nghe tháng ngày đưa tiễn
con say
nụ hôn nào của biển
người còn bao giờ xõa tóc trên vai

khói thuốc miên man xuân đời nôn nả
khói dọng con ngươi mấy thuở nồng nàn
khói mờ nẻo đường ngược gió
khói mờ giấc mộng trùng hoan.

Như đã nói trong một đoạn trước, sở dĩ các thi sĩ mông lung dùng nhiều ẩn dụ, hay nói bóng nói gió, là vì họ biết rằng sống dưới chế độ Cộng sản ngày đêm kìm kẹp con người hết sức chặt chẽ, nếu họ không khéo tránh né (qua việc sử dụng ẩn dụ) thì có thể bị chính quyền làm khó dễ muôn điều.

(còn tiếp một kỳ)

Chùm oán thi tứ tuyệt mới

NGUYỄN THANH CHÂU

Tặng các anh CTT, TTT, TTY, và NXT.

Nước non ngàn dặm

Nước non ngàn dặm dành ra đi
Còn ai câu thơ để vạt áo
Chờ nhau mắt úa tàn xuân thì
Chạnh tiếng từ qui hồn úa máu...

Một khúc biển

Để tưởng niệm cô bạn gái vượt biên chết đắm.

Chuông cầu hồn từng chiều vẫn đổ
Động bóng ngàn mây đỏ thảm thê
Tiền thân em hẳn là ngư nữ
Nên biển tang xóa kiếp em về...

Mối hận lòng

Hận ta không được như Phạm Công
Tìm em khắp mười tầng hỏa ngục
Dẫu thác sinh tình vẫn mặn nồng
Nào kể đời trong hay bến đục...

Thời mạt pháp

Mạt pháp nên chồn cáo thành tinh
Huyễn đời huyễn mộng huyễn nhân tình
Có sao chẳng thấy dao Lục Yểm
Giúp triệu người oan thoát nhục hình...

Mùa lụt nhớ quê.

Đứng vời quang quạnh trời quê xa
Mùa lụt trắng đồng cây úng thủy
Bởi lâu bất ổn nỗi đời già
Luống lẹn ngày về chôn khổ lụy...

Kinh vô tự

Phật, Tổ còn đây chỉ tượng, hình
Biết chăng kiếp nạn đắm sinh linh
Biển tang rừng xác u hồn khốc
Vô tự làm sao chuyển pháp kinh...

Từ Thức về trần

Tưởng tượng mai kia trở lại nhà
Lạc lõng chẳng khác nào Từ Thức
Đào nguyên ngay ở chốn ta bà
Lặn lội đời chi thêm hoài sức...

Thơ tình viết từ trại Z30C

NGUYỄN THANH CHÂU

Thơ có đôi dòng về nhắn nhủ
Em xa thắc thỏm giấc mơ đời
Thương ta chớ học theo người cũ
Hóa đá làm chi uổng một đời.

ở rừng lâu ta mang lốt thú
Lom khom như tuổi luống về già
Đã từng đêm ta nghe gió hú
Lao xao mà tưởng đến quê nhà.

Trông chừng lớp lớp màng bụi đỏ
Nỗi nhớ hơn là trăm mũi dao
Đâm suốt qua hồn ta máu rỏ
Giọt giọt đầy lên bóng trăng hao.

Giọt lệ mờ khắp trời khổ nạn
Lũ lượt người lê bước đi dày
Thương em hát khúc sầu lỡ vận
Tráng khí còn đôi cánh tay gầy.

Thì ba năm dủ tang chồng chết
Huống hồ ta chẳng biết ngày về
Huống hồ em tuổi xuân sắp hết
Cõi còm chi mãi dáng chiều quê.

Gởi tình theo mỗi lần lạnh bạc
Lọn tóc nào dứt nối ba sinh
Buồn sao dàn rải từng dây lạc
Thấp thoáng về kia lũ âm binh.

Tiếng núi rền căm mùa biệt dạng
Niềm đau này chung triệu sinh linh
Chẳng dành nước mắt hồng tuôn cạn
Điêu tàn hoa úa nhụy băng trinh.

Cơ hàn tội những thân tù rạc
Rau hoang mướp thượng sống cầm hơi
Tình ơi như buốt đầu chìu chắt
Dẫu biết sao cũng tạ ơn đời.

Thơ ta viết mấy mà cho đủ
Giải oan một thuở lắm cơ cầu
Đền em hẹn kiếp lai sinh nữa
Gừng cay muối mặn chẳng lìa nhau.

Đổi mới. Những hội nghị.

Phạm thị Hoài

Lời Tòa soạn: *Nhà văn Phạm thị Hoài, hiện định cư tại Berlin, Đức quốc, một trong những nhà văn trẻ thuộc thế hệ mới (gồm Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, Dương Thu Hương, Bảo Ninh...) từng làm thay đổi nền văn chương quốc nội những năm cuối của thập niên 80, vừa gửi cho Văn Học cuốn truyện dài* Marie Sến *cô vừa viết xong cuối năm 1995. Cuốn truyện là một tác phẩm đề cập tới những xáo trộn của Hà nội hiện nay trong giới trí thức, viết bằng một bút pháp dữ dội, quyết liệt, khinh bạc tột cùng, nhưng đồng thời vẫn bàng bạc một vẻ thơ mộng hiếm có.* Marie Sến *mới mẻ, độc đáo cả hình thức lẫn nội dung, nên dĩ nhiên không thể in trong nước. Nhà xuất bản Thanh Văn phối hợp với Tạp chí Văn Học sẽ xuất bản tác phẩm này vào trung tuần tháng Tư 1996. Chúng tôi xin trích đăng chương Bảy của truyện dài* Marie Sến.

...Cho nên tôi không mấy ngạc nhiên khi Sến xuất hiện trong một hội nghị ở Viện. Ông hàng xóm xế bên phải tôi hôm ấy đọc một tham luận sau ba chục năm im lặng. Sến đến, áo dài tóc buông bước chân lịch duyệt, một người nữ quá hoàn hảo để có mặt giữa chúng tôi, trận mạc này không có cao bồi bắn súng hai tay, buồn tẻ lắm.

Trận mạc này bày binh như sau:

Sát bàn chủ tọa là thượng đẳng khách, toàn những ông mặt mũi béo tốt hết sức vui tính, cười hề hề vào *camera*, tự nhiên như ở nhà mình. Nếu ngồi chỗ ấy chắc tôi cũng không làm gì khác hơn là vui tính. Ông Viện trưởng Viện Lớn, ông giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc, ông Viện trưởng Viện Mác Lê, ông thượng tướng Giám đốc Học viện quân sự, hai ông trung tướng, ông phó Ban văn hoá và tư tưởng trực thuộc trung ương

Đảng, ông phó Ban khoa giáo trực thuộc trung ương Đảng, ông phó Ban tuyên giáo trực thuộc trung ương Đảng, ông đại diện Thành ủy, ông đại diện Văn phòng hội đồng chính phủ, ông đại diện Văn phòng tổng bí thư, ông đại diện Văn phòng cố vấn chính phủ, ông phó Ban tôn giáo chính phủ, ông Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật, và một ông đại diện cho Bộ nội vụ không xưng chức. Viện trưởng của chúng tôi thấp thỏm đứng lên ngồi xuống giữa họ, ông bị lây sự vui tính của họ, thậm chí ông còn đánh bạo châm một điếu thuốc cầm tay và đánh rơi tàn vào áo ông Bộ nội vụ. Thế là họ cười ầm cả lên và vỗ vai nhau. Hội nghị sẽ thành công tốt đẹp.

Kế đó là trung đẳng khách: giáo sư đầu ngành, chuyên viên cao cấp, nhà báo lão thành, cán bộ tuyên huấn tỉnh xa, chánh văn phòng Viện Lớn, đại diện các Viện nhỏ trong Viện Lớn, trông họ nghiêm trang hơn các vị ở tuyến trên nên Viện phó của chúng tôi và một giáo sư đội nhà lượn tà tà như trực thăng bà già để tăng cường không khí. Viện phó mặc quần bò và để râu con kiến, vị giáo sư đội nhà thì nhún nhảy rất hề, môi chúm chím một câu pha trò cực đắt như chủ hôn đám cưới làng. Hai vị ấy là chuyên gia cứu nguy. Xác suất tai nạn trận này dự tính là lớn, nên cả hai phải rất sẵn sàng.

Kế nữa là hạ đẳng khách: nghiên cứu viên các Viện nhỏ, đại diện Công đoàn, đại diện phụ nữ, đại diện thanh niên và đại diện phòng an ninh của Viện Lớn, biên tập viên một hai tạp chí... Xin bạn đọc đừng ngạc nhiên, khoa học của chúng tôi luôn là một Mặt Trận, nguyên tắc tối cao là không được thiếu tuyến quần nào.

Sến khoan thai tiến vào, tài sắc vẹn toàn đội thêm vương miện quyền uy, Ngọc Hân chăng? Ỷ Lan chăng? Kìa Viện phó của chúng tôi đã bỏ rơi các giáo sư, bay vù đậu xuống bên em, trời ơi anh ta sắp nhấc em lên, đặt cạnh lẵng hoa khổng lồ trên bàn chủ tọa, và hội trường sẽ vỗ tay nhiệt liệt. Ôi, mỹ nhân, mỹ nhân vô danh, em cần gì đâu một giấy mời, một danh thiếp, em quả là thứ duy nhất chúng tôi không trù bị nổi. Nửa năm trời, ba mươi sáng thứ hai cộng ba mươi mốt sáng thứ năm là sáu mươi mốt cuộc ngồi, chúng tôi không làm gì khác, chỉ tính toán và lo âu vấn đề nhân sự của hội nghị. Phái Âu Cơ đầu này không được nói chuyện riêng và phái Việt Bắc đầu kia không được tự tiện lẻn ra ngoài, chúng tôi tả hữu ở giữa cố mà nhớ những thông tin khẩn mật về danh sách khách dự hội nghị: Một vị không mời thì chửi vung lên. Một vị để tán phét cho vui. Một vị chắc chắn sẽ phá thối nhưng không ăn thua. Một vị hơi cực đoan nhưng

như thế mới dân chủ. Một vị chuyên tung ra các vấn đề mà không chịu giải quyết, nhưng không sao, hội nghị này chính là để đặt ra các vấn đề càng nhiều càng tốt. Một vị nhạt thếch nhưng điềm đạm nho nhã, vả lại hội nghị nào cũng mời chẳng lẽ hội nghị này không. Khảo cổ đâu rồi? Vị khảo cổ này hay quên lắm đấy thỉnh thoảng phải thúc. Môi sinh ở ta tay nào khá? Chết rồi tay này đang ở nước ngoài có khi tếch hẳn cũng nên! Văn hóa dân gian mời hai hay một nhỉ, bên ấy những hai phe? Thư viện quốc gia cho qua, dạo này thư viện ăn mày! Huế hết sức quan trọng xin nhắc lại Huế hết sức quan trọng, có thể họ mời ta cố vấn cho cái *festival* sang năm có Liên Hợp Quốc tài trợ...

Thế đấy, xin bạn đọc đừng ngạc nhiên, chuyên môn hóa không phải sở trường của người Việt, mỗi khi có dịp hội họp là chúng ta tập hợp anh tài như khai trương một siêu thị đủ mặt hàng. Hội-nghị-siêu-thị nào cũng giống nhau. Chúng tôi lục tung kho người của nền khoa học quốc gia, nhặt cho đủ quân số để xếp một đội danh dự thổi kèn thật to vào công cuộc đổi mới. Người nào đứng chỗ nào, phùng mang trợn mắt ra sao đã phân cảnh ổn thỏa. Bỗng dưng Sến tiến vào!

Từ đám tào lao đứng ngồi lộn xộn tranh thủ hút thuốc của công dọc tường tôi khâm phục Sến và cũng nể ông hàng xóm xế bên phải: mỹ nhân cứ khoan thai nhẹ bước tới chiếc ghế để trống bên ông. Trong bộ com lê của ba mươi năm trước và chín nhừ vì xúc động, suýt nữa thì ông lảng đi, không dám nghĩ phần mình trong cái vinh dự thơm ngát đang mỉm cười sát lại. Ông còn nhìn trộm ra sau để quyết rằng Sến nhắm vào ai khác chứ không phải mình. Cái tích tắc ấy tổng kết chớp nhoáng thói quen nhún phận của ba mươi năm khiến tôi nổi gai khắp người. Bao giờ cũng là kẻ khác được may chứ không phải mình. Mặc cảm về bất hạnh cũng bóp chết tâm hồn như mọi mặc cảm. Ở người trí thức Việt kèm theo đó là mặc cảm bị theo dõi và kiểm duyệt, và ảo tưởng về trọng lượng xã hội của cá nhân mình. Ông sẽ chỉ là chiếc quan tài chưa đóng nắp nếu quả thực có một cuộc đời tốt hơn mở ra. Vinh quang của ông hẳn là đủ hắt lờ mờ khi xung quanh đen ngòm, nhưng vô nghĩa trong ánh sáng của một ngày bình thường. Ôi các cụ, những ngôi sao cuối mùa chỉ nhấp nháy trong đêm ba mươi!

Nhưng tôi đã hồ đồ. Có lẽ ông Thân đã đưa vội mắt tìm thằng con trai, hy vọng của ông, vô vọng của ông, lúc này đơn giản chỉ là con trai ông, nó đang hầu chuyện một giáo sư ăn mặc sặc sỡ.

Thằng nghịch tử đó, đồng nghiệp trẻ tuổi của ông đó, muốn độn thổ nên đánh rơi bật lửa. Khi nó ngẩng lên thì vấn đề cha con không còn thời sự nữa. Cũng trong một chớp mắt, ông Thân lấy lại toàn bộ phong độ nổi tiếng của ông ba mươi năm trước: phong độ của một trí thức Tây học xuất thân Nho gia quý tộc và phải lòng cuộc cách mạng của Việt Minh, một kết hợp lịch sử độc đáo tài tình. Thời ấy, những người như ông nổi bật giữa đám đông. Họ có cái cốt cách điềm nhiên tự tại mà lớp trí thức tân kỳ nguồn gốc tạp nham không thể có: hai ngàn năm sách thánh hiền cổ kính và mũ cao áo rộng kết thúc ở họ. Họ có cái tinh thần học giả tinh vi thuần khiết mà chúng tôi công chức của một nền khoa học vờ vịt nhố nhăng không thể có: tám mươi năm văn minh Pháp thuộc và Viễn Đông Bác Cổ cũng đến họ là hết. Họ có cái khí phách lãng mạn kiêu hùng của thuở ban đầu, tráng sĩ *một đi nào có mong chi đâu ngày trở về*, tráng sĩ hôn lên ý trung nhân của chàng là cuộc cách mạng còn vô cùng trinh tiết cái hôn mù quáng say lòng, hôn rồi chết cũng xong. Cho nên tất cả những người được văn hóa, lịch sử, tiến bộ, và tình yêu ùa vào cắt rốn như ông, sau này dù mỗi kẻ một lí tưởng một phương trời, cũng dễ cảm thông nhau hơn là lứa chúng tôi. Đến lứa chúng tôi thì việc khoác ba lô lên đường đã thành nếp, thành luật và lệnh, cái hôn của mối tình đầu đã thành cuộc chung chạ quá lâu ngày, chúng tôi và cách mạng, đôi bên đều nhẵn mặt nhau. Đến lượt những cậu ấm Tân ấm Đủ thì nàng cách mạng rực rỡ thuở nào chỉ còn là một mụ mãn kinh điêu toa và sợ già sợ chết, mụ ấy trát son phấn lên người như hề, hiện nguyên hình là một gái hạ lưu, và mỗi dịp sinh nhật lại đào bới trong kho ảnh lưu trữ cuống cuồng tuyệt vọng hơn. Ôi chúng nó những cậu ấm thời đại biết trút tinh lực hào khí nam nhi vào đâu!

Sến hẳn cũng sững sờ như tất cả chúng tôi: người đàn ông phút trước em vừa gắng nâng đỡ vừa lo bại cuộc, phút sau đã vươn hết chiều cao che chở đàng hoàng lịch thiệp ngời ngời, Sến và ông ấy làm thành một cặp nhìn không chán mắt. Vừa ngắm ngẩn ngơ tôi vừa được biết cái ghen ngầm mất dạy của tôi không ăn thua gì bên cạnh những thằng khác. Thằng Hồng gầm gừ " Hừ, *Come back!*", tôi dịch là "Hãy đợi đấy!". Thằng trẻ trai này cũng con một ông đồ, đồ xứ Nghệ hẳn hoi, cũng nếm một chút mùi chiến khu, chiến khu 79, cũng Tây học, Tây Liên xô, lại có chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh yểm sau lưng và làng tổ Kim Liên làm bệ đỡ. Phong độ của y không để cho người ta ngắm mà để cho người ta gờm. Nhiều tháng sau y sẽ làm một người hùng, đánh bạt hào quang của ông Thân lúc này. Nhưng chuyện còn dài...

Thằng Tân thì xán lại từ phía sau, một tay đặt lên thành ghế bố nó,

một tay ghế Sến, chen vai vào giữa và the thé thốt lên: *"Enchanté!"*, tôi dịch là: "Mẹ kiếp!" Bạn đọc có thể thấy là tôi đã thu lãi lớn từ những buổi trò chuyện tay bảy trong những tổ chim xì xồ và véo von giọng mũi.

Tôi tìm thấy Đoài trong một xó phòng với ba xấp phong bì đếm dở, mỗi xấp một hạng khách. Nhiệm vụ của anh ta trong mọi hội nghị là tế nhị phát phong bì cho khách. Không có phong bì thì không có hội nghị. Nghề đi dự hội nghị là nghề nhàn và lương cao.

Chúng tôi ngồi im lặng bên nhau rất lâu. Tôi luôn giữ một góc nghiêng nhất định chắn bớt đường anh chàng nhìn về phía Sến. Có trời biết vì sao tôi bỗng lo cho cơn ghen của gã cán bộ thoát ly này hơn cơn ghen của chính mình. Ở trung tâm ngoại ngữ, Sến dường như thuộc về tất cả mà chẳng của riêng ai. Ở đây Sến đường hoàng cặp đôi với ông Thân. Ý thức sở hữu của anh chàng tiểu nông thế là bị thử thách đáng kể. Đoài đột nhiên thủ thỉ:"Vợ tôi hồi trẻ xinh nhất nàng, ông ạ. Tôi đi nhính về, Quảng Trị ông ạ, hai trên bảy, sơ sơ thôi, nấy được cô xinh nhất nàng. Cũng có mấy thằng, giáo viên cấp ba hẳn hoi, bác sĩ nữa, mới nại thằng cha con trai chủ tịch huyện, nhưng cô ấy chọn tôi. Tôi đáng tin hơn những thằng kia, ông ạ. Thằng con chủ tịch huyện bây giờ nằm khóc dở ở Hồng Kông đợi cưỡng bức hôi hương về ăn cám. Nhưng mà tôi ngốc nắm. Cô ấy đi nằm đông nửa buổi về, máu đầy ở xà cạp, tôi hỏi đứa nào đánh thì ra báo công an, cô ấy chạy vào buồng cười một mình. Hóa ra đàn bà họ hành kinh, khiếp nắm, ông ạ. Nắn nào về tôi cũng mang một bánh xà phòng thơm, nhưng mẹ con nó cất hết vào tủ, cho thơm nâu, ông ạ, mang dùng nại sợ phí. Nhà tôi ở quê toàn dùng nước mưa. Xà phòng rửa nước mưa không đi đâu, nhờn tay nắm, ông ạ."

Tôi chuồn khỏi cơn tâm thần của anh hàng xóm sát vách. Mặc kệ anh ta đếm sai phong bì. Nếu thượng đẳng khách vớ phải phong bì dành cho hạ đẳng khách thì ông Viện trưởng chứ cóc phải tôi lo mất chức. Mặc kệ anh ta sờ soạng trong những xó xỉnh cải lương hạng bét của tâm hồn. Mẹ kiếp, tự nhiên lôi vợ ra để tự an ủi! Đời cán bộ thoát ly quả là đời lý tưởng, mất mát chỗ này một tí là có ngay chỗ khác bù vào. Nếu thằng Đủ ngồi đây và nó cũng lên cơn thì hội nghị *"Di sản và đổi mới"* này kể như bị san bằng. Hậu Thánh Gióng cưỡi mô tô phân khối lớn, nhổ phắt sáu chiếc cột trong phòng này vung lên thì dinh lũy khoa học xã hội tan tành!

Mới ngày nào tôi còn trêu chọc, nhài ra sao rồi ngọc nan ra sao. Sến là phát hiện của Đoài. Anh ta mở đầu solo một sớm mùa xuân lãng mạn ở

ngoại thành, chúng tôi ùa ra đồng diễn một đàn giữa mùa hè như ve đô thị. Trong tấn kịch này đứa nào cũng có cơ hội đóng kép với đào. Nếu khéo bảo nhau chúng tôi có thể luân phiên. Nhưng Đoài là một anh nông dân. Anh ta không chịu chung với năm nhà hàng xóm một con vịt để nó lần lượt đẻ mỗi nhà một trứng.

Mới ngày nào đời chúng tôi thong thả, tim chúng tôi an nhàn, đứa nào thân cư chỗ nào mệnh đóng ở đâu đều đã ổn thỏa. Bỗng dưng Sến chen vào!

Bảy người chúng tôi là một tập hợp vô duyên. Nếu tất cả cùng quyết chết vì tình thì chẳng hạn Sến cùng cha con Đoài được một nhóm đầu rau, Sến chết một lần nữa cùng cha con ông Thân được một nhóm trầu cau như trong chuyện cổ cho hậu thế tiếc thương, nhưng Sến chết thêm lần thứ ba thì vô nghĩa vì tôi và thằng Hồng quyết không thể quyện vào nhau sống cũng như chết.

Ông Thân lên diễn đàn đầu giờ chiều ngày hội nghị thứ hai. Trước đó chúng tôi đã nghe một diễn văn mở đầu của Viện trưởng dài bốn mươi lăm phút, ba báo cáo chính, hai mươi chín tham luận. Các báo cáo đều ngợi ca công cuộc đổi mới và xác định chỗ đứng vững chắc của nền khoa học xã hội, đồng thời tiết lộ rằng trong tình hình mới rất nhiều vấn đề mới đặt ra, hoặc những vấn đề cũ có thể được xem xét lại.

Các tham luận theo trình tự sau:

Tham luận thứ nhất: "Chủ nghĩa yêu nước, di sản quý báu nhất của dân tộc Việt Nam".

Tham luận thứ hai: "Chủ nghĩa anh hùng, truyền thống sáng ngời của chúng ta".

Tham luận thứ ba: "Tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hôm nay".

Tham luận thứ tư: "Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp đổi mới".

Tham luận thứ năm: "Sứ mệnh mới của giai cấp công nhân Việt Nam".

Tham luận thứ sáu: "Sức mạnh của Mặt trận dân tộc - Từ liên minh công nông đến phong trào hòa hợp hòa giải".

Tham luận thứ bảy: "Những bài học lớn từ cuộc chiến tranh nhân dân."

Tham luận thứ tám: "Hai ví dụ về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh: Từ Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh".

Tham luận thứ chín: "Chính sách ngụ binh ư nông - một cách nhìn

mới".

Tham luận thứ mười: "Phương thức sản xuất châu Á, những vấn đề của lịch sử".

Tham luận thứ mười một: "Nông thôn Việt Nam trong lịch sử. Những bức xúc của công cuộc hiện đại hóa".

Tham luận thứ mười hai: "Làng cổ truyền. Một vài đề nghị từ khía cạnh phát huy và bảo tồn".

Tham luận thứ mười ba: "Phác họa vài nét về tầng lớp trung nông, tiềm năng và xu hướng mới".

Tham luận thứ mười bốn: "Có hay không một tầng lớp địa chủ trong lịch sử?".

Tham luận thứ mười lăm: "Đô thị Việt Nam trong lịch sử và hiện đại."

Tham luận thứ mười sáu: "Thử giở lại hồ sơ của giai cấp tư sản dân tộc. Một hướng đi mới."

Tham luận thứ mười bảy: "Chính sách bế quan tỏa cảng của nhà Nguyễn- Những hậu quả".

Tham luận thứ mười tám: "Sơ bộ đánh giá vai trò của nhà Nguyễn trong việc thống nhất nước ta đầu thế kỷ mười chín".

Tham luận thứ mười chín: "Mộ Quang Trung Nguyễn Huệ ở đâu?"

Tham luận thứ hai mươi: "Lại nói về trống đồng và triết học phương nam"

Tham luận thứ hai mươi mốt: "Bàn về chữ "nhân" trong truyền thống tư tưởng của người Việt".

Tham luận thứ hai mươi hai: "Có hay không một tâm thức Việt Nam?"

Tham luận thứ hai mươi ba: "Tam giáo đồng nguyên, một mô hình lịch sử thuần Việt".

Tham luận thứ hai mươi bốn: "Tục thờ Mẫu và nguyên lý Mẹ trong triết lý của người Việt".

Tham luận thứ hai mươi lăm: "Triết lý trầu cau- Bản sắc dân tộc và hiện đại".

Tham luận thứ hai mươi sáu: "Lược trình phát triển của chữ Việt và vai trò của nó trong công cuộc hiện đại hóa đất nước".

Tham luận thứ hai mươi bảy: "Tản mạn về công cuộc khai hoang trong lịch sử và chính sách kinh tế mới hiện nay".

Tham luận thứ hai mươi tám: "Tiền cổ Việt Nam - Vài suy nghĩ bước đầu về kinh tế thị trường".

Tham luận thứ hai mươi chín: "Phôn cơ lo, một quan niệm hiện đại."

(Tôi xin chép lại nguyên văn tên các báo cáo khoa học như vậy để bạn đọc ngoại đạo dễ hình dung thế nào là một hội nghị khoa học cấp nhà nước trong giai đoạn đổi mới.)

Ngày hội nghị thứ hai, Sến cuốn tóc cài trâm mặc váy áo đầm, em bảo hôm qua em *di sản* rồi hôm nay *đổi mới*. Hôm qua Sến sánh vai ông Thân đi khắp hành lang. Bạn cũ, người quen và học trò của ông ấy chẳng biết ba chục năm qua ở đâu bỗng kéo ra như kiến.

Bắt tay vỗ vai giật áo ông ấy, hỏi thăm ào ào, ai cũng tranh thủ đứng một lát gần Sến. Ngửi em, sờ em bằng mắt láo liên nếm em bằng lưỡi liếm môi khô. Dường như chủ tọa cố tình kéo dài buổi giải lao. Ai bảo các nhà khoa học khô khan chúng ta không đa tình! Một phút nữa hai phút nữa ba phút nữa, tôi phải làm một cái gì đó thật anh hùng hiệp sĩ. Giải phóng mỹ nhân, đưa nàng về chỗ an toàn, lập một vành đai chống đỡ. Ôi các em, sóng gió các em gây ở đời chưa đủ sao mà phải tới đây, tâm trí nào chúng tôi làm bác học! Tôi than thầm một tiếng nam nhi não ruột như thế rồi mọc lên trước mặt Sến. Trước mặt Sến tôi quên khuấy kế hoạch hiệp sĩ. Từ khi biết Sến chưa bao giờ em hiện ra ngọc ngà như thế. Thánh thiện như thế. Hai cái nốt ruồi đầy quá khứ. Ngực cong vời vợi. Môi đầm đìa...

Ông Thân tham luận về truyền thống dân chủ của người xưa. Ông tra về gốc la tinh của cái từ sang trọng *đề mô cờ ra xi*. Ông dẫn nghĩa theo Từ Nguyên. Ông trích đi trích lại câu thánh hiền "dân vi trọng quân vi khinh" và câu á thánh hiền "nước chở thuyền, nước lật thuyền". Vua xắn quần lội ruộng và tướng sĩ hòa nước sông chén rượu. Những tấm gương cũ một lần nữa được mang ra soi. *Bách gia chư tử* từ bên Tầu được kéo sang ta cũng thành một tiềm năng *trăm hoa đua nở*. Đến chỗ ông diễn giải cái tinh thần ruột rà hòa điệu của nền văn minh "quốc-gia-làng-xóm" và xoáy vào cái đơn vị nổi tiếng là *làng* với những truyền thống quý báu của nó thì tôi mất kiên nhẫn và quay sang ngắm Sến. Sến ngồi thật thẳng, môi hé trìu mến, đùi khép đoan trang. Quả thật khối tri thức cổ kính tuôn trào trên bục hội nghị kia chẳng liên quan gì đến em. Tôi không muốn khẳng định rằng Sến từ trên trời rơi xuống giữa đám Từ Thức chúng tôi, vì em trần tục lắm. Nhưng Sến là một thực thể phi lịch sử. Quá khứ ở em nằm trong tủ áo. Mỗi mẩu vải đùm một quãng đời. Nhìn vào đó tôi biết chiến tranh xếp ở ngăn nào và những mối tình nào treo tận trong góc. Cái sơ mi tím này Sến mặc duy nhất một buổi chia tay mười lăm năm trước, thời ấy màu tím là màu đau tim nên em nhất định may áo tím. Bộ váy áo nhiễu loạn kia Sến sắm đại trong một cơn khùng, mỗi lần lên cơn là em đi mua sắm, cơn

khùng năm ấy hẳn say máu lắm, nên áo xống mới đỏ rừng rực lượn lên lượn xuống nhằng nhịt thế kia. Một đống áo mút cổ lọ xếp xó, cái thời áo mút phân phối, một cái cổ lọ màu hoàng yến thò ra ngoài sơ mi ve nhọn đã là bao nhiêu ý thức thời trang! Còn những chiếc *slip* nữa, không phải chiếc nào cũng bé bỏng thơm tho, chiếc thì nhàu nát chán chường, chiếc thì e ấp trinh bạch, chiếc mỏng tang như áo ma, chiếc cục mịch quăn queo như mo nang chưa ép. Cái đống lá đa nhà chùa ấy cho thấy Sến chẳng ngại dấn thân. Một lòng cầu thị như thế đi suốt những biến cố thời trang, em can trường của tôi, Marie Sến! Tủ áo của Sến với tôi là một bài giảng cỡ thánh hiền. Đức mặc ở em cũng như đức ăn, hai cái phẩm hạnh con nhà bình dân, một tinh thần phơi mở rộng rãi tuyệt đối. Em có thể ăn đất uống sông và mặc mây trời cũng hăng hái tự nhiên như khi lĩnh kinh nai nịt bằng những sợi chất dẻo đính kim tuyến. Không kén chọn, không thành kiến, chỉ một lòng yêu sốt sắng mù lòa, một nhiệt tình sống ôm đồm rối rít, và có lẽ một chút thiên về những gam đồng bóng phô phang. Sến liên quan gì đâu đến những ông vua hiền vua ngu và những truyền thống không hề có trong hiện tại!

Trên kia ông Thân vẫn tiếp tục mạch tư tưởng. Tôi hân hạnh được biết cái mạch ấy. Đại loại như thế này: các nhà khoa học cấp tiến nhất của chúng ta trong khi day dứt khôn nguôi về thực trạng đất nước thì chia làm hai phái. Phái cấp tiến cực đoan thì phang tuốt, Đảng, Bác, Các Cụ *Mác Sờ Lê Nin*, chủ nghĩa, cơ chế, hệ thống, vân vân. Đấy là những thứ đáng bị đánh đòn, đã đành, đến dân tộc, lịch sử, truyền thống cũng không có cái nào được tha. Hai ngàn năm (phái này chỉ công nhận hai ngàn năm lịch sử Việt Nam) kém phẩm chất tuyệt đối. Có nghĩa là tình thế của chúng ta hoàn toàn vô vọng. Muốn tiến bộ canh tân chỉ còn cách nhổ tận gốc nước Việt, khuân sang trồng ở Âu Mỹ mà thôi.

Phái cấp tiến ôn hòa thì đi giữa ranh giới của những giá trị tích cực và những giá trị tiêu cực, họ có cái vẻ tự tin thót ruột của những nghệ sĩ đi trên dây. Phương châm của họ là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán. Thoạt nghe tương đối rối mù. Nhưng tôi có hân hạnh được nghe đi nghe lại, ông hàng xóm xế bên trái tôi là thủ lĩnh phái này, lâu dần tôi cũng nắm được cái nghệ thuật giữ thăng bằng trên độ cao trí tuệ của những nghệ sĩ lão luyện đó. Họ đầy tinh thần phê phán, đấy là điều không cần bàn cãi. Và đầy lương tâm. Đạo đức. Tư cách. Trách nhiệm. Đức tin. Tất cả những phẩm chất ấy cùng bảo nhau họp lại trong một biện chứng pháp đứng đắn như trời trồng. Giả sử họ nói sai cũng không ai trách, vì ai

dám trách một nhân cách đáng khâm phục nhường ấy! Khi các nhân cách lớn tha thiết tự bày tỏ thì những vấn đề của khoa học và tổ quốc dường như cũng tự động được giải quyết. Thế là tác giả hài lòng, độc giả mãn nguyện. Không nơi nào trên thế giới có một nền khoa học thân tình dễ chịu hơn. Tôi cũng nghe thủng mọi ý tứ của các nhà bác học cấp tiến ôn hòa, cũng chiêm ngưỡng họ thi đua nhân cách, nhưng thú thực nghe nhìn xong ít khi nhớ được điều gì. Có lẽ vì ý kiến họ na ná nhau, nhân cách họ từa tựa nhau, họ lại có tật nói dài, nói rất dài, người này lặp lại người kia và lặp lại chính mình không mệt mỏi, không đếm xỉa đến sức khỏe của người nghe, và dán đầy trích dẫn đông tây lên trụ cột tư tưởng như những cột áp phích kín mít. Ai không theo phong cách đó có thể bị coi ngay là thất học, hay chưa chín muồi. Họ có thể là những ngòi nổ, đấy là điều không cần bàn cãi, nhưng cái cách họ nổ ra những vấn đề thì hoàn toàn chính thống và cái kiểu họ mân mê những vấn đề thì, xin lỗi, sặc mùi trưởng giả. Và bạn đọc chẳng lấy ra được một xu hài hước nào ở họ đâu, như đã nói, các nhà biện chứng ấy đứng đắn như trời trồng, cười tủm trước mặt họ là thiếu lịch sự hơn đánh rắm. Người nào trong số họ tự cho mình có *uy mua* thì mủm mỉm gật gù: *bạch mã phi mã*. Đố người Việt nào chỉ biết quốc ngữ hiểu được cái *uy mua* ấy.

Các nhà cấp tiến cực đoan thì ồn ào bi đát, các nhà cấp tiến ôn hòa thì nghiêm trọng dài dòng. Tìm thầy, kết bạn, xe duyên tri kỉ trong thời buổi này nếu không được số phận bịt mắt dắt tay thì khác nào đi chọn xe máy ở phố Hàng Bông, cuối cùng bạn cũng mất kiên nhẫn mà nhảy đại lên một chiếc. Nếu không bạn hãy về nhà tự yêu lấy tốc độ di chuyển của mình.

Nhưng hãy trở về chỗ ông Thân trên bục hội nghị. Không phải ông ấy sùng bái quá khứ. Không phải ông ấy phiến diện hời hợt. Các nhà biện chứng vĩ đại thì sâu sắc toàn diện và bao vây con mồi tư tưởng của họ từ mọi phía. Tôi biết ông Thân dài dòng *Thi văn Tử viết* từ *Khóa Hư Lục* sang *Những bản thảo kinh tế chính trị* và sắp sửa cho Trần Văn Giáp ngồi cạnh Trần Văn Giàu, Lê Quý Đôn cạnh Lê Thành Khôi, rồi BEFEO, CEFEO, PEFEO, những Woodside, Tsuboi, Jamieson, Condominas... được dăng ra như lưới, chỉ để ông khoan thai đứng trên bờ, từ từ, rất từ từ, cất lên mẻ cá gồm một chú cá tư tưởng duy nhất mà ông dày công chăm bẵm mấy chục năm đợi dịp thả xuống để rồi cất lên trước ồ à của toàn thể công chúng mắt sáng ngời. Theo thiển ý của tôi thì cái động tác cất lên thả xuống đó hơi phiền hà, và cái tinh thần ngư ông phương đông trong trường

hợp này rất đáng sốt ruột. Nhưng rút cuộc tôi không bị bịt mồm ba chục năm, tôi chỉ không có gì đáng nói để nói mà thôi. Ở địa vị ông ấy chắc tôi còn rung đùi bệnh hoạn hơn để thưởng thức dài hơi mẻ lưới ăn chắc của mình.

Đã mười lăm phút. *Đề mô cờ ra xi* chưa gây rắc rối cho ai. Công chúng không phải những con nhà chài thiện nghệ để rung động khi chú cá cưng của ông Thân quẫy đuôi tế nhị. Đấy là công chúng của ngày hội nghị thứ hai, đầu giờ chiều, sau ba báo cáo chính và hai mươi tám tham luận. Đấy là công chúng đã nhận xong phong bì. Hai phần ba thượng đẳng khách đã tọa trong những hội nghị khác: vinh dự này không của riêng ai. Một nửa trung đẳng khách đã biến mất sau ngày hội nghị thứ nhất, họ đã nói xong phần họ và không có nhu cầu nghe ai khác, tôi không nói ngoa, phàm là giáo sư thì biết tỏng nhau. Một phần ba hạ đẳng khách không trở lại nữa.

Khách khứa còn non nửa và đội nhà cũng rệu rã lắm rồi. Hai cô cuồng báo thì đã tót đi đọc báo. Bốn chị em khác đang ngồi xổm chọn cá ở chợ Hôm và thêm năm chị em nữa bôn ba đến nhà trẻ. Ba chị em vắng mặt không rõ động cơ. Phái Âu Cơ để lại một nữ phó tiến sĩ trong phòng hội nghị. Nàng tiên trí thức này sẽ đọc tham luận thứ ba mươi. Chúng tôi, đám quần chúng vừa tả vừa hữu, vương vãi trong năm quán nước trà và ba quán cà phê bao quanh Viện. Tám cứ điểm trọng yếu này lập thành một vành đai chất lỏng kỳ diệu bọc êm thành lũy của khoa học. Thằng Tân, thằng giẻ rách hoang tưởng, đôi khi cũng biết hóm. Nó chia phương định hướng, gọi tên tám cái tiền đồn ấy là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Ai rủ nó ra quán, nó khinh khỉnh chặn trước: "*Phục Hy hay Văn Vương?*". Là những định hướng khác nhau đáng kể. Bạn ngẩn tò te nó sẽ coi bạn là mù chữ, không đáng cùng nó uống một chén trà.

Đấy là công chúng của ngày hội nghị thứ hai, đầu giờ chiều. Muốn chinh phục nó bạn phải đốt pháo đùng. Tiếng pháo tép của ông Thân bật lên từ một cõi lòng thiết tha, nhưng tế nhị quá. Ông đang vùi những suy tư của một đời nín nhịn vào chiếc gối phồng của sự uyên bác. Giữa tiếng ngáy bất tận của các dữ kiện lịch sử, lời tâm huyết của ông rời rạc thẳng thốt như lời nói mê mấy ai lưu ý. Rằng *đề mô cờ ra xi* nằm trong huyết thống dân tộc này. Tôi chua tiếp: phải trả lại dòng máu sang trọng ấy cho dân tộc, cho xứng đáng với cha ông! Rằng người Việt chúng ta vốn khoan dung với mọi trào lưu tư tưởng khác mình. Tôi chua tiếp: Ôi cái dân chủ đa nguyên! Và ở đâu đó trong cái hội trường mệt mỏi này, thằng con trai

duy nhất của ông đang lẩm bẩm câu kinh *biết rồi khổ lắm nói mãi*. Cái khổ của thằng con là phải nghe. Cái khổ của ông bố là không được nói. Gia đình trí thức hiện đại của chúng ta gồm những chiếc miệng chỉ mấp máy trong mê và những chiếc tai đút nút chăng? Nghe bi đát quá. Vân và Kiều ơi, cha không có gì để nói nhưng sẽ hò hát bông phèng luôn luôn, và các con nhớ đeo toòng teeng cho những chiếc tai xinh luôn sinh động!

Còn Sến, Sến một mình vỗ tay như bé Măng Non trong chương trình *Những bông hoa nhỏ* của truyền hình, và cần cổ phu nhân vươn như chân Chùa Một Cột, ngực gái một con dào dạt chìa ra đón người hùng, người thả lưới vĩ đại đang từ bục bước xuống. Sến lục túi lấy một lát sâm. Cách ba hàng ghế tôi nghe lời em ân cần "Nam Triều Tiên xịn đấy anh ạ, không phải sâm mậu dịch đâu, ngậm đi cho lại sức". Ôi mỹ nhân, mỹ nhân, con người bình thường và trần tục nơi em làm mủi lòng tôi ấm lòng tôi, tôi lại biết phải lòng em là hợp lẽ.

Nàng phó tiến sĩ của Viện tôi đã mào đầu xong về "Phụ nữ Việt Nam, truyền thống và hiện đại". Nàng đeo kính và để tóc xù, trông cũng ra một hiện tượng. Sến hay trách tôi ác khẩu với đàn bà. Vâng, sự âu yếm của tôi nó nhếch nhác méo mó. Nói chung cái quan hệ đực cái ở ta nó nhếch nhác méo mó trong phạm vi toàn quốc, không chỉ riêng nơi tôi. Đàn ông dương vật buồn thiu, đàn bà cạn khô suối tình. Chỗ nào rào rạt biển tình thì là một biển cải lương chết chìm, một biển cải lương rất sến. Tôi còn một chút âu yếm chưa dùng tới, phải gói ghém vào miệng lưỡi xấu xa độc địa cho dễ bảo toàn. Ngày xưa các cụ cũng thường gói con vào những cái tên thật xấu cho thần linh không màng tới...

Ở địa vị nàng tiên trí thức trên kia tôi sẽ à ơi - ru con cho cử tọa ngủ gật được yên tâm thiếp đi. Ông Viện trưởng sẽ đánh thức họ dậy. Có thể tin vào kinh nghiệm đọc diễn văn bế mạc của ông. ❐

Hồn Thơ

Trần Văn Tích

Thúy Kiều là người đam mê sáng tác thi ca, đắm say biểu diễn nghệ thuật. Động cơ của những hoạt động mỹ học đó rất khác nhau.

Từ đầu đến cuối *Truyện Kiều*, tất cả có tám lần Thúy Kiều đánh đàn và mười lần Thúy Kiều làm thơ.

Tám lần đánh đàn đều là do "thính giả yêu cầu".

Lần thứ nhất, đối tượng thưởng ngoạn là khách tri âm Kim Trọng:

465(*) *Thưa rằng: Tiện kỷ sá chi.*
Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng.
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày
Nàng rằng: Nghề mọn riêng tay,
Làm chi cho bận lòng này lắm thân!
So dần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đâu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đâu Tư-mã Phượng cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
Kẻ Khang này khúc Quảng lăng,
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân.
Quá quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
488 *Khi vò chín khúc khi chau đôi mày.*

Lần thứ hai, Kiều đánh đàn cho Mã Giám sinh nghe:

639 *Đắn đo cân sắc cân tài,*
ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ.

Lần thứ ba, Kiều ở lầu xanh, dùng cung đàn nốt nhạt để khách làng chơi mua vui:

1245 *Đòi phen nét vẽ câu thơ,*
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.
Lần thứ tư, Thúc Sinh được may mắn một mình thẩm âm:
1297 *Khi hương sớm khi trà trưa,*
Bàn vây điểm nước đường tơ họa đàn.

Lần thứ năm, Hoạn Thư bảo Kiều đàn cho mình nghe thử:

1779 *Lĩnh lời nàng mới lựa dây,*
Nỉ non thánh thót dễ say lòng người!

Lần thứ sáu, Thúc Sinh và Hoạn Thư dự tiệc tẩy trần trong tiếng tơ đồng của Kiều:

1851 *Nàng đà tán hoán tê mê,*
Vâng lời ra trước bình the vặn đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!

Lần thứ bảy, Hồ Tôn Hiến dở tỉnh dở say ép buộc Kiều phô trương tài nghệ:

2567 *Bắt nàng thị yến dưới màn,*
Dở say lại ép cung đàn nhặt tâu.
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay!

Lần thứ tám và là lần chót, Kiều đánh đàn cho khách tri âm trong đêm đoàn tụ:

3197 *Phím đàn dìu dặt tay tiên,*
Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa
Khúc đâu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình đỗ quyên?
Trong sao châu nhỏ duềnh quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông!

Lọt tai nghe suốt năm cung,
3206 *Tiếng nào là chẳng não nùng xôn xao.*

Cả tám lần biểu diễn tuyệt nghệ cung thương, lần nào nghe cũng rất buồn, kể cả lần chót, trong cảnh đoàn viên sum họp. Tuy rằng chàng Kim đánh giá

Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy

nhưng nhìn chung, nhạc khúc vẫn bi ai mênh mang nhiều hơn dương hòa đầm ấm. Tuy rằng mỗi lần trình tấu thì lại có một cung cách mô tả riêng dưới ngòi bút Nguyễn Du, như Vũ Trinh phê bình: Tả Kiều sở đàn phàm ngũ xứ, nhất xứ hữu nhất xứ tình cảnh. (Tả Kiều đánh đàn cả thảy năm chỗ, chỗ nào có riêng tình cảnh chỗ ấy).

Nếu nghệ sĩ trình tấu tiếng tơ đồng không hề tự nguyện biểu diễn thì có ít nhất sáu lần Thúy Kiều đã làm thơ do cảm xúc trong tổng số mười lần nàng vận dụng vần điệu ngôn từ. Đây là điểm khác biệt giữa thi ca và cầm ca trên đường đời Thúy Kiều. Kiều chủ yếu là nghệ sĩ trình bầy chứ không phải là nhạc sĩ sáng tác. Nàng chỉ huy động chất xám có một lần duy nhất để thai nghén cung đàn Bạc mệnh:

31 *Cung thương làu bậc ngũ âm,*
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.

Nhưng con tim thì đã nhiều lần thôi thúc Kiều làm thơ.

Nhà thơ trữ tình nói lên rung động tình cảm của mình trước những hiện tượng của cuộc sống. Rung động tình cảm đó của nhà thơ vừa có tính chất cá thể, vừa chịu ảnh hưởng của thời đại, xã hội. Lợi dụng khả năng kỳ diệu của ngôn ngữ thi ca như là một phương tiện miêu tả tất cả những gì phức tạp nhất trong tâm tư, trong đời sống, trong thiên nhiên, thi sĩ dùng con tim viết nên thi phẩm. Thi ca không là trò chơi, thi ca là xác thịt và máu huyết. Một bài thơ có giá trị là một bài sâu sắc và sinh động, sức truyền cảm mạnh, nhạc điệu du dương, ngôn từ hoa lệ, hình ảnh lộng lẫy. Người làm thơ phải có cảm hứng say đắm thể hiện lòng thơ dạt dào.

Lần đầu tiên Kiều làm thơ là ở mộ Đạm Tiên, do tức cảnh mà làm một bài tứ tuyệt:

99 *Rút trâm sẵn giắt mái đầu,*
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê mẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.

Ngay sau đó, Đạm Tiên ở cõi u minh linh hiển khẳng định sự hiện hữu thần bí của mình, khiến Thúy Kiều xúc động tâm can cảm thấy có

hứng làm thêm một bài thơ cổ:

129 *Đã lòng hiển hiện cho xem,*
Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Rồi Đạm Tiên hiện về trong mộng đưa cho Kiều mười đầu đề do bà Chủ hội Đoạn trường ra để Kiều vịnh. Đó là mười điệu từ: Tích đa tài, Lân bạc mệnh, Bi kỳ lộ, Ức cố nhân, Niệm nô kiều, Ai thanh xuân, Ta kiển ngộ, Khổ linh lạc, Mộng cố viên, Khốc tương tư:

203 *Này mười bài mới mới ra,*
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức nở khen thầm,
Giá đành tú khẩu cẩm tâm khác thường!
Ví đem vào tập đoạn trường,
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!

Lần thứ tư làm thơ, Kiều nhân dịp cả nhà đi ăn sinh nhật để sang gặp Kim Trọng và được mời đề thơ lên bức tranh vẽ tùng còn tươi nét bút. Lần này Kiều hòa đồng thi với họa, dùng lời đề vịnh để bình giá họa phẩm, nâng sáng tác đan thanh lên mức hoàn hảo:

401 *Sinh rằng: Phác họa vừa rồi,*
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và hỏn câu.
Khen tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này!

Ở lầu Ngưng bích, Kiều làm thơ lần thứ năm trong tâm trạng nhớ nhung buồn thảm, cô thân chích ảnh nơi đông đất xứ người. Thể thơ vận dụng cũng là thể thơ tứ tuyệt như vào dịp đề trên bức họa ngày nào:

1055 *Chung quanh những nước non người,*
Đau lòng lưu lạc nên vài hỏn câu.

Lần thứ sáu và cũng là lần chót làm thơ tự ý, Kiều ký thác cho đời những lời tuyệt mệnh trước khi gieo mình xuống sông Tiền đường:

2625 *Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,*
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau.

Kiều cũng làm thơ xướng họa với Thúc Sinh và làm theo kiểu liên ngâm, vừa rót rượu mời nhau vừa chơi thơ:

1295 Khi gió gác khi trăng sân,

Bầu tiên chuốc rượu câu thần nối thơ.

Ba lần Kiều phải làm thơ đó bắt buộc.

Lần thứ nhất nàng làm thơ không như một thi sĩ mà như một thí sinh, nhẫn nhục chịu sự thử thách mua bán một món hàng, khi Mã Giám sinh và đồng bọn đòi chấm điểm tài năng người đẹp qua đề thơ vịnh quạt:

639 *Đắn đo cân sắc cân tài,*
ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ.

Lần thứ hai ở lầu xanh, Kiều làm thơ nhằm mang thêm lạc thú cho khách thương hoa, trong khuôn khổ bốn món giải trí cầm kỳ thi họa:

1245 *Đòi phen nét vẽ câu thơ,*
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.

Lần thứ ba, Kiều làm thơ theo lệnh viên quan phủ xử nàng do lời tố cáo của Thúc Ông. Lần này nàng phải sáng tác căn cứ vào đều đề ra sẵn vịnh cái gông:

1450 *Cười rằng: Đã thế thì nên,*
Mộc già hãy thử một thiên trình nghề.
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.

Thi hứng bộc phát của hồn thơ đưa đến cung cách Thúy Kiều ghi lại sáng tác phẩm. Không kể những lần Nguyễn Du không nói rõ, có hai lần Kiều ghi thơ lên giới thực vật (*da cây, gốc cây*) và hai lần lên giấy (*tiên hoa*). *Tiên hoa* hay *hoa tiên* là tờ giấy có vẽ hoa thường dùng viết thư viết thiếp. Ghi thơ lên lá cây, thân cây, vách tường, động đá là kết quả cảm xúc thẩm mỹ mạnh mẽ và sâu sắc bộc phát và hình thành do tác động của một cảnh vật hay sự việc lên con tim thi sĩ. Có trường hợp là *ngẫu hứng*, tức là cảm hứng hầu như bỗng nhiên xuất hiện hoàn toàn bất ngờ. Một phần do nhu cầu ký thác thúc bách, phần khác do chủ tâm muốn chia sẻ cùng đồng loại; nhà thơ phóng bút viết thơ lên vách lên đá hoặc vạch chữ lên lá lên cây. Đó là một tập tục quen thuộc của nòi Hán. Chúng ta có điển cố văn học *hồng diệp đề thi*, nghĩa là thơ đề trên lá đỏ. Trong *Tiếu ngạo giang hồ*, Kim Dung đã để cho Ngọc Bút Ông, một trong Giang Nam tứ hữu, nhúng bút lông vào rượu viết lên vách phòng bài *Bùi tướng quân thi* khi Hướng Vấn Thiên - đúng ra thì phải đọc là Hướng Vấn Thiên - đưa Lệnh Hồ Xung đến gặp họ, trong âm mưu giải cứu giáo chủ Triêu Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành. Trong *Lộc đỉnh ký* và ở chùa Thiền trí, viên Bố chính Dương châu đã kể cho Khâm sai Đại nhân Vi Tiểu Bảo nghe chuyện thi sĩ Vương Bá đề thơ Đường lên vách chế nhạo các nhà sư ở Mộc Lan viện. Trong văn học sử nước nhà, năm Canh tuất 1790, Đoàn Nguyễn Tuấn, anh vợ thi hào Nguyễn Du, được vua Quang Trung cử đi sứ

Trung Hoa, đã lên chơi chùa Phi Lai ở tỉnh Quảng đông và phóng bút đề thơ vào vách (*Đăng Giáp Tây Phi Lai tự, tẩu bút thư vu bích*). Trong văn học sử chữ Hán, Lục Du cũng đã ghi bài *từ* điệu *Thoa đầu phụng* viết tặng người yêu Đường Uyển lên vách tường vườn nhà họ Thẩm.

Nguyễn Du thấy không cần thiết phải ghi lại cho chúng ta các thi phẩm do Thúy Kiều sáng tác. Thi bá chỉ mượn ngôn ngữ nhân vật để ngợi khen tài năng văn chương của nàng. Đạm Tiên, Kim Trọng, quan phủ đều thành thật thán phục. Riêng quan phủ còn linh động áp dụng luật lệ quốc gia bằng cách tha tội cho Kiều không phải vì nàng tự biện hộ hay có luật sư biện hộ xuất sắc mà vì nàng làm thơ quá hay. Điều đó có thể hiểu được nếu chúng ta nhớ đến đầu đề ngâm vịnh là cái gông (*mộc già*). Biểu hiện cảm xúc nặng chất thơ, dùng ngôn ngữ hàm súc, có âm điệu tiết tấu, có hình thức hài hòa để nói đến một hình cụ nặng nề đâu phải dễ. Ba bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát chẳng hạn nhan đề *Trường giang thiên*, cũng vịnh cái gông, tuy có vẻ đẹp của tư tưởng tình cảm nhưng thiếu hẳn khám phá mới về hình ảnh.

Thúy Kiều còn phô diễn bản lĩnh trên khía cạnh huy động nhiều thi loại, mà thể loại nào nàng vận dụng cũng tài tình. Đây là điều rất khó và rất hiếm. Chính bản thân Nguyễn Du cũng chỉ chuyên về thơ cổ phong và thơ Đường luật, nhưng thi hào không để lại bài thơ liên ngâm nào. Về *từ*, Nguyễn Du rất ít khi, hết sức ít khi đi vào lĩnh vực văn học nầy. Trong văn học sử, mỗi tác gia thường chỉ thành thạo một thi loại. Chu Bang Ngạn, Tản Khí Tật chủ yếu là những từ gia; Vương Xương Linh lưu danh vì thơ thất ngôn tứ tuyệt. Vua Tự Đức, tác giả bộ *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, làm tất cả hai trăm mười hai bài thơ vịnh các nhân vật lịch sử nước nhà đều theo thể thơ thất tuyệt (bốn câu bảy chữ) và bằng chữ Hán. Nhà vua không hề có sáng tác nào bằng chữ Nôm chính thức lưu truyền cho hậu thế. Nhưng Thúy Kiều thì làm được thơ theo nhiều hình thức: tứ tuyệt, từ, cổ thi và thơ liên ngâm.

Thơ tứ tuyệt là những bài thơ nhỏ bốn câu, mỗi câu thường năm hoặc bảy chữ (ngũ ngôn tuyệt cú, thất ngôn tuyệt cú). "*Thơ tuyệt cú lấy lời nói gần mà tình xa, hàm súc, không lộ, làm quí. Thường uyển chuyển, biến hóa, công phu ở câu thứ ba. Nếu câu ấy mà chuyển biến khéo thì câu thứ tư tự trôi đi như thuyền thuận nước.*"[1] Thơ liên ngâm là thơ do hai hay nhiều người cùng làm, nối lời nhau sáng tác chung một bài. Ba vị hoàng tử con vua Minh Mệnh: Miên Bửu, Miên Thẩm, Miên Trinh chẳng hạn từng cùng làm chung bài *Hòa lạc ca* sáu mươi bốn câu bằng quốc âm theo lối song thất lục bát. Hai thể thơ nầy (tứ tuyệt và liên ngâm) có nội dung phong phú, đa dạng: có thi phổ rộng rãi, bao quát. Riêng thể tứ tuyệt rất

được tao nhân mặc khách Hán, Nôm ưa chuộng.

Đáng chú ý hơn là sự kiện Thúy Kiều *điền từ* và làm *cổ thi*.

Trong văn học sử chữ nho, khái niệm *cổ thi* là một thuật ngữ gần như đạt được tính chính xác của từ vựng khoa học, chỉ mình bạch và hạn chế mười chín bài thơ của nhiều người khác nhau và đều khuyết danh, sáng tác dưới đời nhà Hán. Các tác gia nầy mô phỏng dân ca nhạc phủ; với tương tư, ly biệt là nội dung chính; với ý thơ thở than của người du tử lạc loài hay người cô phụ nhớ mong; với phong vị trần trề cảm thương, chua xót; với lời lẽ tự nhiên, sinh động; với tình cảm sâu sắc, chân thành. Lưu Hiệp trong *Văn tâm điêu long* bình giá cổ thi là đỉnh cao nhất của thơ ngũ ngôn. Tâm trạng đó của cổ thi phát cùng làn sóng với tâm cảnh của Thúy Kiều sau khi thấy *dấu giày từng bước in rêu rành rành*.

Từ là thể thơ phục vụ đắc lực cho nhu cầu hé mở cái tôi trữ tình; từ cung cấp cho từ gia một phương tiện nhiệm mầu để bộc lộ trực tiếp ý thức cá nhân, khi con người bị thúc ép phải tự nhìn lại mình, tự cảm thấy mình qua các ấn tượng, ý nghĩ, cảm xúc chủ quan đối với ngoại giới và nhân sinh. Từ tạo điều kiện để chủ thể bộc lộ nhận định cá thể, suy tư bản thân, chiêm nghiệm riêng tây. Ở từ, nguyên tắc chủ quan là nguyên tắc cơ bản trong việc sao chép hiện thực, là nhân tố quyết định xác lập những đặc điểm cốt yếu của tác phẩm trữ tình. Vị chủ nhân hội Đoạn trường khi dùng thể từ để ra cho Thúy Kiều mười bài ngâm vịnh là đã điểm vào đúng huyệt linh đài của nàng; nhất là khi chúng ta biết rằng từ là thơ kết với nhạc, là thi loại dựa vào nhạc thức mà đặt lời. Vốn dĩ nàng Kiều vừa giỏi đàn địch vừa rành thi ca.

Nhưng trên danh thiếp của mình, Thúy Kiều còn có thêm quyền ghi rõ hai chữ "thi sĩ" vì nàng từng từ chối lời khẩn cầu của Thúc Kỳ Tâm, không họa lại bài thơ Đường luật mà họ Thúc tức cảnh sinh tình sáng tác vào cái ngày hè oi bức sau khi nhìn trộm được nàng tắm khỏa thân. Hôm ấy, hệ động mạch vành của con tim Thúy Kiều không nhận được đủ dung lượng máu cần thiết cho thi hứng; vỏ não người đẹp không đủ hưng phấn để đưa đến trạng thái mê đắm khi xuất hiện tứ thơ. Là thi sĩ, Thúy Kiều ý thức rõ hơn ai hết tình huống tâm sinh lý nầy:

1315 *Nàng rằng: Vâng biết lòng chàng,*
Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn lẽ cũng nối điêu,
Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gởi áng mây Hàng,
Họa vần xin hãy chịu chàng hôm nay.

Thơ là nghệ thuật ngôn từ. Nhưng nhiều khi tài năng chế hóa từ ngữ, bản lĩnh bố trí chữ nghĩa lại trở thành công cụ của một quá trình đào bới tâm tư, đâm thấu cơ tim như hình tượng chim bồ nông quen thuộc và nổi tiếng của Alfred de Musset. Rimbaud khắc khoải tự vấn, suy tư triền miên về mối quan hệ thân tộc huyền diệu giữa hai động từ pleurer (khóc) và pleuvoir (mưa) để, đến một phút xuất thần, như do một lực thôi thúc không cưỡng được của tấc nôi, hạ bút:

Il pleure dans mon coeur.
Comme il pleut sur la ville.
(Tôi khóc trong tim,
Như trời mưa trên phố).

Nhà thơ từng dùng hình ảnh lộng lẫy *alchimie du verbe* (thuật luyện kim động từ)!

Thi ca phản ảnh cuộc sống nhưng qua lăng kính tâm trạng bồi hồi, cảm xúc dạt dào của thi sĩ. Cho nên trên nguyên tắc, ngôn ngữ thơ không phải là ngôn ngữ dành cho người khác. Ngôn ngữ thơ trước hết là để cho chính mình. Và do đặc tính đa hiệu đa năng, do quyền năng song quan hàm nghĩa của ngôn ngữ thơ; do hiệu ứng cộng hưởng, do tác động lưỡng diện của ý tứ thơ; các chữ, các từ dùng trong thơ cung cấp cho người vận dụng chúng một hệ gương phản chiếu, một chiếc kính vạn hoa qua đó nhà thơ tự thấy lại mình, tự nhân mình lên, tự phân mình ra, tự gom mình lại theo những ấn tượng hầu như vô tận. Tất nhiên đã có kẻ đòi nhà thơ phải biết xung phong. Tất nhiên có thể chế chính trị thiên về hạn định cho văn nghệ một số chức năng hướng tha, những chức năng gần như được nâng thành sứ mệnh: chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ. Văn nghệ, theo chủ trương nầy, là một hành động tri giác đối với thế giới và đối với bản thân; đọc văn xem tranh v.v... là tiếp thu những nhận thức ấy. Văn nghệ còn được xem là một hình thức tiếp cận chân lý. cho nên nó có chức năng nhận thức. Nhưng sự phản ảnh trong văn nghệ bao giờ cũng gắn với một khuynh hướng, một chỗ đứng, một cách nhìn, một thái độ đối với các hiện tượng được mô tả; do đó, văn nghệ có tác dụng cải tạo quan điểm, tư tưởng, đạo đức; từ đấy suy ra chức năng giáo dục của văn nghệ. Ngoài ra, văn nghệ đáp ứng nhu cầu thưởng thức cái đẹp muốn vươn tới lý tưởng, muốn đạt mức hoàn thiện; văn nghệ bồi dưỡng khả năng sáng tạo và cảm thụ của người tiếp thu; bởi thế văn nghệ có chức năng thẩm mỹ. Thật ra nuôi ý đồ ép buộc văn nghệ phải có đầy đủ những chức năng (được xem là cơ bản) như thế là một cung cách tư

duy khắc nghiệt, eo sách. Có bài thơ chỉ miêu tả cảnh vật, qua đó ta có thể nhận thức được cái đẹp của thiên nhiên, nhưng tác dụng giáo dục tư tưởng thì lại rất hạn chế. Hai câu *Kiều*

Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

có giá trị đạo đức chút nào đâu? Những bức tranh của William Turner ra đời đã làm cho buổi hoàng hôn ở nước Anh trở nên đẹp đẽ hơn, theo phẩm bình của giới thưởng ngoạn, nhưng đâu phải vì vậy mà người Anh có lối sống hợp luân thường hơn! Mặt khác, khi sáng tác quả thực là người ta khó giữ thế đứng không có thế đứng. George Sand bảo: "Tính vô tư tuyệt đối là một điều phi nhân và một cuốn tiểu thuyết trước hết phải có nhân tính. Nếu không thế thì dù trình bầy hấp dẫn, sáng tạo lôi cuốn, quan sát chi tiết chính xác cũng không làm cho ai yêu thích. Tác phẩm thiếu yếu tính căn bản: gây hứng thú." (2) Nhưng lại cũng chính nữ sĩ khi đề tựa *Ao có ma* (La mare au diable) đã khẳng định sứ mệnh của nghệ thuật là một sứ mệnh của tình cảm và tình thương.(3) Trong thực tế sáng tác và chỉ nhìn riêng nền văn chương tiếng Pháp, nếu có một Victor Hugo qua *Những người khốn khổ* (Les misérables) nói lên lòng tin vào sức mạnh và nghị lực con người cải tổ xã hội và thời đại, một Romain Rolland qua *Giăng Crixtôphơ* (Jean Christophe) thể hiện quan điểm âm nhạc có khả năng đóng góp vào sự cảm thông giữa các dân tộc (Đức và Pháp) v.v...; nếu có một nền văn học "luận đề" nhiệt thành và tiến bộ như thế thì bên cạnh nó cũng vẫn cứ có một nền văn học với thiên hướng khác, nguội lạnh hơn, dè dặt hơn, dĩ chí yếm thế hơn, từ Mme de la Fayette và La Rochefoucauld đến Francoise Sagan qua Laclos, B. Constant, Radiguet v.v... và cả Flaubert nữa. Lại còn có ý kiến của Jean-Paul Sartre: "Cho rằng mình viết cho mình là không đúng: làm thế là thất bại não nề; dàn trải tâm tình mình lên trang giấy chỉ có thể kéo dài tâm tình một cách lê thê yếu ớt... Chỉ có nghệ thuật cho và bởi tha nhân."(4) Sartre không muốn nhà thơ nhà văn viết cho bản thân vì như thế là không đáp ứng thiên chức dấn thân, tích cực của văn học. Nhưng dẫu có chấp nhận yêu sách *engagement, nhập cuộc* của Sartre đối với văn chương thì cũng lại phải tự hỏi, tại sao trong biết bao hình thức tác động lên cộng đồng, thi sĩ văn nhân lại chọn văn chương? Nói cách khác, phải thừa nhận là nếu có người nào đó muốn đảm trách thiên chức chi phối đồng loại thì văn chương chưa chắc đã là kiểu cách trực tiếp nhất. Ronsard thoạt tiên dự định hoạt động trong lĩnh vực ngoại giao quân sự, chỉ sau khi gần như bị bắt buộc phải từ bỏ hoài bão này do tật nguyền (bị điếc), Ronsard mới trở thành thi sĩ. Saint Simon vốn chỉ muốn đóng một vai trò quan trọng trên chính

trường, có rất nhiều tham vọng khi mới vào đời vì xuất thân quí tộc, được phong tước công; nhưng bị thất vọng ở mọi địa bàn nghiệp vụ - trong quân đội, ở triều đình và thuộc ngoại giao đoàn - nên mới rút lui viết *Hồi ký* (Mémoires). John Milton hoạt động chính trị hơn hai mươi năm, làm Quốc vụ khanh dưới chế độ Cộng hòa của Cromwell nhưng chỉ sau khi bị mù năm 44 tuổi mới để lại được cho đời thi phẩm mãnh liệt và sâu sắc nhất trong văn học Anh, *Thiên đường bị mất* (Paradise lost). Cả Khổng Tử lẫn Mạnh Tử đều đã bôn ba đi khắp các nước Vệ, Tống, Trần, Tề, Sở v.v... để gặp rất nhiều lãnh chúa mong được trọng dụng song không thành công nên cuối đời mới về quê dạy học và *thuật nhi bất tác*. Nếu nhị vị được mời "tham gia chính phủ" lâu dài thì đội ngũ lãnh tụ nho gia đã vắng bóng một thánh và một á thánh. Lý Bạch thời trẻ tuổi không chịu đi thi mà ở nhà luyện kiếm rồi lên núi cầu tiên học đạo; 25 tuổi xuống núi Nga mi, từ giã cha mẹ quê hương chống kiếm viễn du (*trượng kiếm khứ quốc, từ thân viễn du*); đã từng vung gươm giết người vì việc nghĩa, nuôi mộng trở thành kiếm sĩ trước khi trở thành thi tiên. Giả như tác giả *Hiệp khách hành* luyện được Càn khôn đại nã di tâm pháp như giáo chủ Trương Vô Kỵ thì lịch sử đã không có chuyện *Lý Hàn lâm bố y hành đạo* (quan Hàn lâm họ Lý mặc áo vải để hành đạo). Không biết bao nhiêu nhà nho Việt Nam hoặc vừa *trí quân trạch dân* vừa *ngôn chí* hoặc - phổ biến hơn và nhất là làm thơ hay hơn - chỉ làm thơ khi sinh bất phùng thời, khi hoạn lộ bế tắc: Tú Xương, Nguyễn Đình Chiểu và cả Nguyễn Khuyến, có thể cả Nguyễn Du. *Nhân cùng thi nãi công*: Dương Tu từng nói không phải thơ làm cho người ta cùng khổ, nhưng có lẽ người ta gặp vận cùng thì thơ mới hay. Từ ngày hình thái văn học đầu tiên của loài người là thơ xuất hiện thì vận rủi và sầu muộn đã là nguồn gốc kích động sáng tạo. Có cần nhắc lại những tứ thơ tiếng tăm của Alfred de Musset xoay quanh chủ đề sự đau khổ nâng cao tâm hồn? (5)

Cho nên trong một số trường hợp, con đường dẫn đến văn chương là một mê lộ uẩn khúc của lòng người. Tiểu thuyết gia Pháp hiện đại Roger Vailland cho rằng tiểu thuyết chẳng hạn là "một dạng thể đáp ứng trọn vẹn đối với mọi nhân tố trong vũ trụ tác động cùng một lúc vào nhà văn, đáp ứng toàn diện, nhưng gián tiếp." (6) Và Vailland thêm là đa phần nhân loại, khi ngoại giới tác động lên mình, thì cố gắng chế ngự thiên nhiên trong khi "nghệ sĩ đáp ứng ở cấp hai, nghệ sĩ đáp ứng qua sáng tạo một vũ trụ trung gian - tranh vẽ, tấu khúc, tiểu thuyết, thi phẩm." (7) Nói tóm lại, sáng tác mỹ học chưa chắc đã là một hình thức ứng xử hướng vào tha nhân như Sartre muốn hay như một giới chính trị gia đòi; sáng tác mỹ học có khi là một đối trọng được văn nghệ sĩ tạo ra trong tự thân và cho tự

thân để khỏi bị sức nặng của hiện thực đè nghiến. Tác phẩm là một sự hiệu chính; hiệu chính hiểu theo nghĩa phổ biến trong vật lý học chứ không phải theo phân tâm học; tức là một trọng lượng bổ chỉnh, một sức nặng làm cân bằng. Quan niệm như vậy cắt nghĩa được tại sao nhiều nhà văn cho rằng viết là nhu cầu sinh tử; nhiều nhà thơ làm thơ mà không cần có đối tượng thưởng ngoạn, không cần cả thơ được in ra và phổ biến. Người ta sáng tác vì hoạt động trí tuệ nầy mang lại sự an ủi vỗ về, sự giải thoát phóng thích, sự thông khí cho tâm hồn, nếu không thì tâm hồn cơ hồ chết ngạt. Độc giả *Văn học* có thể dễ dàng thẩm tra lại luận điểm này qua mục *Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại* do tạp chí chủ xướng kể từ số 110 là số bắt đầu đăng chân dung và tâm tình một số ngòi bút. Nhưng chẳng phải chỉ có dòng văn học hải ngoại của chúng ta mới biết đến hiện tượng nầy: từ thời kỳ lãng mạn đến nay, "giai cấp" thi sĩ, thường là thành phần tư sản hay tiểu tư sản thành thị, vốn vẫn cách bức với đại khối dân gian. Ngay đến hôm nay và không phải chỉ đối với một mình cộng đồng Việt tộc, thơ vẫn là hình thái nghệ thuật bán ít chạy nhất.

Jean Rousset, trong *Ngoại hình và ý vị* (Forme et signification), cho rằng nghệ sĩ là người tự tìm thấy mình qua tìm thấy các cơ cấu của tác phẩm [8]. Cho nên nếu khi sáng tạo, nghệ sĩ bố trí một hệ cơ cấu đáp ứng lời kêu gọi từ chiều sâu tâm khảm thì nghệ sĩ viết cho bản thân; còn khi các cơ cấu xây dựng nên tác phẩm mỹ học biến nó thành một đối tượng nghệ thuật được nhiều tâm hồn đồng điệu lĩnh hội và cảm thông thì nghệ sĩ viết cho thiên hạ. Trong bối cảnh đó, không có vấn đề ái kỷ bệnh hoạn: họa sĩ, đứng trước thiên nhiên, không truyền đạt cho đời các cảm xúc cá nhân, mà lưu lại cho nhân thế những bức họa. Theo cung cách diễn đạt quen thuộc của Malraux, nghệ sĩ không phải là người yêu mến phong cảnh, nghệ sĩ là người yêu mến tranh vẽ [9]. Còn người đọc thì không thông cảm với những cảm xúc, người đọc được mời gọi tự mình dựng nên một hệ thống khúc xạ để dựa vào đó mà sống các cảm xúc riêng tư. Điều khiến nhà văn cầm bút, họa sĩ cầm cọ là, như Beaudelaire chỉ ra trong *Cái chết của nghệ sĩ* (La mort des artistes), cái cảm tưởng rằng họ có khả năng làm não bộ khai hoa dưới một mặt trời mới mẻ [10]. Phần còn lại: ý hướng tác động lên tha nhân, mục tiêu cải biến xã hội v.v... có lẽ thuộc chức năng của nền văn học lớn và cao, nền văn học đã trưởng thành và có ý thức trách nhiệm. Nhưng yếu tố phát động của văn chương thì lại không phải là những lãnh vực tôn quí vừa kể.

Đặt bút sáng tác trước hết là để đáp ứng đòi hỏi bên trong bản thân mình về giải bày, chia sẻ, trao đổi, đối thoại... với ta. Rồi, nếu cần, với người. Trong tác phẩm văn học, mỗi độc thoại, mỗi đối thoại giữa các

nhân vật với nhau hoặc mỗi đối thoại giữa nhà văn với nhân vật đều là những hình thức khác nhau của sự đối thoại của nhà văn với nội tâm hay với khách thể. Văn học rất nhiều khi là chiếc cầu nối người viết với người đọc, người đọc với người đọc, một phương tiện liên kết xã hội, một hình thức tổ chức dư luận, một cách thế huy động lực lượng. Nhưng trong một số trường hợp chưa chắc đã là họa hoằn, văn học có thể chỉ là một *by-pass* [11] không hơn không kém. Cảm xúc nhân loại vốn có hai hướng đầu tư, một bên hướng về bản thân, *kỷ*; một bên hướng về thiên hạ, *tha*. Một bên là ái kỷ, một bên là ái tha; hai bên cùng tiến triển song song. Thương người như thể thương thân. Nhưng cũng có khi chỉ thương thân mà thôi. Và như thế cũng chẳng phải đáng trách hay đáng tiếc. Thúy Kiều ở lầu Ngưng bích có quyền làm thơ chỉ để cho riêng nữ nhân vật chính của *Đoạn trường tân thanh* ký thác tâm tư, chỉ thống thi hồn. Nhân danh đạo đức phong hóa mà trách nàng, nhân danh nhu cầu chính trị mà chê nàng thì đều là khe khắt, hẹp lượng. Với các đối tượng như vậy có lẽ Thúy Kiều không sốt sắng đối thoại lắm đâu.□

Chú thích

(*) Số thứ tự câu thơ theo *Truyện Kiều* bản chuẩn với 3254 câu.

(1) Trần Trọng Kim. *Thơ Đường*. Đại Nam in lại ở quốc ngoại, tr. 305.

(2) La suprême impartialité est une chose anti-humaine et un roman doit être humain avant tout. S'il ne l'est pas, on ne lui sait point de gré d'être bien écrit, bien composé et bien observé dans le dé tail. La qualité essentielle lui manque: l'intérêt. (Thư gửi Flaubert ngày 12.01.1876).

(3) La mission de l'art est une mission de sentiment et d'amour.

(4) Il n'est pas vrai qu'on écrive pour soi-même: ce serait le pire échec; en projetant ses émotions sur le papier, à peine arriverait-on à leur donner un prolongement languissant... Il n'y a art que pour et par autrui. (*Qu'est ce que la littérature?* Gallimard, coll. Folio/Essais, 1947, p.49-50). Luận văn Qu'est ce que la littérature chủ trương con người phải "nhập cuộc" và "nhận trách nhiệm."

(5) Câu *Nhân cùng thi nãi công* tôi ghi theo bài *Thi ý thanh tân* của Hồ Nguyên Trừng. Nguyên văn của Âu Dương Tu (*Mai Thánh Du thi tập tự*) là: *Cái dữ cùng tắc dữ công. Nhiên tắc phi thi chi năng cùng nhân, đãi cùng giả nhi hậu công dã.* (Do vậy càng khốn cùng thì thơ càng hay. Như thế thì không phải thơ làm người ta khốn cùng, mà là có khốn cùng thì sau đó mới có thơ hay vậy). Âu Dương Tu tự cho mình là bạn tri âm của Mai Nghiêu Thần (tự là Thánh Du); nên đề tựa cho tập

Mộng
HỒ MINH DŨNG

Nửa đêm mộng thấy ta
hóa thân tằm giữa núi
chân dẫm gươm trăm năm
một đời, cùn, dáy suối.

Mộng, thực dìu nhau đi
ta chạy theo cuối phố
bờ sông treo ngọn mây
đuổi, một lần, rồi đuổi.

Rủ nhau đốn bương già
kết bè qua ải tối
mộng vuốt ve đầu nguồn
người xa ta mấy thuở.

Còn dòng suối vô tâm
níu cuộc tình quá vãng
mặt đất dấu tăm hơi
khe nứt, chờ tiếc mãn.

Ta, từng đêm thấy em
nằm cuối nguồn tàn phế
nước hút chân tóc người
vớt, một lần, rồi đuổi.

thơ của họ Mai. Tư tưởng chủ yếu là: *Thi cùng nhi hậu công* (Thơ phải khốn cùng sau đó mới hay). Thánh Du cho đó là lời *tri ngôn*.

(6) une espèce de réponse totale à tout ce qui dans l'ensemble de l'univers, agit à ce moment-là sur l'écrivain, réponse totale, mais indirecte.

(7) L'artiste répond au second degré, il répond en créant un monde intermédiaire - tableau, sonate, roman, pòeme.

(8) l'artiste est celui qui se trouve en trouvant les structures de son oeuvre.

(9) un artiste n'est pas quelqu'un qui aime les paysages, mais quelqu'un qui aime les tableaux.

(10) sous "un soleil nouveau", faire "s'épanouir les fleurs de leur cerveau."

(11) Thủ pháp phẫu thuật dùng một đoạn mạch máu lấy từ bản thân bệnh nhân (ví dụ từ các tĩnh mạch hạ chi) để đi vòng qua một khúc mạch máu tắc nghẽn hay teo hẹp. Chẳng hạn *aortic-coronary bypass* (cầu tắt động mạch chủ vành) nối động mạch chủ với một nhánh động mạch vành ngoại vi.

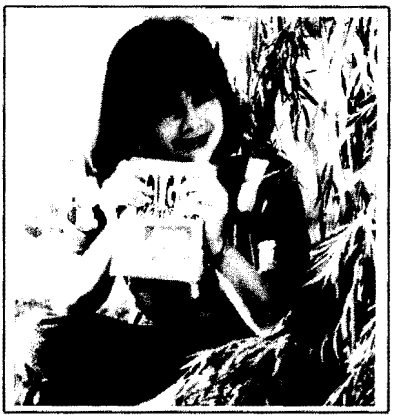

lệ hằng

Lệ Hằng sinh năm 1948 tại Hải Dương, Việt Nam. Dạy Việt văn trước khi làm báo, viết văn.

Truyện ngắn đầu tay, "Người Thầy Lặng Lẽ" xuất hiện trên nguyệt san *Tuổi Hoa* ở Sài Gòn năm 1967. Trước năm 1975, Lệ Hằng đã xuất bản 12 tác phẩm: *Thung Lũng Tình Yêu, Tóc Mây, Bản Tango Cuối Cùng, Ngựa Hồng, Mắt Tím, Tình Yêu Như Băng Sơn, Chết Cho Tình Yêu, Kinh Tình Yêu, Sóc Nâu, Chiều Gió, Màu Xanh Đang Lên* và *Như Sương Long Lanh.*

Lệ Hằng cũng là tác giả của hai chuyện phim *Hạnh Phúc Quanh Đây* (1981) và *Bình Nguyên Xanh* (1982).

Năm 1989, Lệ Hằng sang Úc đoàn tụ với gia đình và tiếp tục sáng tác. Ba năm sau cho xuất bản hai tác phẩm mới *Sa Tăng Dịu Dàng* (truyện ngắn) và *Nghề Làm Vua* (truyện dài).

Lệ Hằng sống với gia đình ở vùng Blue Mountains Sydney, cộng tác với các tạp chí văn học nghệ thuật ở Hoa Kỳ như *Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thời Báo, Văn Nghệ Tiền Phong, Phật Giáo Việt Nam, ở Úc như Dân Chúa, Phật Giáo Việt Nam, TiVi Tuần San, Nhân Quyền, Dân Việt, TiVi Sydney.*

Trả lời phỏng vấn

1. Chị viết gì? Và viết cho ai?

Nhà văn có thể viết để gửi cho đời một thông điệp. Chà nghe hách dữ. Nầy nhé, văn chương dấn thân của trường phái Hiện Sinh ở Pháp ngày trước, rồi rầm rộ một dòng văn học ý thức hệ giữa hai phe lâm chiến ở Việt Nam trước năm 1975 nó lác đác dây dưa cho đến bây giờ. Cái hay của loại văn chương dấn thân nầy là người cầm bút có thể yên lòng với câu hỏi viết gì và viết cho ai, khỏi cần suy tư khắc khoải gì nữa, nhưng cũng rất tai hại, bởi nhà văn có nguy cơ trở thành nhà truyền giáo hay văn công lúc nào không hay.

Như thế không có nghĩa nhà văn là giới value free, chỉ viết "vị nghệ thuật". Các ông bà nhà văn làm sao tránh khỏi một chọn lựa nào đó trong cuộc đời và từ cuộc đời. Tôi nghĩ phần việc chính của nhà văn vẫn là tặng cho đời một cái gì để người đọc bay bổng lên yêu thương cuộc sống này hơn một chút. Như vậy ý tưởng để ném vào đời không chưa đủ mà còn phải nói đến tài năng, kinh nghiệm và... một vận may nào đó nữa!

2. Về sáng tác, chị tự đánh giá về chị như thế nào trước 1975 và bây giờ?

Trước 1975 hả? Trời ơi, tức cười lắm, tôi đúng là chiếc xe mới ra lò phóng vun vút trên xa lộ Biên Hòa, văng cả khói vào mặt người khác, chắc nhiều người bực lắm. Tránh sao nổi cái màn vượt tốc độ, rồi lạng quạng sang lane ẩu. May quá, nhờ phước đức ông bà để lại, tôi không húc ai toi mạng. Tôi cũng ân hận, đã viết nhanh, viết ào ào nhưng vẫn không nói hết được những điều muốn nói. Trời ơi, thì anh cũng phải làm ngơ cho tôi bày đặt ân hận làm nũng người đọc một chút chứ. Viết xong bao giờ tôi cũng ấm ức, bởi lúc đó tôi còn trẻ quá, không đủ kinh nghiệm và bản lĩnh để nói. Bây giờ, nhờ ơn thời gian, nhờ uống quá nhiều chén đắng ở bên nhà cũng như ở xứ người, tôi cảm thấy mình người lớn hơn, tự thưởng cho mình một chút thong dong tự tại để viết một cách... chà tôi thuộc loại gà tồ ăn nói không khéo lắm, thôi nói đại... viết một cách vừa nghiêm chỉnh vừa ngông đời. Được chưa?

3. Mười bốn năm ở lại, chị có nhận xét thế nào về thực trạng văn học trong xã hội chủ nghĩa?

Cũng như kinh tế xã hội chủ nghĩa, văn học xã hội chủ nghĩa là một thứ văn học có kế hoạch hẳn hoi. Ban tuyên huấn họ tính hết, năm nay phải tập trung lực lượng sáng tác về mặt này, phải ném nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ đi thực tế mảng kia. Văn học xã hội chủ nghĩa cũng giống như văn chương thần học. Người cầm bút không cần - và không còn hơn - để băn khoăn ta phải nói gì, viết gì. Họ nhắm mắt tập trung tài năng hay tài vụn vào một câu thần chú tối quan trọng: Phải viết, phải nói như thế nào cho khỏi phạm thượng cấp trên, đụng chạm đến giáo điều, đi ngược với chủ trương chính sách đương hành... Đó là một thứ văn học kiến giải, văn học hoa lá cành. Nhà văn đôi khi cũng gây những cơn bão trong tách trà như Bảo Ninh với "Nỗi Buồn Chiến Tranh", Trương Quốc Dũng với "Đường Tăng". Thú thật với anh, tôi hơi sợ loại văn chương này, nên cứ vừa đọc vừa niệm Phật cầu an, tò mò nhiều hơn là thưởng thức, nên sự hiểu biết của tôi chắc chắn không chính xác lắm. Thật ra, có ai dám hiểu văn chương nghệ thuật một cách chính xác. Tôi có đọc, không nhiều lắm, cũng không ít lắm. Theo tôi, đó là một thứ văn chương đóng khung, hơi thiếu không khí. Có một dạo, mở sách ra, đoán được hết mọi trò, từ đầu đến cuối, chính diện, phản diện... tính sử thi, tính cách mạng. Đọc xong, vừa phục vừa xót cho tài ba của nhà văn. Tác phẩm của họ càng ngắm nghía càng thấy giống những đứa con trong ống nghiệm. Tôi có dạo cũng đi làm công nhân viên nhà nước, dĩ nhiên cũng phải học lối viết trui rèn chật chội trong ống nghiệm. Tôi thua, và càng phục các ông các bà nhà văn của xã hội chủ nghĩa sát đất hơn. Sau này, đảng mở trói một tí, quí vị mừng rơn, viết tung lên. Tôi cũng mừng rơn, đọc hối hả. Đọc xong, lại buồn. Vẫn còn khung to khung nhỏ sờ sờ ra đó, vẫn những đứa con kỳ kỳ trong ống nghiệm. Đối kháng, hay chính qui, tác phẩm vẫn phảng phất một không khí, một màu tranh bàng bạc, đóng khung. Họ tài thật, nhưng bao la vẫn thiếu. Tôi hy vọng, với số lượng người đọc ngày một cao, trình độ người đọc ngày một sắc bén. Theo thống kê mới nhất của Liên Hiệp Quốc, nạn mù chữ ở Việt Nam gần như bị xóa bỏ, giới có học ngày một đông. Đáng hy vọng quá đi chứ. Chính bảy tám chục triệu người này sẽ đòi, sẽ nuôi dưỡng, một nền văn chương xứng đáng cho họ. Ai ngăn cản điều này là phạm tội ác tầy trời đấy.

4. Chị nghĩ sao về văn học hải ngoại?

Trời ơi, hỏi chi khó quá vậy! Có văn học hải ngoại chứ, làm sao ngó lơ nổi. Sách báo in đầy đường đầy chợ, đọc không hết. Kiệt tác văn chương lẫn với cám heo. Đau đầu quá trời. Một tai họa hay một may mắn cho văn chương mai sau đây? Cứ lạc quan cho đó là một may mắn lớn cho dân tộc đi, để có cớ cho VH phỏng vấn tui đăng báo hải ngoại đàng hoàng nhé. Oai dữ à nghe. Viết ở ngoại quốc, in ở ngoại quốc là văn học hải ngoại chứ gì? Những tác giả người Việt viết tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức thì sao? Tác giả người Việt, viết tiếng Việt nhưng đã nhập tịch Mỹ, Nga, Đức họ có còn là nhà văn Việt Nam nữa không? Tác giả ở ngoại quốc viết tiếng Việt, in sách ở Việt Nam nhưng chỉ còn là "gốc Việt" có được liệt kê vào văn học hải ngoại không? Nói thật với anh, về lý thuyết, vấn đề có vẻ phức tạp quá nên tôi không dám nghĩ tới.

Về nội dung và ý hướng sáng tác, tôi nghĩ nếu vẫn nghĩ đến đất nước, ở đâu mình cũng có quê hương, đôi khi còn có quê hương mặn mòi quá xá hơn người ở nhà nữa kìa. Sống trong hoàn cảnh chính trị nghiệt ngã ở ngay trên đất nước, vừa viết liếc ngang liếc dọc dòm chừng nhà nước cũng là lưu đày rồi. Vấn đề chính là một nền văn học tiếng Việt, viết cho người Việt. Về điểm nầy thì bản sắc hiển lộ của "nền văn học hải ngoại" cho đến bây giờ hình như là hội chứng văn chương u hoài. Tôi muốn nói đến hiện tượng hồi ký, làm mất rất nhiều thì giờ của người viết cũng như người đọc. Văn chương hồi ký đã trở thành một thứ văn chương từ thiện, một thứ văn học tương tế. Người đọc bỏ tiền mua chỉ vì quen biết, muốn giúp đỡ tác giả trong bước đầu chứ không phải vì hai điểm căn bản của hồi ký, thứ nhất, tác giả là một nhân vật lịch sử, thứ hai điều tác giả kể lại là điều ít ai biết, đặc thù, độc đáo.

5. Theo chị nghĩ, văn học hải ngoại có một tương lai nào hay không?

Chỗ dựa sống chết của nhà văn là độc giả. Cho nên, tương lai của văn học hải ngoại tùy thuộc hai câu hỏi sau đây: ở hải ngoại, trong vòng hai mươi năm tới nữa, nghĩa là bốn mươi năm sau cái mốc mắc dịch 75 còn có ai thưởng thức tiếng Việt nữa không? Nếu Trời thương còn có người đọc. Chúng ta phải làm gì để nuôi dưỡng và phát triển nhu cầu thưởng thức văn học tiếng Việt đó? Câu hỏi thứ hai, nếu hoàn cảnh đất nước cởi mở, nhà cầm quyền trong nước

tự tin hơn để văn học hải ngoại có thể nhập cảng một cách công bằng và chính đáng như quyền dân đòi hỏi, chúng ta có đủ tác phẩm xứng đáng để nhập về Việt nam và làm sao cho món hàng đáng kính trọng này được đón nhận và tiêu thụ rộng rãi không? Tôi nghĩ cả hai câu hỏi trên đều tùy thuộc vào người viết. Đó là một thách thức lớn cho người cầm bút. Thời kỳ nhân loại ngu ngơ sắp hàng theo trật tự quốc tế lưỡng cực đã qua rồi, loài người đang phải quay về với dân tộc của mình, với tất cả cái tốt và cái xấu của từng dân tộc. Với chiều hướng này tiếng Việt vẫn còn có một tương lai đáng kể nào đó, người cầm bút vẫn có quyền hy vọng, và dĩ nhiên phải nhận lấy trách nhiệm của mình. Dĩ nhiên văn học ngày càng bị truyền hình, video, CD ROM, báo chí... giành dần lấn đất. Nhưng văn học vẫn còn có riêng cho nó một cõi cao hơn ba thứ lẻ tẻ kia. Chỉ sợ mình viết không hay hoặc ngủ quên trên những cái nệm mút mềm mại của quá khứ.

Trước năm 75, cả hai nền văn học, bản địa và văn học ngoại quốc - tôi muốn nói đến những truyện dịch từ Anh, Pháp, Trung Hoa... đã đi song song với nhau và bán chạy ngang ngửa nhau. Người Việt về mặt này rất đáng nể, họ cần canh chua cá bông lau, nem chua, bún phở, nhưng cũng khoái Taco, Big Mac, hamburger không thua gì Mẽo. Họ nghiền rượu đế, nhưng nốc rượu Tây, vodka không thua thằng Tây nào. Trong tương lai, liệu hàng ngũ văn học hải ngoại gốc Việt có làm cho họ mê mệt nghiêng ngửa thứ văn chương xa xứ này không? Hoàn cảnh của Solzhenitsyn bắt tôi suy nghĩ lao lung cả tháng trời. Chính quyền cộng sản Nga giải thể, nước Nga âm ĩ tiến nhanh tiến mạnh lên kinh tế thị trường. Solzhenitsyn vội vàng bye bye nước Mỹ khăn gói về nước như một anh hùng dân tộc. Cũng lạ, đa số các vị đoạt giải Nobel văn chương hình như chỉ khoái chơi trò trượt tuyết, nghĩa là chỉ thích xuống dốc! Từ ngày hồi hương, Solzhenitsyn chẳng làm được gì nổi đình nổi đám cả. Chính quyền dành cho ông 15 phút mỗi tuần trên đài truyền hình quốc doanh. Chương trình phát hình của đại văn hào bị sì top ngang xương vì không cạnh tranh thương mại nổi với các chương trình khác. Anh thấy chưa? Quí ông bà nhà văn hải ngoại chắc phải tính toán với nhau thật kỹ trước khi nhập cảng giao lưu văn hóa với quê nhà kẻo lại vỡ mặt như đại văn hào đấy.

6. Theo chị, không viết bằng tiếng Anh, tiếng Pháp có phải là

một thiệt thòi cho văn học hải ngoại không?

Có và cũng không. Viết tiếng Việt, tầm mức phổ biến, khả thể thành công bị giới hạn rất nhiều. Nhưng như vậy không có nghĩa nền văn học hải ngoại bằng tiếng Việt đang có cơ nguy trở thành một chủng loại đang trên đà bị tận diệt! Ba tác phẩm cổ điển lớn nhất của Tây phương là Robinson Crusoe của Defoe, Don Quixote của Cervantes và Gã Khờ của Dostoievsky. Chỉ có một quyển bằng tiếng Anh, hai quyển kia bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga. Không thiếu gì những tác giả được giải Nobel với những nguyên tác không phải bằng tiếng Anh. Nguyễn Du viết truyện Kiều bằng chữ Nôm trong khi ngôn ngữ chính thống "cơm gạo" thời đó là chữ Hán, cũng như tiếng Anh là ngôn ngữ cơm gạo của dân tị nạn chúng ta bây giờ và ở đây. Loay hoay rồi cũng quay trở lại chuyện tài năng và bản lĩnh của người viết, anh thấy chưa?

Nghe nói, một tổ chức văn bút hải ngoại đã đặt vấn đề trao giải thưởng cho truyện dịch từ nguyên tác tiếng Việt ra tiếng Anh. Ý kiến hay ho và khôn ngoan đấy. Một món quà có ý nghĩa cho con cháu những kẻ lưu vong sau năm 75. Những đứa bé lớn lên và quên luôn tiếng Việt. Không biết thế hệ này có thích đọc truyện do người Việt viết? Nếu dịch để nhắm vào số người đọc ngoại tộc lại là chuyện khác nữa. Để khỏi mang tiếng bất công với tiếng mẹ đẻ cũng như người cần đọc tiếng mẹ đẻ, chúng ta có nên đặt giải thưởng cho một dịch phẩm từ ngoại ngữ ra tiếng Việt không?

7. Ngoài truyện, chị có từng đi vào một lãnh vực văn học nghệ thuật nào khác không, và nếu có thì tại sao chị không tiếp tục?

Về truyện, tôi khởi nghiệp bằng một truyện ngắn. Trước đó tôi nghĩ mình có thể làm thơ. Thú thật bây giờ tôi cũng không nhớ nổi chính thơ của tôi nữa. Người duy nhất còn nhớ "thi tài" của tôi chính là ông xã. Hồi đó tôi 16 tuổi, học trò trong Quảng ra thi. Lúc trở về, tôi có làm bài thơ mềm như nhung nói về một chuyến hải trình hai người lạc tuốt tận vào cõi tà ma nào hoang vu ghê lắm, rụt rè gửi ra Huế cho ổng. Ổng dạy triết, ham tranh đấu, đầu óc để đâu trên trời. Tôi cũng du hành đó đây, ngót nghét phần tư thế kỷ, tận bây giờ mới túm được ổng xiềng chân nhốt xuống lòng thuyền bắt... chèo! Ngoài thơ, tôi cũng có viết mấy chuyện phim như đã nói. Khổ nỗi tôi phải viết dưới áp lực của... đơn đặt hàng nên không

thỏa chí bình sanh hòng vênh váo khoe tài với anh được. Tiếc hùi hụi, bởi tôi rất khoái nghề viết truyện phim. Bên Mỹ trước đây có một nhóm nào đó đã dựng "Tóc Mây" của tôi thành phim. Phải chi họ để cho tác giả có cái may mắn chuyển tác phẩm của mình thành truyện phim chắc tôi đỡ phải méo mặt cười như mếu! Tôi ao ước ngày nào đây gặp một nhà đạo diễn giỏi, một nhà sản xuất không tính chuyện "cò con" để có thể dựng "Nghề Làm Vua" thành phim. Tôi nghĩ truyện đã có rất đủ những gút mở, hình ảnh, thực mộng cần thiết cho một đạo diễn giỏi vung gậy thần thông. Người Việt hải ngoại và cả người trong nước rất mê phim hay. Và họ đang chờ.

8. Chị "cưng" tác phẩm nào của chị nhất?

Nhà văn là kẻ bất công nhất với những đứa con tinh thần của mình. Nếu phải viết lại thì quyển nào tôi cũng sẽ sửa be sửa bét cả. Nhà văn cũng có cái bất công khác là cưng con út hơn. Do đó tôi có thể nói đứa con tôi cưng hơn những đứa khác đã bị tôi đẩy vào đời là quyển "Nghề Làm Vua."

9. Chị có thể cho biết lý do tại sao không?

Anh lại muốn đẩy tôi vào thế kẹt nữa rồi. Tự khen mình, thế nào cũng bị chửi, tự chê mình phải là bậc võ lâm cao thủ hoặc kẻ đại ngu. Khổ quá, tôi không ngu cho lắm. (cười) thời bây giờ càng bị chửi càng mau nổi tiếng. Đây là đứa con tôi cưu mang ngót mười năm trước khi đẩy nó vào đời một cách hơi vội vã. Những thất bại hổn mang của Miền Nam trong năm 1975 và "hiện thực xã hội chủ nghĩa" lên ngôi chói chang nhức mắt bắt buộc tôi phải suy nghĩ về quyền hành thế tục, về những lựa chọn và hy sinh chính trị đã làm cho đất nước bị dìm xuống bùn đen vì kiệt quệ. Tranh chấp quyền lực là một trò chơi lớn. Nhưng lớn hay nhỏ thì cũng chỉ là một trò chơi, như trò chơi hướng đạo. Lịch sử đã dạy chúng ta điều đó, nhất là lịch sử đời Trần. Giá trị không phải là được thua, nhưng là thấy rõ bản chất của cuộc chơi và nếu không đứng ra ngoài được thì cũng đừng đông lõa. "Nghề Làm Vua" là bức tranh phác họa những cuộc chơi và chân dung của những người tham dự, những người trốn chạy và cả những nạn nhân bất đắc dĩ của trò chơi quyền lực đó...

10. Nhà văn là kẻ tha hồ bóp méo vo tròn tác phẩm của mình

trong tay như thượng đế với vật thụ tạo. Chị có nghĩ rằng nhà văn có thể đi đến cùng với ý chí và sức tưởng tượng của mình trong lúc sáng tác không?

Đó là điều ao ước hơn là điều khả thi đối với người cầm bút. Ai không ham được một lần trong đời viết những chuyện như "Lĩnh Nam Chích Quái", "Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai" hoặc E.T. Jurasic Park... Nhưng ngay cả những chuyện đó nữa, quyền năng tuyệt đối của nhà văn nếu có cũng chỉ là lựa chọn cái khung hay cái nền cho cốt chuyện mà thôi. Gần gũi chúng ta là những nhân vật của "Tây Du Ký" và của Kim Dung. Đó là những nhân vật hoang tưởng nhưng đồng thời cũng là những nhân vật rất thật. Nhà văn không thể sống như người luyện yoga theo thế trồng chuối để nhìn cả cuộc đời lộn đầu xuống đất. Nhà văn cũng không thể tách lìa nhân thế, hỏng chân với cuộc đời. Hiểu theo nghĩa nầy thì nhà văn là một nhà bào chế, pha trộn thực với mộng theo một kỹ thuật, một công thức nào đó. Đời mà thực quá, e cũng buồn chán không thua gì một cõi toàn hoa mộng gió trăng.

11. Hình như lúc nầy chị thiên về truyện ngắn hơn truyện dài?

Có lẽ anh muốn nói đến quyển "Sa Tăng Diu Dàng" và một số truyện của tôi sau nầy?! Thú thật tôi không có một lựa chọn dứt khoát nào về chiều dài của một tác phẩm. Dài mấy thì gọi là "ngắn", và ngắn bao nhiêu mới được coi là "dài"? Ngồi vào bàn viết thì cứ viết và dĩ nhiên ước vọng bao giờ cũng là chuyện dài, điều ước mong nữa là làm thế nào cho mỗi chương mỗi đoạn có thể tự tồn như một chuyện ngắn chứ không lê thê hạ hồi phân giải. Con đường tôi muốn đi vẫn là truyện dài, nhưng chắc là không dài như "Mùa Biển Động" của anh Nguyễn Mộng Giác rồi!

12. Trong "Nghề Làm Vua", chị đánh bóng hơi kỹ nhân vật Huyền Trân, An Tư công chúa và vương phi Đa La. Chị cũng có cái nhìn hơi khác và hơi bạo về những nhân vật nữ? Ngày trước có người đã gọi chị là Francoise Sagan Việt Nam, nghĩa là vừa bạo, vừa... hoang ngầm, chị nghĩ sao?

Tôi rất dễ bị dị ứng khi được gọi là "nhà văn nữ", nhưng làm sao tôi có thể lạnh lùng với thân phận của người đồng phái, nhất là qua mùa chinh chiến máu xương từ ngày tôi bắt đầu có trí khôn?

Còn chuyện... hoang thì lại khác. Người thực là con người di động múa may tron hai chiều tâm linh và hình sắc, thể xác và tâm hồn. Tôi không thể tàn bạo dùng xe tăng cán dẹp những nhân vật của tôi lép xẹp như mực khô rồi nướng thơm nhậu nhẹt bình phẩm... Mạnh tay như Tần Thủy Hoàng, Hitler, Stalin cũng hỏng dám thiến trọi bàn dân thiên hạ, huống chi một nhà văn như tôi, cáp vàng cũng không dám làm nghề hoạn heo. Thất đức quá, phải không VH? Nhiều lúc đọc lại tác phẩm cũ, tôi ân hận đã bắt các nhân vật của mình "ăn chay hãm mình" dữ quá, họ xuất hiện có vẻ không thực. Cuộc đời rộng lớn hơn thế giới của người cầm bút, người viết có thể biết ít hơn người đọc, và những điều nhà văn viết ra thường là ít hơn những điều có thể viết ra... Điều đó có thể chọc tức và làm trò cười cho người đọc?!

13. Chị có đang cưu mang một đứa con tinh thần nào không?

Tôi đang viết một chuyện dài với những nhân vật đâu đó, quanh đây, những người này sẽ sống động trong một không gian rộng lớn từ Úc, sang Mỹ, về Việt Nam và trở lại Úc. Dĩ nhiên tôi đang mê tơi chết lên chết xuống vì những "cô cậu" nhân vật của tôi. Tôi hy vọng người đọc sẽ yêu họ, gần gũi và khắng khít với họ không hơn cũng bằng với tôi.

14. Chị dấn thân vào thế giới văn chương hơn hai mươi năm, nghiệp dĩ mang cũng nặng lắm rồi. Chị có vui buồn gì chia sẻ với người đọc không?

Dữ không, nãy giờ mới hỏi một câu nghe thấm bụng. Vui nhiều chứ, buồn cũng hung tợn lắm nghe ông. Nhưng kể làm sao nổi, thôi đợi đó, biết đâu mai mốt kẻ này già, lẩm cẩm dám hì hục ngồi viết hồi ký lắm. Có một ngày tình cờ xuống phố, ghé vào nhà sách Khai Trí, thấy tác phẩm đầu tay bày bán lù lù trên kệ. Lúc đó, kẻ này trẻ măng, con nít nữa là khác, mừng muốn xỉu, tí nữa hôn mê bất tỉnh rồi. Chắc mặt mày lơ ngơ sao đó cứ đứng hoài trong nhà sách không chịu về cho, nên bị móc túi, mất cả bóp tiền. Lần thứ nhất bị mất cắp, chẳng thấy buồn tí nào, mặt cứ phớn lên. Cũng chính chủ nhân của nhà sách này, sau năm 75, ông Khai Trí, tôi nhớ mãi, da trắng, mặt mày hiền khô, ghé tận nhà thăm, thấy nhà văn gì nghèo cực quá, ông chạnh lòng. Uống ghê ông tế nhị dịu dàng nên không đưa thẳng tiền cứu độ cho tôi, ông nhờ người khác

đem tiền tặng cho tôi. Người này cần hơn, nên xài giùm. Mãi sau này, hơn mười năm, tôi mới biết mình được ông giúp đỡ. Số tiền đó, tôi không được nhận, nhưng nghĩa tình nặng bội lần hơn. Tôi thề thế nào cũng có dịp đền ơn ông, tôi đã dành sẵn một tác phẩm cho ông Khai Trí rồi, chừng nào gặp tôi sẽ đưa ông xuất bản để đền đáp ân tình sâu nặng đó.

15. Là nhà văn, chị tung hoành giữa tốt và xấu, nhân vật tiểu thuyết, người ta thường gán ghép chung vào người viết. Chị nghĩ sao?

Anh hỏi khó quá trời. Tôi ngắc ngứ nói vòng vo tam quốc, gắng chịu. Với tôi, không có tốt và xấu theo nghĩa người thường. Cái tôi cho là tốt, có thể anh cho là xấu. Cái đẹp hôm nay, biết đâu ngày mai là rất xấu. Thật ra, viết về cái xấu dễ hơn viết cái tốt. Nếu người đọc, ưu ái ghép tôi vào nhân vật, tôi hoan hô hết mình, càng oai chứ có làm sao đâu?

16. Một câu chót, hy vọng là nghe được. Chị mong ước chứ, cái gì, cho ai?

Mèn đét ơi, hỏi tham vậy, họa may Bà Chúa Xứ trả lời nổi cho anh. Thây kệ, tôi bạo gan nói bừa, mua vui vái Trời được vài trống canh. Cụ Nguyễn Du càng ngẫm càng đáng yêu tợn. Này nhé, tôi khá lớn tuổi rồi, hết dám mơ ước nhiều, sợ kham không nổi. Tôi chỉ mong người Việt mình, trong nước, cũng như ngoài nước, được sống đàng hoàng hơn, và cư xử với nhau cũng đàng hoàng hơn.

Cô mím chặt môi nhìn ống điện thoại, rồi hậm hực gác máy. Ba tháng hè về Việt Nam thăm ngoại, trở lại Mỹ, gọi hoài, số điện thoại riêng của Cọp Vằn luôn luôn vắng tới giọng vô hồn của answering machine. "Chào bạn, rất tiếc chúng tôi bận, vui lòng để lại số điện thoại, chúng tôi sẽ trả lời khi thuận tiện. Cám ơn." Cô sủa vào máy một hồi, rồi đe dọa. "Nè Cọp Vằn! Đừng làm bộ màu mè. Tôi biết tất cả rồi, báo chí đang lùng tôi ráo riết. Lần này anh sẽ biết tay tôi."

Cọp Vằn là tên bí mật của Rikko, anh chàng đã khổ sở giao hẹn, bắt cô giữ kín cho tới ngày nhắm mắt tên gọi dữ dội này để dùng riêng cho hai người. Mỗi lần, muốn gặp nhau, hai đứa chỉ cần hú lên "Cọp Vằn" trong máy gọi, một giờ sau, buổi hẹn hò được vệ sĩ canh chừng gắt gao

sẽ diễn ra êm ái đâu đó trong tiểu bang, đôi khi xa hàng mấy giờ bay, vũng biển, mỏm núi, thành phố, hoặc một quán ăn xa xôi khất nẻo. Cọp Vằn mang kính bụ, đồ da đen bó sát, anh xuất hiện lặng lẽ, bất ngờ như cọp rình mồi, đôi chân nhún nhảy nhẹ và êm như chân báo, nụ cười rất hiền khoe đủ hàm răng trắng nhởn như anh chàng Hynos.

Trước kia, không bao giờ cô dám nghĩ mình có thể gặp gỡ yêu thương một người như Rikko.

Vào một ngày nghỉ Đông, Winston, vị giáo sư cấp tiến của Đại Học Berkeley tổ chức dạ tiệc gây quỹ giúp những người thiệt thòi trong xã hội Mỹ, những sinh viên da màu: vàng, đen, nâu hay đỏ. Cát Tiên, cô học trò cưng nhất của giáo sư có mặt từ đầu tới cuối. Cô lo trang trí bàn tiệc bằng hoa tươi dọn thêm hai món ăn đặc sản của người Việt, chả giò, và nem cuốn, dĩ nhiên không có nước mắm, cô cho họ chấm suông với chính nụ cười bí ẩn của cô. Khi đến trước mặt anh, cô vén môi cười mỉm. Cô biết anh, cả thế giới này họ biết anh, nhưng cô nhất định vờ như không thèm biết cái tên Rikko nổi như sóng cồn đó. Anh chàng có vẻ sửng sốt. Cô dám không nhận ra anh, hỗn láo đến thế là cùng. Mọi cử động, đi đứng, ho hen của anh, người ta chạy tít lớn bảy tám cột trên báo. Thật ra, cô nhận ra anh liền tức thì, giáo sư Winston đã cho cô biết, Rikko, người đang gây gió bão trong giới âm nhạc, chính là người có trái tim rất mềm mại với các hội thiện. Cô chìa chiếc dĩa hình oval bện bằng tre nứa trang trí ngon mắt với những cọng rau tươi. Trên cái vòm xanh mỹ thuật đó chất một đống chả giò chiên dòn vàng lượm gần sát vào cái mũi không có chủng tộc rõ rệt của anh. Nếu có ai cự nự trò đùa vô lễ này, cô có đủ lý do để biện hộ, cô cận thị, kính của cô bị say thuốc. San Hô, cô bạn cùng lớp hoảng hồn ngó sững. Anh cũng ngạc nhiên nhìn cô, ngón tay trắng mét, cong lên nhón lấy một cuốn. Tay phải cô lại xỉa tới, một dĩa vành tròn, chạm vàng nhũ hai linh vật rồng phượng, đang phun lửa vào nhau. Những cuốn nem màu trắng đục xếp gọn trong khung vàng chạm trổ bổng trở thành linh thiêng, ẩn hiện mờ mờ chú tôm cong, rau thơm nhiều loại, thịt nạc, bì bún... Mặt mày cô lúc đó cũng đóng băng như tượng. San Hô sợ sệt nháy nhó. Cô hất tóc làm ngơ không thấy. Anh lịch sự lên tiếng: "Chào cô, rất hân hạnh được gặp cô tối nay." Cô nghiêng người, cười nhẹ, mắt nhìn lướt trên mái tóc quăn ướt nhẹ

mượn hồn

lệ hằng

nhại xõa xuống tận vai của anh. Anh chàng này ly kỳ, mười hai con giáp của người ta không chịu giống con nào. Cô nghĩ thầm, hí hửng thấy mặt anh tái đi vì cáu, tội nghiệp, nụ cười vẫn máy móc mở ra, đủ bốn góc, răng vẫn trắng bóc. Anh nói chậm rãi hơn một chút, dù không tin học trò của giáo sư Winston không biết nghe tiếng Anh: "Tôi là Rikko, rất hân hạnh được gặp cô tối nay..." Dữ không, làm như ai cũng biết Rikko. Cô đành phải nghiêng tới, mặt vẫn nghếch lên, giọng cụt ngun ngủn: "Chào Rikko, tôi tên Cát Tiên." Anh chàng lẩm nhẩm đọc lại một mình cho chắc bụng: "...Catherine..." Cô sửa sai liền: "Cát Tiên. Không phải Catherine!" Anh chàng vẫn tỉnh bơ cười tươi như máy. Cô rủa thầm: Cười hoài há, ai hỏng biết miệng mồm anh nó đẻ ra bạc triệu, nhào lên sân khấu, anh hú lên, giật rống như người động kinh, tay chân múa loạn cào cào, chốc chốc lại nảy người, xòe tay bụm chặt lấy khư khư như thằng con nít, vênh váo khoe khoang cái bị gậy, làm cứ như chỉ mình anh có gậy không bằng, báo hại thiên hạ cuồng lên hết dựng trời.

"Chào anh..." Cô nhún chân đáp lễ cái mũi kỳ kỳ của anh rồi bỏ đi mời chào, lễ nghi, tiệc tùng với người khác. Chiếc áo màu xanh biếc của cô làm anh chết điếng. Lúc cô đi khuất, anh thấy ấm ức khó chịu quá, ngồi một lúc, anh tìm cách đứng lên, miệng cứ phải cười, đầu cứ gật hoài chào hết người này tới kẻ khác, ê cả ràng. Anh đi thẳng về phía nhà sau của tòa biệt thự nơi mấy cô học trò của giáo sư Winston đang tíu tít nói cười với nhau. Gương mặt rất Đông phương, dáng dấp nhỏ nhoi và mảnh như thân liễu cộng thêm đôi mắt sâu giúp anh tìm thấy cô dễ dàng ở một góc bàn khuất. Lần này cô chịu cười với anh, giọng cô ấm, mềm mại và chứa chan như cỏ: "ờ há! Nghe nói anh vừa ký cho hội chúng tôi nửa triệu đồng, phải không?" Anh nhún vai, rất điệu: "Xin thứ lỗi, đứng bên cạnh một người đẹp như cô, nói chuyện tiền, tôi nghĩ hoang phí quá." Cô nóng mặt. Lạy trời anh chàng không kịp trông thấy. Tưởng chơi gác được anh, cô hí hửng, chưa gì đã bị anh đo ván, cô ức lắm, phun liền: "Cám ơn, nhưng tôi nghĩ không hoang phí chút nào nếu cho anh biết vì nửa triệu đồng đó, nãy giờ tôi phải ép bụng cười toe toét với anh đó." Anh cũng chẳng vừa, anh cười nhẹ, hiền từ và nhẫn nại: "Cám ơn cô đã cho tôi biết sự thật, nó trần trụi quá, tiếc cho cô, tôi lại thích. Cô biết rồi đó, chủng tộc của tôi rất thích ở trần." Nói xong anh công khai nhìn cô chăm chú hơn. Rõ ràng đôi mắt đầy gian ý đang lột truồng quần áo của cô. Anh ta đo đếm cân nhắc vòng hông vòng bụng tầm tầm của cô hơi kỹ. Cô bực, chiều cao của cô không được hùng vĩ cho lắm. Anh cũng dở ẹt vậy, so với Mẽo khác, anh tong teo và kém cỏi thấy rõ. Giọng anh hiền như con gái, mặc cho cô gây hấn, anh cứ một mực dịu

dàng lễ độ. Tự nhiên cô thấy mình lố bịch, nên đâm bối rối.

Họ quen nhau có vẻ bất thường và trục trặc như vậy đó. "Điểm không tốt" San Hô, cô bạn da nâu gốc Nam Mỹ đã lạnh lùng kết luận lúc biết cô gồng mình đi chơi với anh chàng ca sĩ lừng danh đó. Tuần lễ thứ nhất, anh gửi thật nhiều hoa cho cô, mỗi ngày một bó hoa từ một tiệm Interflora nổi tiếng trong thành phố. Sang tuần thứ hai, anh gửi kẹo ngọt, bánh và đủ loại chocolate đắt tiền. Cô láu lỉnh nhận quà, nhiều hoa nhiều kẹo quá, cô đem chia cho các phòng khác trong campus. Đến một ngày trọng Đông, lạnh tím môi, anh xuất hiện, một mình, bí mật, không có vệ sĩ, tóc giấu kín trong mũ nỉ dầy, áo choàng đen rộng thùng phủ kín bưng cả người như phù thủy. Tóm lại, cô chỉ nhìn thấy nụ cười mở thật rộng, hai hàm răng trắng bóng. Tuyết vùng này hú họa hàng chục năm mới có một lần, rơi được xuống đất, tuyết biến thành bùn lấm lem như tro đất, chẳng giống hoa tuyết trong tiểu thuyết chút nào. Cô lội bộ bì bõm về nội trú, chán đời, tim và óc đều trống trơ, hoang hoác. Thây kệ, phen này liều, đời mà, không liều làm sao sống nổi. Cô để mặc anh loi choi, chui rúc, thám hiểm sâu tuốt tận bên trong, nơi rừng rú và ẩm ướt nhất. Ban đầu, anh làm cô tò mò. Rikko ngoài đời, coi bộ lạc lõng và tội nghiệp như người tiền sử. Rõ ràng anh cô độc hơn cô nhiều. Vẻ phòng vệ của anh thật khốn khổ, phòng vệ đến phải tẩy trắn màu da nhọ của tổ tiên thành lớp da trắng toát như vôi bột, nỗi thảm thương bi hài phơi bày trên từng phần da thịt bóng lưỡng như củ hành mới lột. Cô ngậm ngùi nhìn anh đang mê mải vuốt hoài cánh tay tròn lẳn của cô, nó màu nâu, ngon miệng khi cắn và thơm ngát mùi nhựa thông hăng hắc: "Da của em thơm quá. Nhưng em vẫn là chủng dân hạng thấp nhất. Thượng Đế da trắng. Đức Mẹ cũng trắng nõn như bông bưởi. Chúng mình giống nhau, hầm hiu. Thượng Đế thổi hơi cho người da trắng, phì nhiêu béo tốt giống hệt như Ngài. Đúng cái lúc Ngài lầm lỡ hắt xì, phun thành người da đen, da vàng, da đỏ, còm nhom đen đủi. Ngài làm khó chúng mình dữ! Em biết không, chính bà Tưởng Giới Thạch, chủng nòi da vàng của em, bả tuyên bố xanh rờn với các nhà báo - Tôi chỉ Tầu có cái mặt thôi." Cô gầm mặt xuống, ngượng nghịu mất một lúc, rồi hỉnh mũi lên, cau có: "Dẹp mụ Tổng Thống mất nước đó đi. Tôi không phản động, phản bội, phản dân tộc tôi như vậy là được rồi. OK? Tôi thề chết thì thôi, không thèm tẩy da, nhuộm tóc như anh..." Nói xong, cô ngắc ngứ đắng miệng nín ngang. Càng tỏ ra ngang ngược kiêu kỳ, cô càng thấy rõ bệnh tự ti chủng tộc ăn luồng tới tim gan phèo phổi của mình. Cô mang hỏa ngục ngay trong bụng của cô, ngu dốt, lạc lõng và côi cút suốt đời nơi quê người xứ lạ.

Cái mũi Đông phương của cô xinh quá, nên Rikko lặng thinh không nói nữa. Anh hôn cô hoài không chán. Anh lục lọi thật sâu, lưỡi anh dài và nhám. Cô cong người lên, chết điếng trong thứ hạnh phúc mầu nhiệm mê mỏi của thân xác. Lúc mở mắt ra, cô ngạc nhiên thấy anh dí mắt vào kính lúp, chăm chú soi lắc nhẹ nhàng giữa hai háng đùi mở rộng của cô, vẻ mặt đờ đẫn đầy tôn sùng bí ẩn. Những lúc xuất thần này, cô thực sự yêu anh. Gương mặt Rikko đam mê nghìn lần hơn trên sân khấu. Anh dễ lên cơn, thèm thuồng hít hà như người hoang sử, tóc dài lõa xõa, da mềm, rịn ướt mồ hôi, ngửa mặt lên trời tạ ơn Thượng Đế rồi lại cúi xuống hả hê nhìn con mồi vừa săn bắt được. Anh ham bày trò lạ, kẹo ngọt, dâu tươi, rượu vang đỏ, nhét vào cô rồi mê man ăn uống. Những trò nghịch này làm cô yêu anh điên loạn bão bùng hơn. Sau này, cô biết mất anh kém, vừa cận thị, vừa loạn thị, tệ hại hơn cả mất cô. Đồng bệnh nên mê nhau điếu đổ. Cô cũng bắt chước anh, ba hồi liền xương liền thịt với nhau xong xuôi đâu đó, cô cũng chụp kính lúp xăm xoi vạch vòi từng nơi bí hiểm trên người anh không sót một li nào. Da dẻ anh tội nghiệp, nó mong manh ưng ửng màu bạch tạng. May quá, người ta chừa không tẩy trắng "phần gậy làm mưa". Biết cô không vui, anh dỗ: "Anh đành phải tẩy trắng để mưu đồ vĩ đại... Anh chỉ trắng có cái mặt ngoài này thôi, ruột gan anh vẫn vằn vện đau đớn. Rồi em coi, đen và trắng như con dao hai lưỡi xẻ đôi nước Mỹ. Tổ cha nó, đen với trắng, quyền lực và chính trị. Anh chủi thề, rồi nhăn nhó nhìn cô, giọng mềm sũng: "Họ xé toạc người anh, ngâm thuốc tẩy da, nhuộm thịt, cắt dọc xẻ ngang, anh trắng không ra trắng, đen không ra đen, anh vằn vện. Da đen đang làm mưa làm gió trong thế giới âm nhạc, trong đấu trường, thể thao. Rồi em coi, bé cưng của anh, sẽ có ngày bọn vô luân ấy chúng chỉ kịp thét lên một tiếng, rồi chết đứng... chúng đang chết giấy mà cóc biết. Hàng nghìn năm trước, chủng nòi nô lệ của anh làm thân trâu ngựa hầu hạ điêu đứng vì chúng, giờ chúng phải trả nợ cho tổ tiên của chúng." Cô không nói, cô nhìn anh, đăm chiêu và lo ngại. Những khi theo anh đi đây đó khắp tiểu bang, nhìn anh ngồi giữa Eddie Murphy dòn dã tự tin, với O.J. Simpson lầm lì kiêu ngạo. Anh trắng nhợt, yếu ớt, không màu. Cô buồn thiu ỉu xìu như bánh bao mốc. Muộn quá. Cô lẩm bẩm một mình. Anh cũng lầu nhầu một mình. Họ không thiếu những giờ thật nặng. Họ thừa thãi nhau cả những lúc vồ lấy nhau đói khát. Trong ngôi nhà tráng lệ mênh mông, họ bỗng cảm thấy khô khát như hai đứa trẻ nghèo hèn nhất.

Sau cú phôn, vào một đêm khuya, tài xế riêng của anh lái limousine

kín bưng như xem hòm đón cô ở phi trường rồi chở thẳng vào trang trại miền Tây. Vòm cổng cao, lối vào hun hút, bóng đèn vàng chấp chóa. Hồ nuôi sấu, chuồng thú mờ mịt trong sương. Sự giàu có nâng anh cao chót vót, cùng lúc, chúng hút anh mất tăm vào ống cống hun hút như lỗ đen vũ trụ. Cửa kính chống đạn, máy báo động, mắt điện tử. Anh biến mất trong lặng thinh và khiếp sợ. Sợ ăn chỗ lạ, sợ nói, sợ người, sợ bắt cóc, tống tiền... sợ tài phiệt thanh toán, sợ anh em, cha mẹ, bạn bè, sợ tất cả nhân loại. Cô cũng lây bệnh sợ của anh lúc nào không hay, cô ngồi nép vào góc trái trong lòng xe êm ái, tay vòng lại ôm chặt lấy ngực.

Anh đón cô ngay phòng tiền sảnh. Trần nhà cao vút lên, tranh quí, bình cổ, những tấm màn buông rũ màu lá chết. Trông anh lạ lạ. Thật ra, lần gặp gỡ nào cô cũng thấy anh lạ như vậy đó. Anh mê mẩn những bàn tay giải phẫu thẩm mỹ, mắt rồi mũi, bụng rồi tay. Họ ôm lấy nhau, cô nghẹn ngào muốn khóc. Vậy mà nước mắt khô bong đi. Cô dang ra xa, nhìn anh. Đôi mắt anh trống rỗng. Cô nhíu mày:

"Anh sao vậy?"

Anh quay nhẹ đi:

"Sao đâu!"

"Gọi cho anh hoài không gặp, sao vậy?"

"Nhiều việc quá. Anh thành thật xin lỗi em cưng."

"Gọi số riêng của anh không được. Em gọi cho Liz để hỏi tin anh. Bà ấy la toáng lên, anh trốn cả bà ấy nữa. Trình diễn ở Nhật về, anh biến luôn mấy tháng. Anh hát dữ bị đau cổ họng phải không? Giọng anh hơi nặng rồi đó."

"Bị stress quá trời, chịu không nổi. Anh bắt đầu kinh hoảng đám đông."

"Hoảng đám đông? Lạ vậy? Anh vẫn nói không có đám đông anh sẽ chết mòn mỏi vì buồn."

Anh nhún vai không trả lời. Cảm giác hụt hẫng vẫn lênh láng giữa hai người. Gã vệ sĩ kềnh càng, mặt nguội như sắt vụt một cái lù lù có mặt, thoắt một cái, biến mất. Cô làm ngơ. Ở quanh đây, có ai không han rỉ lở lói như sắt vụn đâu? Hai người ăn tối trễ như tiệc đêm của hồn ma giữa những ngọn bạch lạp. Bàn ăn rộng dài. Anh ngồi cứng ngắc, nhưng tay chân mềm oặt, vung vẩy. Mùi thơm căn phòng, mùi của anh, không đổi. Hoa đầy bàn, góc phòng, ngọn đèn hắt sáng, vòm tối, cây trong nhà, y nguyên như cũ. Chính anh lạ hoắc đi. Anh nói rất ít, dè dặt và cẩn thận khác thường. Cô chau mày nhìn anh chăm bẳm. Đâu rồi? Những hợp tác xã riêng cho người da đen, những trường lừng danh để nuôi dạy trẻ con da màu xuất sắc, những ngân hàng đen để tương trợ. Rồi cách mạng da

đen sẽ tới, trong ôn hòa mềm dẻo bằng chính khả năng và vốn tư bản của người da đen góp lại. Những đề tài quen thuộc này, mỗi lần gặp nhau, anh đều say sưa hoạch định rồi mơ ước vẽ vời với cô hàng giờ không chán. Cô không tin trò phẫu thuật thẩm mỹ nạo khô tâm hồn nhạy cảm của anh nhanh như vậy? Tiền, hợp đồng quảng cáo, cổ phần, bản quyền phải mua... Giọng anh khô đi, lạo xạo riết róng với những kế hoạch kiếm tiền thần tốc và vũ bão. Cuối cùng, chịu hết nổi, cô hỏi thẳng không thèm quanh co tế nhị nữa:

"Anh ký hợp đồng với bọn buôn súng đó à?"

"Sao không? Tám triệu trong ba năm."

"Năm ngoái anh đập bàn la lối, thề không bao giờ dính vào hạng buôn súng gớm ghiếc đó. Họ sẽ bán súng đầy đường đầy chợ, da đen sẽ giết nhau như ngóe..."

Anh chăm bẳm nhìn soi vào mặt cô, đôi mắt nóng, hực lên như lửa, cô sững người lúc anh cười nhạt:

"Look! Người ta định nghĩa như thế này - Da đen là súng đạn, ma túy, bạo động, nhà tù và chết đói."

Cô la nhỏ:

"Nhưng... Anh là da đen mà. Anh quên rồi sao?"

Anh khoát tay, mặt tối hầm:

"Thưa với bà, tôi quên, tôi phải quên để sống. Trước hết, phải sống đã."

Cô hỏi khẽ, giọng như hẫng đi:

"Contact lense em mua cho anh đâu rồi?"

Anh nhìn cô, sẹt một cái như đạn bắn. Lạy chúa, lạy Phật, vái trời anh không nghe thấy câu hỏi ngu ngốc của cô.

Một tuần sau, cô trở lại. Mặt cô khô và ốm. Vừa ngồi xuống ghế, cô hỏi liền: "Ông là ai?"

Gã há họng mất một giây ngắn. Sau đó gã im lặng. Một lúc sau, cô cao giọng gằn từng tiếng một: "Đừng hòng giở trò với tôi. Mọi tài liệu và bằng chứng tôi đã giao đủ cho giáo sư Winston. Điều duy nhất tôi muốn ngay bây giờ là sự thật. Ông thừa biết tôi và Rikko yêu nhau chân thật như thế nào rồi. Trả lời cho tôi. Ông là ai?"

Gã phù thủy mặc lột người nguyên vẹn hình ảnh sống thực của Rikko ngập ngừng: "Tại sao cô biết?"

"Đó là việc của tôi. Tuần trước, ngay trong căn phòng này, tôi biết liền ông là Rikko giả. Computer, phẫu thuật tài tình, luộc chín, rồi đúc ông một khuôn với anh ấy, nhưng có những thứ người ta không luộc nổi,

ông biết thừa như vậy."

"Được rồi. Bây giờ, cô muốn bao nhiêu tiền?"

Cô nhỏm lên, nhìn trừng vào người đối diện: "Tôi muốn Rikko."

"Nó chết rồi."

"..."

"Đó là sự thật duy nhất tôi được phép biết. Tôi thấy cô cũng dễ thương, thông minh và xinh đẹp. Phải mở mắt ra mà sống với cõi đời lộn lạo kinh khủng này thôi. Bí mật mà cô đang có sẽ hóa phép cô thành bà triệu phú đó. Thời buổi này, ai chọc được thiên hạ nhảy nhổm lên vì tò mò, kẻ đó kiếm tiền nhanh như gió. Bằng không, cô sẽ bị chúng giết như một con chó. Đúng, như một con chó, không hơn không kém."

Cô nhìn hắn, trừ đôi mắt, hắn giống hệt Rikko. Rikko sửa mắt quá nhiều, loạn thị nặng nên mắt nhìn ngây ngô hiền dịu hơn. Gã này, câng câng như đá. Rikko, mỗi phen gặp nhau, lao vào cô, hùng hổ, mê tơi, đói khát. Gã này đưa đẩy ỡm ờ mấy cũng toi cơm, công cốc. "Nó chết rồi!" Lời báo tin ngắn ngủi làm cô lạnh toát như bị dội nước đá. Một tuần lễ dày vò, ý nghĩ xui xẻo này nhiều phen lởn vởn trong đầu cô. Giờ là anh ấy, hiện hình qua một linh hồn khác, lù ra đó, răng cười, mắt mở. Cô rùng mình, nỗi sợ hãi làm cô run người lên. Rikko đã chết? Ai giết? Không, anh đang hái ra tiền cho họ, họ không ngu gì giết anh.

Thấy cô lịm người mãi. Gã phù thủy cũng nổi cơn hiền: "Tôi có nghe vệ sĩ của Rikko nói về mối tình tuyệt vời của cô với anh ấy. Thật ra, tôi muốn gặp cô lâu rồi. Họ nói cô đẹp như một nàng tiên nhỏ. Gặp gỡ ai, nhất nhất, tôi phải tuân lệnh họ. Cô biết rõ họ là ai rồi. Họ có thể giết cả Tổng Thống Mỹ, an ninh cận vệ che chở đến tận răng nữa kìa."

Cô ứa nước mắt vì tủi thân. Chung cuộc cho một mối tình là người tình giả, ngồi ngay ngắn trước mặt cô, da nhợt nhạt, tóc tai... Anh cũng vậy thôi, nhưng hiền lành, đa cảm. Trò chơi này, khủng khiếp quá. Cô không dám tin vào mình nữa. Đời này, thật hay mộng? Là cô đang sống hay đang chết? Ai dám phán quyết cô chính là Cát Tiên hay con ma giả hình nào? Ngày mai ngày mốt, biết đâu, cô biến thành sâu bướm, chim mèo chuột dán?

Gã bỗng hiền từ chân thật hơn: "Tôi hiểu cô buồn lắm, mất một người đặc biệt như Rikko, ai không buồn. Ban đầu tôi đâu có dám nhận vai tuồng này, chết dễ như chơi. Tôi chỉ là ca sĩ hạng bét không tên tuổi ở một xó xỉnh tận Chicago, một hôm, họ đón về đây, chỉ cho tôi ngôi nhà tráng lệ này rồi ra phán lệnh như Chúa Trời giáng lâm - Tất cả tiền bạc của cải, nhà cửa này sẽ thuộc về tôi, nếu tôi tuân lệnh họ. Cô coi, giống chuyện cổ tích không? Một ban tham mưu hùng hậu cấp tốc huấn

luyện liên tục ngày đêm trong bốn tháng. Có sẵn giọng, tôi nhập vai không khó. Tôi bị cầm giữ như người tù, da của tôi, khác với Rikko không đen lắm, vài nhát kéo, vài cuộc giải phẫu, tôi biến thành Rikko."

"Nhưng còn Rikko?"

"Họ nói anh ấy nôn nóng muốn lột xác hoàn toàn trước khi đi Đức trình diễn. Anh ấy chết trên bàn mổ."

"Gia đình Rikko? Họ phải biết chứ?"

"Cô biết rồi. Những tranh chấp tiền bạc đã xé nát anh em họ từ mấy năm trước." Gã rùn vai, chụm năm ngón vân vê đếm tiền: "Tiền sẽ khóa mõm họ lại. Họ có mất gì đâu khi biết im lặng? Cô phải học nghệ thuật im lặng đó, nếu không muốn chết. Tôi thành thật lo cho cô đấy."

Cô nghẹn giọng:

"Tôi sẽ yên lặng, nhưng anh phải dẫn tôi đi thăm mộ Rikko."

Gã lắc đầu: "Tôi không có quyền làm chuyện đó. Cô đừng quên kỹ nghệ âm nhạc mỗi năm thu về cho họ hàng trăm triệu, sơ sẩy cô tôi mạng như chơi. Hơn nữa, tôi không biết gì về cái chết của Rikko cả. Biết đâu anh ta còn sống ở đâu đó. Những chuyện không thể vẫn có thể xảy ra đấy. Cứ hy vọng đi để mà sống, biết đâu chẳng có ngày cô gặp lại người tình của cô..."

"Bộ anh nghĩ, anh có thể đóng vai của Rikko suốt đời, tự nhiên anh nhảy vào tọa hưởng mọi thứ của anh ấy ngon lành vậy sao?"

"Tôi không cần biết ngày mai, hãy biết hôm nay tôi là Rikko, họ cần tôi để bóc lột quần chúng, tôi cần họ để đóng cho xong vai tuồng quái gở này."

"Quần chúng họ không ngu ngốc đâu, sẽ có ngày họ cào nát cái mặt giả của anh ra."

Gã đứng lên, vẻ mệt mỏi và chán nản: "Đúng rồi, quần chúng có bao giờ ngu đâu, họ chỉ bị những tay phù thủy của cách mạng truyền thông điện tử xỏ mũi thôi..."

San Francisco ngày...

"Thưa Bà,

Tất cả những gì tôi kể với bà là chuyện thật của Cát Tiên, người cùng chủng tộc với bà. Cô ấy đã căn dặn tôi phải gửi gấp tài liệu này cho bà càng sớm càng tốt, nếu trong vòng mười ngày không thấy cô ấy trở lại. Bà là một nhà văn, đến từ một xứ sở đầy huyền thoại và đau khổ. Tôi tin bà thấu hiểu tại sao Cát Tiên chọn bà để gửi xấp tài liệu này. Tôi cầu nguyện đêm ngày cho sự bình an của cô ấy. Chúc bà vui mạnh. San Hô."❐

nguyễn văn sâm

Tiểu sử:

Tên thật. Sanh năm 1940 tại Sàigon, Ngả Sáu Chợ-lớn. Dạy học từ trẻ đến giờ qua các trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ-tho, Trung học Petrus Trương Vĩnh Ký, Sàigòn, Đại học Văn khoa Sàigòn, các trường đại học Cao Đài, Hòa Hảo, Vạn Hạnh.

Xong năm thứ nhất, sắp trình luận án Tiến sĩ, đầu tiên của Việt Nam tại Sàigòn, về Văn chương Việt Nam thì mất nước.

Vượt biên bằng đường biển qua Indonesia, đến Mỹ năm 1979, từ đó đến nay vẫn theo hai sinh hoạt chánh là viết lách (các tạp chí Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21, Hợp Lưu) và dạy học (tiểu học!).

Tác phẩm:

* *Văn chương tranh đấu Miền Nam* (biên khảo) - Kỷ Nguyên, Sàigòn- 1969

* *Văn học Nam Hà* (biên khảo) - Lửa Thiêng, Sàigòn, 1971

* *Văn chương Nam bộ* (biên khảo) - Lửa Thiêng, Sàigòn, 1973

* *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai* - Lửa Thiêng, Sàigòn, 1975 (phiên âm, từ bản Nôm do thư viện Hoàng gia Anh tặng Phủ Quốc Vụ Khanh VNCH, Nguyễn văn Sâm; dẫn nhập, Đặng Phùng quân, chú giải, Nguyễn Khuê).

* *Miền Thượng Uyển Xưa*, (tập truyện) in chung với Đặng Phùng Quân - Bách Việt, California, 1981

* *Câu Hò Vân Tiên*, (tập truyện) - Gió Việt, TX, 1987
* *Ngày Tháng Bồng Bềnh*, (tập truyện) - Gió Việt, TX, 1989

Trả lời câu hỏi của Văn học:

1. Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn ít oi và văn chương chữ nghĩa vốn là một món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Trước 75, ở Việt Nam, tôi có dịp quen, chơi với nhiều cây bút lúc ấy, vì phần lớn họ cùng tuổi và có những ưu tư như mình. Nhưng phải nói là thực sự tôi không viết như một nhà văn mà viết như một nhà giáo. Tác phẩm không phải là những vấn đề thời sự hay tạo thành bằng hư cấu mà là những quyển có tính cách giáo trình phục vụ cho công việc giảng dạy. Khuôn khổ bắt buộc của nghề nghiệp không cho tôi buông thả ngòi bút, nên tự thấy mình bị gò bó trong khi sáng tác, từ đó tôi tự an ủi rằng mình sẽ viết truyện khi nào có sự thuận lợi hơn. Cái mầm "muốn viết" tôi cho rằng tất cả ai "muốn đọc" đều có, chỉ có điều là mầm "muốn đọc" dễ phát triển hơn mầm "muốn viết". Mầm muốn viết tùy theo tâm tính, hoàn cảnh của mỗi người, và tình trạng tâm lý cũng như sức khỏe mỗi giai đoạn của người ấy mà nẩy nở hoạt động, đòi hỏi. Bởi vậy nên có người viết, người sẽ viết, người viết rồi bỏ, người viết trở lại và người không bao giờ viết (vì quá trễ). Tôi vốn thích sáng tác, qua đây con đường biên khảo như đã từng quen trước đây bị đóng kín vì không có tài liệu trong tầm tay, không thấy có nhu cầu nên lý do thúc đẩy sáng tác càng nhiều. Thêm vào đó những năm đầu 80, với cái bàng hoàng mất nước lẩn quẩn trong trí óc, với hình ảnh quê hương luôn luôn đi vào trong chiêm bao trong thực tế không biết đến bao giờ mới được gặp lại, ai cũng cảm thấy mình có nhu cầu bày tỏ tâm trạng cũng như ý thức chánh trị của mình. Sáng tác vì vậy nhiều, nó có khả năng nối kết được người viết với quê nhà, quá khứ, bạn bè, người đồng chủng; có huyền lực ghi nhận những ưu tư trong lòng thế hệ thứ nhứt của di dân bắt buộc Việt Nam... Không viết, một số lớn thấy mình đi lạc trong rừng rậm bát ngát của thờ ơ lạt lẽo tạo nên do những cộng đồng định cư chung quanh. Viết là một hành vi vì ta nhiều hơn vì người chung quanh (ratio 3/1 chẳng hạn) cho nên tiên định nó là một thứ xa xỉ e rằng khiên cưỡng. Đọc cũng vậy, theo tôi, không phải là việc làm xa xỉ gì hết.

2. Anh viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?

Thì giờ ta có thể dành cho việc viết vốn ít ỏi lại không liên tục. Thân thể cũng như đầu óc ta lúc thực hiện việc viết đã không thoải mái lại kém minh mẫn hơn lúc bỏ ra cho áo cơm nhà cửa, bởi vậy viết phải là một sự đam mê thực hiện bằng những tính toán giờ giấc. Viết bằng đầu óc khi không thể gõ máy (suy nghĩ chủ đề, cấu tứ, kỹ thuật) viết vội vàng giữa hai giai đoạn bận rộn, viết bằng sự xâm thực, tôi tránh dùng từ ăn cắp, chút ít sức khỏe mình hằng ngày (ăn ít hơn cho mau xong, nhịn ăn, ăn quấy quá qua buổi, ngủ ít, không chơi thể thao...) xâm thực thời gian của vợ con (công việc nào đùn cho họ mà không bị phản đối lắm để mình được ngồi vào bàn máy là ta đùn). Đam mê khiến ta can đảm thực hiện những hành vi xâm thực nói trên và tạo cho mình tính tự kỷ luật trong việc viết.

Rồi thì phải lướt qua chút ít những gì được viết chung quanh ta, những cách thế viết chung quanh ta, cách sử dụng ngôn ngữ của họ. Đọc. Không phải cái đọc nào cũng đem đến sự hữu ích ngay, bởi vậy thì giờ cho việc viết chánh thức vốn hiếm hoi càng hiếm hoi hơn. Loay hoay mà năm sáu năm nay không sản xuất được quyển nào.

Hành vi viết cần phải tốn công như vậy, nên sản phẩm và đối tượng tiêu dùng sản phẩm phải tương xứng. Cực nhọc khó khăn để viết mà đối tượng là vài ba chục đồng một bài thì chẳng bõ công. Viết cho có viết, để tạo lượng, tạo một hoàn cảnh mình có mặt khắp nơi, bất cứ lúc nào, với tôi cũng là điều không đúng. Như trên đã nói, viết là vì tâm trạng muốn trang trải những suy nghĩ, những tâm tình của ta. Muốn có dịp ta đào xới lòng mình, soi rọi mình, từ đó giới thiệu những suy nghĩ nầy tới người đọc bằng hình thức mà nhà văn tự lựa chọn. Nói cách khác phải tự trọng khi sử dụng ngòi bút và tôn trọng người đọc bằng cách không cho họ thưởng thức những món hàng mà ta tạo ra trong hấp tấp, những thức ăn sống sít, dơ bẩn. Tôi không thể nào quan niệm được một tác phẩm không làm mới chút nào tâm hồn người đọc mà lại là một tác phẩm đáng viết. Vì vậy người đọc tôi chắc là những người khó tính trong việc chọn lựa tác phẩm để đọc, cũng như tôi khó tính với mình khi chọn đề tài để viết và chọn điều gì mình sẽ viết.

Sau gần hai mươi năm lưu lạc, tâm trạng ngác ngơ mất nước, cảm thức bàng hoàng bị bứng khỏi quê hương, lòng hận thù vì cớ sự bởi ai... lắng xuống từ từ; bóng mờ quê hương cũng nhạt dần theo hiện cảnh khiến cho nhiều người viết chuyển sang qua đề tài của cộng đồng tạm cư hay ẩn cư chứ không còn là nhấn mạnh tối đa trên đề tài chánh trị như xưa nữa. Những vấn đề thực tế như công ăn chuyện làm, tình ái tại đây, gia đình chỗ nầy... thay mặt cho quê hương nghìn trùng, người ở lại, những mối tình đứt đoạn... Tôi gần đây cảm thấy mình không còn hứng thú viết những đề tài cũ nữa, nhưng cũng chưa sẵn sàng (tôi vốn chậm phản ứng) để viết đề tài mới nên ít viết dần. Trong khi chờ đợi cho sự sẵn sàng nói trên, tôi làm vài bài thơ, dịch dăm ba truyện ngắn, và gần đây lao đầu vào việc phiên âm một số tác phẩm Nôm của ông bà mình để lại. Các tác phẩm nầy, ngày nay được ở ngoài Việt Nam, tôi mới thấy là quá nhiều. Một phần chưa từng được giới thiệu với công chúng, và một phần khác cần phiên âm lại hầu soi sáng những điều gì cần soi sáng. Đó là những công việc mà các bậc thầy, các thế hệ đàn anh như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn-Đình Hoà, Tạ Trọng Hiệp, Lê Hữu Mục, Nguyễn Ngọc Bích, Phan Xuân Hy, Đàm Quang Hưng, Nguyễn Huy Hùng... đã và đang làm.

Hình như tôi đang bắt đầu rẽ ra khỏi con đường sáng tác thuần túy. Sẽ rẽ ra luôn hay trở về, cho đến bây giờ tôi vẫn chưa thấy câu trả lời. Truyện ngắn theo đây rút trong tập *Miền Thượng Uyển Xưa*, với đôi chút sửa đổi về câu cú, thể hiện khuynh hướng viết và suy nghĩ của tôi 15 năm trước đây.

lời trù ẻo của thằng cùi

nguyễn văn sâm

Bây giờ thì ở đâu cũng có biên đề...
(trích báo Sàigòn Giải Phóng 1981)

1. Cũng học hành, cũng thức khuya làm bài vở, mình có lúc nào bỏ bê nhiệm vụ hay đòi hỏi sắm quần áo, sắm giày dép mới gì đâu. Nhà có gì mang nấy, trong bếp có gì ăn nấy. Lúc trước ổng còn đi xin ăn, mình cũng bán khoai lang khoai mì, cũng quơ quào đầu chợ trên cuối chợ

dưới phụ giúp trong nhà. Bây giờ nhà hơi kha khá, mình cũng phải phụ biên chép, đếm tiền, đếm bạc, nghe ngóng, coi chừng coi đồi lính tráng vậy. Có làm gì quấy lỗi đâu... Phải ổng được như má mình thì đỡ biết bao nhiêu. Miệng đàn ông mà ong óng còn hơn đàn bà, chửi rủa, than vãn cả ngày. Càng suy nghĩ, thằng Lũn-Em càng buồn, nó thấy mình thiệt thòi hơn những đứa nhỏ trang lứa cùng xóm trong việc chơi đùa, nó càng tủi thân hơn khi nhớ tới những lời chửi rủa của ba nó. Nó gầm mặt xuống bước đi. Đoạn đường đầu tiên qua khỏi hồi nào nó cũng không hay. Khi ngửng đầu lên là lúc nó đương bước băng qua cái sân rộng thinh thang của hai tiệm tương, chao nối liền bằng mấy cái nhà rộng kế bên nhau. Mấy cái lu khạp tương nằm chình ình như những con ma đương quây quần dự tiệc. Cái hàng rào thiếc vụn tạo thành bằng nắp lon sữa bò, hộp bánh , hộp trà của tiệm chao như một cái thành ma. Nó rùng mình, rởn óc. Trong sương sớm, dưới cơn gió lạnh, nó có cảm tưởng mấy cái khạp đang di động bao vây nó vô chính giữa và cái thành ma cũng từ từ khép lại hẹp hơn, xiết chặt lần lần lấy nó. Nó ở giữa hai vòng vây đó, vô phương thoát ra được. Nó muốn chết đứng vì sợ hãi nhưng vẫn phải bậm môi làm gân bước mau qua. Không còn con đường nào khác, cũng không thể chạy lộn trở về. Nó thở ra nhẹ nhõm khi ngoái đầu lại thấy mọi vật vẫn ở yên chỗ cũ: mấy cái khạp tương vẫn quây quần bên bữa tiệc ma bất tận, cái hàng rào thiếc quái dị vẫn quay tròn... Thằng Lũn-Em vẫn bước đều, nó cố gắng nghĩ tới chuyện khác để khỏi sợ, lúc này nó sắp bước vô địa phận khu mả. Nó có thể hình dung ra được hết khu này, bắt đầu là căn chòi của bà Hai gánh nước mướn, kế đó là một bụi tre lâu đời nên to lớn, gai góc, tiếng tre kĩu kịch như ma kêu quỉ hờn cũng rợn người lắm chớ phải chơi ha, qua một đám mả lạn rồi mới tới đám mả bự dường như của một ông Hoàng bà Chúa nào đó thời xa xưa lắm. Nó run en ngang khi bước chân tới địa phận khu mả. Phải làm sao băng qua đó thiệt mau, càng mau càng tốt. Láng cháng là hỏng có ngày về đó. Chỗ này ma nhiều lắm. Ma mà dẫn vô trong đám mã đó, giấu một chỗ, cho ăn đất sét thì không ai kiếm được. Ba ngày đói bụng chết khô trong đó, ma che mắt người kiếm không thấy được để dẫn ra đâu.

Nó nắm chặt đồng bạc cắc, ngón cái bỏ vô trong lòng bàn tay theo lối bắt ấn, tay kia túm lại hai vạt áo đã mất cái nút dưới, nín thở chạy băng một mạch. Nó hào hển, thở hết muốn ra hơi khi thấy được ngọn đèn đường ở đầu hẻm. Kể như khỏe. Giờ đây chỉ còn vô mua rồi cà rịch cà tang đợi trời hơi hửng sáng là về. Lúc đó sẽ có mấy bà đi chợ sớm, mình mặc đầu đi ngược lại họ, vậy mà còn vững bụng hơn đi một mình,

biết chắn chắn có người ở phía trước hay ở phía sau mình.

Nó đứng trước tiệm nước, ngó mông mênh tứ phía để giết thời giờ chờ thằng Tửng vừa đẩy tấm cửa lùa đầu tiên ra là nó ào vô tiệm ngồi thở dốc. Tiệm ấm và sáng khiến nó cảm thấy thơ thới như vừa lượm được một số tiền lớn. Nó ngắm phía chung quanh. Buổi sáng mấy người phổ ky bận rộn bày biện ghế bàn, xếp đặt mấy hũ ớt, giấm, xì dầu. Ở đầu kia người nấu hủ tiếu lâu lâu giở nắp nồi nước lèo, nêm nếm, quậy quậy, hơi thơm ngập mũi. Nó phồng mũi lên hít lấy hít để như để bù lại nỗi lo lắng khổ sở trên đoạn đường ma dựng tóc gáy vừa rồi. Một công đôi ba việc, nghỉ khỏe, chờ sáng và tránh mấy tiếng càu nhàu của Chú Ba Bụng về chuyện mở hàng. Sớm mơi sớm mua cà-phê lấy luôn cái lon sữa bò thế nào cũng bị cự nự ít nhiều. Ngoài đường sự sinh hoạt đương bắt đầu. Một người, hai người... hăm hở bước vô. Tiếng ồn ào của tiệm nước sớm càng lúc càng rõ rệt hơn. Đâu đây những tiếng bàn đề, con ốc số 2, con tôm số 31, con rồng bay số 26, con rồng nằm số 10, con trùng số 5... trên những bức hình hài hước châm biếm của mấy tờ báo Thần Chung, Tiếng Dội, Thời Cuộc làm thằng Lũn-Em cảm thấy vui vui lây. Mấy ổng bàn nghe cũng có lý mà sao coi bộ ông nào ông nấy hỏng được lành lặn gì. Mặt mày đen đúa, tay chơn thô kệch, áo quần có thể nấu mấy nồi nước lèo cũng ngọt. Cái nghèo nàn của họ thấy ngay từ cái nhìn mới thoáng qua. Nó nghĩ hoài mà không ra câu trả lời nên buồn tình men tới chỗ xe hủ tiếu đứng đọc và ngó mấy tấm hình vẽ làm cảnh trên kiếng xe: cảnh Đào viên Lưu, Quan, Trương kết nghĩa, cảnh Tiết thượng ngươn Điêu Thuyền bái nguyệt, cảnh Triệu Tử phò ấu chúa.... Tuy không hiểu hết nghĩa nhưng nhờ có hình minh họa nên nó cảm thấy hay hay và vui vui mặc dầu gần như bữa nào nó cũng coi, cũng đọc đến độ thuộc lòng và biết mặt luôn mấy chữ Tàu. Coi chán chê nó kéo một cái ghế sát vách ngồi ké né chỗ mỏ nghe mấy người lớn nói chuyện. Câu chuyện không ra ngoài đề tài thời sự. Một người cầm tờ báo Tiếng Chuông quơ quơ trước mặt mấy người ngồi cùng bàn, oang oang:

"Hôm qua có hai nạn nhân của đề nữa nè, nghe đây." Rồi ông ta đọc ở phần cuối trang nhứt phần tin từ thành tới tỉnh: "Gia Định, Cô Nguyễn thị C. 22 tuổi, lúc sáu giờ chiều hôm qua, 18 tháng 6, đi lên đi xuống cầu Bình Lợi ra vẻ thiểu não lắm, ý chừng buồn phiền gì đó. Được một lúc thấy không ai chú ý, cô C. đã nhảy xuống cầu tự tử. Xe cứu hỏa tới nơi vớt lên được thì cô C. đã chết. Trong mình cô có một bức thơ tuyệt mạng nói rằng chán đời vì ham mê đánh tài xỉu ở Đại Thế Giới lỗ thua hết tiền. Cô C. chết để lại chồng và hai đứa con nhỏ với một số nợ nần mà nghe đâu anh chồng của cô phải trả." Anh chàng đọc báo đang hứng chí còn

muốn đọc tiếp thì một người nữa chen vô: "Thôi, cũng bao nhiêu đó chứ có lạ gì đâu. Thua tài xỉu, thua đề lúc này tự tử hà rầm. Ai biểu chơi chi cho thua. Thua thì ráng chịu, tự tử chi uổng mạng, chúng có thương đâu, còn cười cho thúi đầu nữa." Một người khác, mềm lòng hơn,"Tệ nạn tài xỉu, đề 40 con đáng lẽ phải dẹp bỏ đi, hỏng biết tại sao nhà nước cứ để hoài, bữa nào cũng có người chết. Báo nói rồi mà. Hễ lậm vô đó là "Bán con bán vợ đợ chồng. Hết cơ hết nghiệp thần vòng rủ đi." Một ông khác ý chừng biết chuyện, làm tài khôn: "Đóng cửa Kim Chung, Đại Thế Giới rồi lấy tiền đâu chánh phủ tiêu xài, thuế họ đóng bộn lắm mà! Một vài vụ tự tử mỗi ngày, vài gia đình tan nát. Năm ba cô gái bán trinh hằng bữa mà ăn nhằm gì. Tôi tức tụi Đại Thế Giới, Kim Chung thì ít mà tức mấy thằng cha huyện đề thì nhiều. Tại tụi nó nên chuyện đánh đề mới mở rộng tới hang cùn ngỏ hẻm, mới có nhiều người thua xiểng niểng, mới có tệ hại: gái thì làm đĩ, trai thì đi cướp giựt."

"Tại sao kỳ vậy, anh nói tôi không hiểu?" "Thì hỏng có huyện đề trong xóm, người ta ngại đi xa người ta ít đánh. Tụi nó bán đề nên xóm nào cũng đánh, ai cũng đánh, dễ quá mà: năm cắc cũng đánh, một đồng cũng biên. Hỏng muốn đánh cũng đánh để thử thời vận. Thua thì nóng mũi đánh lớn hơn. Thua riết rồi làm bậy.

Thằng Lũn-Em nghe chuyện liên quan tới công chuyện làm ăn của ba nó nên vểnh lỗ tai lên để nghe rõ hơn. "Như thằng cha Tư Cùi ở đây nè, nhờ bao đề làm huyện nên có tiền mua vàng mài ra để uống cho lì mặt cùi, có tiền nhiều nên mua được gái tơ để phá trinh chữa bịnh. Phải nó nhờ ba cái số đề mà sung sướng đời nó, mà phá nát đời con gái của người ta không? Đó là thằng huyện đề ở đây mình biết, mấy trăm mấy ngàn thằng ở chỗ khác cũng vậy mà thôi. Bộ mấy anh tưởng tụi nó làm ra tiền để đi làm "dan", làm phước hay là đi xây chùa xây miễu à? Thứ tụi huyện đề làm cho dân mình khổ, cũng là một hình thức giúp giáo cho giặc thôi, đem câu sấu một lần 5,7 chục thằng tui cũng hỏng tiếc. Tụi nó sống nhờ sự khờ khạo của người khác có ích lợi gì cho ai?" Thằng Lũn-Em nghe rõ hết, nó buồn bã đứng dậy. Nó không muốn nghe nữa. Ba nó làm nghề có hại cho xã hội bị chúng ghét đã đành, nhưng mà nghe chửi như vậy nó cũng thấy tức tức nên buồn lòng bỏ đi để khỏi nghe thêm. Nó rụt rè tới chỗ chú Ba Bụng nói nhỏ nhẹ:

"Chú bán cho một đồng cà -phê sữa, bỏ trong lon như mọi bữa." Chú Ba cười tàng hoạt, châm chọc: "Pa mì khôn thấy mẹ, pữa nào cũng lấy một cái lon, đổi dìa pán cho de chai. Hà tiện qua, tiền lể lâu cho hết? Lúc nầy pa mì pao lề, phẻ đổi, có dợ dỏ lược đổi. Có tền con ngái hổng chê lâu!"

Thằng Lũn-Em chỉ biết cười trừ. Nó vốn ít ăn ít nói, gặp mấy trường hợp như vậy, nó chỉ cười để kết thúc câu chuyện. Chú Ba lấy vợt lượt cà-phê ra ly, lường vô một cái lon không độ chừng hai muỗng sữa, rồi đưa cho thằng Lũn-Em sau khi quậy sơ mấy cái. Nó mượn cái muỗng vớt chút sữa dính trên nắp hộp bây giờ được bẻ trở lên để làm đồ cầm cho vào lon, quậy quậy, liệng trả cái muỗng lại, xong lững thững đi ra. Tới một bàn khuất, vắng vẻ, ngó dáo dát thấy không ai để ý nó chế thêm vào lon sữa một phần nước nóng, dòm dưới đất để kiếm một cái bao thuốc không, mở ra vuốt thẳng, xếp lại thành nhiều lớp, kẹp cái nắp lon, rồi săn sái bước ra khỏi tiệm.

Buổi mơi đường xá thưa thớt, gió thổi lành lạnh làm cho nó ngại ngùng. Khi bước ra khỏi vùng ánh sáng của tiệm nước nó lững thững lại chỗ mái hiên một căn nhà đứng chờ sáng, lòng buồn rười rượi. Mấy con ma mắt xanh nanh vàng, lưỡi đỏ lòm lè ra cả thước nhảy vào trong trí làm nó quên hết những gì nghe được trong tiệm cà-phê. Nó thấy cần phải chờ thêm một chút nữa. Cà-phê chưa nguội là còn ăn tiền. Có bị la rầy một chút còn hơn bị ma nhát. Sợ lắm. Chung quanh vẫn vắng lặng. Miếng thiếc nắp lon sữa qua mấy lần giấy vẫn nóng mấy ngón tay nhỏ nhoi của nó, vài sợi khói nhỏ mong manh, yếu đuối lan tỏa nhẹ lên miệng lon. Nó thấy thèm cái mùi beo béo đăng đắng, ngọt ngọt đương cầm trên tay. Có thể nếm một chừng mực nào đó bù lại số nước sôi thêm vô vừa rồi. Nó đưa lên mũi hít một hơi dài rồi hớp một hớp thật nhỏ, ngậm lâu trong miệng, đưa lưỡi đánh cho lớp cà phê tiếp xúc với tất cả bề trong của miệng để thưởng thức từng sợi thần kinh vị giác bừng tỉnh sau sự kích thích của chất cà-phê. Nó nói một mình,"Ước gì mình có một đồng bạc, mua một lon riêng cho mình uống cho đã điếu một bữa. Nhấm nháp hoài hỏng đã thèm gì hết mà còn teo quá, ổng mà biết được thì bà hú. Mấy bữa rày ổng chê lạt tùm lum." Rồi nó bắt chước người lớn nhướng mắt, nhún vai nhấp hớp nhỏ thứ hai..., thứ ba... Lúc này trời đã hơi sáng, sâu trong xóm trong một vài người đi ra, lác đác vài ngọn đèn leo lét vừa được đốt lên. Nó vững bụng đi thẳng về nhà không buồn ngó đống thiếc lon sữa bò vụn khổng lồ chất thành cái hàng rào đặc biệt của tiệm chao, cũng không sợ sệt mấy cái lu chình ình của tiệm tương dưới ánh sáng lờ mờ của buổi mai đã rõ nét, không còn hù dọa gì được nữa. Bây giờ chỉ còn nỗi bực tức chen lẫn thẹn thùng, kết quả những lời bình phẩm trong tiệm nước vừa rồi đang đục khoét tâm hồn non nớt chưa oen-ố tình đời của nó.

2. Trời nắng như đổ lửa, mồ hôi, mồ hê nhễ nhại trên trán, trên lưng

thằng Lũn-Em. Nó cầm miếng cây, đưa qua đưa lại hai tay, thay đổi vị thế cầm mấy lần, cố gắng kiếm một góc cạnh thuận tay để tạt. Miếng ván của địch thủ tuy lớn và nặng nhưng bây giờ đang nằm gần mức, nếu mình tạt trúng cách, bứng đi được lấy đó làm "tràm" thì hy vọng bữa nay gỡ được. Nãy giờ thua quá xá mạng. Mấy miếng ván chắt mót được ở trại cưa bây giờ đương nằm trong đống chiến lợi phẩm của địch thủ. Tiếc là mình hỏng còn miếng ván nào bự. Mỗi lần nó đi nhứt kể như mình thua, nếu lần này hụt đỏi nữa thì kể như hết gỡ. Nãy giờ mới đi nhứt được lần nầy, phải kỹ, hỏng thôi xẩy con cá bự. Miếng ván này sẽ như con cu mồi, rủ rê mấy con cu khác về. Thêm vô đống củi trong nhà bếp. Nấu nướng cũng đỡ, nhứt là đỡ tức. Nãy giờ nó ăn nhiều, nó gáy quá, nào là "Trảm bạch mã tế thiên, tru hắc ngưu tế địa" (giết ngựa trắng tế trời, giết trâu đen tế đất). Nào là "sát nhứt miêu, cứu vạn thử" (Giết một con mèo cứu vạn con chuột, chữ trong tuồng Máu Nhuộm Phụng Hoàng Cung). Mẹ! Đía quá ai chịu nổi. Nó nheo mắt lại, đưa miếng "tràm" của mình lên màn tang và sẵn sàng phang mạnh. Thằng đối thủ của nó đứng đó hồi hợp đợi chờ, theo dõi từng cử chỉ của địch. Địch thủ càng nhắm nhía kỹ lưỡng, càng có hy vọng thắng, mình càng dễ bị thua. Miếng "tràm" của mình như con dế cồ, dùng để đá bắt xác, dễ ăn nhưng nếu thua thì lỗ lớn. Nó hồi hộp chờ đợi. "Lũn-Em à! Về má mượn cái này chút coi." Thằng địch thủ chỉ chờ có bao nhiêu đó, nó lẹ làng nhẩy lại chụp miếng ván của mình, la lớn, "Má mầy kêu mầy kìa. Nghỉ chơi." Rồi nó a lại đống ván vụn của mình, hốt lên một cách đắc ý. Nghỉ. Thằng Lũn-Em tức muốn hộc máu, nó nóng mũi tính xừng xộ thì đằng nhà tiếng má nó kêu lần nữa. Nó dạ lên một tiếng lớn rồi hạ giọng nói nhỏ: "Tao đi một chút trở lại, mình tiếp tục, mà mầy phải để "tràm" của mầy ngay chỗ cũ cho tao nha. Chứ chạy hỏng được đâu!" Thằng địch thủ xì lên một tiếng lớn rồi nói giọng chạy làng: "Bộ cùi à! Nghỉ là nghỉ, chừng nào chơi nữa hãy tính." Máu thằng Lũn-Em như trào lên mặt nó, đỏ rần. Cách nói chuyện thằng này xấc quá. Nó muốn nhẩy vô thoi một cái rồi tới đâu hay tới đó, nhưng dằn kịp. Đánh lộn về nhà chắc chắn là bị đòn rồi, bả hổng đánh thì ổng cũng phang, thêm vô đó, mình sẽ còn ít đứa chơi. Trong xóm này thiên hạ cấm con chơi với mình cũng nhiều rồi. Nghĩ vậy nên mặc dầu đã cung tay, mắt xồng xộc, sẵn sàng xông vào địch như con gà đá độ trước giờ giao đấu, nó cũng dịu giọng lại ngay: "Cũng được, không cần hứa, nhưng mầy tính sao coi được thì tính. Mầy anh hùng tao cũng anh hùng. Tụi mình lại bà con lối xóm lâu nay nữa." Rồi nó chạy về nhà không cần chú ý tới cái cười mim mím, khiêu khích của thằng địch thủ. Má nó vẫn còn lúc thúc ở sau bếp không thấy

mặt mày đâu hết. Ba nó với chú Hai Một đương chén chú chén anh ở giữa nhà. Thấy mặt nó chú Hai niềm nở một cách quá đáng:

"Lũn-Em đó hả cháu. Đi đâu mà mồ hôi mồ hê tùm lum tà la vậy. Nãy giờ má cháu kêu réo hoài đó, vô trong coi má cháu muốn gì." Chú day qua nói với ba nó: "Thằng, lúc này lớn đại ha. Trộng cải rồi còn gì!"

Nó tức tức, không muốn chú Hai Một lo lắng cho nó. Trước đây chú có thèm ngó tới mình đâu. Lâu lâu bắn đạn, đánh đáo, đánh trõng cho mát dưới cây vú sữa trước nhà chú buổi trưa, chú đuổi như đuổi tà còn nói xa nói gần về ba mình nữa. Nào là con đồ ăn mày, cùi, phung, đui què, mẻ xứt. Nào là con nhà mất dạy buổi trưa không để cho người ta nghỉ ngơi. Tới những bữa có trăng mới rủ được mấy đứa chơi trò đá lon, trốn kiếm, hễ chạy lạng quạng sau nhà chú là thế nào chú cũng la rầy đuổi đi hay phá đám. Thật là khó ưa, không thể nào thân thiện được. Ở lối xóm mà chú Hai Một như một ông chằn ngăn cách với tụi nhỏ. Cặp mắt thì một cái sáng như đèn pha, một cái chỉ còn là lỗ hổng sâu quắm, dòm vô như nhìn quái vật độc nhãn trong hình vẽ những cuộc phiêu lưu của Sinh Bá trong chuyện "Ngàn lẻ một đêm"... Mấy lúc sau này ba mình trúng đề cá cặp, có tiền, trở thành huyện đề cứ mỗi lần qua thăm là nhậu nhẹt, tử tế quá đáng với mình. Mỗi lần có nhậu là mình phải đi mua rượu, mua đồ nhắm lu bù, bị réo lên réo xuống, chơi mất vui. Nó đi thẳng ra sau bếp. Má nó đương chăm chú múc đồ ăn ra hai cái dĩa, ngửng đầu lên nhìn thoáng qua đứa con rồi cúi xuống tiếp tục công việc. Nó đứng đó tay chơn dư thừa không biết để đâu. May quá, được một lúc má nó mới sai: "Con đem hai dĩa nầy ra cho ba với chú Hai nhậu, cái dĩa nhỏ bát tiên này là của chú Hai, cái dĩa lớn này là của ba con. Đừng để lộn họ ba ngù, hỏng để ý ăn lộn xộn rồi sau này mích lòng, mích bề." Hai tay thằng Lũn-Em bưng hai dĩa đồ xào thơm phức ra mời khách mà trí nghĩ đâu. Tại sao phải chia ra như vậy? Nó nghĩ chắc má nó thương ba nó nên chia dĩa bự cho chồng. Loáng thoáng tiếng nói ồn ào ngoài trước:

"Vậy mà lâu nay mình không nghĩ cách này để cùng nhau nhậu. Chú nhậu một mình. Tui cũng nhậu một mình. Buồn thấy mồ thấy tổ. Mình nhậu như vầy phải vui hơn hông? Chú khỏi ngại ngùng mà tui cũng không áy náy. Rượu ly chú, chú uống. Rượu ly tui, tui uống. Người nào có phần nấy. Đồ ăn thì dĩa chú, chú nhắm. Dĩa tui, tui xực. Đâu sợ lây liếc gì. Mà vui. Nhậu là để có bạn bè chuyện vãn, chớ nhậu một mình thui thủi té ra mình là bợm hút sao. Mà lại lãng xẹt nữa." Thằng Lũn-Em đã hiểu hết. Nó xót xa. Trời hành ba nó. Ông mang bịnh ngặt ai cũng sợ, ai cũng muốn tránh xa. Trước đây chỉ có mấy người trong nhà

thui thủi với nhau ai lo chuyện nấy. Ba nó ăn xin ở chợ, má nó lẩn quẩn ở hàng thịt hàng cá chờ đợi ai mướn làm gì thì làm, kiếm thêm chút đỉnh. Nó vừa đi bán khoai lang khoai mì vừa lục lạo đầu chợ trên cuối chợ dưới lượm lặt đủ thứ rau cải vặt vãnh dập thúi mà bạn hàng loại bỏ ra, đem về cắt bỏ, lọc lại lần nữa để có một nồi canh, một tô rau cho ngày. Bây giờ thì mọi sự đã khác. Cả nhà biên đề, bao đề, sáng tới trưa biên chép mấy con số. Chiều lại độ ba giờ, khóa sổ không thâu nữa, má nó với nó làm sổ rồi bã cầm tiền vô Kim Chung hay Đại Thế Giới mua lại những số ít người mua, lẩn quẩn ở đó để nghe đề xổ, nếu có trúng thì lãnh tiền về chung lại cho những người may mắn trong ngày. Công việc nhẹ nhàng mà có lợi. Lâu lâu một vài người lính kín tới kiếm ba má nó, nói vài câu xã giao rồi hân hoan ra đi sau khi mỗi ông đút vô túi một cái bao thơ gói sẵn. Cũng từ đó khách khứa tới nhà tấp nập, chú Hai Một là người qua lại nhiều nhứt vì ở cận kề. Nay đem qua trái cóc, mai đem qua trái ổi để gầy trận nhậu. Má nó đi lên đi xuống sửa soạn đồ nhắm, nói nói cười cười, vui vẻ, hả hê. Trên nhà trên, ba nó với chú Hai Một vẫn tiếp tục chén chú chén anh, thù thù tạc tạc như một cặp tri kỷ tương đắc lâu ngày không gặp. Lần nào cũng vậy, cuối cùng cũng là tiếng ly ngã rồi tiếng mửa tháo cống với giọng lè nhè của ba nó.

"Uống đi, uống nữa đi chú Hai, nam vô tửu như kỳ vô phong mà, cờ không gặp gió thì cờ rủ, giống như miếng giẻ rách chứ có ra đám ôn gì... Đàn ông con trai không có rượu thì... ủ rũ như con mèo ướt. Mình vô nữa... Còn nhiều ngày giờ mà ... Uống đi... Vô đi... Hết xị này gầy xị khác. Đừng lo. Tui còn tính để mình nhậu với nhau tới chiều được mà... Bữa nay mấy ông ở trên bót Central xuống (như Nha cảnh sát Đô Thành sau này) tui mới được nghỉ một bữa. Mình nhậu xả cảng đi. Quắc tui chịu cho..."

Rồi tất cả lặng trang. Ba nó đã lăn ra ngủ. Chú Hai Một kiếu má nó về để đi đạp xích lô. Một lúc sau má nó cũng biểu nó coi chừng nhà để đi công chuyện. Căn nhà trở nên vắng vẻ với giọng ngáy ồ ồ ngựa kéo xe của người say, lâu lâu mới lên mấy câu lè-nhè chán ngấy như cái dĩa hát Paté rè nhừa nhựa phần cuối bản vọng cổ hoài lang muôn dặm tìm chồng của cô Tư Sạn. Bỗng thằng Lũn-Em chõm dậy, mặt mày tỉnh queo, nó phóng lẹ ra khỏi nhà. Ngoài đường đã có tiếng ồn ào của tụi bạn lối xóm đương bao quanh con voi cù-là cười nói chỉ chỏ. Con voi bự xộn nhưng thiệt hiền lành. Cặp mắt ti hí như cam phận chịu đựng sự điều khiển, hành hạ của thằng nài kiêm luôn người bán quảng cáo dầu cù-là Mac Phsu chánh gốc Miến Điện. Tụi nhỏ tìm đủ thứ có thể kiếm được đem ra nhử voi rồi cười toe toét khi được con vật lạy xin ăn. Anh chàng bán dầu

vẫn lớn tiếng quảng cáo. Một vài người đàn bà ẵm con khó nuôi tới xin phép được lòn qua bụng voi để sau này đứa nhỏ ăn nhiều mau lớn. Tụi nhỏ lỏ mắt ngó cảnh tượng đó gần rớt con mắt. Thằng Lũn-Em nhắc hít che mắt hỏng dám ngó. Nguy hiểm thấy mồ. Con voi mà thụt lui hay bước tới chắc hai mẹ con đứa nhỏ mềm xương. Một người khác tin tưởng hơn, năn nỉ thằng nài ẵm đứa nhỏ đút vô miệng voi. Con voi được lịnh giơ cao vòi lên, hả họng, đứa nhỏ được bồng đẩy vô đó, con voi co vòi lại như sắp quắp lấy đứa nhỏ. Thằng bé thét lên như bị ai cắt cổ. Thằng Lũn-Em nín thở. Nó vừa thích thú vừa rợn tóc gáy. Con voi ngừng lại kịp lúc cái vòi sắp đụng tới đứa nhỏ. Nguy hiểm quá. Nó tưởng tượng đến một sự trật khớp, đầu đứa nhỏ sẽ giống như cái bong bóng bể, còn gì đời.

Được một lúc, thằng nài đánh voi đi, lũ trẻ reo hò đi theo như từng đi theo chiếc tàu tống gió trong đám cúng cô hồn tháng trước. Thằng Lũn-Em quên hết chuyện giữ nhà, quên hết chuyện ba nó đang say bất kể trời đất, đương cần sự giúp đỡ của nó. Con voi cùng với mấy đứa nhỏ đang reo hò kia có một sự hấp dẫn lạ lùng. Nó như bị thôi miên bước theo từng bước, mắt chăm chú dòm hai cái tai voi như hai cái quạt mo rách đập lên đập xuống để đuổi ruồi. Nó giựt mình khi thằng nài đập cái cây có gắng cái cù ngéo sắt nhọn lút vô đầu voi. Nó tưởng chừng con voi sẽ lấy vòi liệng thằng nài xuống đất. Nhưng không, con vật chỉ rống lên, đưa vòi vốc một miếng đất đắp trám vô chỗ bị thương rồi thủng thẳng bước đi theo lịnh của chủ. Trong trí non nớt của thằng Lũn-Em, nó thấy bất mãn cho con thú đáng thương đó: đềnh dàng, kềnh-xà-bàng mà để bị thằng nài nhỏ hí, ốm nhom ốm nhách làm tình làm tội. Nó nghĩ nếu mình là con voi mình sẽ quật anh ta một trận cho tởn tới già. Nếu anh ta không nuôi mình nữa thì bỏ đi lang thang ăn cỏ bên đường, ăn lá tre trong xóm cũng sống được vậy. Miên man suy nghĩ thằng Lũn-Em đã đi theo con voi một đỗi khá xa, dường như đâu tới đầu cầu Tân Thuận lận. Nó hơi giựt mình. Xa quá, nhà không có ai coi chừng coi đỗi. Ba mình đương ngủ say vùi, chút nữa ổng dậy réo không có thì ngầy ngà lớn. Nó tính bỏ đi về, nhưng tiếc cuộc vui, con voi còn làm nhiều trò đáng đồng tiền bát gạo khác, như đứng bằng hai chưn sau, giơ hai chưn trước lên cao, thằng nài đứng dưới đất vói tay biểu diễn. Nửa ham nửa sợ nên thằng Lũn-Em chần chờ, phân vân chưa quyết định ở, về. Bỗng nó như nghẹt thở khi thấy từ đằng sạp bánh xèo chỗ chợ chồm hổm gần đó má nó đương ngồi ăn ngon lành với chú Hai Một. Má mình mà thấy được thì bị đòn nứt đít. Biểu coi nhà coi cửa mà bỏ đi chơi. Lại đi xa nữa. Nhưng nó lấy làm lạ, bình thường má mình ít khi ăn uống ngoài đường,

ít khi ăn hàng vặt. Tại sao bữa nay bả lại ăn bánh xèo ở đây. Mà cũng lạ, nhà hôm qua mới đổ bánh xèo mà. Nó thắc mắc nhưng không thể nào tìm thấy được lời giải thích thỏa đáng. Nó quay đầu lại chạy u về nhà, trong trí vẫn còn dồn dập những câu hỏi khác. Chú Hai Một mới nhậu với ba mình một cữ quá mạng, bụng dạ nào mà ăn nữa. Hôi nãy cũng có lòng xào, cũng có thịt gà xé phay vậy, bộ chú ăn hổng no sao? Mà chú đi đạp xích lô mà, tại sao ở không ngồi đây ăn? Mà coi sao hai người thân mật quá cỡ; cười cười nói nói như cặp bồ cặp bạn. Hay là...? Thằng Lũn-Em lắc mạnh cái đầu. Nó nói lớn một mình :"Hổng phải vậy đâu?" Rồi nó bật khóc tức tưởi như sau một trận đòn oan. Câu thơ mà bà Hai già gánh nước mướn ở xóm mã mỗi khi đổi nước thấy ba nó nhậu với chú Hai Một, hiện ra trong trí nó: "Có chà cá mới ở ao, có em anh mới ra vào nơi đây." làm cho nó lờ mờ thấy được chuyện xấu xa của má nó. Nó bậm môi lại, cung tay như sắp xông vào một địch thủ vô hình trước mặt rồi bước những bước giận dữ về nhà.

3. Thằng Lũn-Em cầm đồng bạc vừa đi vừa hồi hộp. Sáng nay không khí có vẻ đông đặc, bao trùm một nếp im lặng nặng nề đáng sợ. Bụi tre xóm mả như cũng cảm thấy có gì đặc biệt nên không còn oằn oại trong gió sớm nữa, đứng im một đống thù lù. Đồng bạc chì để mua cà-phê, nhẹ hổng, nó thường dùng để chọi đáo hằng ngày cũng trở thành nặng trĩu trong tay. Nó bỏ vô túi quần, cẩn thận đập đập mấy cái như để chắc ăn rồi dáo dác dợm cẳng sửa soạn chạy qua con đường ma. Một cơn gió lạnh bây giờ mới tạc qua đem theo mùi sương thơm thơm thân thuộc. Những ngọn gió chào đón nó mỗi ngày nãy giờ vắng mặt, trở lại như một người bạn xa vắng quá lâu để lại trong ta sự nhớ nhung của một tình cảm thiếu thốn khó phân tích. Nó rùng mình nghĩ ngay tới tấm bồng bột cũ và cái chiếu rách vừa xếp lại mấy phút trước. Nếu được cuộn mình tới trưa, nếu được tự do ngủ tới lúc nào cũng được thì sung sướng không gì bằng. Nhưng nó không có thì giờ ước ao hay ngạc nhiên lâu. Tiếng lách cách lên cò súng đâu đó làm nó giựt mình trở về với hiện tại. Không khí chết chóc nó đã từng chứng kiến. Có lần vừa mới qua khỏi đám mả không xa, gần tới chỗ ánh sáng đèn đường nó vấp phải hai cái thây người nằm sóng soải vắt lên nhau ở trên con đường cỏ nhỏ. Nó hết hồn bỏ chạy, nhưng lần đó sự hồi hộp ít, bây giờ tiếng lên cò súng như đe dọa trực tiếp với nó. Nó lỏ mắt nhìn kỹ. Qua bóng đêm, rải rác cách năm ba thước lại có một người lính mã tà cầm súng hờm sẵn. Họ, hoặc dựa vô góc cây, hoặc dựa vô cửa một căn nhà nào đó mà chủ nhân vô tình vẫn còn triền miên trong giấc ngủ. Trong khi đó mấy ông tây bụng bự, bận

quần sọt cụt đi đi lại lại tay lăm le cây súng sáu. Mồ hôi hột nó đổ ra trong buổi sáng lạnh. Lại bố nữa. Nó vẫn tiếp tục bước tới mà không biết tại sao mình phải bước tới. Có lẽ trong lòng nó sự sợ hãi ba nó nhiều hơn, nặng hơn sự sợ hãi những người cầm súng bộ tịch dữ dằn trước mặt. Một vài người lính dòm nó. Có người hút lẹ hơi thuốc cuối cùng, liệng xuống đất, lấy chiếc giày đinh đập đập tàn thuốc, liếc lẹ qua nó rồi tiếp tục dòm thẳng như không có nó đi qua. Nó ra khỏi xóm lúc nào cũng không hay. Ngoài đường một dãi xe nhà binh mười bánh đậu mút mắt. Bên kia đường tiệm nước ồn ào hơn mọi ngày. Nhiều người đứng thập thò trong tiệm, dòm ngó, chỉ chỏ. Nó gặp chú Hai Một ở đó. Chú hỏi giọng thiệt kẻ cả:

"Lũn-Em sao mầy ra đây. Bố mà, bộ mầy hổng biết sao?"

Thằng Lũn-Em ngó chú Hai Một khinh khỉnh, nó thấy không cần trả lời câu hỏi vô ích đó. Cha! bây giờ lợi trở về cách xưng hô cũ, không còn cháu cháu con con nữa. Bộ dạng lăn xăn, hí hửng thấy bắt ghét. Nó nhớ tới hình ảnh bữa chú ăn bánh xèo nói chuyện thân mật với má nó mà tức muốn lộn ruột lộn gan. Ăn uống tràn hông ở nhà người ta mà còn bày đặt nầy nọ. Nó tức má nó đèo bòng mà cũng tức cho ba nó thiệt thà không thấy được chuyện xảy ra trước mắt. Ba mình dầu cùi-phung-lở-lói cũng là ba, còn chú Hai Một ở đâu bá vơ bỗng nhiên nhẩy vô đòi làm ba ghẻ mình. Nó háy chú một cái rồi làm thinh bước tới như không nghe câu hỏi. Chú Hai Một ngó thằng Lũn-Em ngạc nhiên. Thằng khỉ không trở chứng, ngó mình bằng nửa con mắt. Hay là... Một tia nghi ngờ tóe lên trong con mắt độc nhất của chú, nhưng chú vội bát ngay ý tưởng đó. Làm sao nó biết được, mình kỹ lưỡng, kín đáo lắm mà! Rồi chú trở về cái vui mừng hiện tại, theo chú đáng cho tâm thức mình đối diện hơn: Thoát ra khỏi cuộc ruồng bố sáng nay. Chú mỉm cười đĩnh đạt ngồi xuống, tự thưởng bằng mấy mấy dĩa xiếu mại nóng mà tên phổ ky vừa bóc trong cái vỉ tre còn bưng khói để lên bàn... Thằng Lũn-Em tỉnh táo dòm chung quanh. Nó biết luật bố. Họ chỉ bắt đàn ông ở xóm bị bao vây thôi. Đàn ông ở bên này đường không việc gì, miễn đừng léo héo bước qua bên kia đường hay lợi gần mấy cái xe nhà binh. Cần nhứt là tránh mặt mấy ông Tây, nói thì nói vậy chớ tạn mạt Tây nó bắt lúc nào không biết. Hú hồn cho chú Hai Một, đã thoát ra đây trước khi xóm bị bao vây, nếu không thì chút nữa cũng sẽ bị lùa lên xe như lùa vịt chớ có hơn ai. Xiếu mại nóng, bánh mì dòn, khiến chú Hai Một ăn không biết đã. Chú nhai ngồm ngoàm, chú nuốt ừng ực. Bỗng chú khựng lại như cảm thấy hành động của mình có gì sai trái. Chú nói lớn có ý cho thằng Lũn-Em nghe, "ờ mà họ đâu có bắt con nít nhỏ với lại đàn bà..." Rồi chú mỉm

cười vui vẻ như để ăn mừng sự may mắn của mình, chú mời thiệt tình, "Lũn-Em, lợi đây ăn với tao. Họ bao vây phía đó rồi. Mầy về không được đâu. Chuyện bố ráp này cầu kéo dài tới trưa lận mà." Rồi chú phân bua, "May quá, hồi tối tao say múc chỉ nên đi ngủ sớm. Khuya đói bụng cồn cào, thức dậy bò ra đây lúc tiệm chưa mở cửa, đứng đợi lóng nhóng một hồi, tiệm mở, chui vô đây. Họ mới tới đó. Rồi như chợt thấy bộ dạng của thằng Lũn-Em không có vẻ gì muốn nghe, chú trở bộ lo lắng, "Cha, không biết bà con mình có sao không? Hai tháng trước họ cũng bố một lần ở bên nầy. Quơ ráo trọi đàn ông con trai từ mười sáu tuổi trở lên, chỉ trừ mấy người bịnh nặng lết hỏng nổi hay què quặt mà thôi... Như vậy, chắc ba mầy hỏng sao đâu!" Câu nói của chú Hai Một đem thằng Lũn-Em về thực tế. Nó đâm lo ngang. Ba nó mà bị bắt thì cực cho nhà nó. Nó chỉ lờ mờ biết như vậy thôi. Còn cực như thế nào thì khó lòng nó tưởng tượng ra được. Nó buồn buồn, rồi không nói gì, nó buồn bã đi lại chỗ chú Ba Bụng đứng, mua cà-phê, xách lon sữa lẹ làng đi ra cửa không thèm thêm vô chút nước sôi để nhấm nháp như mọi ngày. Chú Hai Một ngó nó chưng hửng nhưng không nói gì, tiếp tục cúi xuống mấy dĩa xiếu mại hấp dẫn... Những người lính mã tà lần này cũng ngó thằng Lũn-Em trở về. Họ cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên hay hỏi han gì nó. Chuyện này với họ quá thường. Những đứa nhỏ sớm mơi, trong sương lạnh, đi mua cà-phê, hủ tiếu. Nó đi mau về nhà. Rải rác trong xóm nó đàn ông, từ già tới trẻ đương lủi thủi bước qua miếng đất trống dưới họng súng của mấy người lính. Nó rảo mắt tìm kiếm, hi vọng ba nó không có trong số đó. Nó mừng thầm, ba mình bị tật nguyền như vậy mà may, chắc họ hỏng bắt ổng đâu. Nó bước vô nhà như cơn gió lốc vừa kịp nghe má nó dặn nho nhỏ với chồng: "Anh nằm đó đắp mền lợi, chắc hỏng sao đâu. Tui sẽ nói anh bịnh, mà chắc họ cũng hỏng bắt anh làm gì đâu. Lành lặn mới hoạt động nầy nọ, chớ anh thì làm gì được. Cầm chén cơm còn hỏng xong, làm sao cầm súng được. Họ biết chớ sao hỏng biết."

Tiếng chú Tư Cùi vừa bực bội vừa tàn nhẫn:

"Bố con khỉ mẹ gì mà bố hoài. Ai ăn ở không lên bót ngồi phơi nắng tới chiều để mấy thằng bao bố nhìn mặt rồi gật hay lắc. Tụi nó ẩu bỏ mẹ. Bị đánh đau lâu lâu gật cha nó một hai thằng. Hên xui. Gặp tao hả, tao gật hết mấy thằng trong xóm nầy mà trước đây gặp tao cứ tránh tránh, né né, dang ra, sợ lây. Mẹ, cùi đâu phải dễ lây. Đứng gần một vài lần làm sao lây được mà cứ làm bộ làm tịch, như ta đây sạch sẽ lắm. Tao gật đầu cho thấy mẹ hết, hết làm phách chó."

Thằng Lũn-Em ngạc nhiên. Nó không hiểu sao ba nó lại giận ngang, lại còn hăm he những người lối xóm. Sự tránh né, gớm ghiếc là chuyện

đương nhiên thôi. Chính nó lành lặn mà còn bị tránh né nữa huống là ba nó. Thét rồi quen đi. Tại sao phải ghim trong bụng rồi mang lòng oán hận? Hơn nữa mấy tháng nay khi nhà nó khá lên, thái độ mọi người có vẻ thân thiện hơn nhiều. Còn muốn gì nữa? Nhiều người còn khen nịnh ông lúc này thiên giảm thấy rõ. Mà thiệt vậy, chỗ lở ở bàn tay, bàn chưn trước đây nước vàng chảy ri rỉ bây giờ đương trên đường ráp mí, kéo da non, có lẽ nhờ uống mấy phân vàng nấu cách đêm hay nhờ những cô gái mà thỉnh thoảng đêm khuya giựt mình thức dậy nó nghe tiếng khóc thút thích trong mùng ba nó. Mấy lúc sau này tiền trúng đề ba nó chung, người nhận không tỏ vẻ khó chịu, ngỡ ngàng như dạo trước. Họ vui vẻ nói vài câu khôi hài nữa là khác! Sao ổng vẫn còn oán hận? Hay đó chỉ là cái tánh xấu trời cho? Cũng như căn bịnh ngặt trời cho ổng mang không biết từ hồi nào tới giờ?

Chú Tư Cùi hùm hổ thêm với vợ:

"Tao nói thiệt, tao mà bị bắt, bị làm bao bố hả. Tao sẽ gật luôn mấy thằng lính kín tới đây thâu tiền hụi chết hằng tuần của tao. Mẹ, mình mần cực khổ bỏ mẹ, tụi nó ở không cứ cuối tuần lợi đưa tay ra chìa tiền, mình còn phải năn nỉ nó mới chịu bỏ vô túi. Tiền mồ hôi nước mắt của tao, đáng lẽ để tao mua nầy kia để tao chữa bịnh chớ! Tụi nó ăn trên đầu cha người ta."

Má nó khuyên giải nho nhỏ:

"Anh sao kỳ quá! Anh chưa bị bắt mà. Anh cũng chưa làm bao bố nữa. Sao mà tính chuyện ác đức không vậy?" Má nó chắc lưỡi. "Mà có chuyện gì thì nói nho nhỏ vậy, nói um xùm bát nhã thiên hạ nghe sanh thù oán ích lợi gì?"

Vừa lúc đó mấy người lính xô cửa bước vô, ba người chĩa súng về ba phía, bao quát toàn thể căn nhà, một người nói gằn giọng:

"Ai ở đâu ở đó, đứng yên không được nhúc nhích. Nhúc nhích chết chịu." Thằng Lũn-Em xanh máu mặt, từ nãy tới giờ nó vẫn còn mơ chuyện gia đình nó đứng ngoài vụ bố nầy. Bố ai thì bố nhưng không bố nhà nó. Ba nó cùi mà! Ai mà hỏng biết điều đó. Sao họ lại còn vô đây? Chú Tư Cùi mặt mày chầm dầm, dưới ngọn đèn dầu chập chờn trên bàn để ở giữa nhà, hai cục xương gò má chú càng cao lên hơn, bóng lưỡng, vẻ ma quái phủ trùm. Vành tai và trái tai của chú cũng vậy, đỏ hực lên như bóng đèn được tăng thêm điện. Má thằng Lũn-Em lên tiếng thay mặt cho người trong nhà:

"Ông nhà tui ổng cùi, mà bữa nay ổng đương bịnh nữa mấy thầy ơi. Nhà chỉ có ba người, ổng, tui, với thằng nhỏ nầy đây. Tụi tui ở đây lâu rồi ai cũng biết mà. ổng cùi đâu có làm gì được, đâu có đi đâu xa bao

giờ. Thôi mấy thầy tha cho ổng làm phước."

Mấy người lính ngó nhau, trao đổi ý. Thằng cha Tư Cùi bao đề ở xóm bến đò Tân Kiểng hai năm nay ai mà không biết? Nhưng biết đâu bên trong? Một người lính trẻ trả lời nhỏ nhẹ:

"Chị đừng sợ gì hết. Ảnh về bót cũng như bao nhiêu bà con khác vậy thôi. Tới chiều nếu không có gì trở ngại thì về hà. Không có tội ai giữ làm gì mất công? Biết đâu mấy ổng còn cho ảnh về sớm nữa. Tật nguyền mà."

Người đàn bà cố gắng lần chót:

"Mấy thầy thông cảm như vậy tôi đội ơn hết sức. Làm ơn, làm ơn cho trót, mấy thầy làm phước tha cho ổng luôn. Bắt đi làm chi cho mất công. Rồi cũng thả về chớ ích lợi gì đâu?"

Người lính quyết liệt hất mũi súng ra lệnh cho Chú Tư Cùi bước xuống đất, nói một câu vớt vát: "Tụi tôi như thiên lôi vậy. Biểu đánh đâu đánh đó hà. Biểu bắt hết đàn ông, tụi tui bắt hết đàn ông. Sót một người mấy ổng hay được tụi tui bị treo nồi cơm vợ con đói ai vô chịu đây? Thôi chị cảm phiền. Không phải ai muốn làm khó dễ gì đâu."

Chú Tư Cùi riu ríu bước xuống đất, đưa chưn kiếm đôi dép vỏ xe đạp đặc biệt của mình, đôi dép ba quai ràng rịt trước sau vì mấy ngón chưn rụng lóng của chú. Chú buồn bã vô cùng. Hôi nãy chú bặm trợn, hăm he với vợ con, nhưng bây giờ đây chú tiu ngỉu như chó bị chặt đuôi. Chú lủi thủi bước tới, giương cặp mắt thảm não ngó vợ. Trong trí chú hiện ra hình ảnh mình bị xô lấn, bị đẩy tới chiếc xe nhà binh mười bánh, rồi những cái nhìn gớm ghiếc của những người chung quanh khi bị bắt buộc phải va chạm tới mình mẩy chú. Chú nghĩ tới sự lên xe xuống cộ khó khăn của mình, một người lính sẽ đẩy chú lên hay kéo chú xuống kèm theo mấy câu chưởi thề. Chú tưởng tượng tới lúc mình ngồi xếp hàng với cả ngàn người khác chờ tới phiên đi lên đứng trước mặt mấy thằng bao bố, những người ma quái hiện thân của tai ương qua hai cái lỗ hổng đen ngòm khoét trước mắt của cái bao bố trùm đầu. Và trong sự rủi may đường tơ kẻ tóc đó, nhiều người đã ngã xuống chết giấc hay từ từ lụn xuống như một đống thịt bầy nhầy đã được lóc hết xương sau cái gật đầu phải có trong buổi nhìn mặt của một thằng bao bố. Chú rùng mình, nếu nó gật, mình càng chết cha hơn. Rồi mình sẽ thành bao bố. Chú không dám suy nghĩ nữa, hình ảnh đó chưa gì đã làm tan biến đi tất cả nghị lực trong người chú. Chú lúc thúc bước tới sau khi liếc nhìn vợ, trao đổi một ánh mắt lo âu cầu cứu. Má thằng Lũn-Em chụp cái áo của chồng đương máng trên cây giăng mùng choàng lẹ lên người chú Tư. Chị cũng giựt mau cái lon cà-phê sữa trong tay thằng Lũn-Em đưa cho chồng kèm

theo câu nói âu yếm: "Anh uống cà phê đi, chắc tới chiều mới được về lận. Trưa tui đón đưa bánh mì thịt anh ăn đỡ." Rồi chị quẹt nước mắt, "Khổ quá mấy thầy làm việc thẳng băng, không mềm mỏng chút nào hết trời, ổng như vậy mà bắt đi cái nỗi gì". Chị khóc thúc thít trước những cặp mắt thương hại của mấy người lính. Thằng Lũn-Em cảm thấy thương má nó vô bờ. Nó chợt có ý nghĩ rằng mình đã nhìn lộn, những gì thấy trong buổi đi coi voi là chuyện xảy ra trong chiêm bao chớ không phải thiệt ở ngoài đời. Bên ngoài vẳng lại tiếng mấy ông tây lù xù mec-xà-lù dài dài nhân viên thuộc hạ. Nó đứng chết trân như trời trồng, nước mắt chảy xuống thấm môi mặn chát. Cảnh vật chung quanh như tan biến đi trước sự đau thương trong lòng nó.

4. Chú Tư Cùi ra dấu cho chiếc xích lô ngừng lại trước thềm nhà. Chú vừa bồn chồn vừa hí hửng. Bị nằm "bót" hơn cả tuần nay giờ mới được thả ra không mừng sao được? Nhưng mà cái lạ là ba bốn ngày nay người lính mã tà đem khúc bánh mì thịt vô tiếp tế nói rằng của một thằng nhỏ đưa thay vì của một người đàn bà như mấy ngày đầu. Vợ mình đâu? Nó mắc công chuyện gì mà phải sai phái thằng Lũn-Em mỗi ngày?. Rồi chú đưa ra những lý lẽ để tự trấn an. Chú nóng lòng về chuyện được thả ra, về công chuyện làm ăn thì ít mà thắc mắc về chuyện vợ con thì nhiều. Căn nhà trống trải quá sức, vắng lạnh như từ lâu không ai ở. Không một ai lai vãn đến biên đề, không một đứa nhỏ chạy chơi trước cửa. Tới cái cửa bình thường mở tàn hoạt chào đón tất cả mọi hạng người, bữa nay cũng đóng im lìm làm chú càng teo ruột teo gan hơn. Chắc có chuyện gì quan trọng lắm mới tới nỗi này? Mình bị bắt là một tai họa lớn rồi. Chuyện gì xảy ra cho ở nhà nữa mà coi bộ nhà vắng teo? Hai mẹ con tụi nó đâu? Không có mình họ cũng tiếp tục biên đề được mà, tại sao lại bỏ đi đâu vậy cà? Chú kêu lớn, cố nén sự xúc động:

"Má thằng Lũn-Em ơi! Tui dìa nè!"

Chỉ có sự vắng lặng trả lời chú Tư Cùi.

"Lũn-Em ơi! Con đâu rồi. Ba dìa nè."

Lần này giọng anh ta run run và nghẹn ngào. Cũng không có tiếng trả lời trả vốn gì hết. Chỉ có cái giường tre ọp ẹp như có người nằm trên đó cựa mình với vài tiếng ú ớ trong cổ họng. Như vậy mà hay. Nếu không có ai hết chắc buồn đứt ruột quá. Chú xô cửa bước vô nhà, bàn ghế bụi đóng một lớp dầy cợm, rờ vô là để lại dấu tay. Cái lon cà phê không từ bữa chú bị bắt tới giờ vẫn còn đó, kiến bu đầy nhóc, một con thằn lằn chết phơi bụng trắng hếu ở trong. Chú vừa lo sợ vừa bực mình. Chung quanh không khí lặng trang như nhà ma chết chủ. Chú không

dám lên tiếng lần nữa, thâm tâm chú thấy có điều gì bất tường vô cùng trọng đại. Không biết ai ở trong đó, con vợ mình hay thằng Lũn-Em? Chưa bao giờ chú thấy mình mệt mỏi như lúc nầy, kể cả lần nghe thầy thông ngôn dịch lại lời ông xếp bót quyết định đưa chú vô trại cùi. Chú ngồi phịch xuống cái đi-văn, nơi chú nằm ngủ thường ngày, thở giốc. Trong trí chú nhảy nhót không biết bao nhiêu giả thuyết, cái nào cái nấy cũng có thể làm chú chết điếng được. Chú lần bước vô trong. Thằng Lũn-Em nằm xui cò, nước mắt nó từ từ ứa ra, chảy ngang sóng mũi, nhỏ xuống mí chiếu. Nó nói nho nhỏ:

"Má đi hai bữa rồi hỏng dìa. Má có đưa cho con một trăm dặn nếu ba dìa đưa lợi cho ba. Mà má nói nhưng mà chắc ba hỏng dìa đâu, người ta đem nhốt ba trên trại cùi."

Chú Tư Cùi đứng chết điếng, người đàn bà đó đã phản bội chú, đã chờ đúng lúc chú ngã xuống để bồi thêm một lát chém trí mạng. Người đàn bà từng đem tới sự ấm lòng trong cuộc đời thiệt thòi của chú mà chú biết rằng không thể kiếm được ở một người thứ hai. Giờ thì người đó đã bỏ đi, con chim quý của chú bao nhiêu năm nay đã trở về với đồng loại của mình, chắc chắn nó đã quyết định lập lại một cuộc đời khác mà nó tin rằng sẽ khá hơn cái gia đình đang có với một người đàn ông tật nguyền. Gái hai con chưa hết lòng chồng! Rồi đây mình làm sao sống được với sự đau đớn đó. Làm huyện đề trở lại? Chưa chắc được vì ai cũng biết bây giờ mình sạch sành sanh rồi. Nó túm đi hết rồi. Họ đâu tín nhiệm nữa. Đi ăn xin như hai năm trước? Còn sức lực đâu để làm chuyện đó. Mà mặc mũi nào? Những tháng ngày huy hoàng vừa qua khiến chú nhìn lại quãng đời trước như nhìn cảnh địa ngục kinh khiếp không thể nào có can đảm bước chân vô lần nữa.

Chú chưởi thề, "Mẹ cha nó cuộc đời!", rồi chú âu yếm nói với thằng con, "Thôi con đừng buồn nữa. Chuyện gì rồi cũng tính được hết. Không cách nầy thì cách khác. Con qua mời chú Hai Một qua nhậu với ba mừng ngày ba được thả. Mai cha con mình bắt đầu bao đề trở lợi. Được không được rồi tính sau."

Thằng Lũn-Em đã ngồi dậy từ nãy giờ. Nó co ro ủ rũ vì buồn, vì mệt, vì chóng mặt, nghe vậy nó càng cảm thấy mệt mỏi hơn. Nó bối rối ngó lên nóc nhà không trả lời. Một lúc sau nó nói nhỏ, thiệt nhỏ: "Chú Hai Một dọn nhà đi bữa tối má hỏng dìa lận. Chắc là..."

Nó nấc lên rồi thúc thít khóc. Chú dỗ dành, lần đầu tiên chú mới nói giọng ấu yếm với con: "Thôi con đừng khóc, chắc con mệt lắm. Ba biết hết rồi, không cần kể nữa. Thôi con cầm tiền đó ra tiệm hút mua cho ba hai "ngao tài" về cha con mình uống cho khỏe. Á phiện mắc mà được

cái làm cho người mau khỏe. Để rồi con coi không có má mầy, cha con mình cũng sống như thường. Còn khỏe nữa là khác. Không có đàn bà lôi thôi, nhức đầu." Thằng Lũn-Em vẫn còn sợ uy ba nó, tuy mệt nó cũng gắng gượng bước ra cửa. Trong nầy chú Tư Cùi lui cui xuống bếp lục chai giấm thanh, chú rót ra hai cái chén đem lên để sẵn trên bàn. Chú nhìn chén giấm chửi trời chửi đất:

"Thằng trời mầy hỏng có mắt, mầy để cho người đời chung quanh ác độc với tao. Tao có chết đi cũng trở lộn lên trả thù đời, tao sẽ đầu thai làm hàng ngàn hàng vạn người độc ác cai trị cái xứ nầy, làm cho tất cả mọi người hiện đương sung sướng phải khổ sở, điêu đứng, tán gia bại sản. Mỗi một lóng tay lóng chưn của tao sẽ đầu thai làm một người huyện đề, mỗi lần xổ cả trăm con, cả ngàn con đề, để cho ai nấy đều khố rách áo ôm hết trọi. Mỗi một giọt máu cùi của tao sẽ đầu thai làm một người lính canh giữ nhà tù, giam giữ hết thảy những người nào đã ghẻ tởm, đã khi dễ tao, đã góp phần xa hay gần trong sự làm khổ tao..." Chú nói, chú trù luôn miệng những gì mà chú có thể tưởng tượng ra được để hành hạ cái xã hội khép kín lại trước mắt chú sau khi đã mở cho chú một cánh cửa thênh thang .... Rồi chú cười, chú khóc như người điên. Chú xé áo, chú bứt tóc, bứt tai, chú liệng đồ liệng đạc. Chú cào mặt cào mày. Chú quẹt máu cùi trên vách, trên ghế, trên bàn, trên mùng mền ... Trong cơn giận dữ đó chú bỗng nghe như tất cả chỗ khớp xương trên thân thể mình đau nhức. Mấy con vi trùng cùi sau một thời gian hưu chiến với thân thể chú đã tỉnh dậy, a dua với cuộc đời ác độc chung quanh chú, gặm nhấm lớp sụn còn sót lại trên người chú. Chú đau đớn uốn éo thân mình rồi ngồi thở dốc, mắt trợn trừng nhìn vô khoảng không...

Thằng Lũn-Em đem hai hộp á phiện nhỏ bằng hai hộp dầu cù là về. Nó đứng ngây ngô nhìn cảnh tượng đó. Mắt nó ráo hoảnh. Chú Tư Cùi giựt hai hộp thuốc trên tay thằng con. Chú run run mở ra, đưa lên mũi hửi. Mùi á phiện thô hăn hắc làm chú nhăn mũi. Chú bỏ thuốc trong mỗi hộp vô một chén giấm rồi đưa khúc ngón tay cụt vô quậy quậy. Chú ngó lên thằng con, đôi mắt thiểu não như người sắp chết.

Thằng Lũn-Em đứng đó bất động, nó linh cảm chuyện bất tường ghê gớm sẽ xảy ra. Nó để tay lên vai người cha trước tới giờ chỉ sợ hơn là thương, kêu lên giọng thiệt thân thiết, "Ba...a..." rồi gục đầu lên vai của cha nức, nức. Chú vuốt tóc con. Chú chớp chớp mắt để ngăn mình khỏi khóc, rồi không biết nghĩ sao, chú đổ hai chén giấm lại với nhau, đưa lên môi, ửng cổ, uống cạn...

Những vệt máu cùi quằn quện trên vách, sậm lại, đen màu ma quái.❐

triều hoa đại

Tiểu sử:

Triều Hoa Đại tên thật là Đỗ Xuân Nho. Sinh năm 1942 tại làng Dưỡng Chính,huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Trước tháng 4-75 viết báo,phóng viên đài TNTD,cộng tác với một số tạp chí. Định cư tại Hoa Kỳ (tiểu bang Florida). Viết trở lại kể từ cuối năm 1989 sau một thời gian ngưng nghỉ. Đã có bài đăng rải rác ở nhiều tạp chí.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Buồn Lên Đôi Vai* (thơ in chung 1962).
- *Con Phố Điêu Tàn* (thơ 1965).
- *Những Bài Âu Ca* (thơ,nhạc viết chung 1967).
- *Dấu Huệ Hồng* (Thơ 1992).

Góp bài trong các tuyển tập: *Thơ,Văn Phật Giáo* (1993) *Việt Nam Quê Hương Tôi* (1994) -

Bản thảo đã hoàn tất: *Mưa Bên Đồi.*

Trả lời phỏng vấn:

Thưa quý anh trong ban biên tập Tạp Chí Văn Học, Trước tiên tôi xin ngỏ lời cám ơn quý anh đã dành cho tôi có cơ hội viết ra những dòng chữ này để nói lên những gì mà tôi đã tập tành để trở thành "nghiện ngập"bấy lâu nay. Thứ đến tôi cũng xin cảm tạ những

vị nào đó đang đọc hoặc sẽ đọc những điều tôi viết ra đây. Một lần nữa xin cám ơn tất cả.

Bây giờ thì tôi xin được bộc bạch về những điều suy nghĩ ấy: từ đã lâu tôi vẫn thường nghĩ ở đời sống này mỗi mỗi chúng ta đều có một cách thế chọn lựa cho mình một lối đi riêng. Cũng vậy, khi làm thơ có nghĩa là tôi đã chọn cho chính mình một con đường đi vậy.Con đường ấy có thể nhiều lúc đầy hoa thơm, trái ngọt cũng lắm khi gập ghềnh chông gai, tôi đã biết như thế nhưng không buồn,không vui,không hối hận về sự lựa của mình .

Nhiều anh,chị đã phát biểu " Qua đây thời giờ hạn hẹp, chữ nghĩa như là một món hàng xa xỉ phẩm." Của thực thì có như vậy, nhưng mà với tôi (chủ quan) khi đã chọn lựa một cuộc chơi thì mình phải chấp nhận. Tôi ngồi vào bàn viết mỗi ngày sau tám giờ làm việc ở sở, không có nghĩa là tôi sẽ viết được một cái gì đó. Nếu như làm được một câu thơ hay thì đã là điều hạnh phúc, huống chi làm được cả một bài thơ hay thì ôi thôi cả buổi chiều hôm đó và những ngày kế tiếp tôi là người hạnh phúc nhất trần gian. Nó sung sướng lắm , sướng hẳn một bên mé đìu hiu. Vậy thì làm thơ trước tiên là vì mình, cho mình. Rồi,sau đó mang chia sẻ với các bạn đọc.

May mắn được quý vị nào cùng "gam", cùng "tầng số" thì càng quý, bằng không thì chịu vậy chứ biết "mần răng". Lại nữa, vẫn ở trong cõi người ta có biết bao điều đáng nói từ cái hay, cái đẹp, cái xấu xa, cái ba láp, ba xàm tưởng cũng nên viết ra cho vui. Tóm lại: tôi làm thơ khi có hứng,vì lẽ đó tôi chưa hề (và sẽ không bao giờ hề) ở một trường phái, khuynh hướng nào cả. Tôi viết ở mọi nơi, mọi chốn, bất kỳ chỗ nào có thể viết được. Khi có hứng thì viết, không thì nghỉ, chẳng lụy phiền gì tới ai. Tôi có giống như con chuồn chuồn không thưa quý vị. "Khi vui nó đậu khi buồn nó bay." Vậy mà!

buổi từ tâm

triều hoa đại

xe chạy từ tâm vào cõi mộng
ta buổi chần chờ đợi ngõ em
tưởng vời vợi linh hồn đâu đó
vỡ òa như ngày tháng phai mòn

xe chạy đuổi xô nhau bóng mất
chập chùng như tỉnh một đêm qua
ngó lên chỉ thấy mờ như núi
núi đã chia ngăn dặm dặm về

giang hà đâu đó anh, em hỏi
một mai buổi nọ cũng phân chia
nghẹn lời hiu hắt lòng sông cạn
thất tán nên chi mấy cận kề

chạy mãi mỗi đường. Chim rã mỏi
không về, không một chút ngùi trông
biết ra thì đã ai hẹn đợi
nở vội đêm qua nhánh ngại ngùng

mộng dữ ủ vào trong áo kín
ru thơm từng khúc hát tang thương
nhóm lửa đốt lên trăng vạn kiếp
đốt hết từ nhau ở mọi dàng

không tha thiết ngó chi nghiệt ngã
chặng đường quen rõ mặt ai người
ngang phố cũ. Lòng thung nước rỗng
bước đi rồi như thể buồn thôi

chạy tới, chạy lui đời cạn láng
rụng lá sương che khuất mấy đường
trăng không ở đó, sao em ngủ
kiếp kiếp lai hề một vết thương

Chuyện Vợ Chồng Người Đào Vàng

Võ Đình

Đi thăm thằng Dave ở nhà thương về tới nhà mà nỗi bực mình của ông Hank vẫn chưa nguôi. Ông đem vô cho nó xem trang nhất của tờ báo địa phương: "Thanh niên vùng ta bị sư tử tát vỡ mặt!". Đầu thằng Dave băng bó trắng xóa. Môi nó sưng vù, nó méu máo nở một nụ cười: "Nhằm nhò gì, ngoại!" Ngoại là Mary, vợ ông Hank, bà ngoại thằng Dave. Mary lấy chồng năm mười chín tuổi, chồng chết sớm, lấy chồng khác, đẻ ra má thằng Dave. Chồng sau cũng chết, và Mary ở góa hơn hai chục năm mới gặp ông Hank. Lấy nhau, hai người đã già, nàng sáu mốt, chàng sáu ba.

Mary thương cháu, mắt đỏ hoe. Thằng Dave lại ra cái điều ta đây đàn ông con trai: "Nhằm nhò gì, ngoại!" Ông Hank rủa thầm: Cha nó! Ngu như bò. Thức đêm bắn nai chẳng thấy nai chết, chỉ biết cầm dao phóng ra vườn, mới bị sư tử nó tát cho vỡ mặt. Dặn đi dặn lại bao nhiêu lần mà không nghe lời. "Nhằm nhò gì!" Cho sư tử nó nhai nó nuốt luôn, khuất mắt!

Nói sư tử, lắm kẻ hồ nghi. Thật ra là "sư tử núi". Mountain lion. Một thứ beo. Beo vàng. To con, khỏe, nhanh. Căn họng, xé xác cả bò mộng. Có người từng thấy nó ngoạm nguyên con cừu phóng qua hàng rào sắt.

Núi Buckskin đâu cách đây bao xa mà lại có thứ beo vàng này. Một bữa, lâu rồi, chiều xuống, mới trong hầm mỏ chui ra, ông Hank đụng đầu phải một con thật bự. Nó đứng trợn mắt nhìn ông, đuôi dài phe phẩy đung đưa. Không có súng trong tay, Hank chỉ còn biết đứng yên, nhìn lại nó. May thay, mặt trời chiều xuống thấp dần, thấp dần sau lưng, rồi chiếu thẳng vào con beo. Ánh lửa mặt trời tóe lên trong tròng mắt con thú. Nó thụt lùi một bước. Định thần, ông Hank đếm nhẩm. Một, hai, ba... hăm chín, ba mươi, thì con beo thụt lùi thêm mấy bước, rồi từ từ quay đầu, xoay lưng. Rồi đủng đỉnh bước đi. Hank đứng im cho đến khi nó đi khuất.

Thanh niên, đã có thời ông Hank làm lính đóng ở trại Presidio. Dân

số San Francisco hồi đó mới chừng đâu nửa triệu nhưng anh lính trẻ cũng từng biết thế nào là chốn phố thị, là ồn ào nhộn nhịp rồi. Vậy mà bây giờ, ở tỉnh lẻ Winnemucca heo hút miền bắc bang Nevada thưa thớt chưa tới hai ngàn dân, Hank đã kêu là đông đúc, chật chội quá, chịu không thấu. Hank thường rủ vợ lên núi Buckskin, cách đấy chừng năm mươi dặm, nơi ông có dựng một cái "ca-bin". Năm mươi dặm mà đi xe hơi cũng hơn ba tiếng mới tới. Đường núi đất đá gập ghềnh, xe chạy chậm rề, bụi tung mù trời.

Trước mặt "ca-bin" là vườn rau, bắp su, ngô, khoai, đậu. Sau lưng là núi. Chung quanh trống không. Ban ngày, mặt trời vàng rực. Chiều, nắng đỏ. Tối nữa, chuyển ra tím bầm. Sương lạnh xuống đầm đìa. Những hôm trăng sáng, chồn coyotes kêu khắc khoải thâu đêm.

Năm sáu lăm tuổi, tuổi ăn tiền già, ông Hank tuyên bố: Mình lên ở Buckskin. Mary nói: Phải đấy. Họ để căn nhà khiêm tốn tại Winnemucca cho má con thằng Dave ở. Rồi chỉ chất lên chiếc cam nhông những gì thật cần thiết, hai vợ chồng già lên đường. Trước kia, thỉnh thoảng họ rời Winnemucca lên Buckskin. Bây giờ, có gì cần lắm họ mới từ Buckskin xuống Winnemucca. Họ bị núi "Da Dê" hút hồn rồi.

Dave lên thăm, dắt theo thằng bạn thân là Raph. Hai thằng con trai tỉnh lẻ miền núi đi đứng nghênh ngang, điệu bộ bất cần. Ông Hank ngứa mắt. Ông nói, chúng mày đã mất công lên đây thì ở lại chơi, hai ngoại có việc phải về dưới đó. Trước khi đi, ông dặn dò hai thằng nhỏ đủ điều. Quan trọng nhất là luôn luôn cẩn thận, đề phòng bất trắc. Vùng này nhiều sư tử núi. Rắn, bò cạp, nhện ở đây đều là thứ độc, cắn chết người. Có leo trèo thì phải canh chừng: núi trọc, đá lở bất tử, sẩy chân một cái là tan xương. Hai thằng cứ OK, OK, no big deal. Don't you worry (1). Hai ông bà mới về Winnemucca một hôm thì thằng Raph chở thằng Dave về, mặt mày nát bét. Không gãy cổ là trời thương. Nếu không có thằng bạn nhanh trí bấn chỉ thiên loạn xạ rồi chạy ra kéo vô nhà thì thằng Dave tiêu đời rồi.

Để Mary ở lại Winnemucca lo cho xong mấy việc lặt vặt, ông Hank lái cam nhông một mình về núi. Trước nhà, ông còn thấy được dấu vết tai nạn để lại. Một ánh sáng lóe lên đằng xa. Ông Hank lại gần, nhặt được con dao săn. Rõ ràng là thằng nhãi bị beo tát một cái, dao cầm trong tay mà văng ra xa cả hai chục fít. Hank vô nhà, ngồi ở góc bếp, ăn một cái xăng-uých, uống mấy hớp cà phê, rồi đi ra mỏ.

Hank là một thợ mỏ. Không phải thứ thợ mỏ đầu đội mũ sắt có gắn

đèn điện, tay mang găng da, làm đuôi ngay hàng thẳng lối, xuống hầm bằng thang máy, thứ thợ mỏ công nghiệp thường thấy mỗi khi TV chiếu cảnh khai thác vàng ở Nam Phi. Gọi Hank là thợ mỏ không ổn. Hank là người đào vàng. Ngày tàn của thời kỳ Gold Rush, không phải ai cũng gác búa, về quê. Mãi đến những năm 50, 60, thế kỷ hai mươi này, vẫn còn dăm ba anh đào vàng sót lại. Sót lại như những con kỳ đà khổng lồ còn sót lại từ thuở tiền sử ở đảo Galapagos! Những người đàn ông gan dạ, lì lợm, mặc áo vải thô, đi ủng da dày, ngày lại ngày chống chỏi với thiên nhiên nắng lửa, giữa chốn xương rồng sỏi đá đìu hiu. Lam lũ, gian nan, cô quạnh. Với những con người này, thật là "không có gì quí hơn độc lập tự do"...

Ông Hank đào vàng từ năm hăm mốt tuổi, sau mấy năm đi lính rồi bị thải về vì gặp tai nạn hư mất một mắt. Đào vàng thời Hank thanh niên còn được coi là một công việc hấp dẫn, có tính cách phiêu lưu mạo hiểm. Có những kẻ đào vàng vì mơ ước chóng giàu, giàu lớn. Trước khi đào được là những con người thô lậu, râu tóc xồm xoàm, áo quần bụi bặm, người ngợm ghét bẩn hôi hám. Đào được rồi thì thôi, cắt tóc cạo mặt, đánh bộ cánh mới, huênh hoang xuống phố, nện gót sắt trên nền đá hoa ở ngân hàng địa phương như chỗ không người. Rồi thì mua ngựa, tậu xe, thịt rượu, bài bạc, đĩ điếm dàn trời. Mấy cục, mấy viên vàng khè không những thay hình đổi dạng con người mà còn biến thối thành thơm, biến thù thành bạn, đất trời mưa nắng thiếu điều cũng đổi thay cho vừa lòng kẻ đào được vàng.

Hank không phải hạng đào vàng đó. Đổ mồ hôi sôi nước mắt đâu phải vì mấy cục vàng vụn. Quanh năm, áo quần chỉ cần mấy bộ vải thô. Ăn uống đạm bạc, khoai đậu sao cũng được. Mary khéo vén đắp đổi với tiền hưu non y tá hạng bét. Bà thường nói đùa: cái hư của chồng người ta chẳng thấm vào đâu với cái hư của chồng tôi; chồng người ta rượu chè, cờ bạc, đĩ điếm, còn chồng tôi chỉ mê đào vàng.

Mary cũng không phải là người ham ăn ngon mặc đẹp. Sinh ra, lớn lên, về già, với cái nhìn quen thuộc và tấm lòng bao dung cho những con người bất kham. Cha, rồi chồng, cả ba ông chồng, rồi con, rồi cháu, toàn là những con ngựa bất kham của xứ Nevada, quê hương bà.

Nói gì xa xôi, chính Mary cũng là một con ngựa cái bất kham! Thịt xương con gái đương nhiên mềm yếu hơn con trai, cho nên đương nhiên bửa củi đào hầm ít hơn mà may vá nấu nướng nhiều hơn. Ngoài ra, thời thanh xuân, Mary gan dạ, xốc vác, cương quyết. Về già, bà vẫn cương quyết, xốc vác, gan dạ. Chỉ yếu đuối hơn vì cao tuổi, vậy thôi. Góa bụa trên hai mươi năm, quen đi rồi. Vậy mà gặp ông Hank, bà chịu. Chị ngựa

cái già đứng yên, thở phì phò, ngực phồng, mông nở, cái đuôi dài rậm phất qua phất lại. Chị kham cái anh ngựa đực bất kham quá sá.

Mary chịu Hank ở cả cái tật nặng nhất của người đàn ông ít tật xấu: ngang bướng. Mà ngang bướng nhất là ở cái chỗ không biết, không thèm thỏa hiệp với đồng loại. Nếu con người sống với nhau phải như những viên bi, lăn qua trở lại, trồi lên tụt xuống, trơn tru tuốt luột thì Hank là một cục đá nhỏ đầy góc cạnh. Những viên bi tròn trịa được dàn máy đúc ra hàng loạt, vạn vạn viên như nhau, cùng một chất liệu, cùng một kích thước, chỉ khác nhau chút mầu sắc bên ngoài, cùng an phận nằm chờ bàn tay người rờ mó vân vê, vất xuống lượm lên, lăn ngang lăn dọc tùy thích. Trong khi đó cục đá thô nhám, vốn do núi đá nẻ mà sinh ra, ngày đêm nghe tiếng gió núi gào hú réo gọi, trở về, trở về... Ông Hank là một con người giản dị, chân chất. Trong thâm tâm, ông thương người. Luôn sẵn sàng xắn tay áo giúp đỡ tha nhân. Ấy vậy mà ông lại không hài hòa với người. Tuy mang tiếng là một tay đào vàng kỳ cựu, thật ra ông lại khinh tài. Suốt đời, ông sống đạm bạc. Và an vui với ngày tháng tiêu sơ. Hank chỉ bận lòng cho mỗi một việc: đào vàng!

Nhưng thà rằng ông đào vàng vì ông ham vàng cho cam. Đào vàng như ông, kiểu ngày xưa giữa thế kỷ mười chín, là một công việc cực kỳ nặng nhọc và nguy hiểm. Ở đời, khó thấy một công việc gian nan hơn. Vì thế có người sẽ bảo rằng đào vàng mà không vì ham vàng, không vì mục đích tài lợi, hẳn phải có lý do nào đó sâu xa, kỳ bí lắm. Đào sâu vào lòng đất, với búa, với xẻng đó nhưng thật ra là đào với chính hai bàn tay của mình, với thịt xương gân cốt mình, mồ hôi nước mắt mình, là một cách giao cảm với đất trời. Lại có người sẽ bảo rằng kinh nghiệm đầu tiên của con người là lọt lòng mẹ. Kinh nghiệm có một không hai. Từ lòng mẹ, chui ra với đời. Chui ra, rồi thôi. Chui ra thì có, không bao giờ chui vô. Có đi mà không có về. Vì thế thương nhớ khôn nguôi. Rồi một khi đã chui ra là con người chỉ còn có thể vất va vất vưởng suốt một kiếp người, trĩu nặng trong hồn một nỗi khát vọng triền miên. Nỗi khát vọng đó chỉ nguôi ngoai khi con người buông thả, tạ từ cuộc đời, nằm yên dưới ba thước đất.

Đào vàng mà không phải vì vàng, thành ra, chỉ có thể là một cách nống rộng, moi sâu thân thể Mẹ Đất mà chui vào. Kẻ sính phân tâm học sẽ nói: Khát vọng được tái sinh! Chẳng ai biết, và chắc chắn rằng chính Hank cũng chẳng biết, có phải vì thế mà ông ham đào vàng không.

Chỉ biết rằng trong nửa thế kỷ, ông Hank liên tục đào cái mỏ ấy. Đồng nghiệp, đồng tuế, kẻ gác búa giải nghệ, người nhắm mắt lìa đời,

ông vẫn cắm cúi đào. Số vàng ông đào được, chẳng là bao. Tuy biết rằng cố công mãi, tháng tới, năm tới, ông sẽ đào được một "cục vàng" đủ lớn để người trong nghề gọi là "trúng số độc đắc", ông Hank không hề mơ tưởng một cuộc sống giàu sang. Ông đã đổ mồ hôi sôi nước mắt, đào, xúc, đổ, sàng hàng tấn đất đá cát sỏi và đủ thứ kim loại, và ông cho rằng ông đã may mắn được sống như ý thích. Gian nan đủ điều nhưng ông đã vui với cuộc đời. Một cuộc đời chưa bao giờ phải ép mình vì lợi. Chưa một lần quỵ lụy ai. Hay đua đòi, đố kỵ với ai.

Cuối thế kỷ hai mươi, ở các nước như Nam Phi, Liên bang Sô viết cũ, ở Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, người ta đã hiện đại hóa những mỏ vàng lớn nhất thế giới với những trang bị kỹ thuật tối tân. Đào vàng là những người thợ mỏ được huấn luyện thành những rô-bô siêu đẳng điều khiển bởi những bộ óc doanh nghiệp và công nghiệp thượng thặng. Tổng lượng vàng được sản xuất trong toàn thế giới, trong thời gian gần đây, đã lên tới gần hai ngàn tấn một năm. Ngót ba mươi triệu lượng vàng. Khai thác có hệ thống, phân phối có hệ thống. Từ lòng đất cho đến kho dự trữ của mỗi quốc gia đến mỗi tiệm vàng địa phương, dòng hoàng kim trôi chảy đều đặn nhịp nhàng, vô cùng trật tự, vô cùng lạnh lùng. Johannesburg, London, Paris, New York, Tokyo, Hong Kong... Ngày đêm, hệ thống thông tin, giá cả, mua qua bán lại nhấp nha nhấp nháy trên hàng triệu màn ảnh máy điện toán và đường dây điện thoại, hăm bốn trên hăm bốn tí ta tí tách không ngừng nghỉ. Tất cả những hoạt động tưởng như xa xôi cách biệt đó, tưởng như không liên hệ gì cả với nhau, thật ra ảnh hưởng chằng chịt lên nhau, tác động lẫn nhau trong một mạng lưới thương mại vĩ đại và cực kỳ tinh vi.

Nói cho ngay, ông Hank không phải là một trong vô số mắt lưới đó. Tuy nhiên, vàng ông đào được, dù số lượng có khiêm tốn đến mấy, không sớm thì chầy cũng mất hút vào trong cái chợ vàng quốc tế. Vì thế, có khác người chăng, ông Hank không khác ở cái vàng vốn được, từ thuở tinh mơ của văn minh nhân loại, đồng nhất với của cải, tiền tài, và do đó, quyền lực. Ông khác người ở chỗ ông đào, ở cái cách ông đào.

Ngày ngày chui vào lòng đất sâu hun hút trong một sườn núi, ông Hank đi vào một thế giới chỉ có ông mới hiểu biết rành rẽ. Lâu ngày, đất cát sỏi đá trở thành những thứ quen thuộc thân thương như chính thân xác, da thịt ông. Cái không gian trong lòng đất, đó là thử thách trường kỳ cho chính sự hiện hữu của ông. Ông biết rằng ông phải đem hết sức lực ra mà đào, mà tìm cho được. Mary từng hỏi ông: Tìm cho được gì? Và ông đã lúng túng không trả lời dứt khoát. Bởi chăng ông chỉ sẽ biết là ông tìm được gì khi ông tìm được. Và khi ông tìm được thì ông biết ngay. Một

mình ông, trong chốn chật hẹp, tù mù, một mình ông, ông sẽ biết ngay. Có lúc, quá mệt mỏi, ông quỳ xuống trên hai đầu gối đau nhừ. Cổ, và vai, và hai cánh tay, và lưng, toàn thân ông rã rời, nhức nhối. Nhưng rồi ông lại lom khom đứng dậy, quờ lấy búa, lấy xẻng, tiếp tục đào xới. Mắt cay xé, mũi và tai đầy bụi, mồm khô quánh, ông Hank đào xới suốt một nửa thế kỷ ở vùng đất cô quạnh Buckskin Mountain, Núi "Da Dê", quận Humbolt, miền Bắc bang Nevada. Nói theo ngôn ngữ địa phương, miền đất nắng hạ nóng đến nổi sôi cả óc, và về đông thì gió lạnh khiến người ta đái ra băng!

Lưng chừng núi Buckskin còn rải rác dăm ba cái "ca-bin" bỏ phế. Có cái đã nát lắm. Mái tốc ngó trời. Cửa lớn cửa con toang hoác, gió xáng ngày đêm. Rui mè chỗ trắng nhởn như xương, chỗ đen xì như cột nhà cháy. Hoa dại mọc lên tươi rói giữa nền nhà. Chỉ trong chu vi mấy dặm vuông mà có đến bốn năm cái mỏ. Cũng bỏ phế. Bụi rậm cao lút đầu, che mất lối vào. Duy cửa mỏ ông Hank là còn khoáng đãng.

Bất đắc dĩ lắm, chỉ khi nào có việc gì cấp thiết lắm, Hank mới rời Buckskin và cái mỏ của ông. Còn ra, ngày ngày ông có mặt ở đó. Mặt trời lên, ông đã đến mỏ. Mặt trời lặn, ông mới ra về. Về cái "ca-bin" giữa nơi trống không. Tắm gội xong, cơm nước xong, nếu không se lạnh lắm, hai vợ chồng già ra ngồi ngoài hiên, trên cái "đôn" gỗ, khúc cây lớn cưa phẳng, còn nguyên cả vỏ. Họ ngồi như vậy, uống trà đen, nhìn mông ra vực thẳm ngoài xa. Vách núi đỏ nâu, với những nứt nẻ khúc mắt, đường ngang nét dọc tàn bạo, sáng tối bất ngờ và dữ dội.

Đôi lúc, trên nền trời hỏa hoàng đang từ từ chuyển qua tím sẫm, một cánh chim thật đen, thật sắc, bay vút qua, rồi mất dạng trong không trung bát ngát.

Mary ở lại Winnemucca thêm hai hôm, dự trữ thật nhiều thứ cần thiết cho mùa lạnh sắp tới. Vì ông Hank đã lên Buckskin trước với cái cam-nhông, bà mượn chiếc Ford Falcon của con gái, một mình lái xe về núi. Bỏ bang lộ, chiếc xe cũ ì ạch leo dốc, bụi tung mờ mịt.

Đến góc quẹo cuối cùng, Mary đã thấy được cái ống khói sắt chĩa thẳng lên trời. Thấy ống khói nhưng không thấy khói. Vậy là ông Hank đã xong cơm tới. Hay là chưa bắt đầu đun nấu gì cả. Tim bà lão đập nhanh hơn. Mary cười một mình: Trái tim bảy chục tuổi, thì ra nó vẫn còn biết hồi hộp vì những xúc động tưởng rằng đã quen thuộc, nhàm chán quá rồi trong hơn nửa thế kỷ qua! Nắng chiều còn rơi rớt quanh mảnh sân nhỏ khi xe dừng trước "ca-bin". Đúng lúc ông Hank bước xuống hết mấy cấp đá.

Còn ngồi trước tay lái, Mary đã hỏi:

"Hôm nay ông về sớm thế?"

"Về từ lâu kia."

Xưa nay ông Hank vốn ít lời. Mary tắt máy xe, bước ra, hỏi tiếp:

"Thế ông cơm nước gì chưa?"

"Chưa ăn. Nhưng đã sẵn sàng. Đợi bà."

Mary biết là có chuyện lạ. Nhưng bà không hỏi thêm. Thấy Hank và nhà cửa không có vẻ gì khác thường, bà an dạ. Bà mở cốp xe, đem các thứ lặt vặt vào nhà. Bên chái bếp, cạnh cửa sổ trông ra vách núi xa xa, bà thấy bàn ăn đã được bày biện đâu vào đó. Mary tắm rửa xong, hai người ngồi vào bàn. Họ ăn uống thong thả, trao đổi đôi câu ngắn ngủi chuyện nắng mưa. Ăn xong, dọn dẹp rồi, hai vợ chồng già cầm hai chén trà đem ra ngồi dưới chái hiên, nhìn ra vực thẳm đầy bóng tối. Ngồi được một lúc lâu, ông Hank nói với vợ:

"Tôi tìm được rồi."

Mary hỏi:

"Cho tôi xem được không?"

Ông Hank đứng dậy đi vô nhà. Một lát sau, ông bước ra. Ông nói:

"Đây, bà cầm xem. Nặng lắm."

Mary cầm cả hai tay mà cục đá nặng bất ngờ, kéo cả người bà chúi ngã về trước. Ông Hank vội đỡ lấy vợ. Ông đặt cục đá lên hiên nhà.

Mary vô trong bưng ra cây đèn bão. Cục đá sáng rực. Chu vi khoảng ba viên gạch, cục đá, đúng hơn, "cục vàng" phản ánh màu hoàng kim chìm chìm, lẫn lộn với phần đá "quartz" óng ánh trơn láng như gương. Mary đem đèn lại gần hơn, nhìn thật kỹ. Những hình thù dị thường, bà biết rằng chúng đi sâu vào trong, và người ta gọi là "mạch". Như mạch máu. Như mạch nước. "Cục vàng" được chiếu sáng một bên, rực rỡ. Bên kia, trong bóng tối, bà thấy những lấm tấm li ti nhấp nháy như những vì sao xa. Mary thấy nghèn nghẹn trong cổ. Bà cố lấy giọng thản nhiên:

"Ông tính sao bây giờ?"

Hank không trả lời ngay. Ông im lặng, thật lâu, đặt bàn tay nhăn nheo chai cứng lên "cục vàng", vỗ về nhè nhẹ như thể đang an ủi một đứa bé, hay vuốt ve con mèo con chó trong nhà. Ông nhướng lông mày: Có tiếng vỗ cánh soàn soạt, nặng nề, của một con chim lớn bay qua ngay trên mái "ca-bin". Khi tất cả lại yên lặng, Hank nói:

"Chưa biết, bà. Chưa biết..."

Trước khi đi ngủ, Mary đem "cục vàng" đặt lên ngưỡng cửa sổ, sát bàn ăn, cạnh bếp. Vào nằm bên chồng, bà nghe ông đã thở đều. Chồng đào được vàng mà sao lòng bà thấp thỏm bất an... Bao nhiêu năm vất vả...

Bao nhiêu năm tần tiện, giật gấu vá vai... Bà nhắm mắt lại, giữ hơi thở cho thật sâu, thật đều. Nhắm mắt, nhưng bà biết rằng đêm nay trời đen xanh cao vút không một gợn mây, và mảnh trăng hạ tuần lửng lơ trên vách núi chiếu vào cửa sổ, sáng lên trên "cục vàng". Từ thật xa, Mary nghe vẳng lại một tiếng chồn coyote kêu thất thanh...

Chuyện ông Hank đào được vàng, thật nhiều vàng, mãi đến mấy năm sau mới tới tai dân dã vùng Winnemucca. Một đồn mười, mười đồn trăm, "cục vàng" của ông Hank tiếng tăm khắp cả miền bắc tiểu bang. Đến khi chuyện tới tai tôi thì gần chục năm đã trôi qua. Tôi gặp Mary lần đầu tiên, bà đã sém tám mươi: một bà cô, một "great aunt" bên ngoại các con tôi. Ông Hank đã qua đời hai năm trước, để lại "cục vàng" cho vợ trong cái "ca-bin" heo hút lưng chừng núi Buckskin.

Ở tuổi bát tuần, Mary còn khỏe mạnh lắm. Chính bà đã đưa chúng tôi lên thăm núi "Da Dê". Bà kể rằng sau một nửa thế kỷ đào xới, ông Hank đã tìm được "cục vàng" tương xứng với công lao của ông. Đêm đó, đêm đầu tiên có "cục vàng" trong nhà, Mary hơi thao thức, nhưng Hank thì ngủ an giấc. Tờ mờ sáng, ông đã dậy, nhóm lửa trong cái lò củi, đun nước sôi. Ăn một chồng "bánh rán bột chua" (2) rưới "mật phong" (3), uống hai tô cà phê lớn, ông Hank chụp cái mũ lên đầu, đi ra mỏ như thường lệ. Ở nhà một mình, lăng xăng việc này việc nọ, thỉnh thoảng Mary lại đứng ngắm "cục vàng". Tuy rằng mù tịt về chuyện vàng bạc hột xoàn, bà cũng thừa biết rằng "cục vàng" đó là cả một đống tiền, một đống lớn tiền. Nhưng ngay bấy giờ, điều làm bà thích thú nhất là những hình tượng trên mặt đá. Những vân vi, chấm phá, chỗ thì sắc nét, chỗ thì huyền ảo, đẹp vô cùng. Ngồi ở bàn ăn nhìn ra, hình thù và màu sắc "cục vàng" hòa hợp tuyệt mỹ với vách núi trống trải vắng lặng sau nhà. Một ý nghĩ thoáng qua: "cục vàng" này mà đem "nấu" đi, tách vàng ra khỏi những thứ ô hợp khác, thì uổng quá. Phí phạm quá.

Chiều đó, Hank ở ngoài mỏ về nhà như thường lệ. Trước khi đi ngủ, ông đến đứng ở cửa sổ, đặt tay lên "cục vàng" nằm trên ngưỡng cửa, nhìn mông ra ngoài. Sáng hôm sau, Hank lại đi ra mỏ. Và chiều lại về. Ngày tháng trôi qua, tuần tự bình thường như trước kia. Bảy năm như vậy cho đến ngày ông mất. Ông chết cũng như ông sống: không giống ai! Đang ngồi chơi sau bữa cơm, ông bỗng ôm ngực, lăn cù xuống đất, và đi luôn. Mary nói "ổng chết khỏe ru". Nếu là người Đông Á, có lẽ bà già đã mang tiếng là kẻ sát phu...

Hôm bà Mary đưa chúng tôi lên thăm Buckskin, có Dave làm tài xế,

thằng cháu ngoại từng bị sư tử núi tát vỡ mặt đó, năm ấy cũng đã ba mươi ngoài. Sau gần ba tiếng xe mà hai phần ba là leo dốc, một bên vách núi, một bên vực thẳm, Mary bảo dừng lại một lúc, chỉ cho chúng tôi xem cái mỏ của ông Hank. Ông chết rồi, mỏ ông cũng như bao nhiêu cái mỏ bỏ phế khác: cây cỏ dại mọc cao ngút, che mất lối vào.

Về tới cái "ca-bin" cũ, Mary cho chúng tôi ăn trưa. Cạnh bàn ăn, trên ngưỡng cửa sổ, là "cục vàng". "Cục vàng" ông Hank đào được vẫn còn nằm trong gần một thập niên ở chỗ Mary đặt nó đêm đầu tiên. Thì ra, bao nhiêu năm trời, sau cái đêm đem "cục vàng" ra hiên cho vợ xem, ông Hank chẳng đá động gì tới nó nữa. Và Mary, thấy chồng không nói năng gì thêm thì bà cũng bỏ qua luôn.

Hôm ấy, chưa bao giờ cái "ca-bin" trên núi Buckskin đông đảo vui nhộn như vậy. Ngoài tiểu gia đình chúng tôi ra, Dave còn đem theo cả má nó, vợ nó, và hai đứa nhỏ. Một lúc nào đó, câu chuyện trong bữa ăn lại lan man chuyển qua "cục vàng". Ai đó nói, đã đến lúc, lâu quá rồi, đã đến lúc đem nó xuống "dưới kia", dưới phố, nơi thị tứ. Tính sơ sơ, cũng thấy là nó sẽ kiếm được bộn, bộn tiền. Thằng Dave vui mồm nói luôn: "Giấy trăm đô chắc cũng đầy một xe cút kít." Tôi nhớ là Mary bỗng nhiên cúi đầu xuống, úp mặt vào hai bàn tay. Đang lao xao cười cười nói nói, mọi người im bặt, trễn tràng. Dave ngượng nghịu nhìn ra cửa sổ. Một lát sau, bà ngoại nó đặt hai tay xuống bàn, một tay úp lên tay kia. Mắt bà đỏ hoe. Bà nói, giọng run run, nhưng thật nghiêm nghị:

"Ngày nào tao còn sống thì ngày đó cục vàng này còn nằm trên ngưỡng cửa sổ, nghe chưa?!"❐

(1) Rồi, rồi. Nhằm nhò gì. Ngoại khỏi lo.
(2) Sour dough pancakes.
(3) Maple syrup

Một ngày hơi khác mọi ngày

Trần Doãn Nho

Hà quá mệt mề với công việc của những ngày giáp Tết. Không những làm thêm giờ, mà đôi khi lại còn làm thêm ca. Ngay cả khi được nghỉ, anh cũng phải ở trong tư thế sẵn sàng. Để đáp ứng với nhu cầu Tết, hàng hóa ra vào thành phố như nước, bằng đủ mọi phương tiện, mọi cách. Đám con buôn và các vệ tinh của họ hoạt động gấp mười lần ngày thường trong năm. Mua hàng, bán hàng, chuyển hàng, giựt hàng, giấu hàng... Nhiệm vụ của anh không phải là chận đứng giòng hàng hóa đó, nhưng bắt các chủ hàng phải đóng thuế, vì chín mươi chín phần trăm hàng hóa là không đóng thuế. Đối phó với đám con buôn liều lĩnh không phải là việc dễ dàng, lắm khi nguy hiểm và hết sức vất vả, nhưng anh cũng chẳng lấy đó làm phiền. Nó có cái hào hứng riêng của nghề nghiệp.

Thấy anh lại sửa soạn ra đi, Thùy - vợ anh - phụng phịu:

"Có phải đi làm không đó? Hay đi đâu? Gần Tết rồi mà cứ đi, đi mãi, chẳng chở vợ con đi chợ Tết gì cả."

Anh hôn vợ:

"Anh đâu muốn thế!"

"Mới về lúc 2 giờ, 5 giờ lại đi. Nói mấy ông trên bớt bớt cho vợ con họ nhờ với."

"Nhân viên đâu có nhiều, em. Tối nay, theo kế hoạch, có đến bảy chuyến tàu vào ga, một tàu chợ, hai tàu VQ và bốn chuyến Thống Nhất, cả vào cả ra. Bọn anh thay phiên nhau trực nguyên đêm đấy. Vả lại, đi làm nhiều thì em cũng có nhiều..."

Thùy xua tay:

"Thôi đi! Mấy ông đồng chí của anh lanh hơn anh nhiều. Ông Đối, ông Thuận mới mua Honda đấy. Anh thì vẫn chiếc xe đạp."

Hà cười:

"Bộ em muốn mua không được há. Nhưng dại gì mà mua lúc này,

em."

Chợt nhớ ra một điều, Thùy xoay lại, nhỏ giọng:

"Mẹ lại ra cúng ở am đấy. Em nói mẹ đừng dẹp mấy tấm tôn che bên ngoài, mà mẹ không nghe."

Nghe vợ nói, Hà hoảng kinh. Chưa kịp bỏ áo vô quần, anh chạy vội ra sân. Thấy mẹ anh đang sắp sửa đồ cúng lên chiếc am nhỏ ở góc vườn kế đường đi, anh đến níu vai:

"Trời ơi, mẹ lại làm gì vậy. Mấy tấm che ngoài mà mẹ cũng dẹp đi. Mẹ làm thế này hỏng việc hết. Muốn cúng thì mẹ cúng trong nhà cũng được rồi, mắc chi mẹ lại ra đây. Bàn dân thiên hạ người ta dòm dõ."

Bà cụ dịu dàng gỡ tay Hà ra:

"Cúng ở trong nhà khác, ở ngoài này khác. Ngoài này cúng các oan hồn uổng tử, để họ phù hộ cho gia đình ăn yên ở yên. Có thờ mà để quạnh vắng thế này, mô có được."

"Mẹ lại mê tín dị đoan rồi. Con đã là đối tượng Đảng mấy năm nay. Con phấn đấu hết sức để được kết nạp, mà mẹ cứ hết đi khuôn, lại đi chùa, giờ lại am miếu nữa. Mẹ biết không, thằng Sống Công an khu vực nó nể con lắm, nó mới để yên cho cái am nhà mình. Mẹ xem, cả xóm, cả phường này có nhà nào còn am không. Hắn dặn dò cẩn thận, nên che chắn lại và khuyên mẹ đừng nên cúng kiến ở đó nữa. Sau này... có gì thay đổi hẵn hay."

Giọng bà cụ bỗng chua chát:

"Sao không nói nó kêu đoàn Thanh Niên phường vào đập luôn. Có am mà không cúng thì có am để làm gì."

Bà vừa nói vừa quét lũ hương. Hà van vỉ:

"Tội nghiệp con, mẹ. Mẹ đã không để cho con làm cán bộ thì thôi, giờ đã làm cán bộ, lại sắp sửa đảng viên, không lẽ mẹ để cho người ta phê bình lên, kiểm điểm xuống, chưa kể còn bị chuyển ngành nữa."

Bà dừng tay chổi, nhìn Hà:

"Mẹ cũng mong con ra khỏi ngành càng sớm càng tốt."

Nói xong, bà cụ xoay người bỏ đi vào nhà trong. Hà bưng mấy tấm tôn che chắn lại cái am, nhổ mấy cây nhang còn cháy, dụi tắt, rồi đi vào. Thấy mẹ ngồi buồn bã trên giường ngủ, anh bước lại:

"Mẹ thông cảm. Hiện giờ là cao điểm của phong trào chống mê tín dị đoan mà thành phố và phường phát động."

Bà cụ nhìn xuống:

"Mẹ không hiểu, am miếu thì dính dáng gì đến phản cách mạng mà nhà nước lại đập phá hết. Ở mấy tỉnh khác, người ta có làm vậy đâu."

"Không phải mẹ à. Tỉnh mình chùa chiền, am miếu, đình chùa nhiều

quá. Dân mê tín, thích đi chùa, cúng kiến nhiều hơn đi họp để học tập đường lối chính sách của Đảng. Nếu cứ để thế, lòng dân sẽ càng ngày càng xa đảng và nghe lời xúi giục của bọn xấu."

Bà cụ bỗng đứng lên, giận dỗi:

"Bọn xấu nào? Không ưa thì qui là bọn xấu. Nhờ cái bọn xấu đó mà con khỏi đi lính trong chế độ trước đấy. Họ biết ba con là liệt sĩ Cộng sản, mà họ làm lơ. Mà con có biết không, mẹ đã qui y cho ba con trên khuôn rồi, từ hồi còn ngụy kia. Nhờ có mẹ tu và vong hồn ba nương tựa ở chùa, con mới giữ được cái thân an ổn trong hai chế độ. Thế mà bây giờ đi chùa con cũng cản, đi khuôn con cũng không cho, cúng ngoài am cũng không được..."

Hà im lặng, lắng nghe. Mẹ khi nào cũng nói nhẹ nhàng, nhưng thấm thía. Nhưng mẹ không hiểu nỗi khổ tâm của anh. Anh còn trẻ, có học, lại lý lịch tốt. Anh muốn được vươn lên trong xã hội này. Muốn thế, về mặt tư tưởng chính trị, anh phải thật tốt. Vì tuy là con liệt sĩ (ba anh là bí thư huyện ủy), nhưng vì sinh trưởng trong xã hội miền Nam, nên anh phải phấn đấu gấp đôi so với những người sinh trưởng ở miền Bắc. Quá khứ của anh được truy cứu lâu lắt và hết sức cẩn thận. Vì không thiếu trường hợp, cha là cán bộ cao cấp, nhưng con lại là thành phần ác ôn trong chế độ cũ. Trong chế độ cũ, tuy anh không đi lính, không tham gia các hoạt động chống Cách mạng, nhưng anh là kẻ đứng ngoài, lửng lơ. Biết đâu chẳng có kẻ xấu mồm độc miệng tố cáo này nọ.

Bà cụ nhìn anh, xuống giọng:

"Mà theo mẹ, con cũng nên xin chuyển ngành. Nghe nói thằng Sống Công an đang xin chuyển về Hải Sản đấy. Con thử xem. Làm thuế vụ, mẹ thấy có gì không ổn."

Thấy mẹ đổi đề tài, anh cũng mừng. Thế là bà chìu anh. Còn không, anh thật khó xử. Cả một đời tần tảo nuôi con, bây giờ, về già, bà có còn gì sinh thú hơn, ngoài việc đi chùa và cúng kiến. Nhưng nghĩ cho cùng, tương lai anh quan trọng hơn.

Anh trở lại phòng, lấy bộ đồng phục mới giặt, gói lại để mang đi. Thùy nói:

"Anh nhiều chuyện. Thì cứ mặc bộ đồng phục đi có phải tiện hơn không. Mắc mớ gì phải đem lên trạm mà thay cho phiền."

Anh gạt ngang:

"Mặc bộ đồ thuế vụ đi vô đi ra trong xóm, người ta xì xầm, chỉ chỏ, anh không thích."

"Anh làm như xóm này không ai biết anh là cán bộ trạm thuế Công Thương nghiệp cả. Ai chả biết anh chuyên môn đi bắt hàng lậu ở ga. Mà

lại, mình bắt hàng lậu chứ có bắt ai mà sợ dị nghị. Mình làm theo luật pháp mà."

"Thôi được rồi. Mặc kệ anh. Chuyện này đâu có gì quan trọng mà em phải để tâm. Cu Bình đâu?"

Thùy chỉ lên phòng khách. Hà tìm con, ôm lên nựng một hồi rồi ra đi. Anh hứa:

"Ngoan nhé. Mai về ba sẽ mua quà cho con."

Đầu hôm, Hà được phân công trực trạm. Trực trạm thì nhàn nhã vì hàng hóa đã bị bắt vào trạm rồi thì chỉ có việc định giá và đánh thuế theo mẫu có sẵn. Tối nay, đa phần hàng bị bắt là từ tàu chợ, nên cũng không có gì rắc rối. Hàng tàu chợ thì công kềnh, nhưng trị giá thấp. Có điều, làm việc với đám con buôn tàu chợ thật bực mình. Họ cứ xấn vào van xin, năn nỉ, khóc lóc. Đã thế chẳng mấy khi họ chịu "xì" ra một đồng, thậm chí một điếu thuốc cũng không có. Làm việc với đám con buôn cao cấp, tức là đám con buôn hàng "xịn" như trầm, thuốc tây, thuốc lá ngoại, đồ phụ tùng Honda... thì rắc rối hơn, căn não hơn, nhưng dễ "trúng quả" đậm, trúng mánh đẹp. Thường khi phải xử lý những lô hàng có giá, anh làm ra vẻ lầm lầm lì lì để cướp tinh thần của chủ hàng. Tịch thu thì dễ, đánh thuế đúng mức cũng dễ, nhưng lại thất lợi, vì sẽ không được gì hết, mà còn mang tiếng, đôi khi có thể bị nguy hiểm vì chủ hàng tìm cách trả thù. Vì vậy, anh phải tính toán làm sao để được một lần ba điều: nhà nước thu được thuế, anh được biếu xén một số tiền và chủ hàng không bị lỗ. Cái nghề của anh cũng lạ: vừa chận đứng buôn lậu, lại phải vừa nuôi dưỡng buôn lậu. Vì vậy, đánh thuế cho chủ hàng khánh kiệt là một điều không hay ho gì.

Đến nửa đêm, Hà thay đổi công việc: anh được chỉ định cùng một đồng nghiệp đến làm nút chận ở khúc quẹo của đường tàu, đoạn bắt đầu đi vào thành phố. Hai người được phối hợp thêm bởi hai Công an kinh tế từ Ty lên tăng cường trong những giờ cao điểm. Khúc quẹo này là khu vực xuống hàng của con buôn tàu Thống Nhất từ Sài Gòn ra. Ở đây, nhà cửa ở sít dọc hai bên đường tàu. Đa phần dân là lao động chân tay cộng thêm một nghề tay trái: chuyển thuê hàng lậu cho con buôn. Theo thời gian, một số người chuyên vác thuê, và giấu hàng thuê cũng trở thành con buôn. Người lớn, trẻ con, trai, gái kể cả ông già, bà lão đều có thể tham gia vác thuê hàng. Mỗi lần tàu đến, hàng hóa trên tàu tuôn xuống, người người cứ chạy ra ôm đi giấu, không cần biết của ai. Trông thì rất lộn xộn, nhưng rồi đâu vào đó. Các chủ hàng, sau khi thong dong ra khỏi ga, về

nhà tắm rửa xong, trở lại nhận hàng mình về, theo những ký hiệu riêng trên bao hàng, sau khi đã trả tiền cho người vác. Giá cả thường được thỏa thuận trước theo kiện hàng và trọng lượng cũng như chất lượng.

Hà được chỉ định làm tổ trưởng của toán phối hợp bốn người: Công An - Thuế Vụ. Nhiệm vụ là chận bắt hàng lậu tuôn xuống từ tàu. Thực tế thì không phải bắt nữa, mà là giành giựt hàng với đám vác hàng thuê vốn rất liều lĩnh, đông và đoàn kết. Vả lại, trước cảnh hàng ngàn bao hàng được tuôn xuống và hàng trăm người từ hai bên đổ xô vào vác hàng, đôi khi anh cũng như các đồng nghiệp chỉ biết đứng nhìn. Rất nhiều lần, anh hăng hái lao ra giữ hàng lại, nhưng vừa xoay lưng, một ai đó chạy đến giựt hàng ôm đi. Nếu có trì kéo thì cũng chỉ được đôi phút, rồi anh cũng thua vì số người vác thuê rất đông và sẵn sàng hỗ trợ nhau. Có lần giận quá, anh cương quyết giữ hàng và gọi Công an đến tiếp sức, thì lại bị một ai đó trên tàu đổ xuống một xô nước sơn ngay trên người anh. May mà anh kịp thời thả hàng, tránh khỏi. Thực ra, cho dù anh có hăng hái giành giựt, thì cũng chỉ giữ được một bao hàng là cùng. Đã thế, đôi khi, đó chỉ là một bao hàng rẻ tiền.

Bởi vậy, về sau này, mỗi khi được cử đi đón hàng, anh tính phương án khác: nếu một tổ có bốn người, thì hai người lộ diện làm ra vẻ bắt hàng, còn hai người phục sẵn ở một điểm nào đó mà hàng thường được chuyển qua, để bắt ngờ bắt giữ. Làm như thế này đỡ nhọc sức, mà lại có thể bình tĩnh chọn loại hàng để bắt. Mục tiêu là bắt hàng ít, nhưng phải là hàng "xịn", đắt tiền.

Nhận lệnh xong, Hà cùng toán cỡi hai chiếc Honda lên đường.

Tầu TN4 đến ga vào một giờ mười lăm sáng, theo kế hoạch. Nhưng bọn anh phải đến địa điểm một giờ sớm hơn để bàn bạc phương án làm việc. Để hai người Công an đi trước, anh chở bạn tạt vào chiếc quán cóc gần ga mua nửa gói 555 và uống vội cốc cà phê đậm cho tỉnh ngủ. Đến khu vực hành sự, đồng hồ chỉ mười hai giờ hai mươi. Trời mùa thu, nửa đêm gió biển thổi vào lành lạnh. Hà xuống xe, gài lại chiếc áo gió, châm điếu thuốc, rít một hơi, sảng khoái. Nhà hai bên đường, có nơi đã đỏ đèn. Họ canh giờ thức dậy để chuẩn bị đón hàng. Anh đứng nhìn những dãy nhà nằm im lặng trong bóng đêm, lòng chợt buồn vô cớ. Anh chợt nhớ khuôn mặt buồn thiu của mẹ khi anh không cho bà cúng kiến ở am. Kể cũng bất nhẫn. Anh thương mẹ vô cùng. Bà đã hy sinh cả tuổi xuân, thờ chồng nuôi con. Bà chỉ có hai điều trong cuộc sống: làm lụng và cầu nguyện. Khi Cách mạng vào, bà chạy vạy giấy tờ, xin cho anh vào làm cho văn phòng Thuế vụ của tỉnh. Công việc nhàn hạ và chẳng đụng chạm đến ai. Nhưng rồi, vì nhu cầu, anh được điều về làm cán bộ cho Trạm

thuế Công Thương nghiệp. Lúc đầu, anh bực mình, định xin chuyển ngành, vì trong thâm tâm anh không muốn làm cái công việc mà mẹ anh vẫn cho là thất đức. Anh định làm thử một thời gian xem sao, nhưng rồi, khi đã quen việc, anh lại thấy cái nghề đi bắt hàng cũng có vô số điều thú vị, hào hứng. Thế là anh quyết định tiếp tục công việc.

Đêm lần lượt sáng lên ở các căn nhà hai bên đường rầy. Đã thấy nhiều bóng người lô nhô trên các lối đi. Một vài người cầm đuốc. Một vài thanh niên ngồi trên đường rầy châm thuốc hút, lầm rầm trò chuyện. Cất hai chiếc Honda vào chỗ an toàn, Hà hội ý nhanh gọn với toán, cử một Công an và bạn đồng nghiệp của anh ra đường tàu, còn anh và một công an khác mai phục ở một lối đi hẹp khuất sau căn nhà ngói đỏ, thấp thỏm chờ đợi.

Cả khu vực bây giờ trở nên rộn ràng, náo nhiệt. Gần như toàn bộ dân cư ở đây đều thức dậy. Tiếng người lớn, tiếng trẻ con khóc, tiếng các chú nhỏ chơi đùa, la hét. Tất cả như sẵn sàng để đón chuyến tàu nửa đêm. Cố thu mình trong một lùm cây, Hà nhìn đăm đăm về phương Nam, nơi đoàn tàu sẽ đến trong chốc lát nữa.

Tầu đến. Từ xa, khối sắt dài trườn qua cánh đồng ở ngoại ô, lù lù tiến tới. Đèn đuốc chập chờn. Tiếng người lao xao cả khu vực, bừng bừng, sôi nổi. Rồi như đồng loạt, hàng trăm bao hàng, kiện hàng lớn có nhỏ có từ trên tàu tuôn xuống trong lúc đoàn tàu vẫn vùn vụt chạy. Những người đi buôn trên tàu, vừa xô hàng, vừa réo gọi người dưới đất. Lan, năm bao. Mỹ mười xách. Phú, ba bao hai thùng... Những bao hàng lăn lông lốc trên mặt đất. Thanh niên, thiếu nữ, kể cả trẻ con, dành nhau ôm hàng chạy vào nhà. Hai người trong toán của Hà, một công an, một thuế vụ chạy lui, chạy tới. Tiếng la của họ không có hiệu quả gì nữa cả, hàng trăm người hăm hở lao ra tìm sự sống. Công an thì dân còn hơi né vì anh ta có súng và có nhiều quyền hơn. Còn thuế vụ, thì họ xem như thường. Anh thuế vụ đè bao hàng vừa rớt xuống, thì một chị xồn xồn tới níu tay kéo anh đi để cho một thanh niên lao tới ôm bao hàng vọt chạy.

Chiếc tàu Thống Nhất khuất dần trong bóng đêm. Hàng trăm bao hàng từ trên tàu tuôn xuống, chỉ trong thoáng chốc, được mang đi sạch sẽ. Bây giờ chúng nằm yên ổn đâu đó dưới gầm giường, trong góc tủ, trên gác... đợi chủ hàng tới nhận. Đường tàu dần dần trở lại lặng lẽ trong bóng đêm. Chỉ còn hai anh chàng công an và thuế vụ làm thủ tục đánh thuế một số kiện hàng cồng kềnh họ giữ được từ đợt tuôn hàng vừa rồi. Vài ba người đàn ông lảng vảng quanh đó, rì rầm trò chuyện một lát, rồi cũng tản đi.

Trong lúc đó, Hà và người công an vẫn đứng yên sau lùm cây. Anh thèm một điếu thuốc, nhưng cố gượng. Mười lăm, hai mươi phút, rồi nửa giờ trôi qua. Im lặng. Ngoài đường ray, hai người kia đã làm xong việc, ra lấy xe Honda chạy đi. Hà đưa tay xô khóm lá trước mặt, đưa mắt quan sát chung quanh. Hầu hết các ngôi nhà đều tắt đèn. Mọi người trở lại tiếp tục ngủ. Hà để ý thấy phía bên kia đường ray thấp thoáng có bóng người. Lát sau, một người đàn ông xuất hiện cùng với chiếc Honda Dame. Anh ta nhìn quanh, rồi từ từ dắt chiếc Honda băng qua đường ray hướng về lối đi hẹp dẫn ra đường cái. Hà bấm người công an đi theo anh tới địa điểm mới, nơi chắc chắn người đàn ông sẽ đi qua. Người đàn ông dắt xe ngang qua hai người, dừng lại nhìn lui, chờ đợi. Một lát, cũng từ bên kia đường ray, một người đàn ông khác xuất hiện, hai tay xách hai bao hàng nặng, cố bươn thật nhanh cho qua khỏi khoảng trống ở giữa, đi đến chỗ có chiếc Honda. Hai người chưa kịp bưng hàng để lên xe thì Hà và anh công an bước ra. Giọng Hà sắc và nhọn:

"Yêu cầu các anh cho kiểm tra hàng."

Người công an rút súng cầm tay, phòng bất trắc. Hai người đàn ông sững người, bối rối thả hai kiện hàng xuống đất, nhìn nhau im lặng. Hà nói tiếp:

"Xin cho biết ai là chủ hàng?"

Một người đàn ông lắp bắp:

"Chúng tôi... chúng tôi... chở thuê."

"Vậy chủ hàng ở đâu?"

"Dạ, tôi không biết."

"Thế thì các anh chở đi đâu, giao cho ai?"

Giọng người đàn ông kia tỏ ra bình tĩnh hơn:

"Có người nhờ bọn tôi chở sang chợ."

Hà nghiêm giọng:

"Nếu có chủ hàng, chúng tôi sẽ kiểm tra hàng tại chỗ. Bằng không, chúng tôi niêm hàng lại, chuyển về trạm xử lý."

Hà rút cuốn sổ, lật ra. Người đàn ông van vỉ:

"Xin hai anh thông cảm. Chúng tôi... à... chúng em... chở thuê kiếm ít tiền tiêu tết. Hàng chẳng có gì đáng giá..."

Người kia rút ra một gói thuốc "ba con năm", mở nắp cười:

"Mời các anh."

Hà từ chối, giọng khô khốc:

"Cám ơn. Tôi có thuốc rồi."

Anh lấy thuốc trong túi ra, châm hút và chìa cho anh công an một điếu. Hà lên giọng:

"Các anh làm ăn phi pháp, buôn bán phi xã hội chủ nghĩa."

Hà lấy chân đá nhẹ vào hai bao hàng:

"Cho chúng tôi biết, đây là loại hàng gì?"

"Dạ... dạ... hàng đủ thứ, dạ... tạp hóa."

Hà cúi xuống, đưa tay nắn quanh bao này rồi đến bao kia:

"Các anh cứ nói loanh quanh. Bao này chắc chắn là thuốc lá ngoại. Còn bao này... hẳn phải là đồ phụ tùng Honda. Đề nghị hai anh mở hàng để chúng tôi kiểm tra."

"Dạ... dạ... xin hai anh thông cảm..."

Thế rồi, hai người đàn ông thay nhau năn nỉ, ỉ ôi. Đã quen với cách cư xử của đám con buôn, Hà cứ để cho họ nói, miệng phì phà khói thuốc, mắt lơ đãng nhìn quanh. Rít xong hơi cuối, anh ném tàn thuốc ra xa, rồi buông một câu cân não:

"Chủ hàng không có, không ai mở hàng để kiểm tra. Chúng tôi chuyển hàng về trạm xử lý. Hàng này là loại quốc cấm, phải bị tịch thu, không đánh thuế."

Xoay sang phía người công an, anh nói:

"Anh ở lại quản lý hàng, tôi đi điều xe chở về trạm."

Hà quay đi. Người đàn ông rời chiếc Honda, chạy tới níu anh lại:

"Xin anh... Xin anh... Tôi sẽ đi gọi chủ hàng."

"Chúng tôi đâu có thì giờ mà cứ lằng nhằng thế này."

Hà xô người đàn ông ra, đi thẳng. Người đàn ông chặn anh lại:

"Xin anh... Tôi đi gọi chủ hàng ngay. Xin anh... Anh làm gì khó thế. Chúng ta còn gặp nhau dài dài mà. Căng quá, rốt cuộc, chẳng ai được gì cả."

Hà dừng lại, làm bộ đắn đo một lát, rồi trả lời:

"Thôi được, tôi đợi anh trong vòng nửa giờ."

Người đàn ông vội vàng rú xe chạy vọt đi.

Hà và người công an đi lui đi tới, sốt ruột, chờ đợi. Trong lúc đó, người đàn ông còn lại lẩn đi đâu mất. Một hồi lâu, ngoài đường có tiếng Honda chạy lại. Máy tắt. Hà nhìn ra thấy một người đàn bà nhanh nhẩu đi vào. Chưa đến gần anh, chị ta cười đon đả:

"Tưởng ai, hóa ra Hà. Chị Muối đây. Còn chú Công an nào đây? Chú là chú... À, thấy quen quá. Làm với ông Đức "hình sự" hay ông Lộc "kinh tế 3". Người của ông Lộc hả? Trời, đêm hôm công tác mệt mề quá hén! Chị em mình "làm" một điếu thuốc cái đã. Này, chú Hàn, này, chú... gì... à... Chú Thể há."

Chị đàn bà nhét vào túi hai người hai gói "ba con năm", rồi khui một gói khác mời hai người. Hà mồi thuốc từ chiếc hộp quẹt của anh Công an, rít một hơi dài rồi hỏi:

"Chị Muối đi đâu giờ này?"

"Nói xa nói gần chẳng bằng nói thật. Cô bạn chị có hai cục hàng. Đó... đó... hai cục này đây. Ôi dào, hàng tạp hóa lỉnh kỉnh không à. Tết nhất đến rồi, cô muốn kiếm ít tiền tiêu tết, chứ đâu có buôn bán gì..."

Hà hơi gằn giọng:

"Đồ 'xịn' không đấy, cả năm, sáu cây không chừng."

Người đàn bà giả lả:

"Làm gì nhiều thế. Hàng tạp hóa không à..."

Chị hạ giọng:

"Một khâu..."

"Hàng này quốc cấm, phải tịch thâu."

"Thôi, khâu rưỡi... Người ta còn phải ăn Tết nữa chứ... (lớn giọng)... Em cứ xem đi. Chị bạn quả quyết là toàn áo mưa, đồ nhựa..."

Hà đưa mắt nhìn anh Công an. Anh Công an lẩm bẩm:

"Đến những bốn người."

Người đàn bà chạy vội ra đường, rồi trở vào:

"ối, thằng em chị đến phiền. Nói nó vào đây một chút mà không chịu. Thôi được... (hạ giọng) hai khâu... điệu này, chị đâu có còn xơ múi gì. Gì mà đi những bốn người, phiền thật! (lại lớn giọng)... Hơi lạnh đấy nhé. Làm một điếu nữa đi."

Chị đàn bà rút túi, đưa luôn gói thuốc cho Hà giữ. Anh mở nắp, rút một điếu, nhìn thấy hai chỉ vàng nằm lẫn với vài điếu thuốc, đậy nắp lại, đút túi.

Giải quyết xong xuôi vụ hai bao hàng "xịn", Hà nhẹ nhõm. Nhưng khi lên đường trở về trạm, anh lại cảm thấy lấn cấn. Cả một chuyến tàu ra với hàng hóa "dữ dội" dường ấy mà bọn anh chỉ xé có hai tờ giấy thuế với một số thu quá khiêm nhường. Vì vậy, anh bàn với ba người kia chịu khó ở lại, lập một nút chặn bất ngờ ngay đầu cầu. Anh giải thích:

"Giờ cũng đã hơn ba giờ sáng rồi. Rán thức một chút nữa, lập thêm ít thành tích, kẻo chướng. Sáng ngày ngủ bù vậy."

Ba người kia đồng ý một cách dễ dàng. Thế là bốn người chia nhau phục hai bên đường, chặn xét bất cứ xe nào chạy ngang: xe đạp, xe xích lô, xe Honda, xe hơi. Gặp hàng là đánh thuế: trái cây, vải vóc, len, thuốc đà lạt, gà, cá... Giờ này là giờ bạn hàng ở quê và ngoại ô mang hàng vào thành phố để bán trong phiên chợ sáng. Thêm vào đó, một số con buôn "buôn đâu chợ, bán cuối chợ" tranh thủ giờ giấc "ngái ngủ" để chuyển

hàng. Cái nút chận được thành lập bất ngờ quá, nên hầu hết hàng hóa di chuyển trên con đường đều "dính" thuế. Cả bốn người làm việc một cách cần mẫn, lạnh lùng và đúng mức. Họ áp dụng đúng các nguyên tắc quản lý thị trường. Vì thế, họ làm lơ trước tất cả những lời van vỉ, xin xỏ. Có một bà nằm lăn ra khóc lóc:

"Mấy chú làm gì mà ác quá mấy chú ơi. Có mười con gà đem đi bán mà cũng đánh thuế, lời không mà vốn cũng sạch. Hồi thời trước, bỏ truyền đơn với chất nổ trong gánh bún bò gánh lên đánh trận Mậu Thân, tui đâu có ngờ như thế này. Thuế cha, thuế ông chi mà ác đức!"

Hà nghiêm giọng:

"Không khéo bà nói phạm chính sách đó."

Rồi mặc cho bà kêu gào, anh bình thản bỏ đi, canh bắt mối hàng khác.

Đến bốn giờ rưỡi sáng, cả toán trở về Trạm.

Ngủ một giấc tới chiều, Hà thức dậy. Anh gọi con vào, nựng:

"Chiều nay ba chở con đi chợ Tết nha. Ưng gì ba mua nấy. Thùy ơi, em đâu?"

Thùy từ phòng ngoài chạy vào:

"Ngủ dữ hôn? Em đợi sốt cả ruột, mà không dám gọi dậy."

Hà kéo vợ xuống, hôn lên mái tóc:

"Làm gần nguyên đêm em biết không?"

Thùy rúc đầu vào ngực chồng:

"Chồng em tội thật. Chỉ biết làm mà không biết gì đến vợ con cả. Đêm nào cũng nằm chèo queo hai mẹ con."

Anh đặt con một bên, định ôm xiết lấy vợ, thì bỗng chợt nhớ ra một điều, anh đứng dậy tới lấy gói thuốc trong túi áo. Anh thổ chiếc khâu ra, đưa cho vợ. Thùy làm ra vẻ ngạc nhiên:

"Của ai vậy?"

"Thôi, đừng làm bộ nữa. Em lên chợ bán ngay đi."

"Em còn mấy chục ngàn tiền mặt nơi mà, bán làm gì cho mất giá."

Hà cười:

"Đâu phải một mình anh. Ham lắm! Hai người đấy!"

Thùy xịu mặt:

"Hai người?... ừ, thì cũng được."

Thùy đạp xe đi. Hà tắm rửa, thay áo quần, đợi vợ. Thùy trở về, lấy cọc tiền ra đếm, nói:

Gọi em
NGUYỄN ĐỨC THANH

Mây về nhịp bóng hoàng hôn
Chim kêu đời mộng giữa cồn cát xưa
Buồn đà trải hết cơn mưa
Mà sao còn nhịp âm thừa trong ta
Nghiêng vai gánh lấy chiều tà
Thổi tắt vạt nắng dã xa cuối trời
Chắp tay vái tạ ơn đời
Khóc trong hạnh ngộ ngoài cười chia ly
Buộc vòng hệ lụy làm chi
Mưa còn rớt giọt thầm thì gọi em.

"Vàng cao như nước lũ. Mỗi giờ một giá. Mới hồi trưa trăm hai, bây giờ trăm hăm bảy. À mà sao lại bán nửa khâu của mình làm chi cho uổng."

Hà không nói gì, lấy hai chục ngàn đưa cho vợ, nói:

"Em mang số tiền này lên cho mẹ, nói mẹ giữ lấy để đi chùa."

Thùy mở lớn mắt, ngạc nhiên:

"Anh đưa gì dữ thần vậy. Có tiền là mẹ đi khuôn này, chùa nọ cúng hết. Mình thì còn bao nhiêu việc phải làm. Tết nhất mình đã sắm sửa gì đâu."

"Đừng cãi anh. Mẹ một đời vất vả vì anh, Tết để cho mẹ vui một chút."

Thùy cố thuyết phục:

"Anh nói mẹ đi chùa nhiều là ảnh hưởng tới anh mà."

"ừ. Để anh dặn mẹ kín đáo một chút."

Thùy bứt rứt cầm tiền đi, mặt mày xịu xuống, không vui.

Khi dẫn vợ con ra đi, Hà thấy mẹ đang loay hoay ở am. Nghe tiếng, bà quay lại, bước tới nói nhỏ với Hà:

"Con đừng lo. Mẹ chỉ thắp một cây nhang thôi. Để am không, mẹ không đành lòng."

Khuôn mặt bà lộ vẻ cảm động rõ rệt. Hà không nói gì, quay đi, lòng chợt vui vô cớ.❐

Có Chở Trăng Về Kịp

Ngô Nguyên Dũng

Thuyền ai neo bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?
(Hàn Mặc Tử)

Cuối năm, vừa xong học trình, tôi buộc phải rời cư xá sinh viên. Tôi gọi điện than thở cùng Chương:

–Ra giêng chúng nó bắt tao phải dọn nhà, mày ạ.

Giọng Chương vồn vã:

–Đừng lo! Có tao giúp mày.

–Tao không lo chuyện dọn nhà, chỉ ngại chuyện không kịp tìm ra chỗ trọ mới.

Chương hăng hái:

–Tao sẵn lòng cho mày tạm cư tị nạn. Mà giọng mày hôm nay làm sao ấy, bệnh à?

Tôi sụt sịt:

–ừ, cảm lạnh mấy hôm rồi.

–Thuốc men gì chưa?

–Tao trị bệnh bằng y học dân tộc, chỉ uống nước chanh và cam vắt.

–Đỡ không?

–Có bớt, nhưng chưa dứt hẳn.

Chương nhanh nhẩu:

–Có cần cạo gió, tẩm quất gì không?

Tôi đáp vội:

–Không, chỉ hơi... tủi thân. Bệnh hoạn nhằm giao thừa dương lịch... Giờ này đáng lẽ tao đang có mặt trong bữa tiệc tất niên tại nhà vợ chồng Trân. Còn mày, sao chưa đi?

Chương dịu giọng:

–Sửa soạn vọt thì mày gọi. Tao tới với mày nghe!

Tôi ngần ngừ vài giây, rồi "ừ" khẽ. Tôi gác ống nghe, lòng thoáng xao động. Đám sinh viên ở đây, ai cũng biết, Chương thích người cùng phái. Vì vậy, Chương không có bạn thân. Tôi thấy Chương hiền lành, dễ mến, nên vẫn giao du bình thường với Chương. Nhưng có giới hạn.

Tôi không bật đèn, ngồi quấn mền trong chiếc giường đơn, theo dõi chương trình dạ vũ tất niên trên máy truyền hình mà đầu óc bập bềnh nơi đâu. Cơn bệnh còn váng vất. Nỗi cô đơn khập khễnh, chênh vênh. Những lúc này, tôi mềm lòng ghê lắm. Muốn khóc, nhưng không nhỏ được giọt lệ nào. Tôi tìm cách nhặt ra những niềm vui cũ, hồi tưởng thời ấu thơ ở quê nhà. Tôi kết bạn theo mùa chơi. Tới mùa đá dế, bạn tôi là những con dế than, dế lửa mua ngoài chợ. Tới mùa bắn bi, bạn tôi là những hòn ve chai đủ sắc. Sang mùa tạt hình, tôi làm thân với những nhân vật in trên giấy bìa. Và bạn tôi còn là đám gia súc. Ba con chó, bầy cá kiểng, năm con gà Mỹ, vài con hoàng yến, cu đất và một con rùa hay bò lang thang. Tất cả giờ đã xa. Cuối năm, nhằm mùa lạnh, tôi nằm quạnh quẽ trong căn phòng độc thân với chứng bệnh thời tiết. Buồn bằm dập. Tôi chơi vơi như một nụ bồ công anh phất phơ theo gió. Tôi cố nhớ lại giấc mộng đêm qua. Manh áo trắng vướng giữa rãnh cửa khép. Màu áo trắng hếu tương phản màu cửa đen xỉn, cho tôi cảm giác nham nhám lạnh. Tôi thầm gọi tên một người vắng mặt, nghe tiếng mình dội âm như chuông cầu hồn. Đèn đường bên dưới truyền vào phòng chút hơi thở ấm. Chuông cửa reo như niềm vui tái sinh. Tôi uể oải bật chụp đèn bàn học, tắt máy truyền hình, ra mở cửa. Hơi lạnh giao thừa theo Chương ùa vào. Chương tháo găng tay, ném lên bàn, cởi áo ni vắt ngang lưng ghế, tự nhiên ngồi xuống đối diện tôi. Tôi co chân, mền đắp ngang hông, giương mắt nhìn Chương tươi mát, mũi bắt được hương thuốc cạo râu thơm lừng.

Chương lên tiếng:

–Ăn uống gì chưa?

Bây giờ tôi mới sực nhớ, cả ngày nay tôi chưa có gì vào bụng. Tôi lắc đầu:

–Chưa. Cũng không đói.

Chương đứng lên:

–Để tao nấu cho mày nồi cháo. Có gì ăn với cháo không?

–Hình như còn hộp thịt chà bông.

–Thôi, tao đánh trứng, kho với thật nhiều tiêu, muối cho mày ăn một lần nhớ đời.

–Không sợ dơ áo đẹp sao?

–ối, nhằm nhò gì. Đã tới với mày thì coi như dẹp tuồng đón giao thừa

nhà vợ chồng Trân.

–Đừng làm tao ấy nấy chứ Chương.

–Không chơi giao thừa năm nay thì chờ năm tới. Biết mày bệnh hoạn thế này, lại một thân một mình, tao đâu thể để mày trơ trọi. Tôi cười mềm:

–Nghe như sắp xuống sáu câu.

–Tao không biết ca vọng cổ, nhưng biết ngâm thơ và hát hò chút đỉnh. Tao sẽ giúp vui cho mày trọn đêm nay.

Không biết nét mặt Chương ra sao khi nói câu đó? Bỡn cợt, tỉnh khô hay nhếch cười ít nhiều ẩn ý. Tôi chỉ nghe tiếng nước tuôn lào rào xuống bồn, tiếng tủ mở đóng và tiếng Chương huýt sáo một giai điệu quen.

Khi bệnh, tôi thường có những suy tư viển vông. Không biết giống sói tuyết lúc ngủ có nằm mộng? Tại sao chúng thường ngỏng cổ mê dại hú trăng? Vì hứng tình, cô đơn hay vì nỗi khắc khoải nào khác? Và có bao giờ loài sâu chán đời, đòi tự vẫn?

Chương khựng chân nơi cửa bếp, nhìn tôi, ánh mắt là lạ. Khuôn mặt Chương phảng phất nét đẹp nữ tính. Chương tươi trẻ yêu đời, tràn trề sinh lực, nhưng đôi mắt buồn nhiều hơn vui. Chương cất giọng ngơ ngác:

–Nét mặt mày làm sao ấy. Có chuyện gì, kể tao nghe được không?

Tôi thở ra:

–Có chi đâu, chỉ hơi tủi vì thiếu bạn.

Chương ngồi xuống bên tôi:

–Có tao sẵn sàng chia sẻ với mày mọi điều. Mày cứ coi tao như một ngôi nhà không cửa, vào ra lúc nào tùy ý.

Tôi im lặng xúc động. Chương tự nhiên nắm tay tôi:

–Tao đối xử với bạn bè sòng phẳng và thật lòng lắm.

Tôi từ tốn rút tay về, đặt trên đầu gối. Năm ngón thừa thãi vô duyên như đồ vật vô dụng. Khi không cơn bệnh dâng sốt, làm mặt tôi nóng bừng. Tôi thấy lại mộng tưởng lẽo đẽo mê ám tâm tư tôi bấy lâu nay. Hai người bạn nằm gối tay sau gáy trong căn gác rộng vào một đêm hè mát, ngửa mặt ngắm cảnh trăng sao qua ô cửa chật. Đêm mênh mông sâu thẳm. Một khoảng hẹp khoét trên mái ngói, mở ra cõi vũ trụ thênh thang trong trí tưởng của đôi bạn. Trăng rực rỡ. Tinh tú ngập trời. Lòng tôi, và chắc hẳn lòng bạn, cũng rực rỡ trăng sao. Nhưng lạ lùng thay, khi quay sang, tôi ngỡ ngàng không nhận ra mặt bạn. Diện mạo bạn nhoà nhạt bóng quế. Thân xác bạn run rẩy như chờ đón thiên linh. Trăng sao góp lại thành luồng sáng lùa qua ô cửa. Chúng tôi sóng đôi cạnh nhau. Gương mặt Chương, hay mặt gương bóng quế, ngả vào vai tôi, đẩy tôi nằm xuống. Tôi khép mắt đợi phép lạ. Tay Chương thong thả lướt trên người tôi, lòn vào áo. Hơi thở Chương ve vuốt cổ tôi. Đã tới giờ khởi hành, đoàn xe lửa

rạo rực nhả khói. Những thiết lộ suốt đời song song nhau. Những hồi còi réo trước khi vào hầm tối. Tôi thấy mình là đoạn đường sắt trải lòng đón nhận những chuyến tàu xéo ngang. Chương cúi mặt xuống ngực tôi. Thấp hơn, thấp hơn thế nữa. Nam tính chúng tôi nở bung kiêu hãnh. Nữ tính tôi dâng chút lệ hoài nghi. Thiên đường và hoả ngục hiện ra cùng lúc. Tôi là kẻ ác tâm, cam chịu để Chương là quỉ dữ ném vào vạc dầu sôi. Chương phun lửa đốt cháy thân tôi. Cơn cảm lạnh cuối năm lẩy bẩy run người. Khi Chương giết tôi chết bằng khoái lạc bạo hành, tôi thấy mình hoá thành chiếc lông chim lơ lửng lên trời. Còn Chương là thiên đông khoả thân lúc ẩn lúc hiện giữa lưng chừng mây trắng.

Chiếc lông tôi không bay mãi, mà rơi xuống mặt địa cầu cùng lúc với tiếng nồi cháo lục sục sôi. Tay Chương còn úp lên nam tính tôi. Tôi chép miệng:

–Bậy thật.

Tay Chương dời chỗ, tìm tay tôi xoắn lại. Chương nói như biện hộ: – Trong khi thế giới loài người dẫy đầy tội ác, vẫn có kẻ tìm tới nhau bằng tình cảm chân thành, có gì là bậy?

Tôi thấp giọng hỏi:

–Mày mến tao... chân thành dữ vậy sao?

Tôi có cảm tưởng như Chương đang thú tội:

–Từ lâu rồi, nhưng thấy mày nghiêm chỉnh quá, không dám tỏ bày. Tôi vạch ngang một lằn ranh:

–Lúc nào tao cũng coi mày như bạn.

Chương tìm cách xoá ranh giới:

–Tao khao khát một tình bạn tuyệt đối.

Tôi mang lý ra trấn giữ:

–Tuyệt đối là vậy sao?

Chương tấn công tôi bằng đạo quân tình cảm:

–Là cho nhau không chừa thứ gì.

Tôi phân bua như gái tơ nhẹ dạ:

–ừ, cho rồi thì đành chịu. Còn tuyệt đối hay tương đối, phải suy nghĩ lại.

–Mày nói như hối hận.

–Làm gì có. Mày khôn lắm, tới lúc tao đang yếu lòng, yếu sức, không chống cự được.

Chương cười khẽ:

–Mày cho phép, tao mới tới.

Tôi nhận tội:

–ừ, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Thôi, mày vào bếp coi giùm nồi

cháo. Một người bạn tuyệt đối phải biết nấu cơm, rửa chén phục vụ người bạn tương đối.

Món cháo trắng với trứng kho muối ngon miệng bất ngờ. Chúng tôi vét sạch nồi cháo. Rửa chén xong, Chương đề nghị pha một ấm trà. Chương xắt thêm vài lát gừng, bảo tôi nên uống trà với gừng và mật ong. Tôi cảm thấy ấm lòng. Ngoài má tôi, Chương là người thứ hai ân cần chăm sóc tôi khi bệnh. Tôi nhận ra nội tâm mình thảnh thơi như đồng cỏ rộng. Chương là cụm mây phiêu bạt, dừng lại tưới lên một trận mưa rào. Cỏ hân hoan hứng lấy. Đất nứt mầm mới. Ao hồ trong tôi toả hơi thành mây. Đất và mây cứ thế mà chuyển hoá.

Tôi nâng tách trà, nhìn thẳng vào mắt Chương:

–Chưa lần nào tao đón giao thừa như vầy.

Chương vặn vẹo:

–Như vầy là sao?

–Nhiều bất ngờ.

–Khó hay dễ chịu?

Tôi ậm ừ:

–Dễ.

Chúng tôi đối đáp cùng nhau, tiện tặn ngôn ngữ như sợ đối diện sự thật. Tôi nhắc Chương lời hứa khi nãy. Tôi không có đàn, Chương bảo không cần, rồi xoè hai tay che mặt. Lúc mở ra, nét mặt Chương đang tươi chợt trở nên ray rứt lãng mạn. Tia mắt đang linh động chợt nhíu sầu ủ dột. Tim tôi đổi nhịp xao xuyến. Chương trầm giọng ngâm nga:

–Sao anh không về chơi thôn Vỹ. Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên... Thuyền ai neo bến sông trăng đó. Có chở trăng về kịp tối nay?

Tôi chới với chết đuối trong sông trăng Hàn Mặc Tử. Có thuyền ai kịp chở trăng về, vớt tôi lên? Tôi thầm gọi, bạn ơi, đừng ngâm chi câu thơ não lòng ấy, vì tôi vừa tìm thấy chút bình an tâm hồn. Hãy để tôi vui phận đời mình. Đừng lay thức những tử thi thành bóng ma hoang rong chơi ngợi ca cái chết. Nhưng tôi không thốt nên lời, cứ để Chương rỉ rả mê man lời thơ đẹp bi thảm.

Ngâm thơ, hát nhạc chán chê xong, Chương bất thần hỏi:

–Mày nghĩ về tao như thế nào?

Tôi không trả lời được. Chương tiếp tục tra khảo:

–Có khi nào mày nghĩ, sẽ kết thân với tao, bỏ ngoài tai những thị phi, gièm xiểm?

Tôi luống cuống, không dám nhìn vào mắt Chương:

–Không... Cũng chưa biết nữa. Mọi chuyện còn quá mới.

Nụ cười Chương quyến rũ như tranh vẽ:

–Đâu ai bắt mày quyết định, chỉ hỏi chơi cho biết.

Tôi nghịch ngợm giả vờ:

–Hỏi chơi thì trả lời chơi. Tao không nghĩ gì cả.

Mặt Chương chùng xuống thoáng giây, nhưng tươi tắn lại ngay. Chương lại thẩm vấn:

–Mày có mắc cỡ không?

–Không.

–Thích không?

–Thinh... thích.

–Muốn tiếp tục nữa không?

Tôi lưỡng lự:

–Để coi.

Chương ra điều kiện:

–Từ giờ cho tới nửa đêm, lúc thiên hạ đốt pháo bông, mày trả lời cho tao biết.

Tôi lẳng lặng gật đầu, vì nghĩ tới một câu văn vừa ý, *lời hứa đêm giao thừa*, nghe như chuyện trinh thám với một kết cuộc tàn nhẫn, người nam hạ sát người nữ vì một lời hứa ẩu. Tôi bật cười khan. Chương hỏi trổng:

–Có gì mà cười?

–Tao vừa nghĩ tới một cái chết tưởng tượng.

Chương kêu lên:

–Đừng nhắc chuyện chết chóc lúc này!

Tôi cãi:

–Sắp hết mười hai tháng, tụi mình đang đưa tiễn thời gian xuống mộ.

–Thời gian bất tử, vô sinh bất diệt.

–Không có gì bất tử cả. Thời gian có vì có địa cầu, sinh vật và thiên nhiên. Thí dụ như tới một lúc, trái đất bị tiêu huỷ vì lý do nào đó, sẽ không còn ý niệm thời gian.

Chương hất mặt:

–Hân hạnh được làm bạn với một triết gia.

Tôi dai dẳng:

–Nếu phải chọn, tao thích làm nhà tu hơn.

–Tại sao?

–Nhà tu tìm cách diệt khổ, còn triết gia làm đời sống phức tạp thêm, đôi khi còn đưa ra những tư tưởng bệnh hoạn.

Chương chặc lưỡi:

–Hơi khó hiểu đó nghe. Đổi đề tài được không? Có khi nào mày muốn lập gia đình?

Tôi gật đầu hăng hái:

–Có chứ. Tao thích trẻ con.

–Tao cho phép mày lập gia đình, cho phép mày có con, mấy đứa cũng được, nhưng đừng quên tao.

Tự dưng tôi xúc động. Chương đâu biết rằng tôi hiện có rất nhiều cảm tình với một người con gái ở xa. Giữa hai tôi là thứ tình yêu tiểu thuyết trong sáng, cách nhau một đại dương. Mỗi lần được tin tôi bệnh, nàng chỉ có thể gọi điện thăm hỏi, bảo tôi nhớ giữ gìn sức khoẻ. Mỗi khi tôi gặp trắc trở nghề nghiệp, nàng chỉ có thể biên thư an ủi, cổ động tinh thần. Nàng như một chấm sáng ảo tưởng trong tâm tôi, còn Chương là củi lửa sưởi ấm lòng tôi lúc lạnh lẽo nhất.

Tôi dịu dàng:

–Tao chỉ xem người nào là bạn khi người đó đến với tao lúc tao nghèo, bệnh và buồn khổ. Cả ba đang có trong tao lúc này.

Chương chớp nhẹ hai mắt. Chúng tôi nhìn nhau giây lâu, không nói. Trời đêm ngoài cửa kính chợt loé sáng. Tiếng pháo bông báo hiệu năm mới từ xa vọng lại nghèn nghẹn sau lớp cửa đóng. Tôi quấn mền, cùng Chương ra đứng ngắm pháo bông bên khung cửa. Lát sau, tôi mở mền cho Chương quấn chung. Tay Chương quàng sau lưng tôi. Không biết, con thuyền định mệnh có chở trăng về kịp đêm nay, vớt tôi lên? ❐

PHÂN ƯU

Nhận được tin nhà văn

NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

vừa qua đời tại Montréal, Canada ngày 21 tháng 2 năm 1996, hưởng thọ 59 tuổi.

Tạp chí Văn Học và các văn hữu cộng tác trân trọng phân ưu cùng chị Nguyễn Đông Ngạc và các cháu.

Xin cầu chúc cho linh hồn nhà văn Nguyễn Đông Ngạc sớm tiêu diêu về cõi Phật.

Châu Văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng, Thạch Hãn, Võ Thắng Tiết, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Thế Uyên, Duy Lam, Thái Lãng, Nguyễn Tường Thiết, Nhật Tiến, Võ Đình, Ngu Yên, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Vĩnh Phúc, Phạm Quốc Bảo

Chứng Tích Của Tình Yêu

Hoàng Chính

"Chừng nào anh đi?"

Mãi, người con gái mới nói được một câu. Nhưng giọng nói của nàng chẳng còn chút hơi hám nào của cuộc sống, thành ra nghe như vọng lại từ những bụi cây đen ngòm vây bọc chung quanh, từ những cành lá rậm rì căng mùng trên đầu. Cái giọng nói gió thoảng ấy chìm lẫn trong tiếng kêu than âm ỉ của giun dế, nghe như tiếng thở dài của gió.

Không nghe tiếng trả lời, nàng thúc khuỷu tay vào cạnh sườn chàng, nhắc nhở. Chàng ngọ ngoạy cái đầu, lúc lắc cái cổ cứng như bị bọc quanh bởi lớp đất sét khô đang cứng dần lại. Xương khủyu tay nàng nhọn, làm cạnh sườn chàng ê ê. Nhưng chàng vẫn không trả lời. Chàng lắng nghe tiếng một con vạt sành nào đó đang ném lên không gian những tiếng kêu sắc như cạnh mảnh chai vỡ, chàng hình dung con vật cánh xanh mầu đọt chuối thường bay vùn vụt trong gió, trong nắng, rồi biến lẫn vào vạt mầu xanh thẫm của lá cây trùng điệp, mỗi khi bị khua động vì bước chân lũ trẻ đi tìm mồi câu cá. Tiếng kêu lanh lảnh vượt hẳn lên trên chuỗi hợp âm rỉ rả, tĩnh mịch của thôn dã.

"Nghe em nói không?" Nàng lại hỏi.

"Nghe..." Chàng ậm ừ.

"Chừng nào anh đi?"

"Chắc mai."

Câu trả lời của chàng mơ hồ giống hệt đám sương mù thường lướt thướt kéo trên mặt ruộng mỗi sớm mai. Chàng cũng biết thế, nhưng biết nói thế nào cho khác hơn được.

"Sáng hay chiều?" Nàng lại hỏi.

Chàng xoay đầu qua, cố nhìn vào mắt nàng. Đêm lờ mờ ánh sao. Chàng chỉ thấy được đôi mắt nàng lấp lánh. Đôi mắt, như hai vì sao lạc

loài. Chàng ngạc nhiên vì câu hỏi ngớ ngẩn của nàng. "Dĩ nhiên là sáng. Em... hỏi lẩn thẩn."

"Ai lẩn thẩn?"

"Phải đi sáng sớm mới có xe đò..." Giọng chàng vướng víu chút ái ngại của một kẻ cảm thấy mình sắp lầm lỗi gì đó tày đình.

"ừ nhỉ. Em quên mất tiêu."

Nàng lại lặng thinh. Chàng mò mẫm trong đêm tối, tìm bàn tay nàng. Những ngón tay mềm mại không chạy trốn bàn tay của chàng như vẫn thường chạy trốn mọi khi. Bàn tay nàng bây giờ hiền lành, an phận. Chàng bóp mạnh những ngón tay lạnh ngắt của người con gái.

"Sao tay lạnh thế?"

"Ai biết!"

Tiếng chó sủa vang vang, vẳng lại từ một ngõ ngách nào đó của thôn xóm. Lũ chó hùa nhau. Chàng tưởng chừng vũng âm thanh ấy kéo nhau nhằng nhịt từ thôn này tới xóm kia. Chàng tần mần nắn từng ngón tay nàng một. Những ngón thon dài mỏng manh như chiếc quản bút thường cắm cái ngòi lá tre ở đầu, thời thơ ấu. ừ, mà nàng cũng mỏng manh như những ngòi bút lá tre mỏng mảnh. Hồi nhỏ, chàng thích những ngòi bút lá tre, viết nét mảnh như sợi chỉ. Lâu lắm rồi, không có dịp chấm mực tím viết thư...

"Ghét lũ chó quá sức!" Chàng càu nhàu. "Cũng may mà nhà em không nuôi chó."

Nàng toan nói gì đó, lại thôi. Chàng nghe rõ ràng cái mảnh vụn âm thanh bừng lên rồi tắt ngúm ở đầu môi nàng. Chàng xoay xoay cái nhẫn đeo quanh ngón tay nàng, ngập ngừng, "Tính nói gì?"

Nàng lặng lẽ lắc đầu. Một lọn tóc hất qua phía chàng. Chàng bắt ngay được cái mùi gây gây mềm mại, lẫn trong mùi ngai ngái của bùn đất và hoi nồng của rơm rạ ẩm ướt bên bờ ao.

"Nói cho anh nghe đi. Mai mốt đâu còn..." Chàng bỏ lửng câu nói. ừ mà đúng vậy. Mai mốt dễ đầu gì còn có dịp nghe nhau nói như thế này. Lâu lắm. Vài ba năm không biết chừng!

Người con gái dường như hiểu rõ điều đó, bởi vì nàng bất chợt hất mái tóc ra sau (cái thói quen dễ yêu ấy, chàng làm sao mà quên được!) Tiếng nói nàng thì thào nhưng cách diễn tả đầy cứng cỏi và thách đố.

"Không đi thì đã sao!"

Người thanh niên chợt ngồi thẳng lưng, ưỡn ngực ra trước, hít một hơi dài không khí lạnh lẽo của đêm, và thong thả một lời giải thích cũ mèm, "Công danh sự nghiệp... Em hiểu anh mà!"

"Ai cần mấy thứ ấy..." Giọng nói nàng cong queo như miếng mo cau

phơi già con nắng.

"Cần chứ." Chàng quả quyết.

"Em không cần."

Nàng giận. Chàng biết chắc như thế. Nhưng biết làm sao hơn. Chàng bối rối nắn những đốt ngón tay thuôn hình quản bút của nàng. Chàng muốn đưa những ngón tay ấy lên môi. Những ngón tay làm biếng viết thư này!

"Yêu nhau chưa đủ sao!"

"Anh biết mà..." Chàng nhẫn nại.

"Thế sao phải đi?"

"Anh đã nói với em rồi."

"Em không hiểu nổi anh!"

Giọng nàng bỗng trở nên chua chát, làm chàng có cảm giác vừa cắn phải một miếng dưa cải ngồng. Em buồn thì em nói thế thôi. Nhưng anh hiểu em như người ta thường nói đi guốc trong bụng. Nghĩ tới guốc, chàng hình dung đôi guốc mộc nàng vẫn đi. Đôi guốc gỗ có quai bằng miếng ny-lông trong vắt, khoe cả bàn chân nàng với mười ngón gầy cong queo ở những khớp xương gồ ghề. Những móng chân xanh xao đôi khi thoa sơn màu hồng lợt.

Nàng lại thúc khuỷu tay vào cạnh sườn chàng. "Ao!" Chàng suýt soa khe khẽ cái tiếng rên vô nghĩa quen thuộc.

"Nói gì đi..." Nàng thì thào.

Chàng lắng nghe tiếng chó sủa đầu xóm, gật gù, "Sớm muộn gì anh cũng về, em biết mà; anh sẽ về... Lúc ấy, anh sẽ..." Chàng ngập ngọng như sắp sửa hứa hẹn một điều không tưởng, "anh sẽ có tiền..."

Thấy nàng lặng thinh như đang chăm chú lắng nghe, chàng hít một hơi dài cái mùi nồng nàn của đêm tối và rơm rạ, chàng hít luôn tất tả những tự tin của gió, của sương đêm vào lồng ngực. Và chàng sôi nổi. "Anh sẽ vào nhà em bằng cửa chính. Anh sẽ không phải trèo cửa sổ, sẽ không phải tính chuyện trèo cây mít ở đầu hồi nhà, tìm cách rỡ những miếng ngói mái nhà để xuống... biết không?" Đáp lời chàng chỉ có tiếng nổ vu vơ lạc lõng, như tiếng súng cướp cò của một người lính canh mê ngủ. Nhưng tiếng súng chừng như ở xa lắm, bởi chàng tưởng như vừa nghe được tiếng bắp rang lẻ loi nổ lách tách trong bếp than hồng hực nóng. Chiến tranh. Nhưng chiến tranh cũng còn xa vời như những bản tin chiến sự lưa thưa, nghe được trên máy thu thanh mỗi tối.

Cánh tay chàng ôm cứng lấy miếng vai tròn, mỏng của người con gái. Bàn tay chàng bóp mạnh vai nàng. Rồi cũng cánh tay ấy kéo ghì nàng về phía chàng. Nàng cúi đầu cho tóc che hờ khuôn mặt. Chàng vùi mặt

vào khuôn mặt mát rượi của người yêu. Chàng cảm thấy những ngón tay nàng lạnh ngắt quờ quạng trên mặt chàng. Hình như nàng lẩn tránh đôi môi chàng. Hình như nàng nghĩ ngợi gì đó trong một khoảnh khắc mỏng tanh. Rồi đôi môi chàng chạm được vào gò má lạnh ngắt của nàng. Chàng hôn nàng cuống cuồng. Chàng sợ nàng sẽ biến đi. Nàng đổi thay từng giây, từng phút.

"Nhớ về nghe!" Nàng nói lúc vừa tháo gỡ được nụ hôn của chàng.

"Nhớ." Chàng quả quyết. Và hung hăng tìm tòi những cúc áo của nàng. Tên trộm nào đó trong lòng chàng vừa phá bỏ trại giam, làm loạn. Người chàng phựt cháy ngọn lửa của xăng dầu và củi nỏ. Nàng khẽ đẩy chàng ra, "Mới hôm qua..."

"Nhưng..."

"Thôi." Nàng quyết liệt.

Hôm nay nàng tỉnh táo hơn mọi ngày. Chàng thấy rõ ràng nét cau có khốn khó trên trán nàng, dù đêm tối bần bặt. Chàng biết nàng giận. Nhưng biết làm sao hơn được.

Vậy mà sau cùng, nàng cũng chiều chàng.

Mãi, nàng mới lại hỏi, "Chừng nào về?"

"Cũng... chưa biết. Có thể một vài tuần không chừng..."

"Được không?" Nàng vừa gài những nút áo, vừa nghi hoặc nhìn chàng. Trong bóng tối, đôi mắt nàng lóng lánh ánh sao. "Được chứ!"

"Hứa đi."

"Hứa."

Chàng mò mẫm phủi lưng áo người yêu. Vài chiếc lá mục dán hờ trên lưng nàng. Ngần ngừ một lát chàng hỏi, "Nếu anh về bất ngờ, làm cách nào tìm em?"

"Nhớ cái chìa khóa không?"

"Nhớ."

"Em vẫn để chỗ cũ."

"Ừ."

Nàng bắt bẻ, "Chắc là nhớ không?"

"Chắc chứ. Phía dưới viên gạch, bên cạnh vại nước. Chỉ cần lật viên gạch lên là thấy."

Nàng có vẻ hài lòng. "Chỉ sợ anh quên."

"Anh thì sợ em chỉ chỗ dấu chìa khóa cho người khác."

"Người khác nào?"

"Biết đâu được." Giọng chàng lấp lửng, nhưng nỗi lo âu thì thấp hỏa châu chói chang trong lòng chàng. Biết đâu được. Xa mặt, cách lòng!

"Chỉ mình anh biết thôi. Thà em ở vậy cho đến chết..." Nàng xoay đầu, vừa nói vừa nhìn đăm đắm vào mắt chàng. Cái lạnh của đêm tối bò lan trên da mặt chàng. Chàng cũng cố nhìn sâu vào mắt nàng. Ánh sao đêm lấp lánh trong mắt nàng. Cái nhìn đen thẳm của nàng lạnh buốt, làm chàng có cảm tưởng như vừa nghe ai đó thốt ra một câu thề độc.

"Chỉ cần anh nhớ chỗ dấu chìa khóa."

"Anh sẽ nhớ."

"Cứ việc mở cửa. Anh còn nhớ phòng em chỗ nào không?"

"Sao không!"

Chàng hình dung căn nhà rộng thênh thang, chia thành phòng ngăn nắp. Căn nhà duy nhất ở vùng quê này có mái ngói đỏ, có cánh cửa gỗ to bản, và nhất là có ổ khóa vàng óng. Căn nhà ấy chàng mới chỉ có dịp lẻn vào những đêm tối trời, khuya khoắt, nhưng chàng vẫn ngửi được mùi trầm hương nặng nề trong không gian trí tưởng. Chàng nhớ như in mùi phấn thơm rải trên giường nàng. Chiếc gối mềm có cái áo gối sa-tanh mịn mượt. Mai mốt, anh sẽ đàng hoàng vào nhà em bằng cửa chính. Giữa ban ngày, ban mặt. Vì vậy anh phải đi; anh phải lo công danh sự nghiệp. Công danh, sự nghiệp. Những thứ cần có để hợp thức hóa một cuộc tình.

"Về chưa?" Chàng hỏi.

"Thì về... nhưng để em chỉ cho anh chỗ dấu chìa khóa."

"Anh nhớ rồi mà."

"Coi lại cho chắc ăn."

Nàng kéo chàng đứng dậy, sỏi nổi lôi chàng đi quanh quẹo qua những lối mòn ẩm ướt bên bờ ao, bước lên khoảng sân gạch. Nàng kéo chàng đi vòng qua đầu hồi nhà. Cái lu nước đen ngòm trong bóng tối. Nàng kéo chàng ngồi xuống. Nàng loay hoay gỡ một viên gạch vuông vức cạnh lu nước. Chàng dớn dác nhìn quanh. Căn nhà say ngủ. Chàng lắng nghe tiếng đằng hắng quen thuộc của bố nàng, nhưng chỉ nghe được, trong tĩnh lặng của đêm, tiếng cười đùa xôn xao của ếch nhái và giun dế.

"Chỗ này." Nàng cầm bàn tay chàng, ấn vào chiếc chìa khóa nằm trên nền đất lạnh. Chàng cảm thấy nỗi ghê tởm mọc gai trên da thịt cánh tay, và bò lan tới tận sống lưng. Chàng nhớ có một lần đã bắt gặp những con giun uốn éo, những con bọ hung cuống cuồng chạy trốn khi chàng lật viên gạch lót bậc thềm ở sau vườn nhà ông chú. Nhưng nàng không để cho chàng suy nghĩ. Nàng ấn đầu ngón tay chàng vào chiếc chìa khóa lạnh băng.

"Nhớ nghe. Chỗ này. Chỉ cần mở cửa. Cứ vào thẳng phòng em."

Giọng nàng hôi hổi nóng. "Vào thẳng giường... Chỉ cần đừng làm em giật mình..."

Chàng phụ nàng đỡ cho viên gạch nằm xuống khoảng trũng vuông vức cũ. Rồi quay qua hôn phớt lên má nàng. "Chỉ mình anh biết chỗ giấu chìa khóa này thôi nghe!"

Chàng thấy nàng gật đầu.

Đó là đêm cuối cùng của hai người. Lâu lắm rồi, nhưng người đàn ông vẫn còn nhớ như in mọi chi tiết của buổi hẹn cuối. Người con gái đã hứa chờ chàng. Nàng sẽ giữ lời; cũng như chàng hứa trở về là trở về. Bây giờ chàng giầu và cũng tập tành vung tay ném tiền qua cửa sổ như bất cứ một kẻ mới giàu nào. Chàng thay đổi nhiều. Duy có tình yêu dành cho nàng là còn nguyên vẹn. Đúng ra, chàng cũng chẳng tốt lành, thủy chung gì, nhưng sau những cuộc tình lời lãi qua đường, chàng thấy không nơi chốn nào êm ái nhung tơ như đồi ngực nàng căng chín, và hạnh phúc chỉ thực sự nở hoa trên mối tình đầu nồng nhiệt của hai người. Thành ra chàng trở về.

Chàng chỉ mong nàng vẫn còn yêu; như ngày nào...

Chiếc xe đò dằn xóc quăng ném chàng như bọc đồ nặng trình trịch. Chiếc ghế có miếng dựa lưng được thay bằng phiến gỗ, dằn lên lưng chàng những cú điếng người của trận đòn thù oán. Chẳng bao lâu nữa anh sẽ được đặt lưng trên chiếc giường nệm mát lạnh mùi nước hoa đắt tiền. Anh sẽ hít thở không khí căn phòng ngợp mùi trầm hương tỏa ra đâu đó từ trên bàn thờ tổ uy nghi chân dung ông cố. Anh sẽ hôn em từng chút một. Những sợi dây áo nịt ngực chằng chịt trên vai và sau lưng. Tất cả sẽ được gỡ bỏ vội vàng. Anh sẽ làm chuyện tiền dâm hậu thú. Nhưng bây giờ thì khác xưa nhiều lắm. Anh sẽ cầu hôn một cách đàng hoàng, người lớn. Chả gì anh cũng đã nên người... Chàng bồi hồi suy nghĩ. Xe ngừng ở một dốc cầu. Bầy trẻ con lăng xăng mời khách mua trái cây. Chàng ngơ ngác nhìn những bọc nước đá xi rô đỏ chót buộc túm vào với nhau mà một cô gái đang dí vào tận mặt chàng, rồi bối rối lắc đầu với nụ cười cầu tài héo quay héo quắt.

Lúc chàng xuống xe, bụi đã bám trên người một lớp, mỏng như lớp phấn thoa vụng về trên mặt một người con gái lần đầu tập tành trang điểm. Rồi chàng lại leo lên chiếc xe lôi mà chẳng buồn thỏa thuận giá cả gì hết rão. Phố xá vùn vụt quất vào thị giác chàng những nét vẽ đủ mọi sắc màu, rối rắm. Chàng thấy chóng mặt. Chàng nhắm nghiền hai mắt,

dựa hẳn người ra lưng ghế. Hình ảnh nàng lại hiện ra trong trí tưởng. Chiếc áo bà ba bằng vải tơ mềm mại. Chiếc quần đen óng ả. Đôi guốc gỗ thô sơ, mộc mạc. Nụ cười mềm. Những ngón tay thon hình quản bút. Những cái thúc khuỷu tay nhọn vào cạnh sườn ê ẩm. Nụ hôn quay quắt. Mùi ngai ngái của thịt đa.

Vài tiếng nổ sai nhịp lẫn trong tiếng động cơ xe lôi. Kỳ này xăng pha nhiều dầu quá! Tiếng cằn nhằn của người tài xế xe lôi đập vào tai chàng. Chàng mở bừng hai mắt. Ánh nắng chói chang và những tiếng động inh tai nhức óc của phố xá ùa vào óc chàng. Phố xá xuôi ngược những người làm chàng muốn hoa mắt. Chưa bao giờ chàng thấy nhiều người đến như thế!

"Tới rồi, anh hai!" Người tài xế ngoái cổ lại nói với chàng lúc xe ngừng lại bên lề đường có những miếng nhựa đường bể nát, lam nham đá sỏi.

Chàng móc tiền ra trả. Rồi quày quả bước đi. Con đường mòn mọc hoang một loài cỏ dại. Những ngọn cỏ gài vào ống quần những mảy gai nho nhỏ gây vướng vít khó chịu. Con đường dẫn vào khu xóm quen thuộc ngày trước.

Đi qua những ao chuôm loang loáng nước, bước chân chàng chợt lao đao, để lòng chàng nhíu lại như mảnh trời xanh ngắt trên mặt nước đang bị những con cất vó giăng lưới căng chùng.

Chàng ngó quanh quất con đường mình đang đi. Sao mà vắng tanh vắng ngắt. Như chỉ có một mình chàng đi lạc vào khoảng u tịch của thôn dã. Chàng thấp thỏm đếm bước trên con đường sống trâu khấp khểnh, lòng rộn rã một niềm hoan lạc không thể đặt tên. Chàng nhớ chiếc chìa khóa nằm dưới viên gạch tàu bên vại nước mưa ở đầu hồi nhà nàng. Cũng may nhà nàng không nuôi chó. Chiếc chìa khóa làm bằng chứng tình yêu. Chỉ sợ nàng trao chìa khóa cho ai. Nhưng không có gì có thể biến niềm tin của chàng ở người con gái thành nỗi nghi hoặc trổ đầy gai góc độc địa. Chàng còn nhớ như in chiếc chìa khóa dấu bên dưới viên gạch tàu. Chỉ cần lật lên là thấy ngay. Chàng ghét những con giun, ghét lũ bọ hung, vài con cuốn chiếu tua tủa những chân mà chàng vẫn thấy mỗi khi lật viên gạch ở thềm nhà ông chú năm xưa.

Vừa rẽ khỏi khúc quanh đầy cứng một bức tường thiên nhiên của bụi tre già, chàng hốt hoảng buông rơi cái túi xách xuống đất. Cảnh đổ vỡ đập vào mắt chàng như trong một bức hình trong bản tin chiến sự. Vậy là chiến tranh đã về qua. Chiến tranh để lại dấu vết cùn mằn, thô lỗ. Bốn bức tường lỗ chỗ vết đạn. Mái ngói nát vụn xụm xuống phủ kín nền nhà, như niềm kiêu hãnh gẫy đổ của một con người thất thế. Ngực chàng thắt lại và

không khí chung quanh chàng đặc thành keo, thành hồ sền sệt. Chiến tranh đã về qua. Nắng đổ khung hình chữ nhật qua khoảng tường vỡ vụn xuống nền nhà xám ngắt.

Chàng đứng như pho tượng. Gió vờn khẽ trên tóc chàng như bàn tay mỏng mảnh của nàng năm xưa, vậy mà chàng chẳng cảm thấy gì. Rồi chàng nhích tới vài bước, tới bên khoảng tường vỡ. Không còn ai. Không có ai cho chàng hỏi thăm một lời. Chiến tranh đã về qua thôn xóm nàng!

Chàng lững thững bước về phía lu nước bên đầu hồi nhà. Lu nước còn nguyên vẹn. Phép lạ. Chàng thầm mong phép lạ nào đó che chở cho lu nước mưa không bị đạn, bị bom cũng che chở cho nàng, để chàng không mang tiếng là người thất hứa. Chàng lật viên gạch tàu vuông vức lên. Những con giun quấn quýu vào nhau chạy trốn, một con rết nhỏ như sợi chỉ len cuống cuồng chui vào khe hở giữa viên gạch bên cạnh và nền đất đen xạm. Chiếc chìa khóa còn đó. Chiếc chìa khóa đã ngả màu xám chì. Chàng run run moi chiếc chìa khoá đặt lên lòng bàn tay, vuốt cho sạch những mày sét rỉ. Còn tốt! Chàng nghĩ.

Đi bọc qua phía trước nhà, chàng bần thần nhìn cánh cửa lỗ chỗ vết đạn. Cửa khóa kín. Vậy thì nàng ở đâu. Chàng muốn gào lên một cái tên quen mòn trí nhớ. Cầu trời cho cả nhà nàng đi vắng lúc chiến trận đổ về. Mà có thể như vậy lắm chứ. Nếu không, sao cửa lại khóa thế này...

Chàng vặn chiếc chìa qua một bên không mấy khó khăn. Chàng hồi hộp như kẻ tự sát chờ phút giây đạp đổ chiếc ghế dưới chân cho sợi dây siết vòng quanh cổ. Chàng chờ một tiếng nổ thù hận của đạn bom, trái phá, của chất nổ gài ở phía trong cửa. Có chết cũng chẳng cần. Chàng thầm nghĩ. Nàng không còn nữa thì chàng sống làm gì!

Cánh cửa cọt kẹt hé mở, trải ra trước mắt chàng một đổ vỡ tan hoang những gạch ngói, kèo gỗ, giấy vụn, vải vóc rách nát bay màu như mớ giẻ lau lâu ngày không giặt. Lẫn trong đống tan hoang ấy, chàng thấy chiếc guốc mộc của nàng; chiếc guốc có quai bằng nhựa trong vắt, ngày xưa vẫn khoe với chàng những ngón chân thuôn của người con gái chàng hò hẹn.

Chàng lừ đừ bỏ chiếc chìa khóa vào túi áo. Nàng ở đâu, chàng không biết. Làm sao biết được chuyện gì đã xảy đến cho nàng. Chàng chỉ biết chắc một điều là chiến tranh đã về qua đây. Và nàng vẫn còn yêu chàng; vẫn chờ chàng. Bằng chứng là chiếc chìa khoá năm xưa vẫn nằm nguyên dưới viên gạch tàu bên lu nước mưa đầu hiên nhà. Nàng không chỉ chỗ dấu chìa khóa cho ai. Chiến tranh tàn bạo, nhưng chiến tranh không hủy diệt được bằng chứng tình yêu của một người con gái.

Bỗng dưng, chàng thầm thĩ gọi lại cái tên đã quen mòn trí nhớ. *Uyên*

Uẩn khúc

LÂM CHƯƠNG

Về chốn cũ. Chiều nghiêng cuối phố
tiếng xe đi âm động nỗi lòng
chân bước giấc mộng du. Từng lũ
cột đèn trơ mắt ngó sửng. Buồn.

Ngày tuột dốc tàn theo con nắng
hòn đá xanh chết lặng bao giờ
rong rêu phủ thời gian ẩm mốc
lồng ngực treo một trái tim khô.

Xô ngã bóng đời đi. Oan khổ
lượng đất trời dâu chứa bao dung
bàn tay rách rưới che mùa gió
làm sao che kín được nỗi hàn.

Về chốn cũ. chiều không chỗ trú
nhịp chân khua rời rạc vỉa hè
cánh cửa khép ngăn ngày quá khứ
nhốt một vành trăng khuyết trong mê.

Tường vôi lở tróc. Đời loang lổ
ai vá giùm nhau những vết thương
biết dâu thân sậy khô dòng máu
được chút từ tâm cũng ấm lòng.

ơi, Uyên ơi...❐

Bên Dòng Skagit

Điệp Mỹ Linh

Trong sự tĩnh lặng của núi rừng, tầm mắt của Hằng dường như lúc nào cũng bị giới hạn vì những khúc quanh ngặt. Nếu muốn ngẩng lên để tìm bầu trời, ánh mắt Hằng cũng không thể vượt qua những đọt thông cao vút. Khi nào đến được một khoảng trống - do khóm thông chết, ngã gục bên vệ đường và cây thông non chưa lớn kịp - tầm mắt của Hằng mới phóng xa hơn được một tý để thấy từng phiến đá được thời gian và lượng nước đẻo mòn, nằm san sát nhau, bên dòng Skymomish.

Như muốn tìm cội nguồn của dòng sông cạn Skymomish, Hằng nhìn ngược lên dòng nước, nhưng rồi ánh mắt Hằng chỉ bắt gặp những đỉnh núi tuyết (peaks). Từng đỉnh núi tuyết trắng xoá tiếp nối nhau, chen chúc nhau trong màu xanh ngút ngàn của rừng thông. Nếu không có màu nâu sậm của từng khóm thông chết hoặc của những khoảng rừng bị cháy, có lẽ Hằng sẽ nghĩ nơi đây mùa Hạ không bao giờ hiện diện.

Xe lên đến lưng đèo Stevens Pass, những ngọn núi tuyết thấy đã gần, nhưng dòng sông cạn đã quanh qua một lối khác. Nhìn xuống thung lũng, điều tiết mắt thật kỹ, Hằng mới thấy được - xuyên qua nhiều tầng lá thông - con đường số 2 và dòng Skymomish lặng lẽ song đôi, xuôi về thác Sunset mịt mùng.

Khi lên đến một độ cao vừa phải, Hằng thấy những đỉnh núi tuyết chập chùng giữa vùng núi đồi xanh thẫm và nhiều tầng mây trắng phau. Thỉnh thoảng một cụm mây sà xuống, nằm lửng lơ giữa màu xanh bát ngát của núi rừng. Và rồi, không hiểu từ đâu, gió ùa đến, rừng mây xôn xao, tản mạn khắp nơi. Vài áng mây chờn vờn và cuối cùng vây phủ vài đỉnh núi tuyết. Nếu mây không di động, Hằng có cảm tưởng rằng nơi đó là giáp giới giữa Trời và Đất. Khi mây tan đi, dưới ánh nắng chan hòa, đỉnh núi tuyết trở nên lóng lánh như từng khối kim cương.

Giữa sự hùng vĩ của thiên nhiên, Hằng cảm nhận được rằng đời người hay là những biến động trong cuộc đời, dù có lớn lao đến đâu chăng nữa, so ra cũng vô cùng nhỏ bé trước sự vô thường của vạn vật - huống chi căn bệnh "Huntington's desease" trong cơ thể nàng! Nhận ra được điều ấy rồi, Hằng cảm thấy như bao mối ưu tư, phiền muộn, sợ hãi trong nàng đang từ từ tan theo những giọt nước long lanh trên đỉnh tuyết. Hồn nàng nhẹ tênh, thơ thới trong sự yên ắng, bình lặng của Đất, Trời.

Độ cao giảm dần. Từ hồ Wenatchee, mạch nước tuôn theo bờ đá cuội, tạo nên dòng Wenatchee róc rách, song đôi với con đường số 2 vắng lặng.

Đến Leavenworth, Hằng cảm thấy vui tươi, rộn rã trong lòng nhờ tiếng phong cầm vang xa từ công viên thành phố và những chậu hoa rực rỡ bên khung cửa sổ của mỗi căn nhà cùng những giỏ hoa đủ màu treo lủng lẳng nơi mỗi ngã đường. Nhìn quanh khu phố hẹp, Hằng nhận thấy lối kiến trúc ở đây mang nhiều nét đặc thù của Âu-châu.

Rời Leavenworth, bỏ lại phía xa dòng sông sủi bọt trắng xoá vì mái chèo của những người thích bơi thuyền trên những khúc sông cuồn cuộn sóng, Hằng đến làng Cashmere nhỏ bé nhưng đầy dấu vết của những cuộc Tây tiến thuở xưa. Vừa qua khỏi mấy cửa hàng trang trí như trong phim xi-nê "cao-bồi", Hằng bỗng nhận ra nàng đang "lạc" vào thế giới của cây táo.

Nơi đây, dọc theo Columbia River và giữa sự vây bọc của hai triền núi trọc, một ngôi làng nhỏ vươn mình trong những vườn táo xanh um, xa tít tắp. Trên hai triền núi trọc, thỉnh thoảng, từng mảnh vườn táo xanh rì nổi bậc trên nền đất xám. Dọc theo xa lộ, lác đác vài căn lều bán trái cây tươi. Khi xe chạy gần vòng rào của một vườn táo, Hằng thấy trái táo lủng lẳng đầy cành. Nước từ vòi tưới tự động làm cho da trái táo mởn lên, trông dễ thương và gợi thèm.

Cảm giác này và cảnh trí này khiến Hằng nhớ đến những lần cùng các con đi thăm Thuận ở miền Tây Nam Việt. Những lần đó Hằng cũng cảm thấy thèm khi nhìn những vườn cây oằn trái dọc hai bên đường; chỉ khác một điều, đó là những trái ổi giòn rụm, những trái vú sữa vừa chín tới hoặc những trái xoài chín cây. Khi xe đến Bac Mỹ-thuận, thế nào Hằng cũng lựa mua những trái tươi nhất, lớn nhất cho các con ăn và cũng để Thuận biếu bạn bè. Bây giờ, giữa rừng táo mênh mông này, Hằng cũng muốn mua một ít; nhưng mua để làm gì khi các con mỗi đứa một nơi và Thuận không còn là Thuận của ngày cũ.

Trong nỗi xót xa, bùi ngùi, Hằng cho xe theo xa lộ 97, tiến vào hồ Chelan - nơi dừng chân của dòng nước sậm màu từ Stehekin men theo

chân núi Chelan lan xuống. Nhìn tàng thông xanh soi mình trên mặt nước và những chiếc du thuyền nho nhỏ nằm cạnh nhau bên mấy chiếc cầu gỗ, Hằng chợt nhớ đến một thành phố thân thương trên miền đất đỏ với mặt hồ câm nín, với đồi trà ngát hương và với rừng thông bạt ngàn.

Bên rừng thông xanh biếc ấy, trong những lần trường tổ chức cắm trại, Thuận và Hằng đã nói với nhau biết bao lời thương mến. Sau khi thành hôn, không biết bao nhiêu buổi chiều, Thuận và Hằng đã lặng lẽ đi bên nhau trong tiếng thông reo cùng tiếng lá khô xào xạc dưới chân hai người. Khi Thuận đi tù được một thời gian, cũng chính nơi rừng thông vắng lặng ấy, các con của Thuận và Hằng - vì cảnh sống cùng cực - đã thay phiên nhau đi nhặt nhánh thông khô về cho Hằng làm củi.

Rồi một buổi chiều, Thủy, đứa con gái thứ hai của Thuận và Hằng, theo Phượng - chị của Thủy - đi lượm củi. Trên đường về Thủy bị một loại côn trùng chích. Thấy vết chích không chảy máu, chị em Thủy nghĩ rằng không hại gì nên chẳng cho Hằng biết. Đến khuya, vết chích sưng lên và đau nhức, Thủy khóc, Hằng mới biết.

Hằng đưa Thủy đến bệnh viện công lập. Vì Hằng vô tình khai trong phiếu nhập viện rằng cha của Thủy bị đi học tập ngoài Bắc nên y tá để mẹ con nàng đợi đến sáng vẫn không được đưa vào cho bác sĩ chẩn bệnh.

Trời sáng hẳn, bác sĩ và y tá lục đục đổi phiên. Tình cờ, bác sĩ Toàn đi ngang, Hằng nhào đại đến, khóc òa: "Bác sĩ! Làm ơn cứu con tôi". Quá bất ngờ, bác sĩ Toàn sững một giây rồi hỏi: "Con chị đâu? Nó bị bệnh gì?" Hằng nhanh nhẩu đáp: "Thưa bác sĩ, cháu bị con chi cắn không biết, nhưng vết thương sưng tấy lên và đã trở màu. Mẹ con tôi chờ từ tối hôm qua đến giờ. Bác sĩ làm ơn chữa con tôi. Tôi đội ơn bác sĩ". Toàn nhìn Hằng và thấy được tất cả nỗi đớn đau, đoài đoạn của người mẹ dâng lên trong mắt Hằng. Bác sĩ Toàn xoay sang y tá, nghiêm giọng: "Đem con bé vào ngay."

Hằng chịu ơn Toàn từ đó. Nhưng chị em Thủy lại tỏ thái độ chống đối rất mạnh mẽ mỗi khi Toàn kiếm cớ ghé nhà thăm bệnh cho Thủy để được nói chuyện với Hằng. Khi nào bị Hằng lừ mắt, bảo đi chỗ khác chơi, chị em Thủy lại xúi cu út Huân chạy ra nhõng nhẽo, đòi được ngồi với mẹ.

Hằng không hiểu tại sao ngày ấy Huân thường ngồi trong lòng mẹ, vòi vĩnh đủ điều để Toàn bực mình phải bỏ đi. Còn ngày nay, trước sự phản bội của Thuận, Huân - trong lần từ đại học ....về thăm nhà - đã trả lời Hằng: "Con nghĩ ba có thể nghe lời con trong những vấn đề khác. Còn vấn đề tình cảm của ba, làm sao con có thể xen vào được?" Vì lúc ấy Hằng chưa biết nàng mắc phải chứng "Huntington's disease" nên Hằng

muốn tìm mọi cách giữ Thuận: "Nếu con không khuyên giải, rủi ba mê bà Ngọc rồi bỏ mẹ con mình, con nghĩ sao?" Huân đáp rất thật với ý nghĩ của Huân: "Ba mê bà Ngọc, đó là quyền của ba. Ba bỏ mẹ con mình, đó cũng là do ý của ba, con đâu làm gì được! Con nghĩ đây là chuyện của ba mẹ, ba mẹ nên giàn xếp với nhau. Trong đời con, chỉ có hai người thân yêu nhất của con là ba và mẹ; con không thể bênh người này mà bỏ người kia". Hằng thở dài: "Biết ba làm điều sai mà con không bênh mẹ được sao, Huân?" Nét mặt Huân cau lại: "Con không nói những gì ba làm là đúng. Nhưng không phải vì những điều đó rồi con không thương ba. Mẹ hiểu con muốn nói gì không?" Hằng yên lặng. Với số Việt-ngữ ít oi mà Huân cố gắng pha trộn Anh-ngữ để diễn đạt được đến như vậy, Hằng nghĩ không thể nào nàng thuyết phục được Huân. Hằng bực dọc: "Con nói vậy, nếu gia đình mình đổ vỡ, con có vui không?" Huân nhìn Hằng: "Dĩ nhiên là con không vui. Nhưng con cũng đâu làm gì được, mẹ!" Hằng thăn thỉ: "Tại sao con không làm gì được? Con tìm lời khuyên ba. Ba cưng chìu con, ba sẽ nghe lời con. Ba sẽ vì các con mà trở về với gia đình, để gia đình khỏi tan vỡ." Huân lý giải: "Con nghĩ, phải vì mẹ mà ba trở về thì ba mẹ mới có hạnh phúc. Còn nếu vì các con mà ba trở về thì ba mẹ chỉ sống một đời gượng ép bên nhau thôi. Và đó là điều chúng con không muốn". Hằng muốn cho Huân hiểu nỗi niềm của người đàn bà Việt-nam: "Con nên biết, người đàn bà Việt-nam chỉ cần người cha của đàn con có mặt ở trong nhà để đàn con khỏi tủi thân, chứ người đàn bà Việt-nam ít khi đòi hỏi người đàn ông ấy phải thương yêu họ". Huân lắc đầu: "Quan niệm đó không thực tiễn. Nếu cha mẹ không thương nhau nữa, hãy giải quyết với nhau một cách công bằng và êm thắm. Đừng vì đàn con mà sống như tù ngục. Như trường hợp của mẹ, mẹ nên sống cho mẹ, mẹ không nên sống cho bất cứ người nào khác nữa".

Ngày đó, vì sống trong một xã hội đầy nhiễu nhương, lắm bất trắc, trên tay ba đứa con dại và Thuận đi tù chưa biết ngày nào ra, Hằng đã vì sinh kế, có những liên hệ lén lút với Toàn. Đến khi được thư Thuận với những lời kết tội nặng nề, Hằng cho rằng không ai chịu hiểu nàng, Hằng hận, muốn liều, chấp nhận cuộc sống vĩnh viễn với Toàn. Nhưng khi thấy gương mặt buồn xo của các con mỗi khi Toàn hiện diện, Hằng đổi ý. Bây giờ, tuy không luyến tiếc chi Toàn, Hằng vẫn muốn Huân hiểu nỗi lòng của nàng: "Nếu mẹ quan niệm như vậy thì ngày đó, sau khi ba miệt thị mẹ hết lời, mẹ đã chấp nhận bác Toàn là chồng rồi. Con nhớ không? Chính con không chấp nhận sự hiện diện của bác Toàn mà". Huân nhìn mẹ: "Con biết. Và con nhớ. Nhưng dạo đó con chỉ là đứa bé con, sống trong một môi trường khác nên quan niệm nhân sinh của con tùy thuộc vào bối

cảnh chung quanh. Bây giờ con hấp thụ nếp sống ở đây, lối suy nghĩ và cách hành xử của con linh động và thực tế hơn". Giọng Hằng khổ sở: "Hay là con giận mẹ vì chuyện bác Toàn?" Huân lắc đầu: "Dạ không,mẹ". Huân nhíu mày như cố ôn lại tình cảm của mình, rồi tiếp: "Thật ra dạo đó chị em con có buồn và giận mẹ về việc bác Toàn. Nhưng sau này nghĩ lại, con thấy con bất công đối với mẹ. Giữa một xã hội mà người đàn bà - nhất là những người đàn bà thuộc những gia đình khuê các như mẹ - lúc nào cũng bị đặt vào vị thế thụ động và không bao giờ hấp thụ được tinh thần tự lập thì người đà bà đó làm được gì để nuôi con và nuôi thân khi bất ngờ người đàn ông trong gia đình không còn hiện diện? Vì vậy, con nghĩ, những người đàn bà rơi vào tình cảnh như mẹ đáng thương hơn đáng trách".

Không phải chỉ có Huân mới suy luận và phân tích vấn đề một cách vô tư và rộng lượng, mà ngay cả Phượng cũng có những ý nghĩ rất mới, rất thực tế, như hầu hết những người trẻ lớn lên nơi vùng trời Âu-Mỹ.

Thật vậy, hôm đó, trong người không được khỏe, Hằng xin về sớm. Vào nhà bằng cửa sau, Hằng vô tình nghe tiếng Phượng từ trên lầu: "Không phải con ăn hạt cơm do đồng tiền ông Toàn cho rồi con bênh mẹ hay bênh ông Toàn. Nhưng ba nghĩ đi, mẹ lấy ông Toàn để có tiền nuôi ba trong tù, nuôi chúng con ăn học đầy đủ và dành dụm tiền đưa chúng con vượt biên, ai nỡ kết tội mẹ?" Tiếng Thuận: "Ba không dính dấp gì đến đồng tiền thối tha, nhơ nhớp đó". Mấy tiếng sau cùng của Thuận làm tim Hằng thắt lại. Có phải vì vậy mà Thuận san sẻ tình yêu cho Ngọc không? Giữa khi Hằng bị tình cảm chi phối, tiếng Phượng nghe rõ mồn một: "Ba nhầm. Ông Toàn si mê mẹ ngay sau khi ba bị chuyển ra Bắc. Ba ở ngoài Bắc bao lâu và mẹ đi thăm ba bao nhiêu lần trước khi cô Hai viết thư mách ba?" Thuận hét lên: "Khốn nạn! Nếu biết vậy, tao thà chết chứ không thèm một xu!" Phượng từ tốn: "Ba nói như vậy là ba chỉ nói về phần ba. Còn mẹ và chúng con thì sao?" Giọng Thuận gần như gào lên: "Thiếu gì bà phải buôn gánh bán bưng mà vẫn nuôi chồng trong tù, nuôi con đi học". Phượng dịu giọng: "Thưa ba! Con biết có những người đàn bà Việt-nam đáng qúy như vậy. Nhưng không phải bất cứ người đàn bà Việt-nam nào cũng có thể gồng, gánh, lao lực chân tay được. Mẹ là một trong những người rơi vào vị thế đó. Nhưng cái vị thế đó không phải do mẹ tạo nên mà là do hoàn cảnh xã hội và cái quan niệm sống thời bấy giờ đã tạo nên. Ba nghĩ lại đi. Những người trí thức như ba có bao giờ muốn - hoặc được cha mẹ chấp nhận - thành hôn với một cô gái ít học, lam lũ, con nhà nghèo hay không? Không! Lúc nào những người như ba cũng muốn - hoặc bị gia đình buộc - thành hôn với những cô con nhà quyền thế, giàu sang,

càng trưởng giả càng tăng phẩm giá. Trong những gia đình như vậy, người con gái thường ỷ lại, thiếu tinh thần tự lập và đôi khi thiếu tự tin - vì lúc nào cũng có người khác để sai bảo, nhờ cậy. Đến khi lấy chồng, người chồng vì tự ái, vì muốn nắm quyền trong gia đình nên không cho vợ đi làm. Như vậy, người đàn bà có được chuẩn bị để đối phó với những bất trắc khi người đàn ông bất ngờ khuất bóng hay không?". Im lặng. Hằng hồi hộp chờ tiếng quát tháo của Thuận, nhưng tiếng Phượng lại vang lên: "Thưa ba! Mỗi khi ba gặp mấy bác, ba thường khoe sự thành công của chúng con. Những lúc đó, có bao giờ ba nghĩ đến sự hy sinh và chịu đựng của mẹ không?" Giọng Thuận đầy đau đớn: "Con thử đi hỏi tất cả người Việt-nam xem có ai nói người vợ ngoại tình trong khi chồng ngồi tù mà lại được gọi là hy sinh thì con sẽ có câu trả lời!" Phượng hỏi một câu mà chính Hằng cũng không ngờ: "Ba! Hồi đó ba đi cưới mẹ là ba cưới vợ cho ba hay là ba cưới vợ cho người Việt-nam?" Thuận gay gắt: "Ba tiêm nhiễm tư tưởng Khổng-Mạnh. Con ảnh hưởng lối suy nghĩ của người Tây-phương. Cha con mình không nên bàn luận vấn đề này nữa". Phượng kiên nhẫn: "Con nghĩ, thà là mổ xẻ vấn đề để đi đến một kết luận chứ ba tìm cách tránh né như vậy không tốt". Thuận xẳng giọng: "Vấn đề con muốn mổ xẻ là vấn đề gì?" Phượng đáp: "Vấn đề giữa ba, mẹ và bà Ngọc. Con nghĩ, giữa hai người đàn bà ba chỉ có quyền chọn một, để người kia còn lo liệu lấy tương lai. Ba không nên áp dụng câu châm ngôn lỗi thời 'Trai năm thê, bảy thiếp; gái chính chuyên một chồng!'". Im lặng. Lúc này căn bệnh của Hằng chưa được khám phá nên Hằng cứ thầm mong Phượng gây được áp để Thuận quay về với Hằng. Riêng Thuận, đã bao lần Thuận cố né tránh nhưng cuối cùng, hôm nay, cũng bị Phượng dẫn đến đề tài mà Thuận không dám thẳng thắn bàn cãi với các con. Trước kia, khi Thuận chưa có Ngọc - dù câu chuyện giữa Hằng và Toàn lúc nào cũng là vết đau không bao giờ lành trong lòng Thuận - Thuận cũng chỉ đem tội lỗi của Hằng ra làm khổ Hằng vào những lúc Thuận và Hằng bất hoà mà thôi. Nhưng kể từ khi ngoại tình với Ngọc, Thuận cố tự bào chữa cho hành động phản trắc của chàng bằng cách tìm mọi cơ hội để khơi lại dĩ vãng không đẹp của Hằng. Chị em Phượng thấy được điều đó nhưng không hiểu nguyên nhân nên chỉ đứng ngoài cuộc. Và Hằng, vì mặc cảm tội lỗi, chỉ nhẫn nhục, câm lặng. Đến khi biết được Thuận chia sẻ tình yêu cho Ngọc, Hằng chỉ tâm sự với con, rồi bất cần, buông xuôi. Trước phản ứng tiêu cực của Hằng, dù không muốn xen vào "chuyện của người lớn", Phượng và Thủy đều nhận thấy rằng cả hai nên truyền đạt đến Thuận những suy tư, những trăn trở, những xáo trộn ở vị thế của người đàn bà trong xã hội hôm nay. Vì vậy, cả hai thường tìm cách nói chuyện với

Thuận. Và Thuận, phần vì mặc cảm với con, phần vì không thể dùng quyền làm cha để đàn áp thái độ thẳng thắn và lời nói cương trực của các con nên Thuận không muốn tranh luận. Không nghe Thuận nói gì, Phượng tiếp: "Ba! Ba không thể thương yêu mẹ được nữa vì một người đàn ông khác đã đi qua đời của mẹ, đúng không, thưa ba?" Thuận gật đầu. Phượng tiếp: "Vậy, ba cho con hỏi, bà Ngọc đến với ba trong tư thế nào? Bà Ngọc cũng đã có chồng, có con - nghĩa là cũng đã có một người đàn ông đi qua cuộc đời bà ấy - tại sao ba chấp nhận?" Thuận bào chữa: "Ông bà mình nói 'Lấy đĩ về làm vợ; không ai lấy vợ về làm đĩ' con biết chưa?" Phượng vẫn chưa đuối lý: "Con thiển nghĩ, nếu trong khi đang sống yên ấm với chồng con mà người đàn bà lang chạ thì nên lên án. Còn nếu, ngoài lũ con dại, người chồng không để lại cho vợ bất cứ điều chi khác, người vợ phải chịu làm đĩ nuôi con ăn học thành tài thì đó là người đàn bà biết hy sinh, biết sống cho người khác. Ba không nên quan niệm rằng người đàn bà được sinh ra chỉ để sống và chết cho một người đàn ông!" Thuận lại thở dài, im lặng. Thấy bóng Phượng nơi đầu cầu thang, Hằng hoảng, lẩn ngay vào phòng giặt đồ. Phượng kết luận: "Thưa ba! Ba đừng giận con. Con chỉ nói những gì con nghĩ chứ không phải con cố tình nói để ba tha thứ cho mẹ; vì mẹ chẳng có lỗi gì để ba phải tha thứ. Lỗi là lỗi ở xã hội và lỗi ở ba; vì không ai trang bị cho những người đàn bà như mẹ số hành trang cần thiết trước khi thảy họ vào đời!"

Nhớ lại lời chí tình của Phượng, Hằng cảm thấy ấm lòng. Nhưng chỉ một lúc sau, Hằng lại tự trách mình và ước chi sự việc giữa nàng và Toàn đừng xảy ra thì gia đình nàng hạnh phúc, yên ấm biết bao nhiêu! Cụm từ "hạnh phúc và yên ấm" vừa thoáng qua trong trí, Hằng bỗng giật mình, nhói đau trong lồng ngực. Làm sao Thuận và Hằng có thể sống hạnh phúc và yên ấm được khi mà Thuận có Ngọc và Hằng mang căn bệnh quái ác này!

Kể từ hôm bác sĩ cho biết kết quả thử nghiệm, không biết bao nhiêu đêm Hằng khóc một mình và cũng không biết bao nhiêu lần Hằng tính nói với Thuận. Nhưng nghĩ lại, Hằng đã gây ra một ấn tượng nhơ nhớp trong lòng Thuận, nay Hằng không muốn Thuận thấy cơ thể nàng tàn lụn vì sự huỷ diệt khủng khiếp của căn bệnh này! Và Hằng cũng không dám nói với các con; vì Hằng cảm thấy như Hằng có lỗi với các con - dù rằng Hằng chưa biết các con có nhận từ Hằng những mầm mống của căn bệnh này hay không! Và đó là điều xâu xé tâm hồn Hằng nhiều nhất.

Mỗi khi tâm hồn quằn quại trong nỗi đớn đau vì thấy cái chết cận kề, Hằng thường lâm râm nguyện cầu Đức Quán-Thế-Âm. Sau một lúc niệm kinh, Hằng cảm thấy bình tâm, nỗi đau cùng niềm sợ hãi dịu dàng lắng

xuống, vì Hằng cho rằng cái chết chỉ là giấc ngủ dài. Nhìn mặt hồ xanh thẫm và phẳng lặng bên eo núi Chelan, hồn nàng trầm hẳn để bao nhiêu sợ hãi, bon chen, khổ lụy không còn khuấy động nàng được nữa.

Hằng tiếp tục cuộc ngoạn cảnh bằng tỉnh lộ 13, rồi queo trái, vào xa lộ 153. Nơi đây, con sông Methow lượn mình bên xa lộ, giữa những cánh đồng cỏ mênh mông của thung lũng "Mê-hồn" (Methow). Cỏ đã được cắt, bó lại từng phiến vuông vắn. Vài chú ngựa già đứng nhơi cỏ khi ánh nắng chiều hơi chếch về phía khóm rừng hoang.

Những đỉnh núi tuyết vẫn chập chờn phía xa, sau những ngọn núi chưa già và rừng thông chưa kịp lớn. Từ đây, vết tích của những cuộc Tây tiến bắt đầu hiện rõ bằng những khoảng sông hẹp, đầy đá cuội và gốc cây mục. Lác đác bên đường, vài ngôi nhà gỗ cũ kỹ. Trước hàng hiên - cũng bằng gỗ - của mỗi ngôi nhà, Hằng thấy trên mỗi cột chống đỡ mái hiên được gắn nửa vòng tròn của bánh xe ngựa bằng gỗ.

Càng gần Winthrop bao nhiêu Hằng càng thấy nhiều ngôi nhà cố tình giữ lại nét hoang sơ của thời lập quốc bấy nhiêu. Cuối cùng, Hằng dừng xe ngay giữa làng Winthrop xinh xắn. Nơi đây, du khách và người địa phương - trong những chiếc quần jeans bó sát hoặc cắt ngắn và những đôi giày cao cổ - cứ thư thái đi lại hoặc đứng hoặc ngồi ngay trên vỉa hè bằng gỗ. Âm vang những bản dân ca được ban nhạc sống trình bày thoát ra từ một "saloon" như làm sống lại những nét hào hùng của đoàn người đi chinh phục miền Viễn Tây.

Rời Winthrop, Hằng theo xa lộ 20, tiến về núi Liberty Bell. Lên đến một độ cao trùng trùng, đôi khi Hằng có cảm tưởng như chỉ vươn tay ra khỏi kính xe, nàng có thể "sờ" được mây. Trong tầm mắt Hằng mây cứ lặng lờ trôi; giữa màu xanh bạt ngàn của núi rừng, đỉnh núi tuyết như những con sóng bạc đầu, cứ nhấp nhô, nhấp nhô mãi cho đến cuối trời. Khi xa lộ vòng qua một đỉnh núi tuyết, Hằng thấy một mảng tuyết đã rời khỏi đỉnh cao, nằm "nhỏ lệ" ven đường. Hằng dừng xe lại, thấy dòng nước trong veo đang âm thầm men theo kẻ đá, tìm đường về với dòng suối cuối chân đèo.

Độ cao giảm dần nhưng dòng Granite vẫn còn thăm thẳm dưới xa. Chưa đến sườn núi Ruby, Hằng đã thấy mặt hồ Ross xanh đậm như màu biển khơi, ẩn hiện lờ mờ giữa ba triền núi Fury, Ruby và Jack. Hằng dừng xe nơi mõm núi đá. Ánh nắng nghiêng nghiêng của buổi chiều như dừng lại trên đỉnh núi Jack. Mặt hồ Ross đậm cho đến nỗi phải khó khăn lắm Hằng mới thấy được bóng cây phản chiếu trên mặt nước, quanh bờ hồ. Gió chiều gây gây lạnh. Trong một phút bồng bột, Hằng chỉ muốn được ở lại đây, sống nốt những ngày còn lại trong sự kỳ bí của thiên nhiên.

Vừa xa hồ Ross bằng một khúc quanh, Hằng bỗng bàng hoàng trước màu xanh lạ lùng của mặt hồ Diablo phía dưới xa. Hằng ngẩn ngơ nhìn lên đập Ross. Từ hồ Ross đến hồ Diablo chỉ qua một cái đập, hóa chất nào đã biến dòng nước xanh như đại dương thành dòng nước xanh như ngọc thạch?

Hằng rẽ vào hồ Diablo. Quanh bờ hồ có những khoảng đất chài, cây thông non mọc chồm lên mặt nước; từ xa Hằng không thể phân biệt được màu xanh của mặt hồ và màu xanh của lá thông non. Xuôi theo triền núi, từ đập Diablo, sông Skagit hiền hoà men theo bờ đá cuội, xuôi ra biển. Nhìn theo dòng nước xanh màu lá mạ, Hằng chợt nghĩ đến một ngày nào đó sẽ được như cỏ cây, nằm im lìm ven bờ Skagit, để lắng hồn theo những biến động âm thầm trong lòng những đỉnh núi tuyết.

Nhìn mấy đỉnh núi tuyết vây quanh hồ Diablo, Hằng bỗng lặng người khi thấy tuyết trên đỉnh Pyramid mang tất cả góc cạnh của khuôn mặt một người da đỏ đang ngẩng mặt nhìn trời. Tưởng mình giàu tưởng tượng, Hằng đổi vị trí trong khi một áng mây mỏng sà xuống đỉnh Pyramid. Khi Hằng nhìn đỉnh Pyramid từ vị trí mới thì chính áng mây mờ lại tạo những đường nét thống hận, uất hờn trên khuôn mặt và ánh mắt của người đà ông da đỏ!

Ngày xưa, mỗi khi xem phim "cao-bồi", Hằng và bạn bè cùng lứa thường phân biệt người da đỏ là "phe nó", người da trắng là "phe mình" hay là "phe ảnh" (phe của anh ấy). Khi nào "phe nó" vây mấy chiếc xe ngựa của "phe mình", Hằng hồi hộp, mong cho đoàn quân tiếp viện đến nhanh. Lúc ống kính quay bụi đất tung mịt mù cùng tiếng vó ngựa từ xa, Hằng và đám trẻ con đều vui cười hả hê. Cuối cùng bao giờ người da đỏ cũng tháo chạy trong sự hài lòng của Hằng và đám trẻ con.

Bây giờ, trong tâm trạng của kẻ xa quê hương mười mấy năm mà chưa dám trở về, càng nhìn khuôn mặt của người da đỏ trên đỉnh Pyramid bao nhiêu Hằng càng cảm thấy xót xa, bùi ngùi bấy nhiêu!

Đang ngồi trong nhà tắm, vừa đọc báo vừa nghỉ ngơi trước khi bước vào bồn tắm, Thuận nghe tiếng TV phát ra từ phòng gia đình. Thuận không ngạc nhiên, hỏi vọng ra:

- Đứa nào về vậy, con?

- Dạ con đây, thưa ba.

Nhận ra giọng Thủy, Thuận đưa tay nhấn nút cho nước rút đi rồi khoát lại chiếc sơ-mi bẩn, bước ra. Thủy bấm "remote" tắt TV, hỏi:

- Dạ. Mẹ đâu, ba?

- Mẹ đi ngoạn cảnh vài hôm.

- Trời! Mẹ ngon vậy? Sao ba không cùng đi cho vui?

- Mẹ thích đi một mình.

Thủy không tin lời Thuận. Thủy nghĩ rằng Thuận tạo điều kiện cho Hằng đi vắng để Thuận được tự do với Ngọc. Tuy nghĩ như vậy, Thủy không nói ra, lại hỏi sang chuyện khác:

- Tuần này chị Phượng và Huân có về không, thưa ba?

- Ba không biết, con.

Thuận ngồi vào ghế dựa, duỗi thẳng hai chân, đưa tay bật tấm bửng phía dưới ghế rồi gác chân lên. Thuận nằm dài thoải mái, tiếp:

- Con có gì lạ không, Thủy?

- Dạ không. A, dạ có. Chúng con làm bích báo ở trường.

- Bích báo Việt ngữ hả, con?

Thủy "dạ". Thuận tiếp:

- Tốt. Rán học tiếng Việt đi, con.

- Các anh chị trong tờ báo bảo con viết về "Người phụ nữ Việt-nam gương mẫu" nhưng con không biết tìm tài liệu ở đâu cả. Ba biết không, ba?

- Việt-nam có nhiều phụ nữ oanh liệt lắm, con. Nhưng phụ nữ gương mẫu thì...để ba nghĩ xem.

Thủy nhìn Thuận, chờ đợi. Sau một cái nhíu mày, Thuận tươi ngay nét mặt:

- Phải rồi. Con hãy viết về "Thiếu-phu Nam-xương".

- Chuyện như thế nào, thưa ba?

Thuận hắng giọng, bắt đầu kể...

Nghe xong, Thủy gật gù:

- Câu chuyện thấy hay, thật cảm động, nhưng không thực tế.

- Chi tiết nào con cho là không thực tế?

- Mình oan với chồng thì thiếu chi cách; chuyện chi phải tự hủy mình!

- Ông bà mình có câu: "Ra đường hỏi người già; về nhà hỏi con nít". Vì vậy người chồng chỉ tin con. Ngày xưa, dù chỉ mới bị chồng nghi oan thôi, người đàn bà tiết hạnh cũng cho là nhục nhã, phải trầm mình. Còn ngày nay...

Như một thói quen, Thuận tính nhân cơ hội này lên án Hằng; nhưng chợt nhớ Hằng vắng nhà nên thôi. Thủy đáp tỉnh bơ:

- Con nghĩ là...*stupid*! Mình không làm mà chồng không tin thì thôi. Mình có cuộc đời của mình, mình sống. Mình sống cho mình và mình sống cho những người nào thương mình, cần mình. Tại sao phải chết vì

một người đàn ông? Kỳ cục!

Thuận cảm thấy da mặt chàng giật giật vì tức giận:

- Cái quan niệm đó của con có phải do mẹ truyền lại cho con không?

- Tại sao lại có mẹ trong câu chuyện này?

- Tại vì quan niệm của con rất phù hợp với hành động của mẹ ngày trước.

- Ba bị mặc cảm nặng nề nên lúc nào ba cũng tìm cách lên án mẹ. Ba đối xử với mẹ như vậy hèn chi mẹ thường bảo, sau khi chúng con trở lại trường, cái nhà này là địa ngục.

- Đúng! Đối với ba, cái nhà này cũng là địa ngục. Còn việc làm của mẹ, đó là sự thật, ba không hề lên án oan.

- Nếu cả ba lẫn mẹ đều không còn tình nghĩa chi với nhau nữa thì ba mẹ nên giải quyết dứt khoát. Quãng đời tráng kiện của ba mẹ đâu còn bao nhiêu, vì sao lại cứ phải chịu đựng và làm khổ nhau?

- Vì các con chứ vì sao.

- Chị em con đã khuyên ba mẹ nhiều lần rồi. Ba mẹ không nên vì chúng con mà phải sống trong địa ngục. Ba mẹ nên giải quyết vấn đề của ba mẹ đi.

- Không dễ như con nghĩ đâu.

Thủy bộc lộ cá tính thẳng thắn của nàng ngay:

- Hiện tại, vật chất ba đầy đủ; tương lai ba không đến nỗi tệ; chỉ có vấn đề tình cảm giữa ba, mẹ và bà Ngọc mà ba còn cho là không dễ. Ba thử nghĩ, ngày trước, mẹ không có một đồng, trên tay ba đứa con dại mà một đứa vừa thoát chết, và ba đi tù không biết ngày nào ra, thì sự chọn lựa của mẹ có dễ hay không?

- Con thấy chị em con thiếu công bằng hay không? Tại sao không đứa nào chịu thấy sự thật mà cứ bênh mẹ?

- Con không bênh mẹ. Con không nói với mục đích đẩy ba về lại với mẹ. Con chỉ nói lên sự việc ở góc cạnh mà con thấy được.

- Con thấy gì? Thằng Toàn nó cứu con sống nên con mang ơn nó, phải không?

- Con chịu ơn ông Toàn, đúng. Nhưng không phải vì cái ơn đó mà con có thể xem ông Toàn hơn ba được. Mẹ và ông Toàn có những liên hệ mật thiết. Đó là sự thật. Nhưng nếu ba cứ mặc cảm thì sẽ không bao giờ ba nhận ra được những khía cạnh tốt nơi hành động của mẹ.

Thuận bậm tay đập lên thành ghế:

- Cha đi tù, mẹ lấy trai mà con còn bảo mẹ có những khía cạnh tốt. Thôi, dẹp đi, con.

- Thưa ba, không bao giờ con muốn nói ra điều này, nhưng vì ba cứ

mạt sát mẹ cho nên con phải nói. Nếu mẹ muốn ăn đời ở kiếp với ông Toàn thì, hoặc là mẹ rủ ông Toàn cùng vượt biên, hoặc là mẹ ở lại Việt-nam với ông Toàn, vì ông Toàn có bằng cấp, có tiền. Đằng này mẹ trốn ông Toàn để ra đi với chúng con. Đã vậy mẹ còn làm hồ sơ bảo lãnh ba ngay sau khi biết ba được tha về.

- Thủy! Con nên nhớ, nếu mẹ không bảo lãnh ba, ba vẫn được sang Mỹ theo diện H. O. kia mà.

- Ba không cho con nói hết. Chương trình H. O. chỉ mới có sau này. Lúc ba được tha chỉ có chương trình O. D. P. thôi. Con nói như vậy chỉ với mục đích cho ba thấy, vì hoàn cảnh mẹ mới cam tâm phụ ba. Và mẹ bảo lãnh ba sang đây vì mẹ còn nghĩ đến ba, còn thương ba. Ba thử tưởng tượng, nếu hồi đó mẹ nhục nhã vì những lời trách cứ nặng nề trong thư ba và phía Nội rồi mẹ tự tủ chết - như thiếu phụ Nam-xương - thì chị em con sẽ ra sao? Đồng ý rằng nếu chị em con lây lất sống được cho đến ngày ba ra tù thì chị em con cũng được sang Mỹ theo diện H. O. Nhưng, như ba đã thấy, mấy "bác H. O." đem vợ con sang đây, gia đình mấy bác ra sao? Những người con của mấy bác tội nghiệp đến dường nào! Đằng này, ba sang đây, cơ ngơi mẹ đã tạo dựng - nhờ mẹ đi làm hai ba việc - các con học hành đâu vào đó. Ba thấy được sự khác biệt đó chứ?

Không phải Thuận không thấy được những điều đó; và cũng không phải Thuận không vui sướng vì những điều đó; nhưng Thuận ước chi bên cạnh những điều may mắn ấy, Hằng vẫn một lòng trung trinh với chàng!

Qua bao cuộc nói chuyện với các con, Thuận biết chàng không thể nào hòa nhập theo chiều xoay của cơn lốc, đồng thời Thuận cũng hiểu rằng Thuận không thể đi ngược lại được!

Bên khóm thông già nơi khúc quanh của dòng Skagit êm đềm, Thuận và Hằng yên lặng ngồi bên nhau, trên bậc cấp bằng đá, phía sau căn nhà Hằng thuê. Hằng chăm chú nhìn chú chim mỏ dài, thân nhỏ xíu như thân chim sâu bên mình. Thấy chú chim vỗ cánh thật nhanh mà vẫn giữ nguyên vị trí lơ lửng trong không gian chứ không bay, Hằng lấy làm lạ. Nhưng khi thấy màu đỏ nơi vùng dưới cổ của chú chim phản chiếu trong ánh nắng mai, Hằng mới nhận ra đó là chú Hummingbird - loài chim có khả năng bay lui, bay ngửa, bay xéo hoặc chờn vờn một chỗ mà các loài chim khác không thể làm được.

Biết Hằng đang ngắm chú Hummingbird vờn quanh đóa hoa dại màu đỏ chứ chẳng để ý chi đến chàng, Thuận thở dài, trầm ngâm. Từ hôm qua đến giờ, đầu óc Thuận quay cuồng với không biết bao nhiêu

điều khó nghĩ. Lúc đầu, nghe Hằng bảo nàng muốn dùng hai tuần phép để đi chơi xa một mình, Thuận rất hài lòng, vì Thuận nghĩ Thuận sẽ được tự do vui thú với Ngọc. Vài hôm sau Hằng điện thoại về, bảo Hằng thích ở lại Newhalem, Thuận cứ đinh ninh rằng Hằng ghen, giận, bỏ đi xa, nay gọi về làm "nư", dọa Thuận. Khoảng hơn một tuần sau, Hằng gọi về, bảo đã tìm được việc làm và có chỗ ở tốt, Thuận lại cảm thấy như chàng vừa mất mát một cái gì! "Cái gì" đó không phải là cái Thuận yêu thương, nay vuột mất; mà "cái gì" đó chính là đối tượng Thuận thường đay nghiến, đày đọa tâm hồn, nay không còn nữa. Thuận bàn với các con đến năn nỉ Hằng về. Và Thuận tự tin rằng Hằng sẽ cảm động và vui sướng trở về, vì được Thuận xuống nước năn nỉ. Đến khi Hằng từ chối mà không viện dẫn lý do chính đáng, các con không thắc mắc vì thấy quả thật Hằng có việc làm tốt, nơi trọ an ninh. Và điều quan trọng nhất đối với các con là các con thấy Hằng rất "happy". Thuận lại khác. Chàng đâm ra tự ái, mặc cảm. Sau nhiều lần thuyết phục Hằng không được, hôm nay Thuận chẳng biết phải nói gì, làm gì để Hằng đổi ý trước khi Thuận đưa các con trở về để kịp sáng mai các con trở lại trường. Thuận hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, dáng nghĩ ngợi, đăm chiêu.

Trong khi Thuận và Hằng ngồi bên nhau như hai pho tượng thì, nơi khúc sông cạn, Thủy và Huân - với chân trần và quần jeans xắn cao - đang bước nhè nhẹ, tìm nhặt những viên đá cuội nhỏ xíu, hình tròn. Và bên kia bờ, trên phiến đá phẳng, Phượng ngồi đọc sách, chân đong đưa trong dòng nước.

Lâu thật lâu, Thuận quay sang Hằng, vẫn thấy Hằng theo dõi chú Hummingbird. Thuận gọi "Hằng!" Hằng nhìn Thuận. Thuận tiếp:

- Anh đồng ý với em rằng khung cảnh nơi đây rất thích hợp với những người thích thiên nhiên và ưa sự trầm tĩnh, như em. Nhưng làm thế nào dòng sông đầy đá cuội và mấy đỉnh núi tuyết vô hồn kia lại có thể thay thế được anh và các con, trong lòng em? Hằng cố nén xúc động:

- Em đã giải thích tất cả với anh và các con rồi. Các con đã chấp nhận một cách dễ dàng và bình thản, tại sao bây giờ anh lại cố tình làm cho em ấy này?

Trong một phút bồng bột, giọng Thuận nghẹn ngào:

- Anh còn thương em, Hằng ạ! Nhưng anh không ngờ đối với em anh không còn là gì cả!

Hằng không còn trầm tĩnh được nữa, vội cắn môi, cúi mặt để khỏi bật khóc. Khuya hôm qua, trong căn nhà trọ một phòng ngủ, lúc rón rén xuống bếp uống nước, Hằng thấy Thuận nằm đầu chân với Huân trên chiếc xa-lông hình chữ "L". Hằng kéo mền đắp cho Huân và Thuận.

Chính lúc đó Hằng thấy thương Thuận vô cùng, chỉ muốn ôm Thuận mà khóc, mà san sẻ niềm sợ hãi, nỗi đau thương nàng đang âm thầm gánh chịu. Nhưng chợt nhớ đến Ngọc, lòng bỗng Hằng lạnh băng. Hằng lủi thủi trở vào phòng nằm với hai đứa con gái. Bây giờ nghe giọng Thuận như than van, trách móc, Hằng lại mềm lòng, tính thổ lộ, nhưng kịp suy nghĩ, Hằng im.

Chập sau Thuận lại lên tiếng:

- Hằng! Em biết tính anh. Chưa bao giờ anh năn nỉ ai, vậy mà anh đã năn nỉ em hết lời rồi. Bây giờ, em trả lời dứt khoát: Em có còn tý tình cảm nào cho anh và các con không?

Hằng cúi xuống, kín đáo chậm nước mắt. Hằng biết nếu nàng thua cuộc bây giờ thì bao nhiêu ước muốn, bao nhiêu dự tính của nàng lâu nay cũng sẽ vỡ hết. Và trong tương lai gần, với căn bệnh bất trị của nàng, nàng cũng sẽ là kẻ bại trận trong cuộc chạy đua với Ngọc để giành tình yêu của Thuận. Thôi, chi bằng nàng can đảm thêm tý nữa để sau này khỏi phiền lụy các con và cũng để giữ mãi trong lòng Thuận hình ảnh chưa bị tàn phá của nàng. Hằng quyết liệt:

- Em phải sống cho em nữa, anh ạ!

Thuận hoàn toàn bất ngờ! Chỉ một thoáng thôi, Thuận đứng lên, gằn giọng:

- Phải rồi! Qua đây học đòi theo cá nhân chủ nghĩa của Mỹ, bà nào cũng đòi sống cho mình. Hèn chi đàn ông Việt-nam về xứ cưới vợ rần rần!

Nói xong Thuận giận dữ bỏ đi về phía dòng sông, gọi các con ra xe, chuẩn bị đi về.

Nhìn theo Thuận, Hằng không giận cho sự hiểu lầm của Thuận mà Hằng lại cảm thấy tái tê trong hồn, rồi nước mắt cứ lặng lẽ rơi. Nhưng, chỉ một chốc sau, những xúc động lắng xuống, Hằng lau nhanh nước mắt, cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng; bởi vì, nếu Thuận cứ tiếp tục năn nỉ, ngọt ngào, Hằng không hiểu nàng có thể ôm kín nỗi đau được bao lâu nữa!

Xa xa, Phượng, Thủy và Huân vừa bước lui vào bờ theo tiếng gọi của Thuận vừa nhìn lại dòng Skagit lặng lờ như còn luyến tiếc niềm vui riêng! ❐

giữa người đọc và người viết

Văn Học Hải Ngoại Như Một Món Quà Cho Quê Hương

Trần Văn Nam

Tạp chí *Văn Học* đã có những bài cố gắng định nghĩa thế nào là Văn học hải ngoại, thế nào là sự khác nhau giữa Văn học hải ngoại và Văn học lưu vong, tại sao Văn học của cộng đồng Việt Nam hiện tại chưa thể là đại lý cho Văn học nội địa Việt Nam. Ở đây, người viết bài này không cố gắng đi tìm một định nghĩa, mà chỉ làm công việc dễ dàng hơn là ghi nhận một số hình thái của Văn học hải ngoại: Văn học như được hình thành bằng những dáng vẻ. Chỉ ghi nhận được năm hình thái Văn học hải ngoại, xin đóng góp vào công trình biên soạn 20 năm Văn học hải ngoại khởi xướng do tạp chí Văn Học.

1. Văn học hải ngoại như một món quà phục vụ chính trị.

Trong khuôn khổ dàn trải của hai mươi năm Văn học hải ngoại, đã có một số tác phẩm rất đậm nét là tác phẩm Văn chương dấn thân, văn chương phục vụ chính trị. Vài tựa đề tác phẩm cũng đủ phản ánh nội dung chứa đựng: *Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo, *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực* của Nguyễn Chí Thiện. Văn học hải ngoại đậm nét chính trị, đó chính là Văn học lưu vong, xác định một chiến tuyến đối đầu với một chính thể mà nhà văn phải bỏ đi lưu vong. Riêng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện không thực sự lưu vong, mà cho tác phẩm lưu vong bằng cách liều lĩnh đưa tác phẩm vào một tòa đại sứ nhờ chuyển ra ngoại quốc, và nó đã xuất hiện như một tác phẩm thuộc Văn học hải ngoại. Trong hai mươi năm ở hải ngoại, tất nhiên còn rất nhiều tác phẩm dấn thân, ở đây chỉ mới liệt kê những tựa đề nổi bật nhất. Cũng như về báo chí, đã có ba tạp chí văn học gây nhiều tiếng vang nhất trong khuôn khổ 20 năm bỏ nước lưu vong, bị nhiều dư luận công

kích từ hải ngoại cũng như từ nội địa (đó là tạp chí *Hợp Lưu*), hoặc bị công kích từ nội địa (đó là tạp chí *Làng Văn* ở Canada, tạp chí *Quê Mẹ* ở Pháp). Xin chỉ kể về mặt dư luận, tiếng vang công kích, mà không kể về tầm quan trọng gây ảnh hưởng chính trị. Còn nhiều tạp chí văn học cùng loại, nhưng không tạo ra tiếng vang dư luận, có khi quan trọng không kém mà bị chìm đi, hoặc vì không đúng lúc bị dư luận, hoặc bị lờ đi cho kém phần quan trọng về sự có mặt của nó. Bị công kích nhiều cũng là một cách được quảng cáo, không gặp thời gặp cảnh thì không thể có dư luận. Tạp chí *Hợp Lưu* có vẻ nghiêng về văn chương thuần túy: hợp lưu những cái hay của Văn học Việt Nam nói chung (nội địa và hải ngoại), nhưng cái tên và sự có mặt của nó trong hoàn cảnh này đã xác định tạp chí là sản phẩm của một hoàn cảnh, hoàn cảnh đối nghịch sáng tác văn chương ở nội địa và hải ngoại. Trong khi đó, tạp chí *Thế Kỷ 21* là nơi quy tụ được nhiều cây bút văn chương nổi danh, có nhiều bài nghiên cứu về chính trị như một tập san đại học chính trị, nhưng các nghiên cứu này riêng biệt với văn chương, nên tạp chí *Thế Kỷ 21* không hoàn toàn nằm trong phạm trù văn học dấn thân, văn đàn chính trị.

2. Văn học hải ngoại như một món quà Văn chương hiện thực đời sống

Không phải là hiện thực xã hội nhằm phơi bày sự bất công, nhằm tố cáo một chế độ, nhằm xách động đấu tranh giai cấp hay lật đổ chính thể, mà là thứ hiện thực tự phát của nhóm người đến miền đất mới. Những hiện thực cùng khổ đó thể hiện trong văn chương. Những hiện thực có khi cũng lạc quan, so sánh với đời sống trước đây ở quê nhà, cũng là một khía cạnh đã đi vào văn chương. Nổi bật nhất trong hình thái văn học hải ngoại này là thi phẩm của nhà thơ Cao Tần. Những phản ảnh của đất và người in rõ nét trong suốt tập thơ. Cảm hứng từ chỗ tìm ra được những phản ảnh đó, người viết bài này cũng đã thử đi tìm những nét phản ảnh đất. Và người trong thơ Viên Linh, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyên Sa, Thái Tú Hạp (tất cả đều đã đăng trong tuần báo *Saigon Times*). Công việc đành bỏ dở dang vì cảm thấy gượng ép, tìm cho bằng được những phản ảnh này trong các tác phẩm mà tác giả không hề có chủ định hiện thực đời sống nơi xứ người. Ví dụ tập thơ *Thủy Mộ Quan* của Viên Linh là những cảm hứng về biển Đông huyền ảo có giải đất rất huyền sử, rất đẹp dù suốt tập thơ là bóng tối của đáy vực Thái Bình Dương, là một thủy mộ bao la của người Việt ra đi bằng vượt biển. Tác phẩm không có chỗ đứng cho những phản ảnh hiện thực đời sống nơi chốn tạm dung. Đi tìm chỉ là gượng ép đi tìm. Ví dụ tập *Thơ*

Nguyễn Mạnh Trinh (do Người Việt xuất bản) là một kiến trúc nhiều tầng, trong mỗi đoạn thơ tác giả có cố gắng đổi mới ngôn ngữ, đổi mới hình ảnh ước lệ, xuất phát từ một duyên cớ, nên bài thơ có nhiều vấn đề đan chéo vào nhau, không phải chỉ một chủ đề xuyên suốt. Đi tìm những phản ảnh về đất và người chỉ là gượng ép, quy điểm vào một điều mà tác giả không có chủ định thể hiện đậm nét. Ví dụ tập thơ *Miền yêu dấu phương Đông* của Thái Tú Hạp rõ ràng là một chủ đề về miền yêu dấu của tác giả, cũng là hoài cảm chung của một cộng đồng đến một nơi xứ lạ gần như trái ngược với truyền thống, với tâm hồn. Tuy nhiên tác giả không nêu ra sự so sánh trái ngược đó, nên vấn đề đi tìm những phản ảnh trái ngược đó, cũng chỉ là gượng ép. Tác giả chỉ có hoài cảm miền yêu dấu, hoài cảm mà không nêu ra những bất mãn nào với hiện tại như ta đã thấy rất rõ qua *Thơ Cao Tần*. Đã nói hơi nhiều về thơ, mặc dù là nói về thơ không mang dấu vết của hiện thực đời sống. Thơ mang dấu vết của hiện thực đời sống thực sự có hiện diện, nhưng rải rác, xuyên suốt trong các thi phẩm đã xuất bản. Vì các bài thơ không quy tụ hẳn thành một chủ đề, sự kiểm điểm thành mơ hồ. Trong số phải kể bài thơ "Đất Khách" rất cảm động của Thanh Nam.

Về văn cũng vậy, văn chương thể hiện đời sống hiện diện rải rác trên các tạp chí qua các truyện ngắn. 14 năm tạp chí *Văn* là một tấm gương phản ảnh đầy đủ xã hội, đủ mọi nơi trên thế giới phản ảnh đời sống gởi về 14 năm cho tạp chí *Văn* qua vô số truyện ngắn. Một tấm gương hiện thực đời sống làm quà cho quê hương, nhà văn Mai Thảo đã trao tặng món quà đó trong 1 đêm kỷ niệm: "Đêm Mai Thảo và 14 năm tạp chí Văn". Nhưng tạp chí *Văn* không phải là tấm gương phản ảnh, nó là một tạp chí văn chương thuần nhất được nhà văn Mai Thảo trân quý săn sóc, coi nó như hóa thân của mình, một hóa thân hệ lụy với văn chương.

3. Văn học hải ngoại như một món quà thuần túy văn chương

Văn chương thuần túy, trước hết căn cứ vào ý hướng viết của một nhà văn, sau đó căn cứ vào mặt thể hiện của tác phẩm, tức là căn cứ ý hướng viết thế nào (bút pháp). Viết cái gì (câu truyện, đề tài) như là một thứ yếu, nhưng nếu không có nó, không có sự lựa chọn đề tài như một tiên khởi, thì nhà văn không thể có được tác phẩm. Tại sao tác giả không chọn đề tài này mà là đề tài khác, không chọn đề tài viễn xứ mà chọn đề tài chiến tranh đã xảy ra ở quê hương, điều đó tiềm ẩn ý hướng viết cho ai. Viết cho người trong nước, người của chính thể mới; hay viết cho người hải ngoại, người của chế độ sụp đổ;

hay viết cho người yêu văn chương. Ta có thể nói ý hướng tác giả là làm văn chương thì tác giả dĩ nhiên viết cho người yêu văn chương, không nhắm vào người cán bộ cao cấp hay một chính khách một tướng lãnh lưu vong. Căn cứ vào ý hướng đó mà ta truy ra một tác phẩm gọi là tác phẩm văn chương thuần túy, mặc dù tác phẩm là một dàn trải chiều dài của một thời kỳ lịch sử, một chứng liệu đồi dào của một thời chiến tranh. Xin kể tác phẩm trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác và *Người Đi Trên Mây* của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Đề tài của nhà văn Nguyễn Mộng Giác là kể lại những biến cố lịch sử từ khi chính phủ Ngô Đình Diệm thành lập đến khi miền Nam sụp đổ năm 1975. Đây là chứng liệu sống vì tất cả là những điều chính tác giả đã mắt thấy tai nghe, chính tác giả đã sống trong thời kỳ ấy, bắt đầu lúc có ý thức về chính trị. Những điều mắt thấy tai nghe không phải qua báo chí mà là những kinh nghiệm sống thực của những người trong ba gia đình tác giả quen biết, đó là những chứng nhân bình thường, mẫu số chung của người dân sống trong thời kỳ chiến tranh. Tác giả không viết như loại bút ký mà như loại tiểu thuyết, một thể loại do hư cấu để thể hiện bằng bút pháp văn chương. Và nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng đã nhiều lần xác định: viết cái gì, trước hết là viết cho hay cái đã, viết hay là thể hành nghề của một nhà văn. Do đó, ta có thể nói đây là một tác phẩm văn chương thuần túy, mặc dù cái nhìn, sự nhận định của tác giả về một vấn đề là nhìn từ một góc độ, từ một phía, từ một lập trường, từ một vị trí quan sát.

Và tác phẩm *Người Đi Trên Mây* của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng cũng là tác phẩm về đề tài chiến tranh của đất nước ta, nhưng ý hướng viết của nhà văn là viết theo trường phái "Tiểu thuyết mới". Đề tài không quan trọng bằng bút pháp thể hiện đề tài đó, mà bút pháp theo trường phái "Tiểu thuyết mới" là bút pháp làm sao tránh được những tiên kiến về tâm lý, chính trị, một bút pháp càng vô ngã thì càng tốt. Ý hướng của nhà văn là viết theo tiểu thuyết mới, đó là một ý hướng Văn chương. Chưa có bài phê bình đầy đủ về mức độ thể hiện ý hướng đó đến đâu. Mặc dù tác phẩm cũng là một truyện kể, có hư cấu của một cốt truyện, có chất liệu của đề tài về chiến tranh, cho đến nay chưa có ai xếp loại đó là tác phẩm dấn thân hay hiện thực đời sống. Nó là tiểu thuyết văn chương vậy.

4. Văn học hải ngoại như một món quà ngôn ngữ tinh luyện.

Tác phẩm Văn chương với ngôn ngữ tinh luyện, vấn đề này chỉ là đào sâu thêm hình thái của vấn đề văn chương thuần túy. Nó

thành một đề mục mới vì có liên quan đến tác phẩm người Việt viết bằng ngoại ngữ. Tạp chí *Văn Học* đã hơn một lần bàn đến vấn đề này. Bài này chỉ thêm vài ý kiến: Món quà cho quê hương không thể là món quà viết bằng ngoại ngữ. Trước đây đã có *Les légendes des Terres Sérènes* của Phạm Duy Khiêm, *Le fils de la baleine* của Cung Giũ Nguyên, các nhà viết văn học sử Việt Nam mặc nhiên đã không hãnh diện xếp các tác phẩm trên vào văn học Việt Nam. Trái lại, các bài thơ với ngôn ngữ tinh luyện như "Khép Kín" của Cung Trầm Tưởng, "Paris có gì lạ không em" của Nguyên Sa, đã là những món quà từ viễn xứ gởi về cho quê hương, cho văn học Việt Nam. Cái hay của các bài thơ trên, đại diện cho văn chương với ngôn ngữ tinh luyện viết từ hải ngoại, vượt thoát các đề tài thường hay trở thành thông lệ cho văn chương viễn xứ là tình hoài hương, hiện thực đời sống tha phương. văn chương mang dấu vết của một nơi chốn đi du học. Đành rằng đi du học, mà du học ở một nơi thơ mộng như thành phố Paris, tất nhiên văn chương cũng lạc quan và đẹp như một truyện tình, không như bây giờ lưu vong miền hải ngoại. Lưu vong hay di dân, tất nhiên bước đầu sẽ gặp khó khăn gian khổ, tất nhiên văn chương là món quà hiện thực đời sống gởi về quê hương, kèm theo nỗi nhớ nhà, nhớ miền quê nghèo nhưng thảm thiết hơn chốn tạm dung. Món quà đó ta đã nói rồi. Nhưng sau 10 năm hay 20 năm hải ngoại, chẳng lẽ chỉ có món quà buồn bã đó. Ở đây, ta muốn đề cập đến loại văn chương với ngôn ngữ tinh luyện, nằm ngoài nỗi bất mãn cuộc sống, nằm ngoài niềm ray rứt nhớ quê hương, nằm ngoài giai đoạn dấn thân. Văn chương mang dấu vết miền viễn xứ, nhưng không quá ám ảnh bóng tối nơi khổ ải lưu vong do thiên lệch vì tình yêu quê hương sâu đậm; cũng không quá lạc quan tô hồng những điều không có nơi miền viễn xứ. Ta muốn nói đến những tác phẩm văn chương thuần túy ở ngoài những ước lệ về ngôn ngữ, ước lệ về tâm tình. Ta muốn nói đến tác phẩm văn chương thuần túy, viết bằng ngôn ngữ tinh luyện, đề tài không đóng khung hiện thực đời sống, dấn thân chính trị, viết trong khung cảnh ta đang sống, ở Mỹ ở Pháp, ở mọi nơi trên thế giới. Làm sao không có dấu vết đời sống hằng ngày trong Văn chương, nhưng đời sống đó chỉ là cái nền để nói những điều nào khác, nghĩa là không chỉ nói về chính cái nền đó, cái nền lưu vong, cái nền viễn xứ, cái nền thông lệ.

5. Văn học hải ngoại như một món quà của truyền thống dân tộc

Món quà mà người Việt Văn chương gởi về cho quê hương chắc chắn sẽ là món quà văn học, những tác phẩm văn chương, bên cạnh

những món quà khác như những thành tựu về khoa học, về kinh tế, mà người Việt hải ngoại đã thành công nơi xứ người. Trước hết là văn học, dồi dào hơn hết. Ta khẳng định như vậy, vì đó là hệ quả của truyền thống yêu chuộng văn học của dân tộc. Ta khẳng định như vậy, vì chỉ cần xét về sự hiện diện của các tạp chí văn học trong suốt thời gian 20 năm hải ngoại là thấy rõ. Một cộng đồng tương đối nhỏ, độ chừng 2 triệu người sống rải rác trên khắp thế giới, mà tạp chí văn chương không khan hiếm. Người Việt chỉ thiếu vì đường xa cách trở, vì sự luân lưu phân phối không đến được, không phải thiếu về sự hiện diện. So sánh với độc giả Hoa Kỳ, đông đảo, mà trong các siêu thị, trong các nhà sách, số tạp chí chuyên về văn học rất ít, bên cạnh sự dồi dào phong phú của tạp chí giải trí, kỹ thuật chuyên môn, và khoa học. Cộng đồng ta đã có nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bên cạnh các tạp chí văn học đã hiện diện lâu dài trong suốt thời gian 20 năm nơi xứ người: tạp chí *Văn, Thế Kỷ 21, Văn Học, Làng Văn, Hợp Lưu, Quê Mẹ*, và còn rất nhiều tạp chí văn học đã một thời hiện diện nhưng ngắn ngủi. Các nhà sách người Việt cũng không thiếu những tác phẩm văn chương đã được xuất bản, bên cạnh vô số các loại sách khác. Số người làm văn chương cũng rất đông đảo, nhiều nhất là các thi sĩ, có lẽ vì sáng tác thơ tương đối ít công phu. Có thể nói, đúng vậy: ít công phu về viết, nhưng không phải là ít công phu về vận dụng tâm hồn. Mà một khi bài thơ thành công thì sự "nhớ đến" lại dễ dàng. Vì vậy có rất nhiều nhà thơ. Là những công trình khiêm tốn hơn âm nhạc, rất đắc dụng, vì dân tộc ta là một dân tộc thi sĩ, lúc nào cũng sẵn sàng, tâm hồn luôn luôn tìm đến. Ngoại cảnh nơi hải ngoại dù có khô khan, đầy tính kỹ nghệ, nhưng tâm hồn Đông phương sẵn sàng sửa đổi, tái tạo, với sự trợ lực của thiên nhiên bao giờ cũng vậy, bao giờ cũng đẹp, chỉ vì con người quá bận rộn, bon chen với kỹ nghệ, với thương mại, mà lãng quên, đánh mất cái thi tính. Món quà khoa học, món quà kinh tế, có thể làm giàu cho quê hương. Và món quà văn học cũng làm giàu cho nền văn chương, bắt một nhịp cầu giao cảm cho người nội địa với đất trời viễn xứ. Bài thơ "Mùa Thu Paris" của Cung Trầm Tưởng, tập văn "Trời Tháng Tư" của Phạm Công Thiện, làm ta giao cảm với thời tiết, thời tiết Tây phương làm êm mát tâm hồn ta. Ta hưởng thụ cuộc đời qua Văn chương. Mỗi lần đọc bài thơ "Mùa Thu Câu Cá" của Nguyễn Khuyến là mỗi lần tâm hồn ta chùng lại, thấy lòng mình thanh tịnh như còn nghe âm hưởng tiếng cá đớp đọng dưới chân bèo. Và mỗi lần đọc lại thơ về Paris của Cung Trầm Tưởng, Nguyên Sa, Phạm Công Thiện, ta cũng thấy lòng

mình lọc bỏ được những phiền lụy, tan loãng vào thiên nhiên dịu nhẹ và trong sáng. Cho nên món quà gởi về quê hương, mặc dù ta muốn đánh giá nó là món quà truyền thống, nhưng ta không trông mong nó chỉ khép kín vào những tâm tình quay về nguồn cội, quay về làng mạc quê hương, quay về cổ tục nếp sống quê nhà. Nói tóm là ta muốn một nền Văn học hải ngoại phong phú, không phải chỉ có bấy nhiêu vấn đề, bấy nhiêu tình cảm, được lặp đi lặp lại. Tại sao văn học hải ngoại chưa sản xuất được những áng văn chương vượt tính hoài cảm quen thuộc về quê hương, tìm về các nguồn cảm hứng phong phú hơn. Viết bằng ngôn ngữ tinh luyện mà lại không mang tính hoài niệm, có lẽ nền văn học đó chỉ trông mong vào các ngòi bút đã sống nơi hải ngoại lâu dài rồi, có trình độ cao về Việt ngữ. Điều đó chỉ thực hiện được bởi người thuộc thế hệ thứ nhất, muốn đóng góp những điều gì mới cho Văn học quê hương; chưa có tham vọng viết tác phẩm bằng ngoại ngữ, đóng góp vào nền văn học viễn xứ. Công việc này có lẽ phải dành cho những người thuộc thế hệ thứ hai thứ ba tốt nghiệp từ các trường đại học ở hải ngoại.❐

Qua hay Quá?

Trần văn Tích

Ông Tạ Quốc Tuấn, trên *Văn Học* số 116 tháng 12.1995, cho rằng tên nhân vật chính trong *Thần Điêu Đại Hiệp* chuyển từ Hán tự sang Việt ngữ phải là *Dương Quá* (dấu sắc) chứ không phải *Dương Qua* (không dấu) và Ông thắc mắc tại sao tôi lại luôn luôn viết tên nhân vật liên hệ thiếu dấu sắc.

Tôi đã nghĩ đến điều này. Như Giáo sư quá cố Nguyễn Ngọc Huy trong *Các ẩn số chánh trị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung* ấn hành năm 1986: từ đầu đến cuối sách, Giáo sư Huy luôn luôn viết *Dương Quá* (dấu sắc) và ở trang 177 Giáo sư cũng nêu hàm nghĩa chữ *quá* trong tên gọi con trai Dương Khang, cùng một lập luận với Ông Tạ Quốc Tuấn:...*Quách Tĩnh đặt tên cho nó là Quá vốn có ý nghĩa là lỗi lầm*... Tôi cũng liên tưởng đến thành ngữ Hán Việt *đa ngôn đa quá*.

Tuy nhiên khi biên soạn *Văn Sử Y Dược trong truyện chưởng Kim Dung* và sau khi đắn đo cân nhắc, tôi tắc lưỡi rồi viết Qua không dấu. Cũng như trước đây tôi có nêu nghi vấn là tên tác giả *Truyền Kỳ Mạn Lục* nếu là *Nguyễn Dữ* (dấu ngã) thì không hợp lý, lẽ ra phải là *Nguyễn Dư* (không dấu). Nhưng rồi sau đó, chính tôi cũng lại viết Nguyễn Dữ (dấu ngã) khi

đề cập đến nhân vật lịch sử liên hệ. Tôi dựa vào một qui tắc ngữ học bất thành văn, qui tắc mà người Pháp gọi là *consacré par l'usage*, tạm dịch là *được quán lệ công nhận*. Tôi nghĩ nếu thử hỏi bất cứ người Việt nào độc giả của Kim Dung, già hay trẻ, nam hay nữ, bình dân hay trí thức, có biết Dương Quá không thì tôi chắc người hỏi sẽ bị "sửa lưng" là Dương Qua chứ không phải Dương Quá.

Ngôn ngữ - chữ viết và tiếng nói - vốn là công cụ giao tiếp giữa người với người, nó do con người sáng tạo và vận dụng. Cho nên nó bắt buộc phải mang tính ước lệ. Giới thưởng ngoạn Kim Dung người Việt chúng ta hầu như đã mặc nhiên thừa nhận là Dương Qua mang trên thẻ căn cước tên mình viết không có dấu. Trong trường hợp này *phép vua* (từ điển Từ Hải) chắc phải thua *lệ làng* (độc giả tiếng Việt).

Chuyện chẳng phải chỉ xảy ra cho chuyện chưởng. Thuật ngữ khoa học, tuy đòi hỏi tính chính xác cao độ đến nỗi mỗi từ gần như một ký hiệu thuần túy, cũng không phải là không có những chữ đặt sai và gọi sai. Hai *vésicules séminales* trong khoa cơ thể học không hề chứa đựng tinh dịch (*semen*) mà chỉ là hai tuyến bài tiết; các chứng bệnh mệnh danh là tự miễn (*autoimmune diseases*) không phải là hậu quả của cơ chế cơ thể tự gây cho mình tính miễn dịch mà ngược lại, chúng xảy ra là do rối loạn hệ thống miễn dịch bản thân khiến cơ thể quay trở lại tự tấn công mình (*autoaggressive diseases*). Dẫu vậy, dẫu biết là sai đấy, y khoa vẫn sử dụng cả hai khái niệm này.

Tất nhiên Ông Tạ Quốc Tuấn rất có lý. Nhưng bên cạnh lý, tôi muốn mạo muội xin ông ban cho chút *tình*. Tình thông cảm với đa số, nếu không muốn nói là tuyệt đại đa số, người đọc đồng hương vốn đã quen gọi Dương Qua quá rồi.

Tôi chỉ dám xin, tôi chẳng bao giờ dám chỉ giáo như Ông Tạ Quốc Tuấn viết. Nếu tôi có dám làm một điều, thì điều đó là mong Ông chiếu cố cho *Văn Sử Y Dược trong truyện chưởng Kim Dung* mà nhà xuất bản Thanh Văn sắp tung ra thị trường. Như trong quá khứ Ông đã chiếu cố cho *Sự Muôn Năm Cũ* và hạ cố đọc bài Đào Huy Đán phỏng vấn kẻ hầu chuyện Ông hôm nay.❑

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• Chống văn hóa đồi trụy hay bài ngoại?

Có nhiều dấu hiệu cho thấy chiến dịch chống "văn hóa phẩm đồi trụy" do nhà cầm quyền CSVN phát động hồi đầu tháng Hai, 1996 đang có cơ trở thành dịch bài ngoại với các bảng quảng cáo mang các nhãn hiệu ngoại quốc bị lột bỏ hoặc che lại trong các thành phố lớn tại Việt Nam.

Tại Hà Nội, người ta đã dùng các tấm vải nhựa để che đi hàng trăm tấm bảng quảng cáo bia Tiger, nước ngọt Coca-Cola, bảng hiệu Kodak và Fuji trên các cửa hàng tại Hà Nội.

Trước cửa các cửa hàng đồ điện, người ta thấy công an ra lệnh hạ bỏ các tấm bảng quảng cáo lớn của Samsung và Daewoo. Trên một bảng hiệu khác của hãng xăng Esso, người ta chỉ còn thấy có hình con cọp và hàng chữ bằng tiếng Việt - hàng chữ Esso đã bị sơn phủ lên trên.

Cuộc tấn công vào hàng hóa mang nhãn hiệu ngoại quốc đã được chuẩn bị để phát động cùng lúc với chiến dịch chống lại những tệ nạn xã hội như mãi dâm, ma túy, cờ bạc, phim ảnh khiêu dâm - vốn thường được coi là có xuất xứ từ thế giới bên ngoài.

Trên một tấm bích chương chống tệ nạn xã hội tại Hà Nội, người ta nhìn thấy hình vẽ nguệch ngoạc một ống chích, một phụ nữ trong tư thế khỏa thân và một băng hình mang hàng chữ "phim ảnh ngoại quốc".

Sự gia tăng cường độ của chiến dịch chống tệ nạn xã hội đã được công bố hồi cuối tháng Giêng, 1996, nhưng đã không có sự nhắc nhở đặc biệt nào đến những hàng hóa ngoại quốc được phép bầy bán tự do.

Các nguồn tin thông thạo cho hay nhà nước CSVN hiện chỉ muốn thực thi một quyết định trước đó

của chính phủ nhằm buộc các bảng quảng cáo treo trước cửa hàng phải có chữ Việt lớn hơn chữ ngoại quốc.

Bộ trưởng thông tin văn hóa CSVN, Trần Hoàn, cho phóng viên Reuter hay rằng đây không phải là một chiến dịch chống văn hóa ngoại quốc. Trần Hoàn lấy thí dụ là đài truyền hình vừa chiếu một phim Úc đêm hôm trước và có một đoàn vũ ballet trình diễn tại Hà Nội ngày hôm sau, 2 tháng Hai, 1996.

Các doanh gia ngoại quốc tại Hà Nội đã bầy tỏ sự thất vọng nhưng không ngạc nhiên về những gì đang xảy ra.

Một nhân vật đại diện của một công ty ngoại quốc nói rằng đây quả là một thứ "cách mạng văn hóa mini" và phù hợp với đường lối khép kín trở lại trên mặt văn hóa thời gian gần đây.

Giới buôn bán đầu tư ngoại quốc tại Việt Nam đã tỏ ra lo ngại về giọng điệu của nhà nước CSVN đòi xiết chặt hơn sự kiểm soát của đảng qua các công ty liên doanh và phát triển khu vực sản xuất quốc doanh.

Đối với dân chúng Việt Nam thì việc dẹp bỏ các bảng quảng cáo bằng tiếng ngoại quốc xe chừng ra chẳng làm họ bận tâm.

Tuy nhiên các chủ tiệm bán hàng ngoại quốc lại rất bực bội. Một chủ tiệm bán đồ điện than vãn rằng nếu không có các bảng quảng cáo thì chẳng ai sẽ biết ông ta có những mặt hàng nào để bán.

• Trường thi "Ballad of Yachiyo" ra mắt khán giả Quận Cam

Kể từ ngày 12 tháng Giêng đến 11 tháng Hai, vở trường thi "Ballad of Yachiyo" của tác giả Philip Kan Gotada, đã ra mắt khán giả quận Cam tại hí viện South Coast Repertory, Costa Mesa, Nam California.

"Ballad of Yachiyo", do đạo diễn Sharon Ott dàn dựng, với sự diễn xuất của diễn viên chính Sala Iwamatsu trong vai Yachiyo, nói về cuộc đời của một thiếu nữ Nhật Bản 16 tuổi trong bối cảnh xã hội Hoa Kỳ tại Hawaii năm 1919. Diễn viên Sala Iwamatsu cũng là người từng giữ một vai diễn trong vở kịch "Miss Saigon".

Trường thi "Ballad of Yachiyo" đã được diễn tập bắt đầu từ ngày 5 tháng Giêng trước khi diễn chính thức vào ngày 12 cùng tháng.

• Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc qua đời

Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc vừa qua đời ở Montréal, Canada hôm thứ Tư 21 tháng Hai, 1996, hưởng thọ 59 tuổi. Một nguồn tin thân cận từ Montréal cho hay ông bị tai biến mạch máu não. Chiều thứ Bảy 17 tháng Hai, 1996, ông bị ngất ngã ở nhà, được người nhà đưa vào bệnh viện Jean Talon thì

bị coma luôn. Ông mất vào hồi 11 giờ sáng thứ Tư 21 tháng Hai, 1996.

Được biết ông là người đứng in bản dịch Love Story (tác giả Eric Segal) của Phan Lệ Thanh, và sau đó in tuyển tập Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương. Nguyễn Đông Ngạc là tác giả một số truyện ngắn và thơ.

• Nhạc sĩ Thẩm Oánh qua đời

Nhạc sĩ Thẩm Oánh vừa từ trần ngày 10 tháng Giêng năm 1996 tức ngày 20 tháng Mười Một năm Ất Hợi tại Virginia, thọ 80 tuổi.

Là một trong số các nhạc sĩ tiên phong của nền tân nhạc Việt Nam, nhạc sĩ Thẩm Oánh đã để lại hàng trăm tác phẩm mọi thể loại.

Dù tiếp cận với nền âm nhạc cổ điển tây phương, nhưng ông tự vạch cho mình một hướng sáng tác riêng: Dùng kỹ thuật tây phương để sáng tác ca khúc có màu sắc đông phương và Việt Nam. Những bài nổi tiếng suốt mấy thập niên của ông như "Nhà Việt Nam, Nhà Nông, Hùng Vương, Trưng Vương..." đều xây dựng trên hệ thống cung âm ngũ cung.

Đặc biệt bài "Việt Nam Hùng Tiến," một bài được nền đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam đề nghị chọn làm quốc ca đã được dùng làm dài hiệu của hệ thống truyền thanh Việt Nam Cộng Hòa cho đến năm 1975. Ông còn là một nhạc sĩ Phật tử với nhiều ca khúc dùng trong lễ nhạc và sinh hoạt của Phật giáo. Sự lưu tâm đào tạo thế hệ kế thừa của ông đã để lại rất nhiều học trò thành đạt.

• Nhà thơ Joseph Brodsky qua đời

Nhà thơ lưu vong gốc Nga, Joseph Brodsky, người từng đoạt giải thưởng thơ văn Hoa Kỳ năm 1991 và giải Nobel văn chương năm 1987, đã qua đời tại New York hôm Chủ Nhật, 28 tháng Giêng, thọ 55 tuổi. Ông Brodsky qua đời tại tư gia ở Brooklyn Heights, New York trong một cơn đau tim. Roger Straus, bạn thân và là người chịu trách nhiệm xuất bản các tác phẩm của Brodsky cho biết sức khỏe nhà thơ đã suy yếu kể từ cuộc giải phẫu tim năm 1979 và hai cuộc giải phẫu phụ sau đó.

Brodsky từng phát biểu rằng thơ văn Hoa Kỳ đã giúp ông sống qua những năm tháng đày đọa khi còn ở đất nước Liên Xô cũ cũng như đã "làm cho ông trở thành một người Mỹ từ lâu trước khi đến được bến bờ tự do."

Thơ văn của Joseph Brodsky không mang màu sắc chính trị mà chỉ mô tả hoài bão đi tìm tự do của con người. Ngoài việc sáng tác thơ, ông còn viết kịch và phê bình.

Thi sĩ Brodsky từ năm 1963 đã bị một tờ báo ở Leningrad chỉ trích, gọi thơ văn của ông là "khiêu dâm" và "chống chế độ". Ông bị

thẩm vấn; các bài viết bị tịch thu còn bản thân ông bị chuyển vào viện tâm thần hai lần.

Năm 1964 ông bị các viên chức chính quyền đày đi lao động khổ sai ở tỉnh Arkhangelsk, tận Bắc cực với tội danh "ăn bám xã hội".

Bản án dành cho Brodsky được hủy bỏ vào năm 1965 nhưng ông vẫn tiếp tục bị quản thúc. Chính quyền Xô Viết từ chối không cấp chiếu khán xuất cảnh cho ông đi dự các diễn đàn văn thơ quốc tế. Năm 1972 ông bị chính quyền Liên Xô buộc ra nước ngoài sống lưu vong. Ông định cư tại Mỹ năm 1972, vào quốc tịch năm 1980. Năm 1987, ông lãnh giải thưởng cao quý Nobel văn chương và tiếp sau đó là giải thưởng thơ văn Hoa Kỳ vào năm 1991.

• Tác giả "Unchained Melody" qua đời

Nhạc sĩ sáng tác kiêm nhạc trưởng lỗi lạc Lex Baxter, 73 tuổi, từng cống hiến cho đời các tác phẩm bất hủ như "Unchained Melody", "Poor People of Paris"... vào các năm của thập niên 1950, đã qua đời hôm thứ Hai 15 tháng Giêng, vì cơn đau tim tại bệnh viện Hoag Memorial Hospital ở Newport Beach, Orange County, nơi ông cư ngụ từ bấy lâu.

Nhạc sĩ Baxter đã sáng tác hơn 250 bài hát cho các cuốn phim cũng như chương trình truyền hình, chẳng hạn như nhạc cho phim "Lassie" và nhiều cuốn phim khác cho giới trẻ, do cặp tài tử - ca sĩ Annette Funicello và Frankie Avalon cùng diễn xuất.

Nhạc sĩ Lex Baxter cũng còn là nhạc trưởng của một số ban nhạc của Hollywood.

L. Baxter ra chào đời ngày 14 tháng Ba, 1922 tại Mexia, Texas, và bắt đầu thích nhạc từ năm mới... 5 tuổi!

• Ghi lại một bài báo trong nước

Càng lớn tuổi càng sợ viết: Sơn Nam

Trong những ngày giáp Tết, nhiều người đã ngơ ngác trước sự "xuất hiện" của nhà văn Sơn Nam trên Đài truyền hình thành phố. Lại những ba lần, ở mục... nhấn tin "nay ở đâu...". Thì ông vẫn ở đây chứ đâu, trên những đường phố Sài Gòn. Chiếc áo bạc màu, chiếc giỏ đen khoác vai, bước thấp bước cao, ông vẫn rảo bộ đi đây đi đó mỗi ngày. Lần này ông đi có dài ngày hơn... Ai biết ông thì dở khóc dở cười trước sự lưu lạc cố tình ấy. Còn ông thì đau đớn nhìn mình trên tivi; nỗi đau đớn của một người già còn gặp cảnh cơm không lành canh không ngọt. Nhưng tuổi già giọt lệ như sương rồi, nước mắt còn đâu để chảy nữa. Nhìn ông thấy quặn lòng. May mà ông chẳng để ai phải buồn lâu.

Dưới đây là bài nói chuyện của

ký giả Thúy Nga với nhà văn Sơn Nam.

Ngồi cạnh ông, qua những câu chuyện ông kể, qua cách kể, người xung quanh không cười lớn thì cũng cười nhỏ, hay vừa bật cười vừa thấm thía những ý nhị sâu xa mà ông rút tỉa từ những cuộc rong chơi, dạo xóm, chơi với người đạp xích lô, chơi với người bán cháo lòng...

Sơn Nam có duyên lắm. Cái duyên ngầm càng già càng tinh tế và dân dã. *Ngôi nhà mặt tiền*, hay *Dạo chơi*, hay những tạp văn tạp bút ông viết gần đây cứ tưng tửng thế, bông lông thế mà lại chuyên chở lắm nhân tình thế thái - để hiện diện trước mắt mọi người một cách thú vị, với vẻ độc đáo, trải đời riêng có ở Sơn Nam. Nên tôi đã giật mình hỏi tại sao liền, khi đột ngột ông bảo "càng lớn tuổi càng sợ viết". "Thì càng viết càng lộ tâm địa chớ sao - ông nhíu mày tinh quái - Gặp nhau một vài lần thì chẳng sao, nhưng gặp nhau mươi lần là lòi ra. Bạn trẻ nhìn vào thấy nói ngược cũng anh, nói xuôi cũng anh, sao tha thứ được. Văn chương mà, đọc văn thấy ngay thằng nào hiền, thằng nào ác, thằng nào xạo, thằng nào đâm heo thuốc chó..."

Ông nghĩ thế nào về nghề văn?

- Với tôi người nào có vinh có nhục với nghề, người đó tôi trọng, và phải có học thức. Còn hay, dở thì khó nói lắm. Người ta khen mình đâu có nghĩa là mình vinh, chê mình đâu có nghĩa là nhục. Văn chương chỉ là một phương tiện, là chữ a, chữ b, chữ c thôi, nhưng là tiếng nói của mạch máu này với mạch máu kia, là lượng sóng ngầm diễn tả được những cái mà các lĩnh vực khác không diễn tả được.

Nhưng ông lúc này lại quan tâm nhiều hơn đến văn hóa dân tộc...

- Và những cái gì dính tới Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long và đất Nam bộ thời Tây mới qua, đặc biệt là thế kỷ 19. Tôi cũng đang làm một cuốn na ná *Dạo chơi*, đó là những cảm tưởng về tuổi già. Sáng tác, tôi không thấy hứng thú nữa. Tài năng cũng hạn chế. Cha mẹ tôi là người không biết chữ nên sinh được tôi như vầy là quá chỉ tiêu rồi. Mình phải biết tài năng của mình tới đâu.

Nhưng ông cũng đã có nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn rất được hoan nghênh...

- Tôi đã viết chừng 400 truyện ngắn rồi. Tuổi trẻ đã hết, nay rất khó viết. Ở một xứ có chiến tranh, tâm lý không ổn định và đường lối chính trị thay đổi theo từng giai đoạn, văn nghệ muốn thành công phải có thời cơ - Sơn Nam đãm chiêu nói.

Và câu chuyện ông kể về sự xuất hiện của *Hương rừng Cà Mau* (HRCM) - tập truyện ký đã làm nổi danh Sơn Nam một thuở, thật lạ lùng. "Lúc ấy tôi mới ở trong rừng

ra. Ở Sài Gòn, ra nhà sách tình cờ tôi "gặp" G. Lukacs, một nhà lý luận mác xít người Hungari. Cuốn sách tôi không còn nhớ tựa nhưng đọc thì thấy nói rằng sống dưới chế độ độc tài như thời Hitler, lối thoát của một nhà văn khi bị áp bức tối đa, duy nhất còn một con đường là viết truyện dã sử hoặc huyền thoại. Tôi sực tỉnh, ta viết truyện dã sử. Ở đất Nam bộ, dã sử lớn nhất là việc khẩn hoang, đó là một thiên hùng ca. Tôi lấy việc khẩn hoang, việc chống thực dân Pháp, chống điền chủ... Hào khí Nam bộ ấy trong HRCM ngay lập tức được những người có lương tri ủng hộ. Nhiều người khen là tôi can đảm dã dám ho lên một tiếng. Mặt nước đang êm ru thì HRCM như một chiếc lá vàng rơi xuống, hay như có một con cóc (không phải con rồng) nhảy cái tõm. May phước cho tôi. Một cuốn sách chỉ có giá trị khi ra đời đúng lúc...

Những nếp nhăn hằn lại trên gương mặt ông. Nhưng thấp thoáng đằng sau những già cỗi nhọc nhằn ấy là cái ngơ ngác láu lỉnh rất trẻ thơ. Năm 48 tuổi, trả lời phỏng vấn (*Thời Tập* số 12/1974), ông nói: "Khí hậu xứ mình độc lắm, già thì yếu, dễ sinh lắm cẩm. Thương hại cho người già gần 60 tuổi còn cầm bút vì sinh kế." Năm 48 tuổi ấy, ông mơ ước được hưởng nhàn khi được 60 tuổi. Bây giờ ông đã 70 già yếu, không lẩm cẩm nhưng... Tôi hỏi ông: "70 tuổi, chú vẫn cầm bút, vì lẽ gì?". "Vì sinh kế và vì vui", ông trả lời một cách chắc nịch. Vui thì hẳn là vui rồi. Nhưng tôi giật mình, nếu Sơn Nam không còn cầm bút được nữa ông sẽ sống bằng gì? Hàng vài chục tác phẩm cả truyện ngắn, truyện dài, cả khảo cứu (*Vạch một chân trời, Chim quyên xuống đất, Cá tính miền Nam, Văn minh miệt vườn, Lịch sử khẩn hoang miền Nam, Đất Gia Định xưa, Bến Nghé xưa*...) có đủ để nuôi ông? Còn ông thì vui vẻ bảo "không nên viết sách nhiều, ai in? Sách của tôi bán chậm lắm. Tôi giờ chỉ viết sách mỏng thôi, in ra nhắm chừng bán mươi mười lăm ngàn đồng, người ta bỏ vốn không ngán. Không nên bắt người khác thương mình quá mức..." (Thúy Nga).

• Tuổi trẻ tài cao, nhưng "sáng suốt

Một cô bé Việt Nam mới 13 tuổi có tài viết tiểu thuyết đang làm ngạc nhiên nhiều người ở Texas. Hồng Ngọc Hân đã viết cuốn tiểu thuyết đầu tay của em lúc 11 tuổi, trên một máy điện toán tại nhà ở Austin tiểu bang Texas. Ngọc Hân là một trong ba người được vào chung kết của giải văn chương Violet Crown, giải thưởng văn chương cao nhất của thành phố Austin. Cuốn sách của Ngọc Hân nhan đề "Then It Heals" kể chuyện một cậu bé vượt qua cơn khủng hoảng sau

cuộc ly dị của cha mẹ bằng cách dồn sinh lực của cậu để chơi môn baseball và mối tình đầu tiên với cô bé hàng xóm. Theo các quản lý của hệ thống nhà sách Barnes & Noble và Toad Hall Children's Bookstore ở Austin, sách của Ngọc Hân thuộc loại bán khá chạy.

Cuốn tiểu thuyết kế tiếp của Ngọc Hân - hiện được phác thảo trong máy điện toán - sẽ nói về "tình yêu cấm kỵ' trong một gia đình Việt Nam.

Theo ông Hồng N. Hòa cho biết thì Ngọc Hân mê sách vở ngay từ nhỏ. Kệ sách trong phòng ngủ em có khá nhiều sách của Stephen King và Dean Koontz. Ông Hoà bảo:" Hồi mới lớn, trong tay cháu không lúc nào không có cuốn sách. Xem TV, đi xem đấu baseball, nó cũng mang sách theo. Tôi nghĩ nhờ đọc nhiều nên cháu mới có thể viết. Nếu không đọc, người ta không thể học được những lối hành văn khác nhau."

Hỏi khi thành người lớn em muốn làm gì, Ngọc Hân đáp: "Một luật sư thành công. Chuyện viết lách chỉ là một cách tiêu khiển thôi. Cháu luôn luôn muốn trở thành luật sư."

Tuổi trẻ tài cao, mà cũng sáng suốt quá chừng.

Thi sĩ Cao Xuân Tứ và Giải thơ Dunya

Ngày 10 tháng 12 năm vừa qua, ban tổ chức Hội chợ Dunya Festival tại thành phố Rotterdam (Hoà lan) đã trao tặng Giải thơ Dunya cho thi sĩ Cao Xuân Tứ, với bài thơ của anh nhan đề "Stars".

Hội chợ Dunya được tổ chức hằng năm với cuộc thi thơ dành cho các thi sĩ ngoại quốc đang cư ngụ trên lãnh thổ Hoà lan.

Cao Xuân Tứ là một khuôn mặt quen thuộc trong sinh hoạt thơ văn hải ngoại. Những sáng tác của anh (phần nhiều viết bằng Pháp và Anh ngữ) đã được đăng tải trên các tạp chí tại Âu, Mỹ và Úc châu.Tại Hoà lan, ngoài thơ, truyện, anh cũng đã có nhiều bài khảo cứu về văn hóa Việt Nam. Hiện tại anh vẫn sáng tác rất đều, và thường xuất hiện trong những buổi đọc thơ do các thi văn đoàn Hòa lan tổ chức. Anh cho biết khoảng giữa năm 1996 tập thơ của anh viết tại hải ngoại sẽ thành hình, trong đó sẽ có những bài đã được giới yêu thơ khen ngợi.

Thức suốt cùng đêm
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

Một mình bước bên đời nhỏ
Niềm vui gọn gàng
Chiều thứ sáu nghỉ tay
Ngày ngắn trôi qua
Chồng chất những năm dài
Cuộc được thua
giữa chặng đường không có.

Chiều thứ sáu
Nói lời chào lễ độ
Lấp lánh sóng vàng
Lẩn khuất vạt sóng đen
Chẳng là gì vẫn một bon chen
Trôi đến tận cùng
Tan trong vô độ

Chiều thứ sáu
Ngó ngách hồn bung mở
Thèm khát đáy sâu
Những rung động thương yêu
Nhìn lo láo
Vào dòng người hớn hở
Chẳng là Kim
Nên không có Thúy Kiều.

Đêm thứ sáu
Ngồi im
Nghe máy nói
Chuyện bờ Đông Tây
Tranh chấp
Tuyết và mưa
Thấm vô ngôn
Làn khói lùa trong phổi
Giữa lạc nhịp sai cung
Nghe vẳng tiếng chuông chùa.

Đêm thứ sáu
Cận giao thừa
Nào ai biết
Một mình trầm tư tháo gỡ
nghiệp oan
Nhớ tiếng trẻ thơ
Quên lời chì chiết
Tuyết nửa đêm rơi
Mê tỉnh phấn mai vàng.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Huệ Thiên Lưu Sepulveda CA, Nguyễn thị Vi Salem OR,, Minh Văn Bookstore, Hoàng Nga Germany, Buick Bui City of Industry CA; Châu Thanh Nguyễn Phoenix AZ; Lê Tạo San Diego CA; Lê Anh Fairview Hgts IL; Tan N, Nguyên Delavan WI; Huynh thi Hanh Westminster CA, Nguyen Mau Chang Palaiseau France, Lê Hữu Khóa Nice France, Ngô Kỳ Phong Montréal Canada; Bankstown Lib. Australia, Đào Quang Mỹ Norway; Phạm văn Minh Australia; TrầnHuy Bích Carson CA; Đinh Công Huỳnh Philadelphia PA; Lê thị Ngọc Tâm Lexington KY; Hoàng Ngọc Khôi Toronto Canada; Nguyễn Hoàng Linh Hungary; Long G. Pham London England; Dỗ H. Phượng Surrey Canada; Trần văn Điền Westminster CA; Lý Bích Lan Arlington Hgts IL; Mộng Hoàng Hoa El Cajon CA;Trương Quỳnh Ly Kanata Ont Canada; Phan Xuân Thanh San Antonio TX; Lưu Trọng Hô Ottawa Canada; Nguyễn Công Hoàng Wheaton IL, Hô Ngọc Trinh Montreal Canada; Phan Ni Tấn Downsview Ont Canada; Việt Lang Pub Australia; Nguyễn Đức Thanh Empora KS; Nguyễn Kim El Monte CA; Bichlan T. Ly Arlington Hgts IL; Hanh Đoàn Winnetka CA; Nguy9n Công Khanh Arlington TX; Hân Nguyễn Philadelphia; Dung Chi Tran Ganiteau Canada; Lê Hoàng Tâm Alexandria VA; Bichti Woodbridge VA; Thu Phạm LA, CA; Nguyễn thị Ngọc Dung Rosslyn Park Australia, Nguyễn T. Chân Quỳnh Paris France; Dương Thanh Phong Brossard Canada;Ngô N. Tuấn Silver Spring MD; Nguyễn N. Tuyết Crestwood MO; Thảo Đoàn San Jose CA; Nguyễn Xuân Sơn Fairport NY; Library of Congress DC; Ngày Nay Bookstore Houston TX

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Ảo ảnh, Tại sao yêu em, Hạnh phúc... gửi từ San Jose CA; Hôn thơ gửi từ Germany; Ngày cuối năm trong nỗi niềm riêng, Bâng khuâng, Gợi gửi từ Garden Grove CA, Hoài những chờ mong gửi từ Australia, Cuộc họp của những chữ cái gửi từ Staffel Germany; Barbara gửi tù Houston TX, Điện thư 2 gửi từ Bakersfield CA; Trang sách ước gửi từ Annadale VA; Paris tháng Bảy, Khúc hát thành phố, Đà lạt ơi màu hoa phượmh tím, Có một chút gì rất đỗi là xuân gửi từ Montreal Canada; Bản tin Cái Đình gửi từ

Hoà lan; Cuộc họp của những chữ cái gửi từ Germany; Đêm giao thừa đọc thơ thân phụ, Nhiều lần, Thức suốt cùng đêm gửi từ Rochester MN; Uẩn khúc gửi từ Dorchester MA; Gọi em, Nhớ em gửi từ Emporia KS; Lại chuyện cây bàn gửi từ Burkittsville MD; Chờ em trên Alison Ave, Dạ từ, Đêm Mozart, Nắng Sài gòn, Tranh thu gửi từ Ste-Foy QC Canada,Giải đáp gửi từ Reims France, Vịnh dợi mong, Mộng giấc uyển hồng, gửi từ Garden Grove CA; Ngã bóng ở giòng Hương gửi từ Rockville MD; Bên trời sương khói gửi từ Somerset NJ; Thư của VBMĐ VA; Dạ khúc 2 gửi từ Rockville MD; Gươm thiêng Việt Nam gửi từ San Jose CA; Quạnh hiu campus gửi từ Fountain Valley CA; Tự hoạ gửi từ Orlando FL; Cô gái hướng dương, Một chiều, Một lần mà thôi, Bướm hoa, Cho xong, Cho anh gửi từ Austin TX.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Ngõ thoát***, truyện dài của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản, sách dày 350 trang, giá 15 Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ 17 Mỹ kim. Vĩnh Hảo là nhà văn có sức viết sung mãn nhất hiện nay, với chín tác phẩm ra đời trong vòng năm năm. Ngõ Thoát là tác phẩm mới nhất mở màn cho năm 1996 của anh. Sau khi thử bút với truyện ngắn , Vĩnh Hảo không dừng lại như nhiều cây bút mới khác mà đã chuyển qua truyện dài. Bước chuyển khó khăn với nhiều người, nhưng với Vĩnh Hảo, anh đã thành công. Truyện lấy nhiều chất liệu từ kinh nghiệm lao tù của tu sĩ Vĩnh Hảo (hồi anh còn đi tu) dưới chế độ cộng sản. Sách do Chiêu Hà phát hành.

Địa chỉ liên lạc: Chiêu Hà Publisher
P.O. Box 2303

North Hills, CA 91393, USA

📖 ***Nhà văn già và Cô bé gù***, tuyển tập truyện ngắn của Thế Uyên, Xuân Thu xuất bản, bìa của Nguyên Khai, dày 106 trang, giá 11 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ bảy Thế Uyên viết và xuất bản ở hải ngoại, sau "Sài gòn sau 12 năm" (1989), "Con đường qua mùa đông" (1989), "Nghĩ trong mùa Xuân" (1992), Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên" (1992), Tuyển tập dâm tình các nhà văn nữ Hoa Kỳ" (dịch, 1993), và "Khu vườn mùa mưa" (1993). Tác phẩm mới gồm 8 truyện ngắn, một số đã đăng trên Văn Học.

Theo lời giới thiệu của Nhà Xuất bản, "Nhà văn già và Cô bé gù" bộc lộ một khuynh hướng thiên về văn học, nhân bản và hòa bình, lạc quan về cuộc sống và con người hơn hồi (Thế Uyên còn) trẻ.

Địa chỉ liên lạc: Xuân Thu P O Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA Phone: (714) 828-9222.

📖 ***Không biên giới***, hồi ký của Thanh Sung, Thanh Văn xuất bản, bìa của Khánh Trường, sách dày 325 trang, giá 15 Mỹ kim. Hồi ký của một cô giáo người Huế lấy chồng là một thanh niên thiện nguyện Mỹ vào giai đoạn chiến tranh khốc liệt, và ở một nơi mà thành kiến về những cuộc hôn nhân đi chủng cũng khốc liệt không kém. Chàng thanh niên thiện nguyện dễ thương ấy sau này trở thành một nhân vật ngoại giao quen thuộc với rất nhiều người Việt, khi họ muốn di cư qua Mỹ. Chồng của tác giả thiên hồi ký là Bill Fleming. Những ai muốn tìm hiểu một kinh nghiệm về những cuộc hôn nhân dị chủng thì tác phẩm này là một chứng liệu tốt. Một mẫu đời tiêu biểu thời chiến tranh, một mẫu hạnh phúc gia đình.

📖 ***Nhạc thời gian***, truyện dài của nhạc sĩ Thẩm Oánh, Minh Văn xuất bản, dày 120 trang, giá 8 Mỹ kim. Một nhạc sĩ viết văn từ lâu, nay vào tuổi xế bóng mới cho in tác phẩm đã viết cách đây nửa thế kỷ. Thẩm Oánh viết truyện dài này từ năm 1943 và đăng trên tờ Việt Nhạc từ 1943 đến 1950. Trong nửa thế kỷ ấy, biết bao nhiêu biến cố đã xảy ra, thay đổi toàn diện tâm tình người đọc, cho nên một số người đọc tác phẩm này sẽ có cảm giác lạc lõng, như phải sống vào một thế giới khác, thời của những Tố Tâm, Nho phong, Người quay tơ... Bên cạnh những tiểu thuyết đồng thời đầu thập niên 40 của Nguyên Hồng, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài..."Màu Thời Gian" đã có dáng dấp cổ điển. Thêm một tư liệu quí về tâm tình và trình độ tiểu thuyết Việt Nam thời trước chiến tranh.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Minh Văn, 2808 Graham Rd, Falls Church VA 22042

Phone: (703) 698-8490 / 698-8491

📖 ***Văn phạm Anh ngữ Thực hành*** (Practical English Grammar) của Trần văn Điền, Mõ Làng xuất bản, sách dày 600 trang, giá 18 Mỹ kim. Văn phạm Anh ngữ Thực hành của giáo sư Trần văn Điền là sách giáo khoa Anh ngữ được ái mộ suốt ba chục năm qua. Nay chính tác giả hoàn chỉnh cả hình thức lẫn nội dung để thích hợp với nhu cầu mới, nhất là những bạn đọc muốn trau dồi Anh ngữ để thích ứng với đời sống trên đất Mỹ. Có thể xem đây là cuốn văn phạm Anh văn d3ầy đủ nhất từ trước tới nay. Địa chỉ liên lạc: NXB Mõ Làng, 774 Geary Street
San Francisco, CA 94109
Phone: (415) 673-6836.

bạn đọc hằng yêu thích các truyện ngắn của Trần Doãn Nho đăng trên Văn Học, hãy tìm mua

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

TẬP TRUYỆN, THANH VĂN XUẤT BẢN

- ☐ *gồm mười ba truyện ngắn, dày 250 trang*
- ☐ *bìa màu lộng lẫy, tranh bìa và phụ bản của Đinh Cường*
- ☐ *giá 12 Mỹ kim*

Liên lạc các hiệu sách nơi bạn cư ngụ, nhà xuất bản Văn Nghệ, hoặc tạp chí Văn Học

KHU VƯỜN MÙA MƯA

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một truyện dài viết theo ngôi thứ nhất, theo thời gian tuyến rất cổ điển. Cổ điển, như thể thơ lục bát hay nguyên tắc ba thống nhất trong kịch, khó, nhưng có cái mạnh của nó mà muốn khai thác phải lão luyện. Lão luyện đến mức giản dị như trong văn Thế Uyên thường làm cho người đọc bị lôi cuốn vào tình ý, sự kiện, mà quên văn...Lịch sử, xã hội, tâm lý, sinh lý, quan hệ người với người được đan kết tế nhị, được mô tả nhiều khi táo bạo và luôn luôn hấp dẫn. Một vài chuyện người điểm sách này hơi khó tin, chẳng hạn tại sao nhân vật nữ chính quá ngây thơ. Nhưng không sao, "sự thực" của một tác phẩm văn học nhiều khi có thể chưa bao giờ xảy ra, mà vẫn thực hơn là sự thực.
Hàn Thủy (Diễn Đàn Forum, Paris)

KHU VƯỜN MÙA MƯA là quyển truyện mới nhất của nhà văn Thế Uyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không có thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày "tiền đảo chánh 1963". Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước, trước hay sau 1975. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiền phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục, một lãnh vực đại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta...Tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh, nhưng không phải vì thế mà tình dục không có chỗ chen chân vào. Mười một chương sách, chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó...
Văn Học số 93-94, California

Cuốn sách gần đây nhất của Thế Uyên in tại hải ngoại là tiểu thuyết KHU VƯỜN MÙA MƯA. Đây là cuốn sách hay, văn phong tươi mát, giàu chất thơ và rất Thế Uyên.
Cánh én số 48, Germany

KHU VƯỜN MÙA MƯA, 372 trang, giá $15.
Đặt mua tại nhà xuất bản Xuân Thu
P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720. Phone: (714) 828-9222

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiển Lượng,
Phan Thịnh dịch

Trương Hiển Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiển Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiển Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiển Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang.
Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

Giá:$4.00